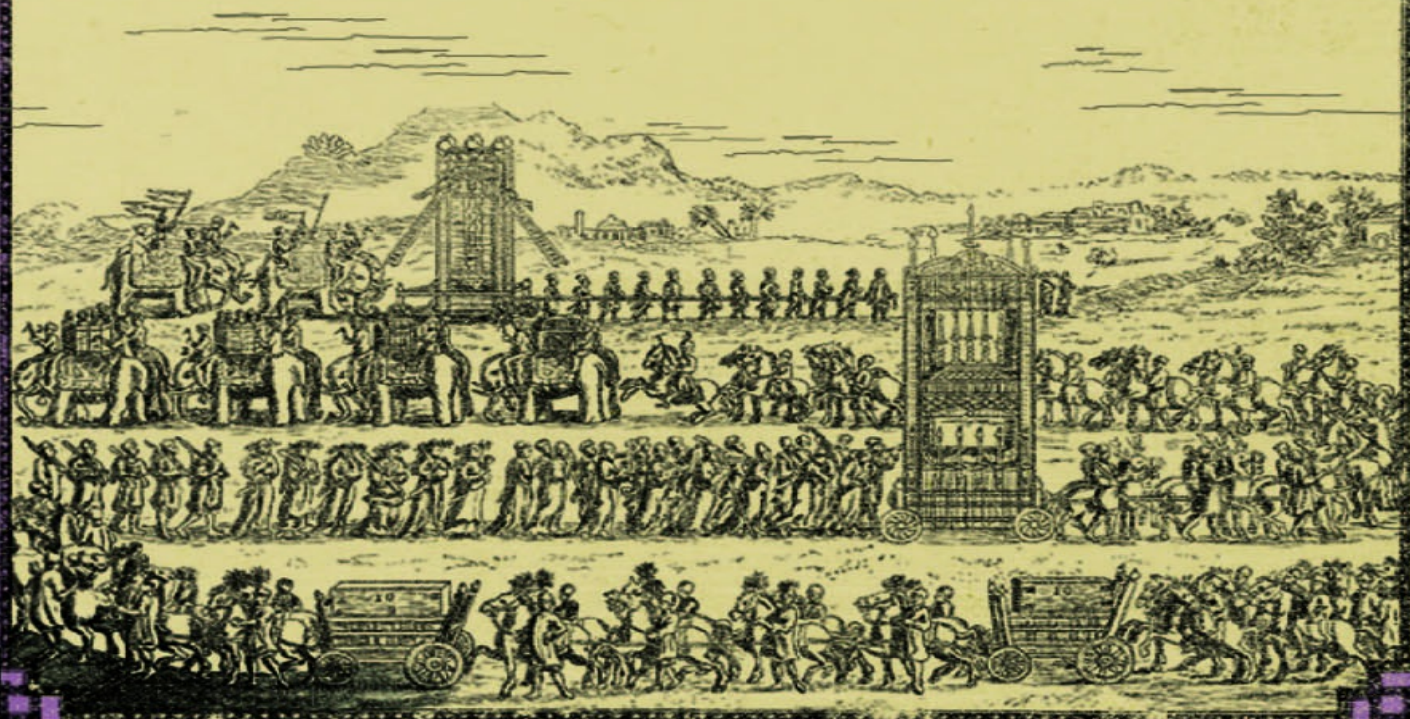


góc nhìn
sử Việt

TỈNH ĐÔ VƯƠNG VÀ ĐOÀN NAM VƯƠNG

Nhiều tác giả



 NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Table of Contents

[Lời giới thiệu](#)

[Phần I Tỉnh đô vương](#)

[Phần II Đoan Nam Vương](#)

[I Ấn năm Canh Tử\(1\)](#)

[II Loạn quân Tam Phủ](#)

[III Lầu Ngũ Long](#)

[IV Quán làng Hạ Lôi](#)

[TỦ SÁCH ALPHA DI SẢN](#)

[GÓC NHÌN SỬ VIỆT](#)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Lời giới thiệu

Kan đọc thân mến!

Lịch sử văn hóa của một dân tộc không phải của riêng cá nhân nào, chính vì vậy, việc bảo tồn, gìn giữ và phát triển lịch sử văn hóa cũng không phải riêng một người nào có thể gánh vác được, nó thuộc về nhận thức chung của toàn xã hội và vai trò của từng nhân tố trong mỗi chặng đường lịch sử. Lịch sử là một khoa học. Lịch sử không phải là việc thống kê sự kiện một cách khô khan rời rạc. Bởi mỗi sự kiện trong tiến trình đó đều có mối liên kết chặt chẽ với nhau bằng sợi dây vô hình xuyên suốt không gian và thời gian tạo nên lịch sử của một dân tộc.

Dân tộc Việt Nam trải hơn một nghìn năm Bắc thuộc, gần trăm năm dưới ách cai trị của thực dân, đế quốc, nhưng con cháu bà Trưng, bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... vẫn kiên trì bền chí, tin tưởng ở quá khứ hào hùng, không ngừng tranh đấu hướng tới tương lai rộng mở vì độc lập tự do của đất nước.

Một dân tộc, một quốc gia muốn trường tồn và phát triển, ngoài việc đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng, khoa học kỹ thuật, điều quan trọng hơn nữa là phải có một nền tảng giáo dục vững chắc. Trong đó, giáo dục về lịch sử và lòng tự hào dân tộc là cần thiết để ghi khắc trong tâm trí các thế hệ, đặc biệt là tầng lớp thanh niên, ý thức về nguồn gốc dân tộc, truyền thống văn hóa và nội lực quốc gia, đồng thời giúp định hình góc nhìn thấu đáo về vai trò của từng giai đoạn, triều đại và nhân vật - dù gây tranh cãi - tạo nên lịch sử đó.

Chính vì những giá trị to lớn đó, vấn đề học tập, tìm hiểu lịch sử nước nhà hiện đang là mối quan tâm hàng đầu của Nhà nước và toàn xã hội. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Quỹ Phát triển Sử học Việt Nam, Tạp chí *Xưa và Nay*... và rất nhiều những tổ chức khác đã và đang kiên trì con đường thúc đẩy sự phát triển của nền khoa học lịch sử quốc gia, phổ biến tri thức lịch sử, góp phần giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc tới toàn xã hội.

Đồng hành với mối quan tâm của toàn xã hội, Công ty Cổ phần Sách Alpha - một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất bản, với tôn chỉ “Tri thức là sức mạnh” - đặc biệt quan tâm tới việc góp phần nâng cao hiểu biết của người dân về truyền thống văn hóa lịch sử đất nước.

Theo nhiều kết quả khảo sát, đánh giá nhu cầu của bạn đọc cho thấy, “lỗ hổng lịch sử” ở không ít người trẻ hiện nay hoàn toàn có thể bù lấp một phần dựa trên nhiều nguồn tư liệu, công trình nghiên cứu, sách cổ sách quý hiện đang được các Viện nghiên cứu, các tổ chức, cá nhân lưu giữ. Để chung tay tái hiện một cách rõ nét những mảnh ghép lịch sử dân tộc, Công ty Cổ phần Sách Alpha đã triển khai dự án xuất bản mang tên **Góc nhìn sử Việt** với mục đích xuất bản lại và xuất bản mới một cách có hệ thống các công trình, tư liệu, sách nghiên cứu, sách văn học có giá trị... về lịch sử, bước đầu hình thành nên Tủ sách Alpha Di sản.

Cuốn sách bạn đang cầm trên tay là một trong những sản phẩm đầu tiên của dự án này.

Xin trân trọng giới thiệu.

Công ty CP Sách ALPHA

Phần I

Tĩnh đô vương

+ Đồng thời với Nhật Bản, trong khoảng mấy thế kỷ XVI, XVII và XVIII, nước Việt Nam đã thực hiện một chế độ chính trị mà người ta không thấy ở một nước thứ ba nào nữa trên thế giới, chế độ, chúng ta không thể gọi bằng một tên nào khác là “vua Lê chúa Trịnh”.

Cũng như dân tộc Nhật Bản, người Việt Nam, cùng một lúc, phải thuộc quyền thống trị của hai vị vương giả mà uy quyền đều được công nhận như nhau. Nếu người ta gọi là vua với chúa chỉ là để giúp cho sự phân biệt được dễ dàng.

Cũng như họ, các vua, chúa của chúng ta đều trị vì theo quyền của mạch máu, nghĩa là kế tập từ đời nọ sang đời kia. Và để tránh cho khỏi có sự xung đột trong lúc cầm quyền - là điều kiện cốt yếu của cuộc cộng tác - nhà vua chỉ có một cổ ngai suông mà nhà chúa mới thật là nơi gửi gắm cái vận mệnh của cả dân tộc.

Tóm lại, trong lúc ở Đông Hải⁽¹⁾ họ Đức Xuyên nắm sau uy quyền của Nhật hoàng mà hiệu lệnh bốn đảo Phù Tang⁽²⁾, thì trên bán đảo Đông Dương, dòng dõi Trịnh Kiểm và Trịnh Tùng cũng mượn danh nghĩa vua Lê mà làm oai, làm phúc với mười triệu dân Nam Việt.

Có điều khác là khi các nước Đông phương cùng bị đe dọa vì cuộc ngoại xâm của người Âu, Mỹ thì ông chúa sau rốt của Mạc phủ là Đức Xuyên Khánh Hỷ vội vã trả lại chính quyền cho Thiên hoàng để tránh cho dân Nhật một cuộc lưu huyết phi thường. Mà Trịnh Khải và Trịnh Bồng thì vẫn níu chặt lấy cái oai tàn của họ mình, khiến cho Bắc Hà bị điều linh vì cuộc xâm lấn của tướng Tây Sơn mà cái kết quả khốc liệt là chôn vùi cả nhà Lê lẫn nhà Trịnh. Nhưng ngoài việc “làm mất nước” là một trọng tội mà hình phạt nào cũng không thể đền bù lại được, mười một đời chúa Trịnh có công gì đối với dân tộc Việt Nam không?

Có và rất nhiều.

Về phía Bắc, tuy vẫn có những cuộc vận động yếu ớt của nhà Mạc, nhưng nước Tàu không tìm được có gì chính đáng và có đủ can đảm để gây sự với chúng ta, vì một lẽ rất giản dị là binh lực của họ Trịnh rất hùng cường.

Đã vậy, các nước láng giềng về phía Tây Nam như Ai Lao, Bồn Man, Trà Tuyền⁽³⁾... hàng năm vẫn phải sai sứ giả mang lễ vật sang triều cống Thăng Long. An Nam nghiêm nhiên là một cường quốc ở phương Đông mà không một dân tộc nào dám khinh nhờn hoặc trêu ghẹo đến.

Về nội trị, cách tổ chức của họ Trịnh rất chu đáo, cho nên đến bây giờ, nhiều làng mạc ở Trung, Bắc Kỳ vẫn không thể bỏ được những luật lệ bắt đầu thi hành từ đời Trịnh Tạc hay Trịnh Cương.

Về văn học thì không bao giờ chúng ta được thịnh vượng như các đời Trịnh Doanh và Trịnh Sâm. Nếu Việt Nam còn được ít nhiều sách sử để khỏi hổ với hai tiếng “quốc học”, chính là nhờ ở những vị chúa thông minh và hiếu học ấy.

Sau rốt, đến việc đào tạo nhân tài thì so với các triều trước, họ Trịnh cũng tỏ ra đặc sắc hơn nhiều. Những nhà chính trị như Nguyễn Văn Giai, Phạm Công Trứ, Nguyễn Công Hãng đều có học thức và sáng kiến chẳng kém gì các lương tướng của Trung Hoa. Về võ bị, Lê Thời Hiến⁽⁴⁾, Phạm Đình Trọng và Hoàng Ngũ Phúc đều là những vị thượng tướng, mà thao lược và chiến công sẽ vĩnh viễn lưu truyền với lịch sử.

Tuy nhiên, chính phủ của họ Trịnh sở dĩ được cường thịnh đến cực điểm, cơ chính vẫn là do các chúa nối nhau trị nước đều là những nhà chính trị có biệt tài. Không kể Trịnh Kiểm và Trịnh Tùng là những vị anh hùng đã đặt viên đá đầu tiên cho cái vương nghiệp ở Bắc Hà. Các chúa kế nghiệp về sau như Trịnh Tráng, Trịnh Tạc, Trịnh Căn, Trịnh Cương và Trịnh Doanh,

đều có nhân giới rộng rãi và quan tâm luôn đến cuộc sinh tồn của quốc dân. Là những vị thượng tướng lòng trong những nhà chính trị có thiên tài, các chúa Trịnh này đều biết võ về cho dân lúc bình thời, và chỉ huy quân đội một cách khôn khéo, khi xảy ra các cuộc biến loạn.

Đời thứ chín là Tĩnh Đô vương Trịnh Sâm, so với các chúa trước lại càng đặc sắc hơn nhiều nữa.

Ông đã thực hiện được cái mộng tưởng của các chúa Trịnh trước là thu lại trấn Thuận Hóa để mở rộng dư đồ cho nước An Nam.

Điều đáng tiếc là đến nửa đời, Trịnh Sâm bị chứng kinh phong giam hãm ở nơi cung cấm, lại thêm quá say mê một người tỳ thiếp là Đặng Thị Huệ nên chính sự bị bỏ bễ và kỷ cương mỗi ngày một suy đồi. Sau rốt, đến việc bỏ con lớn để lập một đứa con vừa nhỏ tuổi, vừa ốm yếu là cái đầu mối các cuộc phiến loạn ở Bắc Hà, đồng thời cũng là bản án khai tử cho cái sự nghiệp vẻ vang của họ Trịnh.

Người sau thường ví vương nghiệp của họ Trịnh với một ngọn đèn sáng sửa đã từng chịu được hai trăm năm gió bão. Đến đời Trịnh Sâm, ngọn đèn ấy lóe lên rất rực rỡ, nhưng là để báo trước nạn tắt hẳn sắp xảy ra.

Đó cũng là một lẽ tất nhiên của các cuộc hưng vong mà người ta thường thấy trong lịch sử loài người. Vì một triều đại cũng như một người, có lúc thịnh tất phải có lúc suy, và duy chỉ có những cuộc toàn thịnh rất vẻ vang mới chóng đưa người ta đến cõi tiêu diệt mà không một sức nào có thể vãn hồi lại được.

Trịnh Sâm sinh ngày mồng chín tháng hai năm Vĩnh Hựu thứ năm (1739) đời vua Lê Ý Tôn.

Ông là con thứ Minh Đô vương Trịnh Doanh và là con đầu lòng thứ phi Nguyễn Thị Ngọc Diễm⁽⁵⁾, con gái Triệu Khanh công Nguyễn Đình Tư người xã Linh Đường, huyện Thanh Trì (gần Hà Nội)⁽⁶⁾.

Sâm sở dĩ được lập làm thế tử là vì con trưởng Minh Đô vương là Mẫn Tuệ tông Trịnh Nhuận, con trai chính phi Nguyễn Thị Ngọc Vinh⁽⁷⁾ mất sớm và cũng nhân đó, mẹ đẻ Sâm được tôn phong làm Thái phi, theo cái cổ tục của Đông phương, mẹ nhờ ở chức tước của con mà được thêm tôn quý.⁽⁸⁾

Trịnh Sâm ham học và thông minh rất sớm. Những thơ, văn ông làm ra đều hàm súc những ý tưởng rất rộng rãi và sâu xa. Nét bút của ông thì mạnh mẽ, các danh bút sau này ít ai bì kịp.

Sâm lại tự phụ là mình có tài kiêm văn võ. Nên khi phái bọn Hoàng Ngũ Phúc, Bùi Thế Đạt và Hoàng Đình Thế sang dẹp loạn Lê Duy Mật ở Trấn Ninh, các kế hoạch công thủ, ông đều định trước ở Thăng Long⁽⁹⁾. Các tướng lĩnh chỉ có việc theo đúng những huấn lệnh của ông mà tiến công. Cuộc chiến tranh có lẽ cũng nhờ đó mà chóng xong và triều đình đã thu được một đóa hoa chiến thắng rất rực rỡ. Bên cạnh những đức tính trên, Sâm không phải không có nhiều tật xấu rất nguy hiểm cho những người chung quanh mình và nhiều khi có ảnh hưởng khốc hại đến cả đại cục của dân nước.

Theo linh mục Saint Phalles là một giáo sĩ ngoại quốc sang truyền giáo ở nước ta về thế kỷ XVIII thì “Trịnh Sâm rất sành sỏi các mẹo kế hoạch về chính trị ở Đông phương, tính lại sợ sệt, đa nghi và ốm yếu quanh năm. Vì đó, cái tính nghi ngại của ông lại càng tăng thêm lên một phần nữa.”

Và cũng theo lời giáo sĩ trên:

“Dòng dõi nhà chúa hiện thời thỉnh thoảng lại phát ra chứng loạn óc, khiến cho cái công dụng của trí khôn và lẽ phải từng lúc bị ngừng lại. Bệnh này hình như gia truyền và bắt đầu từ vị chúa lên cầm quyền năm 1682⁽¹⁰⁾. Chính thân phụ ông này nhiều lúc cũng phát ra chứng buồn bực. Chứng đó làm cho ông trở nên rất khó chịu đối với các họ hàng thân cận.”

Phải chăng vì chứng loạn óc mà Sâm hóa ra hung hãn và có khi tàn nhẫn không ai bằng?

Không những vụ giết Thái tử Duy Vỹ mà chúng tôi sẽ thuật ở chương sau, không khỏi là một điểm đen đã đè mạnh lên lương tâm của ông về lúc vẫn niên. Ngay việc đối với một người bạn chí thân là Nguyễn Khản sau này, tình thân ái của Sâm cũng là điều bất trắc mà không ai có thể tin cậy được.

Theo Vũ trung tùy bút của Phạm Đình Hổ, khi Sâm còn ở Lương Quốc phủ, nghĩa là đương ở ngôi Thế tử, thì Nguyễn Khản làm chức Phiên liêu(11), hàng ngày được Sâm cho vào cùng ăn uống ở trong phủ. Vì Sâm coi Khản là bạn bố y (áo vải) nên thăng cho Khản làm Tri phiên liêu kiêm quản Nhất hùng cơ, tước Kiêu Nhạc hầu. Gặp lúc trong nước vô sự, Thịnh vương (Sâm) thích ngự chơi các thắng cảnh. Khi thưởng hoa, khi câu cá, đều đem Nguyễn Khản đi theo. Lúc về thì lại mặc áo chẽn, tay hẹp, ra vào trong cung. Nhà chúa đặc ân cho Khản được tự do ra vào trong cung cấm, không khác gì các quan nội giám. Khi Thịnh vương nghe hát, Khản cũng được tự ý mặc áo thường ngồi bên ngự tọa cầm châu, điểm trống hát.

Những hôm Thịnh vương ngự chơi Tây Hồ, các thị thần và lính túc vệ phải đứng sắp hàng cả ở chung quanh mặt hồ. Trên thuyền ngự, chỉ có Thịnh vương với Đặng Tuyên phi cùng ngồi và Nguyễn Khản đứng hầu. Khản cười nói tự do, không khác gì bạn bè vậy.

Trong cung có bày bể cạn, núi non bộ hoặc cảnh hoa đá gì tất do tay Nguyễn Khản điểm xuyết và ông có thuận cho thì mới vừa ý nhà chúa được. Thịnh vương lại thường sai Khản đi sửa sang các hành cung ở Châu Long, Tử Trầm, Dũng Thúy(12). Vì Khản có tài nặn đúc núi đá và vẽ vờ phong nguyệt nên thường được nhà chúa ban khen.

Chính Nguyễn Khản cũng thích chơi ca xướng và rất sành âm luật nên thường đặt ra bài hát để nhạc phủ phổ vào âm nhạc làm các điệu mới. Vì vậy, bất cứ bài nào, hễ ông viết chưa khô mực đã được con hát ở các giáo phường tranh nhau truyền tụng.

...

“Tuy đương làm quan, nhưng ông Khản thường hay xin nghỉ ở nhà. Một lần, Thịnh vương sai đưa đến cho ông bài thơ Nôm:

*Đã phạt năm đồng bỏ lối chầu,
Lại phạt năm đồng bỏ thiếu câu
Nhấn nhủ ông bay về nghĩ đấy,
Hãy còn phạt nữa, chữa thôi đâu!*

Vì một buổi ngoại chầu và một buổi ngự câu, ông Khản đều nghỉ ở nhà không đi hầu được, nên bị phạt mỗi buổi năm đồng.

Khản họa lại:

*Váng vất cho nên phải cáo chầu,
Phiên chầu còn cáo lộ phiên câu;
Trông ân phạt đến là thương đến
Ấy của nhà vua chứ của đâu?*

Thịnh vương rất khen ngợi Khản vì bài thơ này.

Một lần, nhà Khản có mở ra yến tiệc, không may thiếu chè uống, chợt Trung sứ của chúa có việc đến nhà, ông Khản không kịp dâng khay để xin, chỉ viết tay mấy chữ

臣侃乞茶一兩

Thần Khản khát trà nhất lượng.

Trung sứ đem thiếp về dâng, Thịnh vương lập tức ban cho Khản hẳn một hòm chè.

...

“Thường khi Thịnh vương ra chơi nhà Nguyễn Khả, chỉ đi một cái thuyền con, từ cù Long Lâu ra đến hồ Tiên Tích là tới nhà Khả rồi. Khi vào nhà, Thịnh vương hỏi thăm cả đến vợ con Khả, tình thân mật tưởng không còn gì hơn nữa. Thế mà mười năm sau, khi Nguyễn Khả cùng với nhiều đại thần nữa như Tuân Sinh hầu, Khê Trung hầu... mưu giúp con lớn Sâm là Trịnh Khải tranh ngôi với con nhỏ Sâm là Trịnh Cán, việc bại lộ, Sâm không do dự gì hết, lập tức lừa cho Khả về Thăng Long mà hạ ngục. Như vậy cũng chưa đủ, Sâm lại còn lục mảnh thiếp xin chèn của Khả năm trước, mang ra cho các quan xem, để nhieếc móc Khả là người bày tôi vô lễ...”

Đối với vua Lê, Sâm tỏ ra kiêu ngạo và bất kính không chúa Trịnh nào bằng.

Đành rằng nhà Lê không có uy quyền gì nữa và chỉ giữ một cái hư vị để nói theo một người lai Anh là Samuel Baron viết về thế kỷ XVIII – xướng “A Men” về tất cả các việc do chúa Trịnh làm, nhưng bề ngoài các chúa Trịnh vẫn giữ một thái độ rất tôn kính đối với vua Lê, để tỏ rằng mình vẫn hết đạo làm tôi và gây thiện cảm với quốc dân.

Nhưng Sâm thì không thế. Ông khinh bỉ nhà Lê ra mặt. Thậm chí Thái tử Duy Vỹ đã trốn vào hầm điện của nhà vua rồi mà Sâm còn sai người vào tận cung cấm đòi bắt, khiến vua Lê Hiến Tông(13) phải gạt nước mắt, trao con cho bọn thủ hạ của Sâm, tuy đã biết đích rằng Sâm sẽ buộc thái tử vào một cái chết rất bi thống và oan uổng.

Khi lên chiêm bái đền Hùng, Sâm thân nhiên viết đôi câu đối dưới đây cho thợ khắc vào cửa đền:

看來世事須為史
Khán lai thế sự tu vi sử
細認如圖欲命試
Tế nhận như đồ dục mệnh thi.

Nghĩa là:
Xem lại việc xưa nên chép sử,
Nhìn như tranh vẽ muốn ban thơ.

Niên hiệu Cảnh Hưng thứ 19, Sâm được tấn phong làm “Khâm sai tiết chế các xứ thủy bộ chư quân kiêm Chưởng Chính cơ, Thái úy Tĩnh Quốc công” nghĩa là được chính thức đứng vào ngôi Thế tử.

Kèm với những chức tước mới, theo cái thông lệ của họ Trịnh, Sâm được “xuất các” nghĩa là ra ở một phủ riêng gọi là “Lượng Quốc phủ”, và tiếp các quan để, danh là tập làm chính trị, nhưng sự thực là làm chính trị hãn, vì ít khi chúa thay đổi lại những việc mà Thế tử đã quyết định.

Giáo sĩ Saint Phalles tỏ ra đã quan sát được bộ máy chính trị của nước ta rất tường tận, khi viết:

Người con kế tự độc nhất của vị Nguyên soái (chúa) mà người trong nước gọi là Chu-a (Thế tử) hay là “tiểu Nguyên soái” có dự lý nhiều vào mọi việc và nhiều khi được cha cho cùng cầm quốc chính. Thế tử đứng vào bậc đầu các quan lại ở Bắc Hà, có một triều đình biệt hãn với triều đình của cha, và cũng sán lạn chẳng kém gì triều đình của cha, với các quan văn, võ cũng có giá trị như quan văn võ của nhà chúa, song vẫn phải nhường bước khi gặp các quan nhà chúa; đến khi chúa chết; thì những quan lại của thế tử sẽ thay chân cho quan lại của chúa, trừ một vài vị Thượng thư cũ vào bậc hiền năng mà người ta phải lưu lại.
Các chúa Trịnh Tráng, Trịnh Tạc và Trịnh Căn, khi còn ở ngôi Thế tử đều phải giữ chức Thống

Lĩnh (Nguyên súy) cầm quân lên dẹp họ Mạc ở Cao Bằng hay đánh nhau với họ Nguyễn ở phương Nam. Nhưng từ đời Trịnh Cương trở đi(14), trong nước luôn luôn gặp cảnh thái bình, thành ra Thế tử không bao giờ bận bịu về việc cầm quân; trái lại, được hưởng không biết bao nhiêu, vinh dự và quyền lợi mà Thái tử tức là người con kế nghiệp của vua Lê không được dự một mảy may nào cả.

Thí dụ: Thế tử có phủ riêng ở cạnh phủ chúa và cũng huy hoàng sán lạn chẳng kém gì phủ chúa. Thái tử thì chỉ được ở một ngôi nhà nhỏ ở phía Đông cung điện vua Lê, một nơi cung điện mà các nhà quan sát về thế kỷ XVIII nói là “coi những dấu vết còn lại thì quý mô to lắm, nhưng hiện nay đã đổ nát nhiều mà không ai sửa sang lại.”

Ngoài các lễ tiết trong nội điện ra, Thái tử không được tham dự một tế lễ nào cả.

Thế tử khác hẳn.

Trong vụ tế Giao là lễ to nhất hàng năm, bài vị của nhà Vua đứng đầu, thứ đến chúa, rồi đến ngay bài vị của Thế tử.

Những quyền hạn giữa vua và chúa, Thái tử và Thế tử quá ư chênh lệch như vậy, nên không mấy vua Lê là không có cái dụng tâm trừ diệt chúa Trịnh và không mấy vị Thái tử không có cái tư ý muốn đánh đổ một kẻ bề tôi đã lấn cướp mất uy quyền của nhà mình.

Chính cái tâm lý chung đó đã gây ra cái chết thảm khốc của Thái tử Duy Vỹ, con cả vua Lê Hiến Tôn, mà Trịnh Sâm là thủ phạm.

Duy Vỹ theo *Hoàng Lê nhất thống chí*— thông minh rất sớm, vẫn lấy sự nhà vua mất quyền làm tức giận. Lại là người có chí lớn, ham đọc sách và thân yêu kẻ sĩ, nên Thái tử được các hào kiệt trong nước kính phục và tin yêu. Ngay từ khi lên ngôi Thế tử, Sâm vẫn ghét Duy Vỹ là người mà tài đức cũng chẳng kém gì mình.

Vợ cả(15) chúa Trịnh Doanh (Minh Đô vương) nguyên chỉ có một con gái là Ngọc Dung(16). Chúa yêu lắm. Chính phi xin gả Ngọc Dung cho Thái tử Duy Vỹ để sau này, con gái mình được giữ ngôi mẫu nghi thiên hạ (Hoàng hậu). Chúa Trịnh Doanh thuận cho.

Một hôm, Thái tử (Duy Vỹ) và Thế tử (Sâm) cùng vào hầu. Trịnh Doanh truyền cho ăn cơm. Kẻ hầu vô tình dọn hai người cùng ngồi một mâm.

Chính phi chợt đến, nói:

- Chúa sao được cùng ngồi với vua?

Rồi sai dọn riêng ra. Thế tử xấu hổ, mặt đỏ bừng, cả bữa không chịu ăn một miếng nào. Khi ra ngoài bảo riêng với Thái tử:

- Hai chúng ta hẳn phải có một người sống, một người chết. Vua ấy không thể cùng đứng với chúa này được.

Khi Sâm lên cầm quyền, nhớ lại lời trước, mưu với gia thần là Vũ Huy Đĩnh vu cho Thái tử tư thông với nàng hầu của cha mình, rồi kết thành tội trạng, tâu vua, xin bắt Thái tử hạ ngục.

Trước đó ít lâu, trong giếng Tam Sơn ở sau điện, tự nhiên có tiếng nổ như sấm. Thái tử biết là điềm không tốt, tâu với vua. Vua thường làm lễ kỳ đảo(17), để cầu bình yên. Đến khi phải bắt, Thái tử đã biết trước, vào nép ở sau chỗ vua ngồi. Quận Đĩnh đem quân vào Đông cung, tìm khắp cả không thấy Thái tử, mới vào thẳng tấm điện mà tâu với vua.

- Tôi nghe nói Thái tử ở trong điện. Xin đem ra đây cho tôi.

Bất đắc dĩ, Thái tử phải ra mặt. Quận Đĩnh bắt Thái tử giải về vương phủ, kết tội, rồi giáng làm thứ nhân mà lập con thứ vua Hiến Tôn là Duy Cẩn(18) lên thay.

Được một tháng, quận Đĩnh lại vu cáo cho bọn Vũ Bá Cảnh và Lương Giản mưu đem Duy Vỹ vượt ngục, khởi quân làm loạn. Trịnh Sâm nhân đó, cho bắt Vũ Bá Cảnh mà tra tấn. Còn Lương

Giản thì trốn thoát. Cảnh không chịu được đòn, phải nhận những tội trạng mà người ta buộc cho mình, bị giết. Thái tử thì bị khép vào tội thất cổ mà chết.

Để tả rõ những nỗi oan khuất của thái tử Duy Vỹ và cái ác tâm của Trịnh Sâm, tác giả bộ *Hoàng Lê nhất thống chí* lại viết thêm:

Hôm ấy đang giữa trưa, trời tối đen lại một lúc. Hàng phố đi lại phải dùng đèn đuốc. Người trong nước ai cũng vì Thái tử chết oan mà thương khóc.

Bước lên chính quyền, Trịnh Sâm lại còn là nguyên nhân một cái chết số hai nữa cũng bị đát chẳng kém gì cái chết của ông Hoàng Trừ(19). Chúng tôi muốn nói cái chết của Trịnh Đồng là con trưởng Trịnh Giang, đối với sâm là anh em thúc bá.

Tuy được thay anh mình là Trịnh Giang - một vị chúa ốm o và vô đạo - lên cầm vận mệnh Bắc Hà, nhưng lúc nào Minh Đô vương Trịnh Doanh cũng nhớ rằng quyền kế tập phải về ngành trưởng mà mình chỉ là người quyền tạm. Vì có đó, trước khi lập Trịnh Sâm làm Thế tử, vương thường bảo với tả hữu là muốn nhường ngôi cho con trưởng Trịnh Giang là Trịnh Đồng. Và có lẽ cũng vì muốn thực hành ý ấy thật nên Minh vương phong cho Đồng tước Quận công và cho ra ở phủ riêng, gần như một vị Thế tử thực.

Cái hảo tâm của Minh Đô vương đối với cháu không ngờ lại chính là lưỡi dao oan nghiệt để giết cháu. Vì sau khi nhận được cái ân huệ của Minh Đô vương ít lâu thì người ta thấy Trịnh Đồng vô bệnh mà chết, bằng một cái chết còn tối tăm hơn cái chết của vị Thái tử nhà Lê.

Người đương thời cho là Nguyễn vương phi (mẹ Sâm) sợ rằng ngôi chúa Bắc Hà sau này sẽ vì Trịnh Đồng mà không tới tay con mình, nên thuê người đầu độc cho Trịnh Đồng. Nhưng Trịnh Sâm có dự gì đến cuộc ám sát này không?

Đó là một nghi vấn của lịch sử, nhưng cũng nên nhắc rằng hồi đó Sâm đã gần hai mươi tuổi.

Năm Trịnh Sâm 29 tuổi thì cha là Trịnh Doanh mất. Ông được lên thay và phong là Nguyên súy Tổng quốc chính Tĩnh Đô vương.

Cái chết non yếu của Trịnh Doanh (48 tuổi), cũng như việc lên cầm quyền khi sớm của Trịnh Sâm lại chứng thực một lần nữa rằng từ cuối thế kỷ XVII trở đi, về thể chất, họ Trịnh cũng đã sút kém những người đã có công xây dựng nên cái vương nghiệp của họ ấy.

Đọc lại lịch sử của họ Trịnh, chúng ta sẽ nhận thấy rằng sau một cuộc đời thống khổ, vì đói rét, vì lo buồn, vì những sự vất vả của các cuộc đánh Đông dẹp Bắc, và sau rốt, vì những nỗi lo lắng để gây lấy một quốc gia thái bình, Trịnh Kiểm còn sống được 68 tuổi.

Trịnh Tùng lên cầm quyền rất sớm (21 tuổi), nhưng suốt đời cũng hoạt động chẳng kém gì cha và tuổi thọ lại càng trội hơn cha (74).

Ba đời sau, Trịnh Tráng (chết năm 81 tuổi), Trịnh Tạc (77), Trịnh Căn (77) đều là những vị chúa rất thọ mà cũng là những nhân tài lỗi lạc đã giúp dập vào cuộc toàn thịnh ở Bắc Hà.

Từ đời thứ sáu(20) trở đi, người ta bắt đầu thấy suy nhược về thể chất hiển hiện ra ở trong họ Trịnh rồi.

Trịnh Vĩnh là con Trịnh Căn vì chết sớm (28 tuổi) không được kế vị mà phải nhường ngôi Thế tử cho con là Trịnh Bính. Rồi đến Trịnh Bính lại cũng vì hưởng tuổi trời ít quá (33 tuổi) mà không được bước lên chính quyền.

Vì đó, Trịnh Cương(21) khi chết phải truyền ngôi cho cháu ba đời (con Trịnh Bính) là Trịnh Cương. Nhưng Trịnh Cương cũng không sống được lâu. Năm 44 tuổi, ông đã phải lìa bỏ cuộc đời và nhường ngôi cho một người con hư hỏng là Trịnh Giang, kẻ đã làm nguyên nhân cho các cuộc phiến loạn ở Bắc Hà, và đầu tiên, dắt họ Trịnh vào con đường suy bại.

Vì Trịnh Giang bị truất bỏ, Trịnh Doanh mới lấy tính cách là con thứ và đã giữ chức Tiết

chế(22) lên thay. Nếu ông chỉ cầm quyền được đến nửa đời, chẳng qua cũng là hợp vào cái thông lệ mà hóa công đã đặt riêng cho dòng dõi họ Trịnh.

Tuy còn ít tuổi, nhưng ngay khi mới lên cầm quyền, Trịnh Sâm tỏ ra rất sành sỏi về môn chính trị.

Thoạt đầu, ông tha thuế cho những miền mà mùa màng kém cỏi để gây cảm tình với dân. Tiếp, ông cho các triều sĩ được tự do bày tỏ ý kiến của mình để lựa lấy những chính sách tốt và sẵn sàng vào việc sửa sang các đề điều để tránh cái nạn lụt lội thường xảy ra ở các trấn Trung châu.

Ông lại mạnh bạo khởi phục cho những quan lại có tài năng như Lê Quý Đôn, Phan Huy Cận mà trước kia cha ông đã đuổi về. Và, cũng nhờ cái tài khéo dùng người của Trịnh Sâm, Lê Quý Đôn sau này không những thành một nhà chính trị giỏi giang mà còn trở nên một nhà bác học lưu danh trong lịch sử.

Về võ bị ngoài cái kỳ công thu phục Thuận Hóa, Sâm còn dẹp yên được bọn Hoàng Văn Chất(23), Lê Duy Mật và gây ra cuộc binh trị ở Bắc Hà. Nhưng điều mà Sâm để ý hơn cả có lẽ là việc chấn hưng văn học Việt Nam. Vì ông thường nói với các quan:

Học hiệu là chỗ để gây lấy nhân tài, các bậc đế vương xưa nay vẫn lo đến việc ấy trước nhất. Nước ta hết đời ấy sang đời khác, vẫn sửa sang việc học và nhờ đó mà tìm ra được người hiền đức kể cũng đã nhiều. Gần đây, văn chương đổi thể lâu thành thói quen. Nay ta phải lo bãi bỏ những cái lệ trước, để cho việc giáo dục được hoàn bị.

Để thực hành cái ý trên, Trịnh Sâm truyền cho bọn Tế tửu Tư nghiệp(24) hàng ngày phải họp học trò tại nhà Thái học để giảng kinh, sử. Mỗi tháng hai lần, cứ ngày rằm và mồng một thì tập văn. Một năm bốn kỳ, vào tháng “trọng”(25) thì khảo duyệt, thể thức cũng như đi thi vậy(26).

Người nào có học thức khá hay văn chương hay thì các học quan phải tâu lên nhà chúa để bổ ra làm quan.

Nhờ những cuộc cải cách của Tỉnh Đô vương, việc học của chúng ta về hồi cuối Lê đã thịnh vượng không biết đường nào mà nhà Quốc học (Văn miếu) cũng trải một cảnh hoạt động và trang nghiêm như các ngài sẽ thấy dưới đây, phác họa bằng ngọn bút linh động của một người về cuối đời Trịnh Sâm và sống qua các đời chúa sau cùng của họ Trịnh là Phạm Đình Hổ:

Ia theo các bậc huynh chấp đến nghe bình văn, thấy tại nhà Quốc học, ở trên thềm vào khoảng giữa và ngảnh mặt về phương Nam, có trải ba cái chiếu tre. Chiếu trên cùng là chỗ quan Tri giám(27) ngồi. Chiếu giữa là của quan Tham tụng(28) hay Hành Tham tụng. Chiếu dưới dành riêng cho các quan Bồi tụng(29). Các quan thị lang và tam đô ngồi chiếu bên Đông, ngảnh mặt về bên Tây; mọi người khác thì ngồi chiếu bên Tây, ngảnh mặt về bên Đông. Người bình văn cũng ngồi về phía Tây.

Lúc bình văn, các quan chính phủ ngồi giữa xem xét về đại cương. Các ông ngồi chiếu bên Đông thì bàn bạc cân nhắc theo như lệ cũ vẫn như vậy.

Trong buổi này, quan Thái phó Hoàn Quận công Nguyễn Hoàn (về hưu, nhưng mới khởi phục) làm quan Tri Quốc Tử Giám, ngồi chiếu trên Kế Liệt hầu Bùi Huy Bích lấy chức Hành Tham tụng ngồi chiếu giữa. Các ông Uông Sĩ Điển, người làng Võ Nghị, Vũ Huy Đĩnh người Mộ Trach, Phan Huy Cận người Thu Hoạch và Trần Công Sán người An Vĩ, cùng là Bồi tụng, ngồi chiếu dưới.

Chiếu bên Đông thì có các ông Lý Trần Quán, Nguyễn Đình Trạc. Còn từ các ông Lê Huy Tiềm trở xuống thì ngồi chiếu bên Tây.

Lúc bình văn, tiếng ông Hoàng Vĩnh Trân thì trong mà cao, tiếng ông Vũ Cầu rõ ràng mà bình dị,

ông Lưu Tiệp đọc ngắn mà không rõ; ông Tiều Xưởng thì lí nhí, không ai nghe ra tiếng gì hết. Quyền khen chê, lấy bỏ là ở ông Bùi Huy Bích. Các quan Bồi tụng cũng có bàn bạc, cân nhắc ít nhiều. Duy có quan Tri giám Nguyễn Công Hoàn thì thủy chung không nói một câu nào. Thỉnh thoảng, ông chỉ cười hì hì không ai hiểu là do ý tứ gì cả.

Những ngày bình văn tại nhà Quốc học đều do quan Tri giám chủ tọa. Khi các quan đến họp, quan Tri giám đứng về mé Tây chiếu trên, các quan Tham tụng và Bồi tụng thì đứng về mé Đông Nam chiếu mình ngồi. Các quan ngồi chiếu bên Đông thì đứng về mé Đông chiếu mình ngồi.

Thoạt đầu, quan Tri giám hướng vào các quan tham, bồi, vái một vái, mời ngồi. Các quan tham, bồi vái trả, rồi mới ngồi xuống. Tiếp, quan Tri giám, vái đến các quan Thị lang, Tam đô. Sau rốt, đến các quan liêu khác. Ai nấy đều vái lại và ngồi vào chỗ.

Khi cái lễ mời mọc đã cử hành xong đâu đấy rồi, quan Tri giám mới ngồi vào chiếu mình, tấm chiếu trải ở gian chính giữa và cao nhất. Theo lệ, các chiếu giữa và chiếu bên Đông đều bày mỗi vị một hộp trà và một ống súc. Nhưng các chiếu mé Tây, nghĩa là chỗ ngồi của các quan nhỏ thì cả chiếu mới có hai ống súc và hai hộp trà.

Khi mọi người đã bình văn xong, tức là mặt trời đã xế trưa rồi, quan Tri giám sai lính tráng dọn cơm để mọi người cùng ăn. Cơm nước bày biện bao giờ cũng lịch sự lắm.[\(30\)](#)

Tục nhà Lê đãi học trò rất hậu. Kê thi đỗ được thưởng nào là trầm hốt, nào là hoa bào[\(31\)](#). Ông Nghè mới lại được nhà vua ban yến ở trong điện và cho cưỡi ngựa rong chơi các phố. Rồi cha mẹ thì phong tặng, con cái thì được tập ấm[\(32\)](#), không còn vinh dự nào bằng. Lúc ông Nghè vinh quy được ban áo gấm và do hàng tổng rước sách và phục dịch. Thậm chí, nhà ở của ông Nghè cũng do hàng tổng phải làm.

Tuy nhiên việc thi cử về đời Tĩnh Đô vương cũng đã không được nghiêm khắc lắm rồi, cho nên đã có những thí sinh như Lê Quý Kiệt[\(33\)](#) vì thi gian mà phải tù tội và những quan trường như Ngô Thì Sĩ vì chấm không công bằng mà phải cách chức đuổi về.

Về việc thi cử tác giả *Vũ trung tùy bút* có thuật lại rằng bà chính phi[\(34\)](#) người làng Thịnh Mỹ có một người em trai tên là Mậu Đĩnh vì là dòng dõi hèn kém nên muốn cậy cục cho thi đỗ, để được đãi vào bậc văn thần. Gặp khoa thi Hội, bà dặn kẻ lại phòng rằng hễ thấy quyển nào có tên Mậu Đĩnh thì phải đánh dấu lấy và nói riêng với quan trường trông nom giúp cho Mậu Đĩnh và nếu kém quá thì khi chúa hỏi đến phải lập tức dâng lên.

Đến kỳ đệ tứ các quyển có thể lấy đỗ được đều dâng lên chúa Trịnh. Quyển của Mậu Đĩnh cố nhiên không ở trong số ấy.

Để cứu vớt cho em mình, Nguyễn chính phi nói riêng với chúa: “Việc thi cử mà ngặt nghèo quá, sợ không được rộng. Vậy xin mang những quyển bị bỏ ra đây tôi rút lấy một quyển cho đỗ, để rộng đường kén chọn nhân tài.”

Chúa thuận cho.

Chính phi để ý nhìn quyển có dấu mà rút, rồi truyền tin ra báo Mậu Đĩnh sắp sửa mọi vật, để ăn mừng.

Đến khi yết bảng, kẻ được lấy thêm đó, không ngờ lại là Vũ Huy Đĩnh. Chính phi tức giận, gọi lại phòng vào mắng. Người này thưa:

- Khi lệnh bà dặn, hạ thần hoảng hốt nên không nhớ được rõ. Đến khi soạn quyền, thấy tên Đĩnh thì đánh dấu, không ngờ vì đó mà mắc lầm.

Chính phi đành vuốt ngực thở dài và đổ lỗi cho số mệnh.

Phạm Đình Hổ lại nói thêm là khi Hoàng Ngũ Phúc[\(35\)](#) cầm quyền, cũng có xảy ra một chuyện giống như chuyện trên, song ông không nhớ rõ họ, tên của người đã đóng vai chính trong chuyện ấy.

Việc thi cử về đời Tĩnh Đô vương đành rằng không lấy gì làm chu đáo. Nhưng việc học, nhờ ông hết sức chấn chỉnh, đã được hơn hẳn các triều đại sau này. Và những người như Ngô Thì Nhậm, Vũ Huy Tấn, Phan Huy Ích... đều là thuộc về lớp nhân tài do sự cố gắng của Tĩnh Đô vương hun đúc nên cả.

Với cuộc Nam tiến của Hoàng Ngũ Phúc, Tĩnh Đô vương đã tặng cho chúng ta một khoảnh đất mới: Trấn Thuận Hóa, hay là khu đất ở vào giữa sông Lĩnh Giang (Sông Gianh) và Hải Vân quan(36). Còn từ Hải Vân quan trở vào thì đối với Bắc Hà không có liên lạc gì, tuy thủ lĩnh của miền ấy là Nguyễn Nhạc đã chịu xưng thần với họ Trịnh và hàng năm phải sai người ra Thăng Long nộp cống.

Nước Nam của Trịnh Sâm, tuy vẫn còn nhỏ hơn nước Nam của Lê Thánh Tôn, vì nhờ có những vũ công của ông vua văn học này, chúng ta đã đẩy được người Chiêm Thành ra khỏi Thạch Bi sơn(37), nghĩa là xuống miền Nam đất Tuy Hòa, song chúng ta cũng phải công nhận là Trịnh Sâm đã mở rộng cái di sản của ông cha. Vì món thừa tự mà ông tiếp được của Trịnh Doanh chỉ vụn vụn trong phạm vi của đất Bắc Hà mà tục gọi là “Đàng Ngoài”(38). Trong tiếng này người ta muốn trở trọn một khu vực từ sông Lĩnh Giang đến trấn Nam Quan, nghĩa là tất cả xứ Bắc Kỳ với hai trấn Thanh Hoa và Nghệ An(39) trừ một phần tỉnh Tuyên Quang là phạm vi của con cháu Vũ Công Mật.

Về công cuộc kiến trúc của thành phố Thăng Long, khi lên cầm quyền, Tĩnh Đô vương cũng có sửa sang lại rất nhiều. Vì, sau khi rời khỏi Long Thành vài chục năm, lúc trở về, Hải Thượng Lãn Ông viết:

Xem phong cảnh cũ, tuy núi hồ không đổi mà đình đài, Phật điện quán xá, quan cư nhất nhất đã khác hẳn phong dạng ngày xưa. Trong thành thì kẻ đi người lại như nêm, ngựa xe rộn rã, không biết bao nhiêu mà kể.(40)

Cách tổ chức ở chung quanh thành Thăng Long thế nào?

Dưới đây là lời tác giả tập *Thượng kinh ký sự* mà chúng tôi vừa nói trên:

Iừ cửa Vũ quan vào có một cái thành đất cũng không cao lắm, ngoài thành là dãy nữ tường, trên tường có thể chạy ngựa được. Ngoài tường chôn rào tre kín mít. Dưới bờ rào có hào sâu. Trong hào thả chông, xem ra thập phần kiên cố. Lại đặt ba lần vọng canh, lần nào cũng có lính đứng sắp hàng hai bên, gươm giáo sáng quắc như tuyết. Lính canh thấy bọn chúng tôi đi có đeo đồ binh khí thì giữ lại tra hỏi ngặt lắm. Khi biết đích (là có chỉ của nhà vua triệu) và thấy có dấu hiệu lính Nghệ An hộ tống, mới cho đi.

Trên đây, Hải thượng Lãn ông chỉ tả có một cửa thành Thăng Long mà ông bắt buộc phải đi qua. Muốn có một bức tranh đầy đủ về thành ấy, tưởng chúng ta không thể thấy ở đâu khác, ngoài tập ký ức của các giáo sĩ đã lưu ngụ ở nước ta về thời Lê mạt:

Iuy có một thành phố xứng đáng với cái tên ấy là Kacho hay Kécho(41).

Người ta có thể ví nó với những đô thành nổi tiếng nhất ở Á châu và cái phạm vi của nó ít ra cũng rộng như thành phố Paris. Song cứ như tôi biết thì chưa đâu đông đúc bằng thành này, nhất là mỏng một và rậm là ngày các chợ họp.

...

... mạnh mẽ hơn, công phu hơn và có trạm trở, sơn, vẽ. Trong nhà chia làm nhiều ngăn hay buồng. Thềm lát gạch rất sạch sẽ và mái thì lợp bằng nhiều thứ ngói, cố nhiên là màu sắc không giống nhau.

Nhà dân thì có một cái mái do nhiều cột đỡ lấy, thường lợp bằng rạ, cói và những tàu lá rất to, bền được đến hàng ba bốn chục năm, nếu không xảy ra tai nạn. Những nhà đó không có

trần, không gác và ngăn ra bằng bức bàn làm nhiều buồng công dụng khác nhau. Nhà nào cũng chỉ có một tầng; nếu làm nhà nhiều tầng tức là phạm vào tội khinh mạn nhà nước. Coi đó đủ biết rằng những nhà ở đây không chắc chắn và hề có bão táp là đổ liền.

Những nhà ấy có rất nhiều cửa và cửa sổ để không khí ra vào và giữ cho trong nhà mát mẻ luôn, vì khí hậu ở đây nóng nực lắm. Những cửa của họ không có kính, mà ở đây người ta cũng gọi là mới biết có kính mà thôi. Để thay cho kính, người ta dùng một thứ vải thật thưa và mảnh mảnh tre, có thể trông ra, vào được.

Vì nhà làm và lợp như vậy, nên người ta rất sợ cháy và phòng bị nạn ấy rất cẩn thận. Đêm, dân trong thành không được phép đốt lửa, ban ngày cũng tùy theo từng giờ mới được đốt; thỉnh linh cảnh binh vào khám, nếu nhà nào đốt lửa vào những giờ đã cấm thì phải phạt tiền.

...

Nền thương mại ở Thăng Long rất lớn và chuyển vận bằng con sông Cái⁽⁴²⁾ chảy ven qua thành. Nhờ có con sông này, và số thuyền bè rất đông đúc qua lại chở hàng hóa từ các tỉnh đến mà kinh thành được thịnh vượng.

Mỗi chiếc thuyền phải trả năm hào tiền thuế bỏ neo. Nhân đó, người ta thu được những món tiền cực lớn vì số thuyền bè ở đây nhiều quá, muốn len được vào bờ rất khó. Các sông ngòi và hải cảng của chúng ta – kể cả thành Venise với tất cả những hoa thuyền của nó – cũng không đo được với sự náo nhiệt của con sông ở Kẻ chợ, tuy trong các thuyền của họ, chỉ chứa đủ những người cần để việc chèo, lái. Ngoài ra, các nhà buôn đều có nhà tại các làng gần quanh là nơi họ ở.

Cung điện của nhà vua ở vào một góc kinh thành, chung quanh có tường bao vây. Những tường ấy thường bị những nhà dân ở phía ngoài che lấp.

Khoảng này, kinh thành có vẻ đẹp dễ và kiến trúc công phu hơn cả: người ở toàn là những người có địa vị trong nước. Trường hình và các cơ quan của chính phủ cũng ở cả đây, nên ai muốn làm nhà vào khu này, phải mua đất bằng một giá rất đắt.

Cung của nhà vua ở vào một khoảng đất rộng. Nhưng cách kiến trúc cũng không có gì đặc sắc hơn những đình đài chính ở trong thành. Cửa vào coi rất thường. Người ngoại quốc và nhất là các tay triệu phú cũng chỉ được trông thấy cửa Ngọ Môn thôi. Trừ ra, vài người được đặc ân vào trong thì lại không mô tả được gì lạ cả, vì người ta thận trọng đưa họ đến thẳng chỗ vua ngự mà không cho quan sát gì cả.

Vì hời hợt bọn hoàng thân và các quan văn, võ nên người ta biết đại khái là những lầu đài ở trong đều làm bằng những gỗ và gạch quý nhất trong nước; những lầu đài ấy đều có trạm trổ và sơn, thiếp rất dụng công, tuy tại xứ này nền mỹ thuật chưa tiến bộ được bằng nước Tàu, và trong đó, chỗ nào cũng lóng lánh những bạc, những vàng. Ngoài ra lại đầy rẫy những vườn hoa cây cảnh, hồ bán nguyệt, sông ngòi... nghĩa là có tất cả mọi vật để mưu sự hứng thú cho những người ở trong. Lại càng nhiều nữa là các cung tần của nhà vua, nghĩa là những người đàn bà không ra khỏi cửa bao giờ và không biết bao nhiêu nội giám chuyên về việc hầu hạ.

Riêng đoạn tả về nội điện vua Lê, nghĩa là nơi mà tác giả không được thực mắt trông thấy thì giáo sĩ Richard đã viết trái với sự thực rất nhiều. Vì, các lầu đài của nhà vua tuy có được Lê Thánh Tông lập lên rất long lẫy và Tương Dực để xây thêm những tòa lầu trăm gian và lập ra Cửu Trùng đài, nhưng đến cuối đời Lê thì những tòa nhà đồ sộ đều dột nát cả, có tòa chỉ còn trơ có một cái nền.

Để ghi lấy cái cảnh điêu tàn của nhà Lê, trong *Tang thương ngẫu lục* có mấy câu sau này:

■ ể triều tham bỏ băng đã lâu. Nền cũ ở Nùng Sơn thì đổi làm điện Kính Thiên, thờ Hiệu Thiên thượng đế (trời) và Hậu Thổ địa kỳ (đất), lấy vua Lê Thái Tổ phối hưởng. Điện Cần Chánh là chỗ coi chầu ngày Sóc và ngày Vọng⁽⁴³⁾ thì hai bên hành lang siêu sạt cả, phía trong cỏ mọc lên đến

đầu gối. Nhân lễ thành thọ (vua Lê Hiến Tôn) mới sai quan Đề lĩnh mang lính đến cắt cỏ và sửa sang lại.

Nhìn qua cảnh này, chúng ta cũng có thể biết được rằng dưới chính phủ của họ Trịnh, cái uy quyền của nhà Lê đã tiêu một(44) đến bậc nào!

Trái với triều đường vua Lê là hình ảnh trung thành của một cái uy quyền đã bị khinh nhờn và suy bại, phủ liêu chúa Trịnh là hiện thân của tất cả những tính xa xỉ và dâm dật mà ông vua một nước Đông phương – trừ Tàu ra – có thể có được.

Phủ đệ của Thái sư Trịnh Kiểm ở phía Nam kinh thành(45) như thế nào? Hiện thời chúng ta không thể tìm biết được nữa. Vì nó chỉ là một lớp dinh thự mà Lượng Quốc công lập nên trong lúc vội vàng, có lẽ nó cũng sơ sài như cái uy quyền của họ Trịnh ban đầu và người ta chỉ ở đấy có một đời.

Đến đời Bình An vương(46) thì Trịnh phủ di hẳn vào giữa kinh thành và ở luôn đó trong khoảng hai trăm năm...

Theo một bức địa đồ về hồi Lê Mạt thì Trịnh vương phủ ở về phía Tây Nam hồ Hoàn Kiếm, giáp với huyện lỵ Thọ Xương.

Cách kiến trúc của nó như thế nào? Nó có thay đổi gì không? Về toàn thể có lẽ không? Vì những vương phủ trong ngọn bút mô tả của các ông Alexandre de Rhodes, Marini, Samuel Baron và Saint Phalles vô tình đã giống nhau, tuy các ông này ở Bắc Hà vào những thời gian khác nhau và đều được thực mắt trông thấy cái vương phủ ấy.

Vương phủ làm trên một khu đất rộng rãi, chung quanh có tường bao bọc. Phía trong và ngoài tường có nhiều lớp nhà thâm thấp cho lính tráng ở.

Các ngôi nhà ở chính giữa đều hai tầng và có rất nhiều cửa để không khí ra vào. Các cửa đó đều làm bằng gỗ lim – cũng như các phần khác trong nhà – coi rộng rãi và nguy nga lắm. Các ngôi tư thất, nghĩa là những nơi để cho bọn phi tần ở thì đều là những tòa lâu đài to tát, trạm trổ và sơn thiếp rất kỹ càng. Ở trong sân và ngay phía cửa ngoài bước vào là chuồng ngựa và chuồng voi. Mặt sau thì đầy rẫy những vườn cảnh, lầu tạ và ao hồ để chơi mát và câu cá, tuy nhà chúa cũng ít khi ra đến những nơi ấy.

Mỗi tòa lâu đài trong vương phủ lẽ tất nhiên là có một tên riêng mà người ngoại quốc hoặc không biết hoặc không muốn kể đến, vì đọc lên rất khó khăn. Thí dụ nơi chúa Trịnh “thị triều”, nghĩa là tiếp các quan thì gọi là Phủ đường. Chỗ các quan họp (ngay ở cổng vào) gọi là Nghị sự đường. Nơi nhốt voi ngựa là Thị kỵ điểm. Rồi Tiểu bút điểm, Đông cung, Thập tự cung... Những phủ đệ của chúa Trịnh cũng phức tạp và man mác chẳng kém gì cung điện của vua Lê. Mà về phần xa xỉ thì nó lại càng đặc sắc hơn nhiều.

Còn cách bài trí ở trong những phủ đệ ấy như thế nào? Dưới đây là một bức tranh nho nhỏ mà Hải Thượng Lãn Ông - người đã được hân hạnh, chẩn mạch và bốc thuốc cho Tĩnh Đô vương - để lại cho chúng ta trong tập ký ức của ông:

【 Quan Nội sai Trạch Trung hầu ra truyền lệnh đưa tôi vào; đi qua một cái hành lang độ mười bước lên một cái cao đường. Sau cao đường có một cái phòng rộng là ngự tẩm. Quan nội sai dắt tay áo tôi và vén trướng gấm lên, đi qua mấy lần màn, trướng nữa, tới một chỗ trung gian, thấy Thánh thượng (Tĩnh Đô vương) ngự trên một cái võng điều mắc ngang qua một cái sập thiếp vàng nuột. Trên sập, trái nệm gấm. Mé hữu sập ngự có một cái ngự sàng, quây mùng cấm sa, chạy chỉ kim tuyến... Cách ngự tọa có một cái trướng gấm bắc ngang. Trong trướng nghe có tiếng người nói se se, ý giả là bọn cung tần thấy có khách đến thì lánh vào đấy...

Để sửa sang cho vương phủ, những cây quý vật lạ, châu hoa, núi đá, ở chốn dân gian đều sức thu lấy cả, không thiếu một thức gì. Có lần lấy một cây đa từ bên Bắc mang về. Cây chở qua sông, cành lá rườm rà, giống như một cổ thụ ở đầu non, hốc đá, rễ bám hàng vài trượng. Để khiêng cây đa này, phải dùng đến một cơ binh(47) và bốn người cầm gươm và thanh la đi kèm

để giúp cho lính khiêng được điều độ.

Trong phủ thì điểm tuyết nơi là hồ, nơi là núi non bộ, trông như bến bể đầu non. Mỗi khi đêm thanh cảnh vắng, tiếng chim kêu vượn hót ran khắp bốn bề, hoặc nửa đêm ồn ào như mưa sa gió táp, vỡ tổ tan đàn. Kẻ thức giả cho là cái triệu bất tường(48).

Bọn hoạn quan, nhân cái lệnh thu của tư gia về trang hoàng cho vương phủ, nghĩ ra nhiều cách rất tàn ác để những nhiều dân. Thí dụ: họ dò xem nhà nào có chậu cây đẹp hay chim hót hay, liền xông vào mà biên hai chữ “奉守”(49) vào lồng chim hoặc chậu cây. Đêm đến(50) họ trèo tường trốn ra, xui bọn đồng bối(51) đem lính đến lấy phăng đi. Hôm sau họ trở lại, đòi lấy những vậ đã biên hôm trước và lẽ tất nhiên là những vật ấy không còn nữa, họ liền dậm dọa là chủ nhân đã cố ý “ẩn nặc”(52) mà vòl tiền. Những nhà có cây cảnh hoặc quả núi lạ quá, họ bắt phải dỡ nhà hay phá tường cho họ khiêng ra.

Nhiều nhà giàu bị bọn quan hoạn vu cho là đã giấu vật “cung phụng”, sợ tội, phải van lạy họ mà nộp tiền. Nhân đó, dân kinh thành phải chặt bỏ cây cảnh và đập phá núi non bộ của nhà mình đi, để tránh tai họa.

Những lúc nhàn rỗi, Tĩnh Đô vương lại hay đi du ngoạn các thắng cảnh như Tử Trầm, Dục Thúy, Tây Hồ... và có khi ngủ đêm ở đó không về nên tại các nơi này đều có lập ra hành cung, nghĩa là những lầu đài mà sự tráng lệ cũng tương đương với phủ liêu ở Kẻ Chợ.

Một tháng ba bốn lần, vương ngự chơi cung Thụy Liên trên bờ Tây Hồ. Những lần đó thì binh lính phải dàn cả chung quanh bờ hồ. Bọn nội thần (quan hoạn) thì bịt khăn mặc áo giả đàn bà, bày các hàng hóa và hoa quả ở bờ hồ mà bán. Thuyền ngự đi đến đâu, các quan đại thần có thể tùy ý ghé vào bờ mà mua bán các vật cần dùng như ở trong chợ vậy.

Cũng có lần, vương cho bọn nhạc công ngồi trên gác chuông chùa Trấn Quốc hay ở bóng cây, bên đá nào đó mà họa đàn.

Còn xa xỉ hơn nữa là hàng năm, cứ gần đến tiết Trung thu thì vương truyền lấy gấm vóc ở trong kho ra, trao cho bọn cung nhân chế các thức đèn tinh xảo không biết ngần nào. Vì mỗi ngọn đèn đó trị giá hàng chục lạng vàng.

Đến ngày rằm tháng tám, vương ngự giá sang chơi Bắc cung. Cung này có một cái ao gọi là Long Trì, rộng hàng nửa dặm.

Trên bờ ao thì xếp đất và đá lên làm núi, chỗ lồi chỗ lõm, hình thế khác nhau. Bên hữu là chỗ ngồi hát và thổi sáo có hàng trăm gốc phù dung bóng rủ trên mặt nước. Trong bóng trắng mờ không biết bao nhiêu ngọn đèn tranh sáng như muôn nghìn ngôi sao.

Các quan nội giám từ tam phẩm trở lên, chít khăn, mặc yếm, giả làm đàn bà, ngồi thành từng dãy ở dọc đường, bán các hàng tạp hóa của Tàu, của ta, rồi hoa quả, rượu nem, không thiếu một thức gì. Những hàng hóa ấy chất lên như núi.

Người trong cung qua lại, tha hồ mua bán, nói cười rầm rĩ, vang động cả trong ngoài.

Đến nửa đêm, chúa ngự xe ra thuyền. Các thị thần và phi thiếp khua động mặt nước mà bơi đi, bơi lại, lênh đèn trên ngọn sóng. Rồi tiếng đàn, tiếng sáo bỗng nổi lên, hòa với tiếng hát, dư âm vang động, du dương như chơi cung Quảng Hàn, nghe khúc Quân Thiên vậy.

Chúa coi lấy làm vui lắm, gà gáy mới về.(53)

Với một vị chúa xa xỉ và ham khoái lạc như Tĩnh Đô vương thì số phi tần, lẽ tất nhiên là rất nhiều – giáo sĩ Saint Phalles ước lượng là bốn trăm – tuy trung có một người được vương yêu dấu hơn cả, cất nhắc lên chức “Chánh cung” và phong là Tuyên phi. Người đó là Đặng Thị Huệ, con gái một nhà thường dân, người làng Phù Đổng.

Các cung phi đều do quan địa phương tiến lên hoặc tự nhà chúa chọn lấy. Họ phải có sắc đẹp

và nhất là có những tài nghệ để giúp cho chúa tiêu khiển, như múa hát... Vì đó, số đông các cung phi là con nhà xướng hát. Vũ Thái phi⁽⁵⁴⁾ chẳng hạn, người đã sinh ra An vương Trịnh Cương cũng chỉ là một cô gái xuất thân ở giáo phường. Nhưng từ cái tính lẳng lơ của một con hát, hoàn cảnh của vương phủ sau này đã đổi bà thành một vị quốc mẫu, có nghị lực và trọng danh giáo, chẳng kém gì nhiều bà mệnh phụ đã được hun đúc bằng một nền giáo dục rất hoàn toàn.

Ngoài Đặng Tuyên phi ra, Tĩnh Đô vương còn có hai vợ nữa là Dương Thị Ngọc Hoan, mẹ đẻ Trịnh Khải và Hoàng Thị Ngọc Khoan, sinh được hai người con gái, trong số có quận chúa Ngọc Lan được vương yêu dấu như hòn ngọc quý.

Ngoài ra, các phi tần khác thì chỉ được làm những công việc tối tăm như hầu hạ, múa hát... Những bạn gái xấu số này không mấy khi được Tĩnh Đô vương thương yêu đến và phải chờ đến khi chúa qua đời, mới được ra ngoài lấy chồng. Khi ấy đã luống tuổi rồi, cố nhiên là phải chịu làm tỳ thiếp người ta hay mang cái tuổi xuân còn sót của mình mà tặng cho những người hèn hạ.

Theo một cái lệ rất cổ, vua Lê coi châu vào ngày Sóc (mùng một) và ngày Vọng (rằm), nghĩa là trong hai ngày ấy, nhà vua ra ngự tại điện Kính Thiên để các quan vào lạy mừng và dâng các sớ tấu lên để nhà vua tài quyết. Nhưng, đến đời Tĩnh Đô vương thì cái vinh dự sau cùng ấy của nhà vua cũng không còn nữa.

Sau khi thái tử Duy Vỹ bị giết, mối hiềm khích giữa nhà vua và nhà chúa lại càng gắt gao hơn trước. Để tránh sự ngờ vực của nhà chúa, nhiều vị đại thần cố lẩn tránh để khỏi dự những buổi đại triều⁽⁵⁵⁾. Tục đó không bao lâu lan rộng ra tất cả mọi người, như Lê Quý Đôn chẳng hạn, từ khi ông được tham dự chính phủ thì cứ đến ngày “Sóc”, ngày “Vọng” là ông cáo ốm, thành ra buổi chầu của nhà vua chỉ rời rạc có vài vị hoàng thân và mấy vị quan nhỏ có chức vụ trong nội điện, và sau rốt, bị người ta bãi hẳn.

Vương phủ, trái lại, là một phiên chợ danh lợi mà sự sầm uất không lúc nào ngớt.

Theo lệ, cứ sáng rõ (khoảng sáu giờ) thì Tĩnh Đô vương “thị triều”, nghĩa là ra ngồi tại phủ đường, một tòa nhà mà các cửa về phía trước đều mở thật rộng.

Từ phủ đường ra đến tận cổng, lính túc vệ mang khí giới đứng dàn hai bên, coi rất oai nghiêm. Phía trong là các nội giám đứng túc trực để đệ tờ khai của các quan lên dâng chúa hoặc truyền những mệnh lệnh từ chúa xuống các quan. Vì bọn triều thần phải từ ngoài sân rộng, theo thứ tự trên dưới mà lạy vào. Lạy xong, có “chỉ” của nhà chúa cho ngồi, các quan đại thần mới kéo nhau vào ngồi tại “tọa đường” và bàn bạc về mọi việc có quan hệ đến dân nước.

Phê bình về lễ “chầu hầu” của chúa Trịnh, nhà quan sát Samuel Baron đã phát biểu ra một ý kiến rất ngộ nghĩnh trong mấy câu sau này:

***K** hông còn gì nực cười bằng cái quang cảnh của một bọn quan lớn thực hành mọi việc với cái lễ độ và một vẻ trịnh trọng khiến cho người xem phải ngạc nhiên và có lẽ nó sẽ có tính cách tôn nghiêm lắm lắm, nếu người ta không phải theo đuổi và bãi bỏ được một cái tục rất hèn hạ là đi chân đất.⁽⁵⁶⁾*

Đến đây, chúng tôi cần phải nói thêm rằng khi vào chầu trong vương phủ, các quan không được đi giày, phải mặc áo thụng xanh và đội một thứ mũ làm bằng sa đen, phía trước có hoa vàng hay bạc, tùy theo quan to hay nhỏ.

Trong buổi chầu, nếu một vị quan nào muốn xin chúa gia ân cho bạn bè hay thân thuộc mình thì phải tiến đến gần ngự tọa bỏ mũ ra mà lạy, rồi mới kêu xin.

Chừng đến tám giờ sáng thì chúa trở vào tư thất. Các triều thần cũng lần lượt ra về. Còn lưu lại, chỉ có viên Tư lễ thái giám và những quan đứng đầu các phiên⁽⁵⁷⁾ mà phần đông là quan hoạn.

Có điều đáng để ý là bọn quan hoạn mà các vua chúa đặt ra để sai bảo và dùng làm tôi tớ trong nội điện, thường được chúa Trịnh cất nhắc lên những địa vị rất cao, có khi nắm hẳn cả quyền chính trong tay. Chẳng hạn, về đời Trịnh Giang, chức Chương phủ sự thống lĩnh tất cả quân đội trong nước về tay Hoàng Công Phụ là một tên quan hoạn rất đê hèn. Chính Tĩnh Đô vương cũng phong cho một quan hoạn khác đến chức Đại tư đồ (Tể tướng) và cho được chương quản tất cả các đạo quân vào chinh phục Thuận Hóa. Nhiều quan hoạn khác được làm đến Thượng thư và phong tước Quận công là việc rất thường.

Uy Nam vương (Trịnh Giang) lại có một cái ý tưởng rất kỳ quái là đặt ra giám ban và cũng cho được tôn trọng như hai ban văn và võ vậy.

Tại sao các chúa Trịnh đã có một mối thiện cảm đặc biệt với quan hoạn là một hạng người không có đặc tính gì khác là tự hủy hoại phần trọng yếu nhất trong thân thể mình đi để làm tôi cho mọi người?

Phải chăng vì viên quan hoạn Bùi Sĩ Lâm^[58], đầu tiên đã vì Bình An vương mà dẹp cái loạn Trịnh Xuân?

Điều đó không ai dám chắc. Những chỗ mà mọi người cùng phải công nhận là ngoài một số rất ít có đức độ và tài năng ra, số đông quan hoạn là những kẻ hèn hạ chỉ chuyên một việc xu nịnh và dựa vào uy quyền của nhà chúa mà ăn hối lộ và ức hiếp quan liêu và dân chúng.

Viết về họ, Samuel Baron không thể nén được sự tức giận, nói:

【 *Quan hoạn, một bọn chết dẫm, ăn bám, đồi bại và làm cho các vua chúa hư hỏng, đứng vào đến số bốn năm trăm ở phủ liêu. Chúng có cái thói kiêu căng, hãnh diện và vô lý quá, làm cho cả nước phải hờn ghét, tuy ai nấy đều phải sợ sệt cái thế lực của chúng!*

Thật vậy, bọn hoạn quan, vì được nhà chúa tin cậy một cách quá đáng, nên vừa dự một địa vị quan trọng trong chính phủ, vừa có quan hệ mật thiết với đời tư của nhà chúa.

Lúc đầu, bọn quan hoạn giữ một nhiệm vụ hèn hạ trong vương phủ. Nhưng, nếu khôn khéo ra, chỉ trong vòng bảy tám năm là họ được bổ ra làm quan và cứ lần lần leo lên đến tột bậc chiếc thang sĩ hoạn, trong lúc nhiều quan lại khác có văn học, phải ở những chỗ tối tăm.

Song, nếu nhà chúa cất nhắc cho bọn quan hoạn, không hẳn đã là vì yêu mến họ mà nhiều khi còn ham mối lợi mà họ lưu lại sau này. Vì khi một hoạn quan chết thì những của cải mà quan hoạn ấy đã thu được bằng bao nhiêu thủ đoạn đê hèn, đều sung làm của công. Chúa chỉ chia cho những người thân của họ, một phần rất ít hoặc không ban phát cho một đồng nào cả. Bọn quan hoạn, tuy đã bị tàn tật, nhưng thường cũng có hầu thiếp rất đông và làm quan hoạn là một cách tiến thân rất chắc chắn, nên nhiều người có danh vọng, đã đứng tuổi và có con cái đông đúc, cũng tự thiến mình đi để được gần gũi quân vương và nhờ đó, leo lên đến những địa vị quan trọng nhất nhì trong nước.

Xưa nay, chưa nghe nói có ai vì bị hoạn mà chết bao giờ. Nhưng số đông quan hoạn là những người đã mất cơ quan sinh dục từ khi còn nhỏ. Những đứa trẻ bất hạnh bị chó hoặc lợn cắn mất dương vật, thường lại được bố mẹ lấy làm mừng, vì tin chắc rằng con mình sẽ có một cái tương lai rực rỡ.

Cũng có kẻ khi mới lọt lòng mẹ ra, đã có tính cách để trở nên quan hoạn rồi. Vì những đứa trẻ này, cơ quan sinh dục dở là đàn ông, dở là đàn bà, tục gọi “ái nam ái nữ”.

Nếu Bắc Hà được nhà Minh kế đến nhà Thanh phải kiêng nể, nghĩa là không viện cớ họ Trịnh cướp quyền nhà Lê mà gây cuộc binh đao – và các nước láng giềng về phía Tây Nam phải triều cống, không phải không do một cơ rất quan trọng. Cơ ấy là có một đội quân đầy đủ để chống cự với nước Tàu và có dư để chinh phục các nước láng giềng về phía Tây Nam, trong đó, với Tĩnh Đô vương, người ta có thể kể cả đất Nam Hà của chúa Nguyễn.

Binh lực của họ Trịnh cộng tất cả chừng 15 vạn người, trong số, có từ tám nghìn đến một vạn là kỵ binh và 350 con voi. Cách tổ chức thì nhỏ nhất là “ngũ”, gồm có năm người, mười ngũ là một đội (50 người); mười đội là một cơ (500 người). Cơ và vệ, quân số cũng như nhau.

Theo *Lịch triều hiến chương* thiên *Bình chế chí* của Phan Huy Chú thì quân đội của Bắc Hà gồm có những hạng quân sau này:

Nội điện vệ binh – Tức là thứ lính được hầu hạ và canh phòng ở gần gũi vua, chúa:

Thị kiều ty cấm y vệ;

Kim ngô tả hữu loan giả ty;

Tả hữu Trực đội;

Thiên hùng đội.

Thị hậu bộ binh – Lính bộ dùng về chiến trận có các đội:

Nhưng nhất, Nội nhưng, Tứ nhưng, Tứ Nội bộ, Tứ Nội khuông, Tứ Nội dục, Tứ chấn, Tứ thắng, Thiện bảo, Tứ Trung mã, Tứ Nội mã.

Và các cơ:

Tứ Thị trung, Tứ Thị nội, Thiên hùng, Trung hùng.

Thị hậu thủy binh – Lính thủy chia làm các “thuyền”: Kiều nhất, Nội kiều, Tứ kiều, Tứ nội thủy, Siêu nhất, Tuyển nhất, Ưu nhất, Trạch nhất, Tứ Siêu, Tứ tuyển, Tử ưu, Tử trạch, Trung hậu, Cận hậu.

Và các cơ: Vệ tả, Vệ hữu.

Trở lên là “Thị hậu thân quân” tức là thứ lính gần gũi với vua, chúa và được đóng luôn ở kinh thành, trừ khi xảy ra chiến tranh mới phải sai phái đi xa. Hạng lính này mộ ở quê hương nhà vua và nhà chúa, nghĩa là ở Nghệ An và ba phủ đất Thanh Hóa nên cũng có tên là lính “Tam phủ” hoặc “Ưu binh” – thứ lính tốt hơn cả – vì có hai trấn ấy đã có công tôn phù hai họ Lê và Trịnh lên đế và vương nghiệp. Bọn Ưu binh lợi dụng sự tin cậy của vua, chúa mà hà hiếp dân chúng nên người Bắc Hà ghét họ mà gọi là “Kiêu binh”. Về đời Trịnh Tạc, kiêu binh đã nổi loạn, giết một quan chức trọng yếu trong chính phủ là Nguyễn Quốc Khôi⁽⁵⁹⁾ nên bị Tây vương trừng trị rất nghiêm⁽⁶⁰⁾. Sau này, khi Trịnh Sâm đã mất, chúng lại nổi lên một lần nữa. Nhưng lần này vì nhà chúa yếu quá, không dẹp nổi chúng nữa nên mới gây ra một mối loạn hàng bao nhiêu năm không dứt.

Ngoài các đội “Thị hậu thân quân” hay “Ưu binh” ra còn có các đội nữa như Tứ trung tượng, Tứ nội tượng, Tả hữu, tiền, hậu tượng...

Các doanh:

Trung tiếp, Trung khuông, Trung hùng, Trung thắng, Trung dũng, Trung nhuệ, Trung dục...

Các cơ:

Tả khuông, Tiền khuông, Hữu khuông, Hậu khuông...

Các đội thủy quân:

Tiền nhất, Hậu nhất, Tiền trung, Hậu trung...

Lính các trấn (tỉnh) thì thường lấy một vài chữ mà đặt tên như Thanh Hóa thì dùng chữ Trấn (Tiền trấn, Hậu trấn) và chữ Hùng (Tứ hùng, Hùng trung); An Trường dùng chữ Kiên (Kiên nhất, Kiên nhị...); Nghệ An dùng hai chữ Trấn và Ninh...

Quân Bắc Hà chia làm 413 doanh, cơ, đội và thuyền mà lương bổng khác nhau. Bọn “thân quân” thì sự sinh hoạt được rất dồi dào. Trái lại, lính các trấn thì ngay đến những vật tự phụng

rất cần thiết cũng không đủ.

Vì có việc phân phát lương lính không đều đó nên khi lên cầm quyền ít lâu. Tể tướng Đôn Hoàng liền sai bọn Nguyễn Đình Huân và Vũ Huy Đĩnh lập các thể lệ mới về việc phát lương cho quân. Tuy nhiên những nỗi bất công về trước cũng không giảm được bao nhiêu. Vì các tướng chỉ huy phần đông là quan hoạn, những người đã thiếu liêm sỉ lại vô học. Tuy nhiên, cũng có kẻ nhờ ở các công trận, leo lên những chức quan vô rất cao như Đề đốc, Tham đốc, Đô đốc... hoặc chưởng phủ, thự phủ và quyền phủ là những chức do vương phủ đặt ra.

Hàng năm, cứ đến tháng năm thì lại có một cuộc duyệt binh rất lớn, khởi đầu bằng ba loạt đại bác, tiếp đến các tướng lĩnh tể tướng các môn võ nghệ, và sau rốt, quân lính đi diễu trước bên Thảo Tân hay Ngũ Long lâu là nơi ngự duyệt của chúa Trịnh.

Khi nào có sứ Tàu tới Thăng Long thì cuộc duyệt binh lại càng long trọng hơn nữa, nghĩa là y phục của quân đội toàn dùng một thứ da rất tốt và nhuộm các màu sắc sỡ, do các phà buôn Anh Cát Lợi(61) và Hà Lan mang vào bán ở trong nước.

Thủy quân của Bắc Hà có được chỉnh bị như lục quân không?

Xa lắm. Và những lý do mà giáo sĩ Richard viện ra dưới đây, không phải không có một phần sự thực:

Trong một xứ mà việc giao thông chỉ quanh quẩn ở trong nội bộ của xứ ấy, nghĩa là thuyền bè chỉ qua lại trên các sông ngòi để đánh cá và xa lắm mới đến vịnh Bắc kỳ, thì xứ ấy không thể có một đội hải quân có đôi chút giá trị được.

Thủy quân của Bắc Hà thu ở hai ba trăm chiếc thuyền lớn nhỏ, thích hợp với các sông ngòi hơn là ngoài bể: vì thuyền không có cột buồm, không có buồm, đi lại toàn dùng bơi chèo. Những người chèo thuyền lại cũng không có gì che chở cho hết, họ trơ ra đó làm cái bia cho miệng súng và tất cả các môn khí giới dùng vào việc tấn công của quân địch. Chiến thuyền như vậy, nên người ta chỉ dùng nó vào các lễ tiết và trò chơi hơn là vào việc chiến tranh. Phía trước thuyền người ta đặt được một khẩu đại bác nhỏ nhỏ.

Ngoài đội thủy quân trên này ra, triều đình con có chừng bốn trăm chiếc thuyền nữa chạy bằng buồm được và rất tiện về việc chở quân lính và đạn dược, chứ dùng để đánh nhau thì yếu ớt quá.

Những thuyền này, không luận là lớn hay nhỏ đều xếp trong những cái băng lớn có thể đẩy xuống nước rất dễ dàng, khi nào cần đến.

Quân đội của chúng ta không lấy gì làm đông đúc cho lắm. Nhưng các kho chứa khí giới và đạn dược thì không tỉnh nào không có. Về mục này, vị giáo sĩ mà ở các trang trên chúng tôi đã nhắc đến nhiều lần, kể lại một việc rất kỳ quái mà chúng tôi không thấy quốc sử đã động đến bao giờ. Đó là cái kho tàng vĩ đại của chúa Trịnh ở Thanh Hoa.

Người ta nói tại tỉnh này có một khoảng đất rất rộng, chung quanh có núi cao và được hóa công vây bọc một cách kín đáo quá đến nỗi người ta không có cách nào len vào được, trừ một lối đi rất nhỏ: đó là cái kho tàng chính, trong chứa chất không biết bao nhiêu súng đạn và nhiều thứ khí giới khác.

Người ta lại nói quyết rằng những vật quý giá của nhà chúa cũng đều giấu giếm ở đây, vì nhà chúa coi chỗ này là một nơi thiên hiểm, nếu bất hạnh xảy ra loạn lạc, có thể về đây mà ẩn tránh được. Nhà chúa lại cho làm một con đường tắt qua các rừng núi, để đi từ kinh thành đến đây và trừ một số người mà nhà chúa đã phái đến thì người ngoài không ai được biết cả. Nhờ có con đường đó, người ta đi từ Kinh đô Thanh mật có một ngày, đáng lẽ phải mất bằng mấy ngày, nếu người ta đi theo quan lộ.

Người ta lại nói vị chúa đã nghỉ đã cầm quyền ở Bắc Hà vào khoảng 1685, có cho đào một con đường ngầm từ vương phủ đến cái kho tàng đó.

Chiếc kho ấy có thật chăng? Hay chỉ là một chuyện kiểu “thiên phương dạ đàm” [\(62\)](#) xuất ở khối óc tưởng tượng quá ư dồi dào của một vị giáo sĩ?

Người lính Bắc Hà vẫn được liệt vào hạng quân đội có lực lượng chiến đấu vào bậc nhất ở Đông phương. Samuel Baron khen: “Họ bắn giỏi và rất ít người hơn được; họ lại hơn nhiều dân tộc về tài dùng súng rất khéo léo và bắn nhanh. Đối với người lính Bắc Hà, cái cung rất thông dụng và họ biết dùng nó một cách đặc lực. Họ học dùng khí giới chóng lắm và tiến thoái rất giỏi.”

Giáo sĩ Saint Phalles cũng cùng một ý ấy, khi viết:

【 *Đông phương không có người lính nào thông thạo về việc dùng khí giới bằng người lính Bắc Hà, họ thạo luyện hoặc ở trên bộ hoặc dưới thuyền, khi thì súng tay, khi bằng súng đại bác.*

Về nhung phục, thì quân đội của chúng ta về cuối Lê khác hẳn với bây giờ. Vì tất cả các quân không có một thứ đồng phục như nhau. Người lính nào cũng có thể nhận được viên tướng chỉ huy cơ, vệ của mình, nên cứ theo mệnh lệnh của người ấy mà làm. Viên vệ úy ăn mặc đại khái cũng như người thường, chỉ khác có chiếc áo ngắn hơn và đỡ lúng túng hơn áo thường, để tiện cho việc dùng khí giới và khỏi bị vướng víu trong lúc hành binh. Nếu là lính túc vệ thì họ dùng vải xanh da trời hay đỏ và họ ưa hơn hết là da Âu châu, nếu người ta có đủ cung cấp cho họ: đó là cái vinh dự riêng của lính nhà chúa.

Khí giới thường dùng là súng hỏa mai [\(63\)](#) (vì chưa biết dùng súng lò xo) cung tên, gươm, giáo, đoản thương và lá chắn.

Lính cũng như các sĩ quan Bắc Hà chỉ mang khí giới, khi nào có cuộc thao luyện hoặc sai phái đi đâu. Ngoài ra, khí giới đều giữ ở trong kho, có việc mới mang ra ban phát cho quân lính.

Dưới chính phủ của họ Trịnh, võ học [\(64\)](#) cũng được tổ chức chu đáo, không kém gì văn học.

Về đời Nhân vương Trịnh Cương, Thăng Long có mở ra một trường chuyên dạy về võ bị; các giáo viên trường này được gọi là giáo thụ và học sinh thì lựa trong con cháu các quan.

Mục đích của nhà trường là luyện cho thanh niên các môn võ nghệ và giảng cho họ hiểu Võ kinh [\(65\)](#) và chiến lược.

Theo lệ của nhà trường thì cứ mỗi tháng một lần tiểu tập; mỗi năm bốn lần đại tập; mùa xuân và mùa thu thì tập về võ nghệ; mùa hạ và mùa đông thì giảng về Võ kinh. Những người trúng tuyển đều được nhà nước cho sung vào các đội ngũ mà dùng.

Ngoài ra, cứ ba năm lại có một kỳ thi. Trong dân gian, nếu ai có tài năng cũng đều được dự thi cả.

Thi thì trước nhất hỏi qua về những phương pháp chiến đấu của Tôn Tử [\(66\)](#).

Người nào trả lời thông, được vào thi thử những tài nghệ của mình như cưỡi ngựa, múa kiếm, múa đao. Sau rốt là hỏi về phương pháp chiến trận. Những người hợp cách được đưa vào phủ liêu phúc lại và tùy cao hạ mà bổ dùng.

Thi võ, cách tổ chức cũng tương tự như thi văn, nghĩa là chia làm ba khoa.

Thoạt đầu, võ sinh phải thi ở trấn mình, gọi là Sở cử [\(67\)](#); kẻ vào lọt tam trường được gọi là “Viên sinh”. Người qua được kỳ đệ tứ thì gọi là “Học sinh”; nếu là con các quan thì liệt vào một hạng riêng: Biền sinh hợp thức.

Học sinh và Biền sinh hợp thức, nghĩa là những người đã đậu khoa Sở cử được về kinh đô dự khoa “Bác cử”, khoa tương đương với “Hội thí” trong việc thi văn.

Trong khoa này, kỳ đệ nhất hỏi về ý nghĩa của “Thất thư” [\(68\)](#); kỳ đệ nhị thì diễn các môn võ nghệ; kỳ đệ tam về sách văn. Sau rốt vào phủ liêu phúc lại, tức là kỳ đình thí trong cuộc thi văn vậy.

Những thí sinh trúng tuyển cả bốn kỳ được gọi là Tào sĩ. Nhưng nếu người nào võ nghệ tinh thực mà sách văn không hợp cách thì cũng được lấy đỗ, nhưng phải gọi là “Tạo toát”, có nghĩa là đáng lẽ hỏng, nhưng được quan trường vớt vát lại.

Theo *Kiến văn lục* của Lê Quý Đôn, niên hiệu Bảo Thái thứ năm có mở khoa Bác cử tại làng Thịnh Hòa (giáp với Kinh thành), kỳ đệ nhất hỏi mười câu về nghĩa Thất thư, kỳ đệ nhị thi về võ nghệ hai lần, lần trước cưỡi ngựa bắn cung lần sau đấu về đao và kiếm kích, lấy được thua mà phân biệt cao, hạ. Sau rốt mới đến “sách văn lược vấn” nghĩa là hỏi về các cách thao luyện quân sĩ và cầm quân, bày trận.

Ngoài ra, lại thử xem người nào có “dũng khí” thì thăng cho một bậc.

Dũng khí là gì? Theo *Khâm định Việt sử*: “Đánh vào đỉnh đầu thí sinh ba nhát trùy đồng ngoài có bọc rơm. Nếu thí sinh mắt không hoa, thân không chuyển, ấy là trúng cách.”

Cũng tả về môn “duyet dũng khí” trong khoa “Bác cử” ở Bắc Hà, giáo sĩ Richard viết khác hẳn.

Theo ông thì người ta dùng một thanh gươm gỗ mà đánh vào đầu và khắp thân thể thí sinh; kẻ bị đánh phải cố gắng mà chịu và không tìm cách gì để tránh đòn; nếu vì đau quá mà thí sinh gục xuống thì cũng không vì thế mà mất cái đặc ân mà người đã hẹn cho. Kẻ nào trong khi bị đánh mà vẻ mặt không hề đổi sắc, sẽ được kể là người có “dũng khí” hơn cả.

Phép thi hoặc giả trước sau có thay đổi chăng? Vì từ Nhân vương Trịnh Cương đến Tĩnh Đô vương Trịnh Sâm thẩm thoát cũng một phần ba thế kỷ.

Một vị quốc trưởng trong tay có cái quân lực mạnh mẽ như quân lực của Bắc Hà, thế tất không thể gột rửa được khối óc xâm lược mà chỉ nhất thiết trung thành với cái chính sách tự thủ. Song là một mưu sĩ có thao lược kiêm chính trị đại tài. Tĩnh Đô vương đã thừa hiểu rằng muốn thủ thắng, người ta cần phải bắt đầu ở chỗ đáng bắt đầu, nghĩa là phải dẹp yên mối loạn ở trong nước đã, rồi mới dòm nom đến bờ cõi của lân quốc.

Cái sản nghiệp mà Uy Nam vương Trịnh Giang để lại cho các chúa Trịnh sau này, sự thực không phải là một chốn thiên đường trong đó, người ta chỉ ngồi tốt để hưởng những bông hoa phú quý. Vì Uy vương là một vị chúa dâm dật và vô đạo nên giặc cướp ở các nơi kế tiếp nổi lên. Để trả lại bầu không khí yên lặng cho Bắc Hà, người lên nối nghiệp Trịnh Giang là Trịnh Doanh phải lần lượt tiêu trừ các đảng Ninh Xá và Ngân Già. Nhưng chiến công oanh liệt nhất của Minh vương (Doanh) là ở Đồ Sơn và núi Độc Tôn. Bắt Quận He chuốc rượu và Quận Hảo [\(69\)](#) thổi kèn, Trịnh Doanh đã lưu lại một giải sự rất có lý thú trong quốc sử.

Song sự cố gắng của Minh vương cũng chỉ có hạn. Nhờ đó, trong suốt một đời Minh vương, Hoàng Văn Chất vẫn được tự do hoành hành ở động Mãnh Thiên và Lê Duy Mật hết dòm dò xuống trấn Nghệ An lại ra quấy nhiễu các miền Thanh Hoa và Hưng Hóa.

Bước lên ngôi nguyên thủ Bắc Hà, cử chỉ đầu tiên của Tĩnh Đô vương là trừ diệt Hoàng Văn Chất tiếp đến chiêu hàng đảng Trấn Ninh. Nhưng liệu biết rằng Lê Duy Mật chẳng chịu quy thuận nào. Vương sai trấn tướng Nghệ An là Bùi Thế Đạt dò xét các đường lối vào động Trình Quang [\(70\)](#).

Khi đã biết rõ nội tình của giặc rồi. Vương liền dự sẵn các phương lược và phái bọn Bùi Thế Đạt, Hoàng Ngũ Phúc và Hoàng Đình Thế do ba mặt tiến đánh.

Thế cô, lại bị con rể là Lại Thế Chiêu làm phản, tự biến thân làm nội công cho họ Trịnh, Lê Duy Mật thua trận, phải cùng với vợ con nhảy vào đồng lửa, để tránh cái nhục phải chém đầu ở pháp trường, nghĩa ở Sơn Tây.

Dẹp được đảng Trấn Ninh. Tĩnh Đô vương tự hào là do các mưu sách của mình. Nhưng phần

công lớn ai cũng nhận biết là nhờ ở bọn chiến tướng đều là những văn võ toàn tài và nhất là cái quân lực của Bắc hà, hồi đó đương hết sức hùng hậu.

Đến lần Nam Hà làm cái đích xâm lược cho họ Trịnh.

Dãy núi Hoành Sơn phải chăng là một tòa thành bất di dịch mà sức người không thể vượt qua được? Hay hai trấn Thuận, Quảng có một cái thế lực vô đối mà Bắc Hà không sao bằng?

Không. Không phải thế?

Nam Hà, so về đất đai, không bằng một nửa khu vực của họ Trịnh. Mà dân số thì chỉ bằng độ một phần ba. Đến như nhân tài, hai trấn Thuận, Quảng cũng không sản xuất được nhiều.

Thuận Hóa lấy làm vinh hạnh vì đã tạo tác nên được một mưu sĩ là Đào Duy Từ. Nhưng Đào Duy Từ là người ngoài Bắc, vì không đắc dụng nên mới trốn vô Nam.

Thuận Hóa hết sức nhồi phấn và thoa son cho Nguyễn Hữu Tiến và Nguyễn Hữu Dật⁽⁷¹⁾ để đặt họ lên cái giai cấp vĩ nhân. Nhưng Tiến và Dật chẳng qua cũng chỉ là những kẻ dung tài⁽⁷²⁾, không thấm vào đâu với Hoàng Ngũ Phúc và Phạm Đình Trọng⁽⁷³⁾.

Các chúa Trịnh Tráng, Tạc và Căn sở dĩ không chinh phục nổi miền Nam, có người cho là vì quân Bắc Hà phải đi đánh xa nên cũng gặp những trở lực như khi người Tàu sang xâm lấn Việt Nam. Điều đó cũng có một phần sự thực. Nhưng cái sự thực bất di dịch là mỗi lần xuất quân, họ Trịnh tuy có ép cả vua Lê đi theo để mua chuộc lòng người, nhưng bọn sĩ phu cũng như các tướng tá Bắc Hà đều thừa hiểu rằng chinh phục Thuận Hóa, chúa Trịnh chỉ noi có một mục đích là mở rộng cái thế lực của mình xuống miền Nam, chứ không có ý gì tôn phù nhà Lê cả.

Vì có sẵn cái tâm lý đó, quân Bắc Hà không bao giờ nhiệt tâm phấn đấu cả và hễ trong quân có ít nhiều người không may chết vì tật bệnh thì nhao nhao ngay lên là thủy thổ không phục, làm cho bọn tướng lĩnh phải rút quân về.

Từ đời Uy Nam vương (Trịnh Giang) trở về sau giữa Bắc và Nam Hà lại hiện ra một bức thành kiên cố hơn lũy Trường Dục là đảng Lê Duy Mật ở Trấn Ninh. Đứng xen vào giữa hai châu Bắc và Nam Bô chính, vị hoàng tử thứ mười một của nhà Lê (Duy Mật) vô tình đã tự hiến thân làm tấm bia đỡ đạn cho chúa Nguyễn ở phương Nam.

Lê Duy Mật có hiểu như vậy không? Người ta chỉ biết rằng khi bị quân Bùi Thế Đạt bức bách, viên thủ lĩnh đảng Trấn Ninh vội vã viết thư vào cầu viện với Phú Xuân. Trong thư đại lược nói: "Ngày xưa nhà Lê chúng ta bị nghịch Mạc lấn cướp. Lòng người xao xuyến, ai nấy đều nhớ họ Lưu⁽⁷⁴⁾. Bấy giờ Chiêu Huân Tiên công⁽⁷⁵⁾ xướng nghĩa lên, lấy việc phù Lê diệt Mạc mà hiệu triệu thiên hạ, rồi đón vua Lê ở Ai Lao về mà tôn lên ngôi báu. Trong việc truy công, công của Chiêu Huân tiên công là đứng trên hết tất cả. Họ Trịnh bấy giờ còn ở dưới trướng của Tiên công. Đến khi mọi việc đã yên ổn rồi, họ ấy mới lập mưu gian mà cướp lấy chính quyền, đuổi họ Nguyễn xuống miền Nam..."

... Nhà Lê bị kẻ quyền thần là họ Trịnh hiếp chế đã lâu lắm vậy. Là dòng dõi nhà vua. Mật nay trong lòng uất ức, muốn rửa sạch quốc thù. Nhưng thế yếu mà giặc mạnh, cho nên bao lần cử binh mà việc vẫn không thành.

Này nay, ở nơi nước cũ, trăm họ đều trông ngóng mặt trời. Nhà Lê là chủ cũ của ta đó, họ Trịnh là cừ thù của ta kia. Việc phù Lê diệt Trịnh chỉ còn trông cậy ở miền Nam kéo quân lên, xin sớm sớm định các cơ nghi và chọn ngày tốt tiến quân, để cùng với Mật này cùng ứng tiếp. Như vậy giặc mới có thể trừ, mối thù của chúng ta có thể rửa được và các vị tiên vương⁽⁷⁶⁾ cũng được thêm vinh dự vậy.⁽⁷⁷⁾

Chúa Nguyễn hồi đó là Võ vương, vì không muốn khiêu khích với họ Trịnh, viết thư khước từ. Võ vương không hiểu rằng chính phủ Thuận Hóa và đảng Trấn Ninh có quan hệ mật thiết với

nhau như môi và răng. Lê Duy Mật tức là mỗi đã bị hở rồi thì răng là Thuận Hóa thể tất phải lạnh.

Chỉ tiếc rằng người chịu những ảnh hưởng khốc liệt của cái chính sách lười biếng và vụng về này không phải là Võ vương nữa. Vì khi Lê Duy Mật, vì thất cơ mà thiệt mạng thì Võ vương cũng đã tạ thế rồi. Người đương cầm vận mệnh Nam Hà là con trai thứ 16 Võ vương là Định vương, một vị chúa lúc lên ngôi mới 12 tuổi.

Vì có chí muốn xâm lược Nam Hà nên các tướng lĩnh vào trấn thủ Nghệ An thường được Tỉnh Đô vương mật dụ là phải để ý dò xét nội tình của Thuận Hóa.

Tháng năm năm Cảnh Hưng thứ 35, trấn tướng Nghệ An là Bùi Thế Đạt mật khải về Thăng Long nói Thuận Hóa có cơ chiếm được, vì chúa Nguyễn nhỏ tuổi, trong thì có quyền thần Trương Phúc Loan hãm hại những người trung lương; ngoài thì giặc Tây Sơn nổi lên quấy nhiễu.

Tỉnh Đô vương đem việc này ra bàn tại chính phủ: các đại thần như Hoàng Ngũ Phúc, Nguyễn Nghiễm, Lê Quý Đôn đều chủ trương việc cất quân. Vương lập tức khởi phục Hoàng Ngũ Phúc làm đại tướng [\[78\]](#), Phan Lê Phiên, Uông Sĩ Điển làm Tùy quân Tham biện, Đoàn Nguyên Thúc làm Nghệ An Đốc thi, thống lĩnh ba mươi ba doanh tướng, sĩ cùng các đạo quân Thanh Nghệ và Đông, Nam, vừa thủy vừa bộ, tất cả ba mươi vạn người, tiến vào Nghệ An trước. Các danh tướng ở Bắc Hà như Hoàng Phùng Cơ và Hoàng Đình Thế đều thuộc quyền Ngũ Phúc sai phái. Lại cho cả bọn Nguyễn Nghiễm và Hoàng Đình Bảo theo đi để tùy việc điều khiển.

Vì Thuận Hóa luôn mấy năm bị mất mùa, quân đội không thể trông cậy vào đó mà có lương thực được nên Tỉnh Đô vương đặt ra một phép chở lương riêng. Theo phép đó thì chỗ vận lương đầu tiên là Mỹ Lộc (Sơn Nam). Người chủ trương là Nguyễn Đình Diễn.

Đình Diễn lấy tiền kho mua thóc, gạo ở Bắc Hà, rồi cho tải xuống thuyền mà chở vào Hà Trung (Nghệ An) giao cho Đoàn Nguyên Thúc.

Nguyên Thúc nhận lấy số thóc gạo ấy và lại đóng thêm thóc gạo của các nhà giàu ở Nghệ An nữa mà tùy tiện theo đường thủy hoặc bộ chở vào Động Hải (Quảng Bình) giao cho Phạm Ngô Giao.

Tại Quảng Bình, Ngô Giao giữ lấy số lương này, rồi điều độ mà phát cho quân dùng.

Khi cất quân lên đường, Tỉnh Đô vương còn cầm tay Hoàng Ngũ Phúc, dặn:

- Tới Nghệ An, ông nên tùy cơ mà hành động. Trước hết hãy viết thư cho biên tướng nói thác rằng mình cất quân vào có ý là phòng quân Tây Sơn tràn ra Bắc, để cho họ yên lòng. Nếu họ đã dẹp yên được quân Tây Sơn rồi thì cũng liệu lời mà viết thư cho họ, rồi cất quân về, chẳng nên làm cho họ ngờ vực mà gây ra sự xung đột ở nơi biên khốn.

Theo đúng ý trên, khi mang quân vào tới Hà Trung (Nghệ An), Hoàng Ngũ Phúc tuyên bố rằng mục đích việc xuất sư của mình là vì họ Nguyễn mà dẹp giặc, nhưng ngầm sai người mua chuộc bọn quân lính coi giữ biên giới của Nam Hà, rồi đêm, mang quân qua sông Linh Giang... Tướng trấn thủ Bồ Chính doanh là Tôn Thất Tiệp (Nam Hà) sai bọn cai đội là Quý Lộc và Kiêm Long ra đón quân Hoàng Ngũ Phúc, nói quân Tây Sơn hiện đương tự diệt, bắt tất phải phiên quân Bắc Hà vào giúp. Nhưng Ngũ Phúc mật sai người mua chuộc sứ giả nên bọn Kiêm Long có ý làm phản, nói: "Đường không đi không tới, chuông không đánh không kêu." Ngũ Phúc hiểu ý, tiến quân lên đánh Bồ Chính doanh. Tôn Thất Tiệp phải lui về giữ Động Hải. Ông lại sai Hoàng Đình. Thế tiến đánh lũy Trấn Ninh. Nam tướng là Hoàng Văn Bật và Lê Thập Thức tự biến mình làm nội ứng, mở cửa lũy cho quân họ Trịnh, Đình Thế chỉ còn có việc mở cờ đánh trống tiến quân vào lũy. Trấn tướng Nam Hà là Luận Chính và Thành Tín đầu hàng. Quân họ Trịnh thừa thế tiến thẳng vào Quảng Bình doanh; bọn Tôn Thất Tiệp và Khiêm Chính phải bỏ chạy.

Tháng mười một năm Cảnh Hưng thứ 35, Tỉnh Đô vương thân mang quân vào Nghệ An, đóng tại Hà Trung, rao lên rằng vương vào đây để làm thanh viện cho Hoàng Ngũ Phúc. Nhưng cùng

trong thời gian này, quân Ngũ Phúc đã tiến vào gần đến Thanh Hóa. Ông truyền hịch cho dân Nam Hà, nói ngoài việc trừ Trương Phúc Loan là kẻ tàn dân hại nước ra, ông không có ý gì xâm lược xứ này cả.

Chính phủ Thuận Hóa vội bắt Trương phúc Loan nộp Ngũ Phúc. Từ đó, Ngũ Phúc không nói gì đến Trương Phúc Loan nữa. Nhưng lại đặt thư cho chúa Nguyễn, hẹn cùng hội quân ở Phú Xuân để dẹp Tây Sơn.

Định vương biết rằng Hoàng Ngũ Phúc chỉ cốt tìm cách để lừa dối mình nên vội sai Tôn Thất Tiếp làm thống binh ra giữ và bọn Tuyên Chính và Thành Đức trá hàng để dụ quân họ Trịnh. Tiếp, lại sai cai, đội là Phầm Bình ra dụ bọn hào mục ở Quảng Bình và Bố Chính khởi nghĩa để chặn đường về của quân Ngũ Phúc. Không may Phầm Bình bị quân họ Trịnh bắt được, Tôn Thất Tiếp bị Hoàng Phùng Cơ và Nguyễn Tiến Khoan đánh thua, quân Bắc Hà từ đó thanh thế rất mạnh, không tài nào ngăn ngừa được nữa.

Thua mặt bộ, chính phủ Thuận Hóa xoay chống về mặt thủy, nhưng thủy quân cũng không lợi, thành ra bọn tướng lĩnh như: Tôn Thất Doanh, Nguyễn Văn Chính kể nhau mà chết trận hoặc xin hàng.

Tháng chạp năm ấy, Ngũ Phúc sai Hoàng Đình Thế vòng đường núi qua bến Trầm Than đánh vào đô thành. Túng thế, Định vương phải xuống thuyền chạy ra cửa Tư Dung để trốn vào Quảng Nam.

Được tin Ngũ Phúc đã chiếm được Thuận Hóa rồi, Tĩnh Đô vương sai Nguyễn Quỳnh mang vào thưởng cho Ngũ Phúc một trăm lạng vàng và gửi cho ông một phong thư, trong nói: “Đã lấy được Thuận Hóa rồi thì Quảng Nam không bao lâu nữa cũng dẹp yên. Việc này ngoài nguyên lão(79) ra thì không ai đương nổi. Vậy mọi việc đánh dẹp nguyên lão cứ tự ý mà làm.”

Vương lại thưởng cho các tướng sĩ năm nghìn lạng bạc, rồi kéo quân về, lưu Ngũ Phúc lại làm đại trấn phủ.

Kế tiếp công việc bình phục Nam Hà, Ngũ Phúc tiến đánh Quảng Nam, Nguyễn Văn Nhạc bị thua, phải dâng biểu xin hàng. Hoàng Ngũ Phúc thuận cho. Thế là hai trấn Thuận, Quảng về cả uy quyền họ Trịnh.

Có kẻ trách Tĩnh Đô vương là nhãn giới hẹp hòi, vì không theo mưu của Lê Quý Đôn mà đánh giần lên để trừ cái họa Tây Sơn sau này. Nhưng điều trách đó không khỏi quá đáng, vì, sau khi đóng lâu ở Ô Lý, quân Hoàng Ngũ Phúc, bị dịch lệ không thể đánh được nữa mà có đánh cũng vị tất đã giữ nổi sau này. Vương theo lời Ngũ Phúc mà bãi binh, chẳng qua chỉ là làm một việc mà thế tất phải làm. Chỗ đáng khen là Tĩnh Đô vương đã đạt tới một cái mục đích mà các chúa Trịnh trước vẫn mong mỏi là chỉ trong khoảng mười năm, đã xóa bỏ được những di tích của họ Nguyễn ở phương Nam, làm cho Thuận Hóa, từ chính trị đến phong tục, hoàn toàn như Bắc Hà cả.

Tĩnh Đô vương là một trong số rất hiếm những vị đế vương đã gây ra được một nền văn học rực rỡ, bên cạnh những võ công oanh liệt.

Không kể Nguyễn Nghiễm, Lê Quý Đôn là những nhân vật từ thời trước còn lại, chính trong đời mình, Tĩnh Đô vương cũng đào tạo được một số nhân tài rất đông đúc mà văn chương và chính tích còn lưu đến bây giờ.

Văn học như Phạm Nguyễn Du, Ngô Thì Sĩ, Bùi Huy Bích, chính trị như Hồ Sĩ Đống, Hoàng Đình Bảo đều góp một phần công lớn vào nền thịnh vượng của nước Việt Nam.

Chính Tĩnh Đô vương cũng là một nhà thẩm mỹ kiêm thi ông rất lành nghề. Để “làm đẹp” cho đô thành Thăng Long. Vương đã không quản những món chi tiêu cực lớn để đào hồ, xây nhà thủy tạ... Ngoài ra, những danh sơn thắng tích như núi Dục Thúy, hàng Tử Trầm đều được vương sửa sang lại và lập thành hành cung ở đó để thời thường ra thăm. Các thắng cảnh khác

trong nước cũng được vương thăm viếng ít nhiều. Mà vương đi đến đâu đều có ngâm vịnh mua vui. Những thi ca của Tĩnh Đô vương nếu thu thập được hết, có thể góp thành một cuốn “địa dư lớn có vần”, trong đó không biết bao nhiêu ý từ dồi dào được mô tả bằng những câu văn rất êm đềm và chải chuốt.

Thí dụ mấy bài vịnh cảnh dưới đây của Tĩnh Đô vương mà chúng tôi nhặt được trong bộ Hoàng Việt địa dư chí:

VỊNH ĐỘNG DIỆU SƠN

天將虛室石巔岼

Thiên tương hư thất thạch toàn ngoan,

妙跡仍傳在世間

Diệu tích nhưng truyền tại thế gian.

一竅深藏千古井

Nhất khiếu thâm tàng thiên cổ tỉnh,

半窻低憾九迴灘

Bán song đê hám cửu hồi than.

華鯨夢覺雲中響

Hoa kinh mộng giác vân trung hưởng,

石象安排雪後鞍

Thạch tượng an bài tuyết hậu an.

海宇正逢清帖會

Hải vũ chinh phùng thanh thiếp hội,

毫端收拾錦江山

Hào đoan thu thập cẩm giang san.

Lược dịch

Lưng trời nhà trống đá chon von,

Cảnh thẳng trần gian dấu vẫn còn.

Một lỗ tò mò hom lòng giếng thăm,

Nửa rèm quanh quất nước ghềnh tuôn.

Chày kinh khua mộng mây đường vắng.

Yên tượng pha sương đá chữa mòn.

Trời bể rõ ràng cơ thịnh trị.

Bút thần hợp tả cảnh giang sơn.

V

ỊNH CHÙA THÁI BÌNH

山水回環覺有情

Sơn thủy hồi hoàn giác hữu tình,

輪囷瑞氣擁鵬程

Luân khuân thụ khí ủng bằng trình.

一條石竅通斜徑

Nhất điều thạch khiếu thông tà kinh,

九品金臺倚峭屏

Cửu phẩm tìm đài ỷ tiểu bình.

村市人歸初月上

Thôn thị nhân quy sơ nguyệt thượng,

溪灘客渡晚潮生

Khê than khách độ vãn trào sinh.

此來正擬詳風物

Thử lai chính nghĩ tường phong vật,

髻白隨車頌太平

Thiều bạch tùy xa tụng thái bình.

Lược dịch

Non nước quanh co rất hữu tình,

Đường bằng thuận gió rộng thênh thênh.

Một lần cửa đá ra đường tắt,

Chín bậc lầu vàng lẫn núi xanh.

Tan chợ người về khuôn nguyệt dựng,

Qua ghềnh khách ngắm nước triều xinh.

Chơi đây mới rõ bề phong vật,

Già, trẻ theo xe chúc thái bình.

+) Ề ĐỘNG BẠCH Á
安排別是一乾坤

An bài biệt thị nhất càn khôn,

巍巖穹窿地勢尊

Nguy nghiệp khung long địa thế tôn.

表裡重虛石壁

Biểu lý trùng trùng hư thạch bích,

東西面廠雲門

Đông tây diện diện xưởng vân môn.

寒碑雲鎖陳寺

Hàn bi vân tỏa trần trần tự,

古磬風催遠村

Cổ khánh phong thôi viễn viễn thôn.

玉帶周迴供我賞

Ngọc dải chu hồi cung ngã thưởng,

何勞漁父訪桃源

Hà lao Ngư phủ phỏng đào nguyên.

Lược dịch

Đặt bầy riêng một càn khôn,

Khum khum thế đất chon von gồ ghề.

Trước sau vách đá hai bề,

Đông tây hai mặt mây che mịt mù.

Bia chùa mây ám lạnh lùng,

Gió đưa tiếng khánh vang từng thôn trang.

Tiền dòng nước cuốn sáng choang,

Cớ sao Ngư phủ hỏi đường Đào nguyên.

十) Ề NÚI VẪN NHAM
名勝高標第一洲

Danh thắng cáo tiêu đệ nhất châu

山容如黛水如油

Sơn dung như đại thủy như du.

半封雲洞邀玄鶴

Bán phong vân động yêu huyền hạc,

平漲河門狎白鷗

Bình chương hà môn hiệp bạch âu.

雲徑樵緣頑石腳

Vân kinh tiêu duyên ngoan thạch cước,

星槎客渡急灘頭

Tinh tra khách độ cấp than đầu.

凭高欲盡觀瀾興

Bình cao dục tận quan lan hứng,

碧落滄溟一色秋

Bích lạc thương minh nhất sắc thu.

Lược dịch

Cảnh thắng miếu đây phỏng kém đâu?

Non như chàm nhuộm, nước như dầu.

Mây nhô cửa động chờ tin hạc,

Nước lặng đầu sông lộ bóng đò.

Tiêu dao đèo cao chân đá cứng,

Khách qua dò nhỏ sóng ghềnh mau.

Lên cao cho thích tình xem sóng,

Nước biếc cây xanh ngắt một màu.

Song cũng như tất cả những nhà nho ham chơi chữ, Tĩnh Đô vương không khỏi có lần bị người khác dùng chữ mà lừa gạt mình.

Việc bãi chức Ngô Thì Sĩ là một thí dụ.

Một lần, các quan cùng họp ở nhà Nguyễn Lệnh Tân trên Tây Hồ để uống rượu và làm thơ.

Trong lúc xướng họa, Ngô Thì Sĩ có làm ra câu:

晴雨更宜舟

Tĩnh vũ canh nghi chu[\(80\)](#)

Có kẻ ghét

草木恐非周

Thảo mộc khủng phi Chu.[\(81\)](#)

Đưa trình Tĩnh Đô vương.

Vương tin là thực, để ý ghét Thì Sĩ và nhân Thì Sĩ bị thí sinh tố giác là chấm trường không công, liền bãi chức, đ黜 về. Nhưng không bao lâu, vương đi kinh lý miền Thanh, Nghệ, đến đâu cũng thấy thơ đề, vịnh của Thì Sĩ nên yêu tài mà gọi ra cho phục chức cũ.

Những thành tích về chính trị và quân sự không khỏi nuôi lớn mãi tính tự ái nó đã chứa sẵn trong lòng Trịnh Sâm, ngay từ khi ông mới bắt tay vào cầm quyền. Vì, chinh phục được Thuận Hóa và anh em Nguyễn Nhạc chịu xưng thần, Tĩnh Đô vương tự thấy mình là vị quốc trưởng có thể lực nhất ở phương Đông, sau hoàng đế nhà Thanh. Trong nước thì giặc giã yên hẳn. Guồng máy chính trị của nước Nam lại xoay theo dịp dàng tự nhiên của nó: thứ dịp dàng đã đẩy bao xã hội Đông phương vào một cuộc đời nửa là an nhàn, nửa là lừa biếng.

Cân nhắc những kết quả mà mình vừa thu được, Tĩnh Đô vương bất giác có cái khí tự hào như vua Louis XIV nước Pháp, khi thốt ra câu nói: “Nhà nước là ta!” Vì nhà viết sử dù nghiêm khắc đến đâu cũng không thể chối cãi được rằng vị chúa thứ chín[\(82\)](#) của họ Trịnh đã mở rộng cương giới của nước Việt Nam: vị chúa ấy đã mưu sự cường thịnh cho xứ này; và sau rốt, cũng vị chúa ấy mới có cái uy quyền tuyệt đối trên mệnh hệ của mười triệu dân Nam Việt.

Nhưng, về danh nghĩa thượng, cái uy quyền của Tĩnh Đô vương chỉ là uy quyền mượn - nếu không phải là lạm quyền - mà cái uy quyền chân chính vẫn về nhà Lê, kẻ được quốc dân tôn trọng hơn, sùng bái hơn, tuy không có tài năng gì và không tốn một giọt mồ hôi nào bao giờ cả.

Đứng trước những việc thực tế, Tĩnh Đô vương không tự thấy mình là kẻ quyền thần đã chen lấn lên uy quyền của nhà Lê nữa.

Ông chỉ thấy rằng nhà Lê đã lạm hưởng cái uy quyền mà chính ông đã xây đắp nên.

Ông cần phải kê lại một chỗ chênh lệch của lịch sử: Ông muốn truất bỏ nhà Lê đi mà tự đặt mình lên ngôi hoàng đế!

Để đạt tới cái mục đích thứ nhất, ngay hồi mới lên cầm quyền, Tĩnh Đô vương đã tự dọn sẵn một con đường: trừ bỏ Thái tử Duy Vỹ.

Và để thực hành câu của Trần Thủ Độ: “Nhổ cỏ, phải nhổ tận rễ”, vương cho Vũ Huy Đĩnh đuổi lên tận Sơn Tây, bắt vợ và ba con Duy Vỹ là Duy Khiêm, Duy Tụ và Duy Chỉ về hạ ngục.

Đối với vua Lê, việc giết Thái tử Duy Vỹ là tất cả một cuộc khiêu khích. Dù chẳng phải sành sỏi về khoa tâm lý, chúng ta cũng có thể biết được rằng Tĩnh Đô vương chỉ chờ một cử chỉ có

tính cách phản động của vua Lê Hiến Tôn mà đẩy ngã cái đế nghiệp của nhà Lê. Nhưng vua Hiến Tôn đã thừa hiểu chỗ đó. Nhà vua tỏ ra nhẫn nại đến một mực mà không ai ngờ tới. Để đáp lại cái thái độ hung hãn của Tĩnh Đô vương, nhà vua dạy cho các cung nữ tập trận ở trong điện, làm cách tiêu sấu.

Cuộc khiêu khích của Tĩnh Đô vương không có kết quả. Tuy nhiên vương vẫn không chịu bỏ dỡ cái chương trình tranh cướp đế nghiệp của nhà Lê. Thí dụ, ông tự tiện cử hành lễ Nam giao là một lễ xưa nay vẫn dành riêng cho các vua đương trị vì, lấy cớ rằng vua Hiến Tôn đương có tang mẹ. Nhưng cũng không may cho ông, trong nước năm đó mùa màng không được tốt. Người ta đổ là tại Tĩnh Đô vương, đã tranh vua trong việc tế trời. Rồi, trong các giấy má đi lại, ông tự xưng là “thánh” mà bắt các quan phải xưng là “thần”.

Về hình thức cũng như về tinh thần, Tĩnh Đô vương đã tranh cướp trọn vẹn những vinh dự và quyền hạn của nhà vua.

Tuy ông không phải là vua.

Đó là một điều Tĩnh Đô vương không thể tha thứ được. Vì dân nước vẫn dùng niên hiệu của nhà Lê và triều đình Trung Hoa vẫn không chịu thừa nhận ai hết làm chủ nhân của nước An Nam, ngoài dòng dõi vua Lê Thái Tổ.

Năm Cảnh Hưng thứ 38, nhân có việc triều cống nước Tàu, Tĩnh Đô vương sai thảo một tờ biểu riêng giao cho Chánh sứ là Vũ Trần Thiệu và dặn Thiệu phải tâu lên vua Tàu rằng hiện con cháu nhà Lê không có ai là người hiền, xin cho họ Trịnh được thay nhà Lê mà giữ ngôi nguyên thủ nước An Nam. Đồng thời, vương lại sai một viên quan hoạn rất thân tín đi làm Phó sứ và mang nhiều của cải đi theo, để hối lộ bọn quan lại Tàu, nhờ tán thành giúp cho.

Kế hoạch của Tĩnh Đô vương rất khôn khéo. Chỉ tiếc rằng ông kén người không được sành. Vì Vũ Trần Thiệu là người mà ông gửi gắm cổ ngai hoàng đế, không phải như nhiều quan lại khác mà lương tâm đã bị mù quáng vì cái bả lợi danh.

Trần Thiệu là một trong những sĩ phu rất hiếm, biết để tiếng thơm về muôn thừa lên trên cái phú quý của một đời người: tới hồ Động Đình, vị Chánh sứ (Trần Thiệu) giả bệnh, ngừng lại. Đêm đến, ông gọi cả sứ bộ đến trước giường mình mà đốt biểu cầu phong, rồi uống thuốc độc mà từ trần.

Sứ bộ như rắn mất đầu, phải quay lại Thăng Long.

Cái mộng làm hoàng đế của Tĩnh Đô vương bỗng đổi thành một cơn ác mộng.

Nhưng sau cuộc thất bại nhỏ nhen đó, vương có chịu gột rửa khối óc tham lam quá bạo và yên phận “giữ chùa thờ Phật thì ăn oản” là lời Nguyễn Bỉnh Khiêm khuyên Trịnh Kiểm khi trước hay không?

Quyết không! Tuy chính ngôi chùa của ông cũng không được xây đắp trên một cái nền tảng hoàn toàn vững chãi.

Theo lệ thường, việc kế tập bao giờ cũng về ngành trưởng. Mà ngành trưởng của họ Trịnh là Trịnh Bồng.

Nhưng Bồng vì thiếu can đảm phải gửi thân vào cửa Phật để tránh sự thù oán và ngờ vực của những kẻ đã lập tâm tranh cướp tòa lâu đài phú quý của mình.

Tĩnh Đô vương không phải lo về ngành trưởng nữa.

Nhưng ông lại phải lo lắng về một trong những người thân nhất với mình là Trịnh Lệ, một người con khác của Minh Đô vương.

Cùng chung những máu mủ với Tĩnh Đô vương và tự cho là cũng có những tài trí như Tĩnh Đô vương, Trịnh Lệ tự vấn tại sao một việc anh ruột mình làm được mà mình lại không làm. Rồi bị lòng tham thúc giục, Lệ nuôi bọn mưu sĩ ở trong nhà mình như bọn Nguyễn Huy Cơ, Nguyễn Huy Bá, Dương Trọng Tế⁽⁸³⁾... chờ cơ hội để tranh cướp lấy chính quyền.

Song, sự thực, những tài năng của Trịnh Lệ có lẽ không tương đương với tấm lòng tham vọng quá ư to tát của vị vương tử này. Trọng Tế tự liệu là việc không thể thành được, mang cơ mưu ra tổ giắc với Tĩnh Đô vương.

Trọng Tế được trả lại quan chức cũ và thăng ba cấp.

Trịnh Lệ bị hạ ngục.

Cái tính mệnh cũng như ngôi chúa của Tĩnh Đô vương không hề bị lay chuyển một ly nào.

Tuy nhiên, cuộc suy vong của họ Trịnh không phải ở triều đình Mãn Thanh, một lực lượng mà các chúa Trịnh đều phải nể sợ; cũng không phải ở Trịnh Lệ hoặc Trịnh Bồng, tuy người thứ nhất vẫn thêm muốn cái ghế Nguyên thủ Bắc Hà và người thứ hai có rất đủ những danh nghĩa để leo lên ghế ấy.

Họ Trịnh cũng như hầu hết các triều đại ở Đông phương, sở dĩ bị đập đổ là vì cái nhan sắc một người đàn bà. Và người đàn bà này có thể nói là cũng độc ác như Đất Kỷ và gian hiểm như Bao Tự, hai con nghiệt phụ đã xô đổ nhà Thương và dắt nhà Chu vào cuộc suy vong. Tuy lúc nhỏ nàng chỉ là một cô thiếu nữ hiền lành, con một nhà binh dân ở làng Phù Đồng (Kinh Bắc). Tên nàng là Đặng Thị Huệ.

Tại sao Thị Huệ được tiến vào cung và nhất là được đóng một vai quan trọng trong lịch sử Việt Nam về thế kỷ XVIII?

Giản dị lắm.

Nguyên trước Tĩnh Đô vương đã có hai vợ:

Chính phi Hoàng Thị Ngọc Khoan là con gái Hậu Huệ công, người xã Linh Đường, huyện Thanh Trì. Bà này sinh được hai người con gái là Ngọc Anh và Ngọc Lan, rồi mất.

Thứ phi Dương Thị Ngọc Hoan, người xã Long Phúc, huyện Thạch Hà, sinh ra Trịnh Khải.

Số vợ nhiều hay ít, đối với các vua chúa Đông phương, thật ra không quan hệ mấy. Vì, ngoài hai bà phi này ra, tình yêu của Tĩnh Đô vương còn san sẻ cho một số rất đông những gái đẹp gọi là cung nữ mà người ta ước lượng rằng trong vương phủ có tới hai hoặc ba trăm. Nhưng, sau khi đã chinh phục được Nam Hà rồi, thì con số ấy lại tăng bội lên rất nhiều. Vì, cho rằng trong nước không còn gì đáng quan tâm nữa, vương chỉ mãi miết trong các cuộc truy hoan và tuyển gái đẹp ở bốn phương về, để gây cái sinh thú cho vương ở nội phủ.

Thị Huệ là một trong những cung nữ mới ấy.

Nhưng, lúc đầu, cũng như các bạn gái khác cùng một cảnh ngộ, nàng phải sống một đoạn đời tối tăm với những việc sai bảo vặt vãnh của bọn đầy tớ và con hầu. Song “sớm là cô gái dãi vãi nước Việt, chiều làm vương cơ nước Ngò” [\(84\)](#) đã là cái công lệ của bạn gái có cái sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành thì Đặng thị Huệ có khi nào phải trọn đời ở trong cảnh bần hàn.

Một hôm, nhân Thị Huệ tiến hoa lên dâng chúa, Tĩnh Đô vương thấy nàng có nhan sắc thì để ý, rồi bất giác sinh ra quyến luyến nàng. Từ đó, vương không muốn cho phi thiếp nào đến gần nữa mà chỉ cùng với cô gái làng Phù Đồng xoắn xuýt suốt ngày đêm. Từ là một cung nữ rất hèn hạ, Thị Huệ được thăng lên làm Tiệp dư, chức mà các chúa Trịnh đặt ra để trở những vợ lẽ ở dưới ngôi vương phi một bậc.

Về danh nghĩa, tuy nàng chưa phải là chính thất của chúa Trịnh, song về thực tế thì Thị Huệ đã chiếm hết cả tình yêu của Tĩnh Đô vương. Vì, bữa cơm, khi có nàng ngồi cạnh, vương ăn mới được ngon và mỗi lần vương đi thăm các thắng cảnh hoặc chơi thuyền, thế tất phải có nàng đi theo và cùng với vương cùng ngồi một kiệu.

Tả tình quyến luyến của Tĩnh Đô vương với Đặng thị Huệ, trong bài *Thưởng liên đình phú* của Ngô Thì Nhậm có câu:

賞相師之巧裁兮

Thưởng tương sư chi xảo tài hề

誇仙娥之善剪

Khoa tiên nga chí thiện tiển [\(85\)](#)

Mà tác giả thích nghĩa là mỗi lần có trà sen Hoàn Quận công (Nguyễn Hoàn) thường cho phi ngựa lên tiến Thịnh vương (Tĩnh Đô vương). Vương lập tức cho pha trà, rồi triệu Tuyên phi (Đặng Thị Huệ) đến cùng thưởng. Vì Tuyên phi rất thích hương sen. [\(86\)](#)

Song muốn biết Tĩnh Đô vương âu yếm nàng đến bậc nào, tưởng chúng ta có thể nhận biết được trong truyện dưới đây thuật bằng ngọn bút rất tài tình của tác giả *Hoàng Lê nhất thống chí*:

Khi vào đánh Quảng Nam. Tĩnh Đô vương có bắt được một hòn ngọc mà vương rất quý nên thường cài ở trên khăn.

Một hôm, Thị Huệ lấy ra chơi. Vương dặn:

- Nhẹ tay chứ nhé. Đừng làm rơi vỡ mất!

Nàng lập tức vất hòn ngọc ấy xuống đất, khóc:

- Quý gì hòn ngọc ấy! Bật quá vào Quảng Nam lấy ra hòn khác đền chúa chứ gì. Sao chúa lại trọng của hơn người thế!

Nói rồi bỏ vương đó, trở về phòng riêng mà nằm. Tĩnh Đô vương phải hết sức dỗ dành, nàng mới chịu vui vẻ như trước.

Thị Huệ có một người em trai là Đặng Mậu Lân tuy không có công trạng gì cả, cũng được Tĩnh Đô vương phong là Lân Trung hầu.

Mậu Lân là kẻ vô học và rất hung hãn, vì cậy thế chị nên thường làm những việc rất độc ác mà coi pháp luật không vào đâu cả. Hắn xây nhà ở phía Tây Nam thành Thăng Long mà ở, cũng lâu tạ, cũng ngựa xe, tôi tớ có hàng trăm người, lộng lẫy và hách dịch không kém gì vương phủ.

Ngày thường, Mậu Lân cũng với hàng trăm thủ hạ cầm gươm đao, nghênh ngang đi trong kinh thành, hễ đụng chạm phải xe ngựa của ai thì lập tức gây sự đánh nhau. Dù là quan to trong triều, hắn cũng không từ, thường mắng nhiếc người ta đến thậm tệ. Hắn lại nuôi hàng đàn chó dữ. Khi đi săn thì thả cho chạy trước, tha hồ cho cắn những khách qua đường. Nếu gặp người con gái nào mà hắn vừa mắt thì lập tức sai đầy tớ buông màn ngay cạnh đường mà hiếp tróc. Người nào không chịu, đều bị hắn cắt hai vú mà vất đi. Nếu chồng hoặc bố mẹ người con gái đó can thiệp, hắn đánh vỡ đầu, gãy răng, có khi đến chết hẳn.

Tuy biết Mậu Lân làm việc phi pháp, nhưng các quan kinh doanh, vì sợ thân thế của Đặng Thị Huệ, cũng phải ngơ đi. Dân đô thành sợ hắn như hùm beo, hễ trông thấy hắn thì phải tránh xa ra để khỏi bị tai vạ.

Một hôm, Tĩnh Đô vương cùng với Thị Huệ đi kiệu ngang qua đường phố. Mậu Lân từ ngõ hẻm chạy xổ ra, gạt cái màn che trước kiệu lên mà gọi:

- Chị ơi, chị!

Thị Huệ thất kinh, mắng:

- Ô hay. Sao mày lại vô lễ thế?

Các quan hầu thấy hắn đường đột như vậy thì cũng sợ liên lụy đến mình, đều luống cuống, không biết xử trí thế nào. Tĩnh Đô vương nguyên không biết mặt Mậu Lân, truyền giữ hắn lại, hỏi, hắn thưa:

- Chị tôi đây, từ nhỏ vẫn ở chung với tôi. Từ khi chị tôi vào cung hầu chúa, tôi không được

thấy mặt nên tôi nhớ lắm. Hôm nay được tin chị tôi theo chúa ngự ra ngoài, nên tôi đánh liều nhìn mặt chị tôi một chút cho hả lòng.

Khi Tĩnh Đô vương biết rằng đưa con trai ngỗ ngược đó là em vợ mình thì tự nhiên đổi giận làm lành, khen hấn là đưa em hiền, hết lòng thân yêu với chị.

Như trên chúng tôi đã nói, Tĩnh Đô vương chỉ có hai con gái. Người lớn là quận chúa Ngọc Anh thì đã gả cho con trai Bùi Thế Đạt là Bùi Thế Toại, làm trấn thủ Thanh Hoa. Còn người bé là Ngọc Lan hình dung rất yếu điệu và tính khí tao nhã nên vương yêu dấu như hoa ngọc quý không lúc nào muốn rời tay.

Từ nhỏ, nàng Ngọc Lan vẫn được nuôi trong một cung riêng, chung quanh lát toàn thủy tinh nên gọi là Thủy Tinh cung, không bao giờ cho ra đến nắng gió cả và kẻ hầu hạ, vương cũng cấm không cho nói to, sợ kinh động đến nàng.

Nàng Ngọc Lan tuy đã đến tuần cập kê rồi, nhưng Tĩnh Đô vương cũng vẫn coi như lúc còn tằm bé, nghĩa là khi vương ra ngự triều, thường cho nàng được ngồi bên và có nói năng điều gì đều được vương nghe theo.

Nhiều con cháu các đại thần muốn xin nàng làm vợ, nhưng vương không thuận, bắt họ phải vào cung cho nàng xem mặt để tự kén lấy, nhưng nàng cũng không ưng một ai cả.

Mậu Lân nghe biết việc này, vội vào nói với chị, nhờ hỏi Ngọc Lan về làm vợ mình. Song khi Tĩnh Đô vương cho đòi hấn vào xem mặt thì cái hình dung to lớn và thô鄙 của hấn phản trái hấn với cái cốt cách tao nhã của quận chúa, khiến cho ai nấy đều phải phì cười!

Tuy vậy, hấn vẫn không chịu thua, cố nài chị hỏi cho kỳ được Ngọc Lan mới thôi. Đặng Thị Huệ vì thương em, hết sức van xin. Tĩnh Đô vương bất đắc dĩ phải nhận lời. Nhưng hôm làm lễ vu quy cho con gái mình, vương có ý hối, tự nghĩ Ngọc Lan ẻo lả, kham thể nào được đưa con trai cường bạo như Mậu Lân. Vương vội lấy cớ con gái mình chưa lên đậu, không thể làm lễ hợp cẩn được, sai một viên nội giám là Sử Thọ hầu, ngồi ở cửa phòng Ngọc Lan, để phổng giữ không cho Mậu Lân xâm phạm đến quận chúa.

Mậu Lân thấy Sử Thọ hầu theo giữ Ngọc Lan không rời một phút nào cả thì giận lắm, mắng:

- Chúa tướng con gái chúa đã đẹp lắm đấy à? Cứ như con mắt ta thì nó dẫu xách giày cho ta cũng không đáng. Ta có phải ham mê cái nhan sắc của nó đâu. Chỉ nghĩ rằng ta đã tốn bao nhiêu tiền mới lấy được nó về thì dù nó chẳng ra cái hình thù gì nữa, ta cũng chơi cho biết. Nếu mày muốn yên thân thì lập tức xéo ngay, kéo lại trách là ta không báo trước.

Sử Thọ hầu lúng túng đáp:

- Chúa dặn thì tôi biết thế, chứ tự tôi có dám ngăn trở gì ông đâu?

Mậu Lân quát:

- Mày thử hỏi chúa mày xem, xử vào địa vị tao thì có nhịn được không? Nói thí dụ tao giữ chúa mày cho đến với chị tao thì chúa mày làm thế nào?

- Ấy chết, ông không nên nói quá thế, ví chúa với người thường sao được!

Mậu Lân lại càng tức giận:

- Mày lấy chúa mà dọa tao à? Chúa là gì?

Liền đó tuốt gươm chém Sử Thọ hầu làm hai đoạn và sai người đóng cửa dinh lại, không cho ai ra vào cả, toan chôn giấu cái xác ấy đi. Ngọc Lan biết việc, vội sai một thị tỳ lén ra cửa mạch [\[87\]](#), vào phủ báo Tĩnh Đô vương. Vương giận lắm, sai cung nữ ra bắt. Nhưng Mậu Lân đã cầm gươm đứng cửa dinh quát tháo:

Đưa nào vào thì ông chém.

Tĩnh Đô vương phải sai Huy Quận công Hoàng Tổ Lý mang quân đến vây nhà, Mậu Lân mới

chịu cho trời, giải về ngục.

Tĩnh Đô vương định khép Đặng Mậu Lân vào tử tội, nhưng Đặng Thị Huệ kêu khóc luôn mấy ngày, cố van xin, nói là chỉ có một em trai để nối dõi tông đường, nếu chết là tuyệt tự, và xin chịu tội thay em. Vương nể lời, giảm tội chết cho Mậu Lân xuống đầy đi viễn châu.

Tuy nhiên, hôm Mậu Lân xuống thuyền ra An Quảng để chịu đầy, dưới thuyền cũng vẫn đàn hát om xòm và bọn quan lại, vì muốn lấy lòng Thị Huệ, đi tiễn đông như đi chợ.

Sau khi Mậu Lân bị phát lưu ra An Quảng, tấm lòng âu yếm của Tĩnh Đô vương đối với Đặng phi không những không giảm; trái lại, nó còn tăng lên gấp bội. Và sau rốt, kết tinh thành một vương tử: Trịnh Cán.

Vì sinh vào cô sủng phi Đặng Thị Huệ nên Trịnh Cán được Tĩnh Đô vương yêu dấu đến cực điểm, một tình yêu mà vương không thể chứa chất được hết ở trong lòng mình nên phải để nó tràn l้น ra cả Bắc Hà. Vì bọn triều thần đoán biết rằng sự sinh hạ vương tử là một mối hạnh phúc phi thường của nhà chúa nên các trấn đều nô nức dâng khải về mừng và dư luận trong nước không chỗ nào là không nhắc nhỡ đến cậu bé con may mắn ấy.

Để tán tụng tài đức của Tĩnh Đô vương, những tài đức mà người ta cho là sẽ chuyển sang cho vương tử, một đứa bé vừa dứt ba tiếng khóc - các nhân viên trong chính phủ mừng vương sáu chữ: “Tinh trùng huy hải trùng nhuận”, nghĩa là: “Sao lồng nhau mà sáng, bể lồng nhau mà to.” Vương cũng tự tin rằng con mình là chỗ gặp gỡ của tất cả những tinh hoa trong vũ trụ nên nhân gặp phủ Phụng Thiên có khoa thi Hương, thân ra lấy đầu bài:

山川毓英河海鐘秀

Sơn xuyên dục anh, hà hải chung tú.

Có ý ám chỉ vào vương tử Cán

Cậu bé này thực ra cũng không đến nỗi không xứng đáng với nỗi lòng kỳ vọng của Tĩnh Đô vương và những lời chúc tụng của bọn triều sĩ, vì khi đầy tuổi tôi, cậu đã tỏ ra thông minh xuất chúng và có một cái diện mạo khôi ngô khác hẳn các trẻ con thường. Một đôi lần, vương cho Cán ra tiếp các quan thì cậu bé nói năng rất đúng mực và có người, hàng năm mới gặp một lần. Cán cũng nhớ mặt và tên. Cậu lại thuật lại được cả những câu đã nói năng lần trước. Vương thường mang thơ chữ Hán ra dạy Cán theo cách truyền khẩu. Cán thuộc rất mau và đọc thông vanh vách, không sai một chữ nào cả.

Cán thực đã gây được một cái vinh dự chính đáng cho những người đã may mắn sinh ra cậu.

Nếu Trịnh Cán cứ tuần tự lớn lên, để sau rốt, kế tiếp cái công nghiệp vĩ đại của ông cha cậu thì còn gì hạnh phúc cho họ Trịnh bằng. Nhưng khốn một nỗi “tạo vật đổ tài”. để giữ thế quân bình với tài mào của Trịnh cán, Hóa công giam hãm cậu bé này vào một cái thân hình rất bạc nhược và ốm yếu quanh năm.

Từ 6 tuổi trời đi, Cán không được trực tiếp với ánh sáng mặt trời nữa: suốt ngày cậu bị giam cầm trong một gian phòng rất thâm u, ra vào duy có một bọn thầy lang do Tĩnh Đô vương truyền triệu từ bốn phương về. Bọn này danh là chữa thuốc cho “Thế tử”, nhưng sự thực là giết dần Thế tử. Vì, dùng thuốc của họ, bệnh Cán mỗi ngày một tăng. Sau cùng, cậu đã được theo Tĩnh Đô vương lên thế giới cực lạc.

Cán mắc phải bệnh gì?

Triệu chứng của nó như thế nào?

Dưới đây là lời Lê Hữu Trác tức Hải Thượng Lãn Ông, một vị danh y đương thời đã được vinh hạnh vào chẩn mạch cho Trịnh Cán:

ôi thấy thế tử hình dung gầy guộc lắm: bụng to, da bóng, gân xanh, rốn lồi hơn một tấc. Hơi thở

thì âm ạch, mạch trầm tế mà vô thần. Tôi tự nghĩ lúc trước mình mới trông, thấy Thế tử còn có xương thịt, mạch còn hồng huyền, Bây giờ đến thế này thì còn chữa làm sao được nữa. Bệnh của thế tử là bệnh ‘cổ’, một trong bốn chứng(88) của cổ nhân liệt vào hạng khó chữa. Nhưng trong vương phủ, người ta kiêng chữ ‘cổ’ mà gọi là ‘cam’ để tránh cho mọi người khỏi nổi ghê sợ, khi đọc lên tiếng ấy.

Để chữa cho Trịnh Cán, người ta mượn tất cả các thầy lang có chút tiếng tăm trong nước do các quan địa phương tiến cử lên hoặc tự vương phủ tuyên triệu.

Để bốc thuốc cho Cán người ta dùng tất cả các vị thuốc quý giá có sẵn trong kho của vương phủ hoặc mua từ Tàu sang.

Cán ốm lâu quá đến nỗi trước chỗ nằm của cậu, người ta phải dọn riêng ra một phòng làm chỗ sắc thuốc và bàn bạc y lý của các thầy lang. Nhưng phòng này đáng lẽ gọi là phòng chế thuốc mà người ta kiêng mà gọi là “phòng trà”, và những bài thuốc nan y đáng ngàn vàng mà người ta tiến lên cho cậu uống, cũng không gọi là thuốc nữa mà gọi là “chè” để đánh lừa cậu. Cuộc đời ngắn ngủi của Cán thực ra không có hứng thú gì cả, vì trong mấy năm liền, thân thể của cậu đã bị tàn phá vì những vị thuốc cay đắng của một bọn thầy lang phần đông là ngu dốt và hiểu danh. Thậm chí, khi Lân Ông vào lạy tạ để cáo về, Cán còn buột miệng bảo với ông lang già này: “Chè của thầy già ngọt lắm, dễ uống. Ta muốn uống nữa!” Lý do là tự Lân Ông đã cho Cán uống những vị thuốc dịu dàng hơn các thầy lang kia một chút.

Trịnh Cán sống ít, nhưng sống một cuộc đời rất tốn kém mà hàng muôn người thường, dù đều sống đủ một trăm tuổi cả cũng không bằng. Nhưng một cái phòng ngủ của cậu cũng đã thành một giải quán quân về xa xỉ, và được và xem mạch cho cậu là một vinh dự không phải thầy lang nào cũng có thể mong mỏi được:

➤ i được độ vài trăm bước, qua mấy lần cửa ngăn, mới đến cái điểm Hậu mã quân túc trực điểm làm ở một bên cái hồ lớn, có các thứ cây lạ lùng và những hòn núi non bộ kỳ quái, cột với câu lon(89) thì lượn ra ngoắt vào coi rất tinh xảo...

... Đến một cái cửa lớn, lính thị vệ thấy tôi ăn mặc lạ mắt, liền giữ lại hỏi. Vị quan truyền chỉ phải nói là có “thánh chỉ truyền triệu” họ mới cho đi. Rẽ sang dãy hành lang mé Tây, qua một tòa nhà rất cao lớn và rộng rãi, hai bên nhà, bày hai cỗ ngự kiệu, các nghi trượng đều thiếp vàng nuột cả. Gian giữa kê một cỗ sập ngự thiếp vàng; trên sập mắc một cái võng điều. Đàng trước sập và hai bên tả hữu, bày nhiều kỷ, án và đồ chơi, mà người ta không trông thấy tại các nhà thường. Tôi chỉ liếc mắt trông qua, rồi cúi đầu mà đi. Lại qua một lần bích môn nữa, tới một cái gác vừa cao, vừa rộng. Những rường cột trong gác đều sơn son thiếp vàng. Tôi hỏi nhỏ vị quan truyền chỉ thì vị này nói: Tòa nhà giao góc vừa đi qua đó là Đại đường hoặc cũng gọi là Tử các. Hiện Thế tử ngự trà ở đó nên cũng gọi là “Trà phòng” Vì kiêng tiếng “thuốc” nên gọi là “trà”).

Quan chánh đường sợ tôi lạc lối nên bảo tôi đi sát sau lưng ông. Chợt đến một chỗ màn gấm mở rộng, trong tối om, chẳng biết có cửa ngõ hay không. Màn gấm thì trùng trùng điệp điệp, hết vòng nọ đến vòng kia mà vòng nào cũng có thấp một cây nến để dẫn đường. Qua độ bốn năm lần trướng gấm, tới một cái phòng rộng, giữa kê một cỗ sập thiếp vàng, trên có một cậu bé chừng năm sáu tuổi mặc áo lụa đỏ ngồi. Hai bên cậu, có ít nhiều người đứng hầu. Giữa phòng thấp một ngọn nến to gắn trên một cây nến bằng đồng.

Cạnh sập, kê một cỗ long kỷ, sơn son vẽ vàng, trên trải nệm gấm. Gần Long kỷ có một cái màn cẩm sa mắc ngang qua. Phía trong màn, bọn cung nhân đứng xúm xít, nhờ có ánh sáng chiếu rọi, nên tôi nhận ra rằng họ đều áo đỏ, mặt hoa hương đưa ngào ngạt. Chắc là Thánh thượng (Tĩnh Đô vương) vừa ngự trên long kỷ, nhưng tạm lánh sang bên, để tôi xem mạch cho được tinh tường.

Tôi nín thở, đứng nép vào một bên để chờ lệnh. Chợt quan Chánh đường truyền cho tôi lạy bốn lạy. Thế tử trông tôi, cười: “người này lạy khéo quá!”

Quan Chánh đường lại nói lớn:

“Thầy già yếu, cho phép được ngồi hầu mạch!”

Tôi bèn lom khom đến trước ngự sàng, ngồi xem mạch. Xem xong, nghe trong màn cấm sa có tiếng nói: “Hãy xem cả hình trạng nữa xem!” Liền đó, một viên nội giám tiến lên trước ngự sàng thỉnh vời Thế tử. Thế tử lập tức cởi áo, rồi đứng ra cạnh giường ngự cho tôi xem. Sau khi tôi nhìn nhận rất kỹ càng, quan Chánh đường bảo tôi lạy tạ. Tôi liền lạy bốn lạy, rồi lui ra ‘trà phòng’ lúc trước...

Những nghi lễ phiền phức cũng như tất cả những môn bài trí xa xỉ mà người ta dàn bày ở chung quanh cậu, thật ra chẳng đưa lại cho Trịnh Cán một mảy may hạnh phúc nào hết, vì cậu còn nhỏ tuổi quá, chưa tiêm nhiễm phải bệnh hiếu thắng là một bệnh đã gây ra bao nhiêu nỗi thống khổ cho loài người. Và, nếu những người thân nhất với Cán có một nhiệt tâm mong mỏi cho cậu sống thì, họ cũng vì cậu rất ít mà phần chính là vì họ muốn mượn cậu làm bậc thang để đạt tới những mục đích danh lợi của họ.

Và khi đã biết đích rằng con mình cũng như chính mình được Tĩnh Đô vương yêu dấu đến cực điểm, Đặng Thị Huệ liền nảy ra cái tham vọng muốn giựt lấy ngôi chúa cho con mình. Việc đó không phải là dễ. Vì, cứ bình tình ra thì quyền kế tập phải về tay con trai lớn của Tĩnh Đô vương là Trịnh Khải, một thanh niên vừa có học thức vừa có tài, nhưng bất hạnh sinh vào làm con Dương Thị Ngọc Hoan, một người vợ bị Tĩnh Đô vương rẻ rúng nên cũng không được vương thương yêu một chút nào cả.

Để đánh đổ Trịnh Khải, Đặng phi thừa hiểu rằng mình cần phải có vây cánh nên Phi thừa lúc viên đốc trấn Nghệ An là Hoàng Tổ Lý bị Tĩnh Đô vương ngờ ghét, liền dùng lời khôn khéo mà nói lót hộ Tổ Lý với Tĩnh Đô vương.

Tổ Lý được thoát nạn.

Hơn nữa, ông lại được từ chức đốc trấn Nghệ An mà thăng lên làm Thự phủ, một trong những chức quan trọng nhất ở phủ liêu.

Được nắm cả chính lẫn binh quyền trong nước, Hoàng Tổ Lý không thể quên được rằng người tác thành cho mình là Đặng thị Huệ nên tuy ngoài miệng không nói ra, nhưng trong thâm tâm, Tổ Lý đã bày sẵn những mưu kế để trừ bỏ con lớn của Tĩnh Đô vương mà lập Trịnh Cán.

Sự liên lạc về quyền lợi gây ra một mối tình thân mật giữa Hoàng Tổ Lý và Thị Huệ. Và, Huy quân xây đắp vào Trịnh Cán một mối hy vọng quá ư vững vàng, thành ra cuộc âm mưu của ông không phải là việc bí mật đối với ai nữa. Mấy câu giảo dị dưới đây của Hải Thượng Lãn Ông tưởng đã mô tả được gần hết cái tâm sự của Hoàng Tổ Lý bấy giờ:

Tôi xem mạch (cho Trịnh Cán) rồi lạy tạ lui ra. Đến cung Thập tự, quan Chánh đường (Tổ Lý) ghé tai, hỏi nhỏ tôi: “Ông xem thế nào?” Tôi đáp: “Tinh thần suy kiệt lắm rồi. Thế không qua được!” Ông nghe tôi nói như vậy thì phát phiền, thở dài một tiếng, rồi nằm vật xuống sập. Tôi hiểu ngay rằng Thánh thượng (Tĩnh Đô vương) sợ dĩ cật nhắc ông lên, đãi ông như ruột gan, lấy ông làm vây cánh, chỉ là định mang Thế tử mà ỷ thác cho ông. Nay ông nghe tôi nói như vậy thì không buồn sao được?

Trịnh Cán ở vào một tình cảnh rất vô vọng.

Nhưng Đặng Thị Huệ và Hoàng Tổ Lý vẫn không thất vọng.

Hai người nhân khám phá ra được cuộc âm mưu đảo chính của Trịnh Khải, liền xin với Tĩnh Đô vương, bắt Khải hạ ngục và chém giết hoặc giam cầm những người đồng mưu với Khải như Nguyễn Khắc Tuấn, Nguyễn Khản...

Thế là họ đã thắng được kẻ thù hữu tình. Nhưng còn số mệnh là kẻ thù vô hình thì họ vẫn không thắng được một mảy may, vì bệnh tình của Cán mỗi ngày một tăng. Mưu việc ở người, nhưng thành việc vẫn là quyền của tạo vật.

Muôn vật thường phải theo một cái thế quân bình mà hóa công hình như đã định sẵn. Sau

một nửa đời hết sức hoạt động - và không khỏi có lẫn cả trác táng - Tĩnh Đô vương bị giam cầm trong buồng bệnh hàng mấy năm liền. Vì mắc phải chứng kinh phong nên vương phải nằm ép trong cung thảm và không được hưởng một chút ánh sáng nào khác, ngoài ánh sáng của những ngọn bạch lập(90) mà người ta thắp suốt ngày đêm. Hàng năm, bắt đắ dĩ vương phải ra dự lễ đại triều một lần thì chỗ ngồi lại phải quây màn và kiệu phải có cửa kính để tránh được sự trực tiếp với nắng gió. Hãn hoặc, các quan có tấu đối việc gì, đều do nội giám trình lên và vương tự trong màn kín truyền ra. Cho nên những người thân mật nhất với nhà chúa có khi cũng hàng năm mới được trông thấy mặt Tĩnh Đô vương một lần. Nhân đó, Đặng thị Huệ và Hoàng Tố Lý được tùy ý muốn làm gì thì làm. Đối với các quan, họ nói là theo lệnh nhà chúa, nhưng sự thực, chính chúa, họ cũng không cho biết.

Khi xảy ra việc Trịnh Khải mưu loạn - mà các nhà làm sử quen gọi là “vụ án năm Canh Tý”, bệnh của Tĩnh Đô vương có thuyên giảm đôi chút, nhưng vì vương ngự ra cung Vọng hà xem bơi thuyền nên bị cảm và bệnh cũ lại phát ra. Rồi, từ đó không thuốc nào làm cho lui bệnh được nữa.

Bàn về bệnh thể của Tĩnh Đô vương, nhà làm thuốc Hải Thượng Lãn Ông, người sau cùng đã được xem mạch cho vương, viết:

“ Hánh thượng hình thể đã gầy guộc lắm rồi. Da dẻ của ngài thì khô khan, nước dãi thì vàng và đục, đại tiện thì táo, thỉnh thoảng ợ hơi, miệng khát lưỡi nẻ. Khi ho thì mất cả tiếng đi. Những chứng như thế thì bởi tinh huyết đã khô kiệt...”

Sau khi bàn bạc với Hoàng Tố Lý, Lãn Ông tiến lên là đơn dưới đây, để tùy vương liệu định:

Tiểu thần Lê Hữu Trác cần khai:

Kê:

Xin dùng bài “Bát vị hoàn” gia giảm chế thành cao:

熟地: Thực địa: 5 lạng.

山藥: Sơn dược: 3 lạng, hấp cơm rồi sao ba lần.

山茱: Sơn thù: 2 lạng, nhật hột ra, rồi bỏ vào rượu lược.

牡丹: Mẫu đơn: 1 lạng rưỡi, sao kỹ.

白茯苓: Bạch phục linh: 1 lạng rưỡi, tẩm sữa.

麥門: Mạch môn: 1 lạng hai đồng.

五味: Ngũ vị: 5 đồng dùng sống.

製附: Chế phụ: 5 đồng.

肉桂: Nhục quế: 5 đồng, kỵ lửa.

“ ất cả các vị trên này bỏ vào nồi đất nấu thành cao, hòa thêm hai lạng cao lộc nhung, một lạng cao khởi tử, đun chảy quấy đều, đổ ra trộn với bột nhục quế, đổ vào lọ bịt kín. Mỗi lần ngự dùng một thìa, uống với thang thần thảo sắc đặc.

Nay cần khai

Phương thuốc của Lãn Ông mấy hôm đầu rất có hiệu lực, vì vương đã khỏi sốt và ăn, ngủ được. Nhưng chỉ một tuần sau, thì nó lại trở nên trầm trọng. Thầy thuốc đoán là vị khí của vương đã bại rồi mà vị khí bại thì không thuốc nào chuyển được nữa.

Tĩnh Đô vương tự lượng rằng mình không thể qua khỏi được, liền gọi Hoàng Tố Lý đến ỷ thác cho việc lập Trịnh Cán sau này. Nhưng Huy quận sợ rằng một mình mình chẳng đủ chế phục

được cả nước nên xin vương lập một hội đồng phụ chính, trong có tất cả bảy người:

Huy Quận công Hoàng Tố Lý;

Hoàn Quận Công Nguyễn Hoàn;

Diễm Quận công Trịnh Kiều;

Châu Quận công Lê Đình Châu;

Thùy Trung hầu Tạ Danh Thùy;

Tứ Xuyên hầu Phan Lê Phiên;

Thanh Quận công Trần Xuân Huy.

Liền đó, Huy quận sai Tứ Xuyên hầu thảo di chiếu và chức Thiêm sai là Nhữ Công Điền thảo sắc phong Đặng Thị Huệ chức Tuyên phi. Nhưng hai người vừa thảo xong, vương chưa kịp cho chữ, đã tắt nghỉ.

Hôm đó là ngày 11 tháng chín năm Cảnh Hưng thứ 43.

Vương thọ 41 tuổi.

Sau khi Tĩnh Đô vương mất, bọn Hoàng Tố Lý theo lời di chúc, tôn Trịnh Cán lên làm chúa, lấy hiệu là Điện Đô vương.

Cán mới tám tuổi⁽⁹¹⁾, cố nhiên không hiểu chính sự là gì hết nên chính quyền ở cả trong tay Đặng Tuyên phi mà người giựt dây ở phía sau là viên Thự phủ họ Hoàng.

Tuyên phi từ đó đóng vai Ý Lan Thái phi, ngồi trong rèm xử đoán mọi việc thay con. Mà Hoàng Tố Lý, cũng muốn đóng vai Gia Cát Võ hầu mang cái túi kinh luân của mình ra giúp ấu chúa.

Nhưng cả ba người ngồi chưa ấm chỗ, thì lính Tam phủ nổi lên, giải phóng cho Trịnh Khải; Tố Lý vì vô mưu nên bị chúng giết chết. Điện Đô vương phải truất bỏ và Đặng Thị Huệ bị bắt giam. Công xếp đặt của hai người trong bao nhiêu năm rút lại thành một giấc kẻ vàng⁽⁹²⁾. Ngôi chúa của Bắc Hà sau rốt lại trở về con trưởng: Trịnh Khải.

Muốn tỏ ra rằng mình có lượng, Khải phong cho Cán tước Cung Quốc công và cũng dụng công tìm thầy chữa thuốc cho Cán như khi Tĩnh Đô vương hãy còn. Nhưng hết phải ra phủ đường dự lễ triều hạ⁽⁹³⁾, lại bị bọn nội giám bế đi trốn tránh. Cán vì bị kích động luôn mãi, bệnh lại tăng lên gấp bội và tắt thở ngày 13 tháng mười một năm Cảnh Hưng thứ 43, nghĩa là sau Tĩnh Đô vương vừa hai tháng.

Mất chính quyền, Đặng Tuyên phi còn có thể tự an ủi được. Nhưng đến con chết thì đời nàng trở nên đau khổ vô hạn và không còn lưu lại lấy một chút sinh thú nào.

Tuy nhiên để “làm cho, cho hại cho tàn cho cạn”, tôn công lại đầy cô gái đẹp làng Phù Đổng vào một cái khổ thứ ba nữa là phải chịu đựng cái ghen quá mùa của nàng Dương Thị Ngọc Hoan là vợ Tĩnh Đô vương và là mẹ đẻ của Đoan Nam vương Trịnh Khải.

Thoạt đầu, Dương Thái phi bắt đưa Tuyên phi đến trước mặt mình mà kể hết các tội lỗi của nàng khi trước và bắt nàng phải lạy tạ.

Tuyên phi không chịu.

Thái phi liền sai cung nữ kéo tóc mà rập đầu Tuyên phi xuống đất. Nhưng Tuyên phi cũng nhất định giữ cái thái độ cương ngạnh khi trước và không chịu nói năng một câu gì.

Thái phi tức giận, sai cung nữ nhổ vào mặt Tuyên phi, rồi bắt giam ở sau vườn, hàng ngày lại mắng nhiếc thậm tàn, hình như để dốc hết những nỗi ghen tức mà bà vẫn chứa chất ở trong lòng, vì sinh thời Tĩnh Đô vương, bà không có can đảm dốc vợ nó đi được.

Một hôm, Tuyên phi nhân lúc vắng người, lấy vạt áo che mặt, do cửa Tuyên vũ trốn ra ngoài thành. Thái phi biết tin, cho đuổi theo bắt về giam giữ rất nghiêm khắc và từ đó, không hỏi han đến nữa.

Sang năm sau, bọn lính hộ lăng chợt về báo rằng các đồ thờ trong lăng Tĩnh Đô vương tự nhiên đổ vỡ tan nát cả. Dương Thái phi lấy làm lạ, cho đòi bọn đồng cốt đến hỏi. Bọn này có lẽ ái ngại cho cái tình cảnh của Đặng Tuyên phi, nói hiện Đoan Nam vương đã phạm vào hai tội bất hiếu: hành hạ người yêu (Tuyên phi) và đổi đồ khâm liệm của cha([94](#)) làm cho hài cốt không được yên nên Tĩnh Đô vương ứng ra các điềm đó để báo cho người sống biết mà hối cải lại.

Dương Thái phi lo sợ, báo Đoan Nam vương làm lễ tạ và cho Đặng Tuyên phi ra ở lăng Tĩnh Đô vương để coi giữ tấm miếu. Nhưng từ đó, Tuyên phi chỉ vật vờ khóc lóc không lúc nào ngơi.

Đến ngày lễ đại tường([95](#)), nàng uống thuốc độc mà tự tận.

Phần II

Đoan Nam Vương

I

Ăn năm Canh Tử(1)

Ách đây hai mươi nhăm ba mươi năm, quãng đất giữa những con đường Phố Nhi(2), con đường Rollandes(3), sau phố Hàng Lọng(4) có một cái hồ tục gọi là Hồ Tây Cú. Phía tây và phía bắc hồ, có hai khu đất hoang, không ra vườn, không ra bãi cỏ, đất mà chữ Pháp có tiếng gọi rất đúng là “terrain vague” (đất vu vơ, không nhất định gọi là gì được). Hồi hai nhăm năm trước đây, trứ giả(5) còn là một thằng bé lên mười tuổi, đã từng chơi đùa ở đó. Ở chỗ đầu đường Rollandes, chỗ đỗ ô tô đi Nam Định, Hà Đông, có một cái ngõ đi thông ra phố Hàng Lọng. Trong ba năm trời, từ lên bảy đến lên mười, trứ giả cùng gia thân ở một gian nhà con trong cái ngõ ấy. Cái ngõ ấy cùng một cái ngõ nữa như hai cái tròn phễu thông hồ cùng hai khoang đất hoang kia ra phố Hàng Lọng. Ban ngày – nhất là về sáng và chiều - trẻ con ở hai ngõ chật hẹp đổ dồn cả ra quãng đất hoang kia chơi. Ở khoảng đất phía tây cái hồ, chỗ hai ngõ nối nhau, có khu đất gọi là “trường đấu gà”. Cứ mỗi sáng chiều, phường gà chọi đem gà đến đó, đọ nhau, kháo nhau, và đấu thử.

Một hôm, trứ giả nghe thấy có người khen một con gà:

- Con Hoa mơ này thì gà đấu Vĩnh Võ xưa kia cũng không ăn đứt.

Hồi ấy, trứ giả lấy óc mằng sữa đoán và hiểu thì hai tiếng “Vĩnh Võ” nghĩa là *khỏe mạnh, sắc sảo*; không ngờ hai chữ ấy có nguồn gốc ở lịch sử.

Vào khoảng trăm rưởi năm trước đây, cái hồ ấy là hồ riêng trong phủ đệ Hân Quận công Nguyễn Phương Đĩnh, quan A Bảo của con đầu lòng chúa Tĩnh Đô vương Trịnh Sâm, tên là Trịnh Khải; khoảng đất hện hồ của phường gà đấu ấy chính là đấu trường của hết thảy những gà chọi khắp nơi kinh kỳ.

Trăm sáu mươi năm trước đây(6), một hôm trời xuân ấm áp cuối tháng giêng, ở bãi cỏ cạnh hồ Quang Minh, trước nhà Đãi Nguyệt tạ, phường gà chọi họp đủ mặt. Từ Thiên Trường, ông Chiêu Trung Hòa cũng mang con gà “chiến Tam anh” của ông lên để khoe cựa, khoe mã cùng con “Nhất dạ tứ thắng” của lão cai Đình Bảng bên Kinh Bắc. Bọn gia thần riêng của Vương tử Khải, anh nào anh ấy cũng mang gà của mình ra. Những con gà ấy, phường gà gọi là “gà nhà Chúa”. Thế Thọ ôm con gà “Độc cước”, đương vênh vào khoe:

- Con “Độc cước” của tôi chỉ có một cựa thế mà đã từng bẻ gãy hai cựa hàng trăm con rồi.

Phiên Thọ, vừa vuốt con “Ô Mã Nhi” vừa nói:

- Các bác có hiểu tại sao tôi gọi con này là Ô Mã Nhi không? Nó đen tuyền, thế là Ô kê; nó lại khỏe như Ô Mã Nhi.

Một người chủ gà nói:

Cũng chẳng thấm vào đâu với con “Độc long” của Vĩnh Võ, bồ(7) của Vương tử... À! Mà hôm nay sao bồ ấy chưa mang gà ra hội chiến?

Phiên Thọ nói:

- Ông ta còn phải đi hầu Vương tử vào thăm Chúa thượng.

Một người nói:

- Hôm nay mới hai mươi mốt, đã đến ngày châu đâu. Hôm nay là ngày chúng mình đem gà đến châu Vương tử chứ có phải ngày Vương tử vào châu Chúa thượng đâu. Mỗi tháng Vương tử chỉ được vào trông mặt Chúa thượng có hai lần, vào ngày mồng một với ngày rằm thôi mà.

Phiên Thọ nói:

- Chúa thượng mấy hôm nay hình như mệt nặng. Sáng hôm nay Vương tử mới biết tin nên vội vào vấn an.

- Thế bao giờ người về? Bây giờ đã quá giờ Ty, gần đến giờ Ngọ rồi. Mọi phiên họp gà, đầu Ty đã bắt đầu rồi.

- Người đi cùng quan A Bảo, nói là độ cuối Thìn thì về.

Vĩnh Võ, giữa lúc ấy ở ngoài chạy vào. Mọi người đổ xô ra hỏi:

- Vương tử về chưa?

Vĩnh Võ nói:

- Vương tử sắp về. Ngài có lệnh truyền cho tôi về nói trước rằng cuộc đấu gà hôm nay bãi. Thôi! Các ông đi về, để đến phiên sau.

Mọi người thất vọng ôm gà ra về.

Đi đường họ khá chuyện cùng nhau:

- Chúa thượng mê man vô lý quá. Vương tử năm nay 18 tuổi rồi mà không dựng làm Thế tử, còn chờ đến bao giờ?

- Ừ ừ! Ngôi Thế tử, Chúa thượng phải để dành cho con Bà Chúa Chè(8) chứ!

- Bằng đầu bằng cổ còn chẳng chắc nữa là đứa bé mới lên bốn! Vô lý nhất là Chúa thượng mê man Bà Chúa Chè đến nỗi con để rút ruột ra mà đuối khỏi phủ, bắt ở với quan A Bảo, mỗi tháng chỉ cho trông mặt có hai lần. Làm con chúa mà vào phủ phải sợ sệt, lén lút như người dưng nước lã.

- Mấy hôm nay nghe như nhà chúa làm sao đấy. Vương tử bỏ phiên chơi gà, muốn chừng lại có việc gì lôi thôi. Mấy hôm nay thấy Vĩnh Võ ra chừng nhiều công việc lắm.

- Tên mới tuổi rõ hay! Vĩnh Võ!

- Thế ông không rõ à? Ông ta là bố của Vương tử. Vương tử khi bé hay bĩnh(9) bấy, nên trong phủ, nguyên phi đặt tên cho là Bĩnh. Bố Bĩnh nói lái lại là Vĩnh Võ. Vương tử yêu hẳn lắm đó. Vì thế nên mới cho chăn nuôi con gà “Độc long”.

- Tức quá! Thế nào ta cũng giết thẳng Quận Huy cùng con dĩ làng Phù Đồng mới hả giận.

Vương tử Khải vừa vùng vằng vừa nói. Kẻ hầu đầy tớ, thấy đều im thin thít, không ai dám dấn mặt(10). Vương tử đi đi lại lại trong nhà đến mấy chục lượt, gập cái gì vương tay, vương chân, vương mắt thì xô đẩy đập phá.

Bữa cơm chiều gần tới rồi, mà Dự Võ, tên thiện phu(11), sợ quá, không dám lên bẩm nữa. Lũ người nhà đầy tớ bàn cùng nhau:

- Chắc ngài có việc gì bức tức sáng nay. Làm thế nào cho ngài nguôi giận để đi xơi cơm bây giờ?

Đi tìm thầy nho Đàm Xuân Thụ. Chỉ có thầy đồ ấy là dẹp nổi cơn thịnh nộ của đức ông thôi.

Một lúc sau, Đàm Xuân Thụ đến. Khi đó, Khải vùng vằng quát tháo đã mệt, ngồi lặng im, ngả lưng vào chiếc trường kỷ, mặt trước đỏ như gấc, bấy giờ tím lại. Xuân Thụ lên thêm vái chào rồi hỏi:

- Vương tử hôm nay có điều gì thất ý?

Khải khê chỉ cái đôn sứ bên cạnh bảo Xuân Thu ngồi:

- Sáng nay nghe tin vương phụ mệt, ta vội cùng quan A Bảo vào vấn an. Tới cửa nội cung, bọn quân Trung Duệ ngăn lại không cho vào. Ta mắng thì chúng nó nói:

- Có thượng lệnh truyền không cho ai được vào nội cung cả.

- Tao cũng không vào được?

- Vương tử tha tội cho. Quan cứ lệnh, lính cứ truyền, chúng con không dám trái thượng lệnh.

- Mà gọi thẳng nào sai mà ra đây tao bảo.

Chúng vào gọi một tên biên lại đội quân Trung Duệ ra. Tên này trông mặt cũng có vẻ ngang nhiên tự đắc lắm. Nó lên tiếng trước:

- Vương tử ban quở gì tiểu tốt vậy?

- Lệnh nào lại cấm cả tao không được vào trong nội cung?

- Dạ, lệnh của Vương thượng. Vương thượng truyền rằng không cho ai vào cả, nếu sai thì đã có quân pháp.

- Lệnh không trừ một ai?

- Dạ có, trừ Quốc sư cùng quan Quận Huy. Còn ngoại giả, cấm hết.

- Cấm cả tao?

- Tiểu tốt nào dám cấm Vương tử, ngặt vì quân pháp nghiêm.

Sợ ta nóng quá thất thố gì chẳng, quan A Bảo phải đỡ lời:

- Nếu thượng lệnh đã vậy thì chú chuyển lời vào cùng Chúa thượng rằng có Vương trưởng tử cùng quan A Bảo Hân Quận công xin vào vấn an. Chúng ta chờ ở đây.

Tên biên lại vào một lúc rồi ra nói rằng:

- Chúa thượng hiện đương mệt, xin hai ngài về.

Trông nét mặt thẳng ấy, ta biết thừa nó nói láo chứ nó chẳng chuyển lời gì cả. Tức quá, ta xông đến toan đánh thì nó công nhiên ra ý cự lại ta. Quan A Bảo vội gạt ta ra:

- Thôi, Vương tử cứ về. Để tôi ở lại liệu cách vào bạch cùng Vương thượng.

Ta quay về còn nghe thấy tiếng nói đồng trên chòi cổng:

- Ông thật to, nhưng còn có người to hơn ông!

Nén giận ta phải về. Giận làm gì những đứa tiểu tốt ấy. Chúng nó sợ dĩ hỡn là vì thẳng Quận Huy!

Đàm Xuân Thu nghe hết câu chuyện, thung dung bảo Khải:

- Quan A bảo xử thế là phải. Vương tử nén giận là phải. Hiện giờ Vương tử đương bị Vương thượng ghét bỏ, làm quá thì chỉ xúc nộ(12) thêm Vương thượng, trước là trái đạo làm con, sau là làm cho quân tiểu nhân thêm đường gièm pha có hại. Vương tử nên ẩn nhẫn(13) đi là hơn.

Khải cúi đầu nghĩ một lúc rồi đáp:

- Người nói chí phải... Nhưng ta sợ một điều... Ta sợ lắm... Đêm qua ta thấy một giấc mộng hơi dữ.

- Thừa, mộng ra sao?

Khải lại cúi đầu xuống ngập ngừng không muốn nói. Lúc ngẩng lên, Xuân Thu trông thấy khóe mắt Khải hơi ướt, hai giọt lệ ở mắt trào ra.

Giữa lúc ấy, tên thiện phu bưng mâm lên, Khải ngoảnh mặt đi để che nét mặt buồn:

- Mày lấy thêm bát đĩa. Thầy nho ở đây uống với ta chén rượu.

Lừa tên thiện phu xuống thềm, Đàm Xuân Thụ khẽ nói với Khải:

- Lát nữa, xin Vương tử đuổi hết tả hữu. Tôi nghe như có chuyện quan trọng.

Khi ngồi vào mâm, Xuân Thụ bảo thiện phu:

- CẬU cất rượu đi. Hôm nay Vương tử có điều bức mình, không nên uống rượu.

Khi tên thiện phu đi khỏi, Xuân Thụ nói khẽ với Khải.

- Xin bỏ rượu để tâm thần được bình tĩnh.

Suốt bữa, hai người không nói gì.

Sau khi triệt mâm(14) và đuổi tả hữu lui cả, Xuân Thụ mới hỏi Khải:

- Vương tử mộng làm sao?

- Ta mộng thấy: Mình mặc áo quỳ sắc, đầu chít khăn chữ đinh, đứng ở giữa phủ đường. Khăn áo đại tang, ta e rằng vương phụ... Tôi cũng nghe dân gian ngoài đồn đại rằng có lẽ Chúa thượng qua rồi, Huy Quận cùng Đặng thị cấm không cho ai ra vào để làm chuyện thoán đoạt(15). Song cứ ý tôi...

- Thì sao?

- Thì Chúa thượng cũng chưa mệnh hệ nào. Có điều rằng mình cũng nên sắp đặt sẵn sàng đi. Rồi một mai có biến thì lũ loạn thần không thể làm gì được. Nếu đợi đến lúc đại sự xảy ra thì giờ tay không kịp. Mà ở tình thế này, thấp cơ một chút là tính mệnh cũng không toàn chứ đừng nói đến địa vị. Cứ riêng ý tiểu thần thì một mặt nên tìm cách thông với quân Tam phủ. Ngày kia có việc thì đóng cửa phủ lại, giết Huy Quận, giam Đặng Thị lại. Một mặt cho người báo với hai trấn Kinh Bắc, Sơn Tây đem quân hai trấn vào thì ngôi cao mới về Vương tử được, Vương tử nghĩ thế nào?

Khải nói:

- Đại khái thì như thế nhưng chi tiết làm ra sao?

- Mỗi việc xin Vương tử giao cho một người. Việc kết nạp với dũng sĩ Tam phủ, xin giao cho nội thị Chu Xuân Hán. Việc thông trong nội cung, xin giao cho Thái giám Khê Trung hầu. Việc âm kết(16) với trấn Kinh Bắc, xin giao cho Điển thư(17) Hà Như Sơn. Việc âm kết với trấn Sơn Tây xin giao cho tiểu thần.

Quan Đốc đồng trấn Kinh Bắc Ngô Thì Nhậm mấy hôm nay không sang dinh quan Trấn thủ làm việc vì ông thân sinh ra ông, quan Đốc thị Lạng Sơn Ngô Thì Sĩ về thăm quê nhà, nghỉ lại Kinh Bắc chơi với con.

- Một buổi chiều, sau tiệc nước, ông nói với cha:

- Con được gặp thầy vừa gặp dịp. Con có một việc không biết nghĩ nên thế nào. Con toan bẩm thầy đã mấy hôm mà cứ lưỡng lự mãi.

- Việc công hay việc tư?

- Việc công. Việc quân quốc trọng sự. Vương tử Tông(18) mưu đồ việc bất quĩ(19) cùng bọn tiểu nhân trong cung lại âm kết đảng với hai trấn Tây Bắc. Không lẽ để Vương tử làm bậy, mà nói ra...

- Cứ như thầy xem thì việc ấy cũng là Vương tử thế bất đắc dĩ. Chúa thượng mê hoặc, muốn bỏ trưởng dụng thứ. Vương tử sợ sau này Quận Huy cậy có binh quyền trông tay mà làm càn thì Vương tử dự bị sẵn từ bây giờ cũng là phải.

- Thầy chưa biết rõ. Vương tử đã sắp đặt đâu đấy cả rồi, chỉ chờ ngày khởi sự nữa thôi. Hiện nay, Chúa thượng hãy còn sờ sờ ra đó mà Vương tử định làm loạn thì còn ra thế nào.

- Sao con biết rõ?

- Tên học trò con là Hà Như Sơn hiện làm Điển thư cho Vương tử. Hắn phụng mệnh Vương tử sang đây nói với quan Tổng trấn và hiện đã cho người lên Lạng Sơn mua ngựa, sắm khí giới. Ý Vương tử định: Thông nhau với quân Tam phủ đóng cửa cung lại, giết quan Trưởng phủ(20) và Đặng thị rồi gọi binh hai trấn về ủng hộ để cướp lấy ngôi. Như thế là làm loạn chứ không phải là phòng thân nữa.

- Thế ý con định sao?

- Ý con định rằng: Vương tử định làm loạn thì con phải ngăn lại.

- Con ngăn ra sao?

- Con về kinh lấy lẽ phải trái nói với Vương tử. Đó cũng là phận sự của con vì con là tư giảng(21) của Vương tử. Nếu Vương tử nghe kẻ tiểu nhân mà không nghe con thì con phải khai cùng Chúa thượng rõ.

Ngô Thì Sĩ vội gạt:

- Điều ấy không được. Con mà tố cáo chuyện này thì có liên lụy đến Vương tử và quan Tổng trấn đây. Quan Tổng trấn đây là bạn với ta, cũng như ta. Điều ấy không được.

- Con chịu ơn tri ngộ của Chúa thượng, không thể để yên việc này được.

- Biết rằng có can con nữa cũng vô ích, ông nói:

- Để mai ta về kinh dò xem thực hư thế nào rồi khi ta lên trấn sẽ vào báo tin cho con biết.

- Mai con cũng về kinh cùng thầy.

Đêm hôm ấy, hai cha con cùng trần trọc mỗi người băn khoăn về một ý nghĩ riêng.

Dưới ngọn đèn dầu lạc, ông giở tập thơ văn cổ ra xem. Cầm sách xem thơ, chẳng qua là theo thói quen mà thôi, chứ thật ra ông còn bận lòng vì lời nói của con ông ban chiều. Ông vốn biết con mình là người quyết đoán và xử sự rất rành mạch, có khi nhẫn tâm nữa. Con ông đã nói như thế thì tất việc biết rõ lắm rồi, mà cũng có thật như thế chứ chẳng sai. Nếu hắn tố cáo thì bao nhiêu người chết. Ông áng chừng cũng biết qua loa ai là đảng với Khải, nên ngồi nghĩ nhẩm lại ông thấy toàn bạn thân của ông cả. Chết nỗi! Như thế thì ra con ông nhẫn tâm giết toàn người phụ chấp(22) của hắn cả. Giời ơi! Nếu quả việc xảy ra thì ta cũng không mặt mũi nào sống ở dương gian nữa. Để cho con giết bạn mà không cứu được, còn nhục nào hơn nữa. Ông hồi tưởng lại ba mươi tư năm trước, năm ông mới hai mươi năm mà Thì Nhậm, con đầu lòng ông, mới lên năm. Tết nguyên đán năm ấy, sáng ông đem giấy bút ra khai bút và gọi con ông ra:

- Nào, thằng này năm nay lên năm rồi. Thầy đặt tên cho mà khai bút.

Cậu con hóm hỉnh hỏi:

- Thế tên thầy là gì?

- Để thầy khai bút trước, thầy viết cho coi.

Rồi cầm bút viết hai dòng khai bút:

Hoàng triều Cảnh Hưng vạn vạn niên chi thập nhất, tuế thứ Canh Ngọ chính nguyệt, Nguyên Đán, cát thi thi bút. Tả Thanh Uy, Ngô Phong Ngô Thì Sĩ.

Ông chỉ vào chữ “Sĩ” mà bảo con:

- Đây, tên thầy đấy.

Cậu bé cầm bút phẩy thêm một nét trên chữ “Sĩ” thành chữ “Nhậm” rồi nói:

- Hơn thầy một nét!

Nhân tiện ông đặt tên là Thì Nhậm⁽²³⁾.

Ông vẫn mừng rằng có con thông minh và với ai, cũng khoe rằng con ông tự đặt tên lấy.

Ông nhớ rằng riêng có Ngô Tưởng Đạo, em ông, là chê con ông: “Thằng ấy thông minh tuấn tú thật nhưng tôi xem tâm thuật nó không đáng quý lắm. Tự nó đặt tên nó là *Nhậm* mà nhậm nhân thì chỉ là đùa nịnh mà thôi. Nó lại tự phụ đặt tên chữ là Hi Doãn nghĩa là nó muốn bắt chước ông Y Doãn... Cái đạo “.....” của Y Doãn thì nó không làm nổi. Em e rằng bắt chước vị “.....” không nên thân thì thành con người sớm Tàn tối Sở⁽²⁴⁾ đó.”

Ừ mà có lẽ. Bây giờ vây cánh Đặng thị cùng Huy Quận to, thằng này thao thủ⁽²⁵⁾ bất nhân, dễ thường mà nó tổ giác thật.

Sáng ông dậy từ canh tư. Trong khi đợi sáng, buồn, ông ra văn phòng của con, xem có sách gì hay. Ông thoáng thấy dưới chiếc lư trầm có hờ ra một góc chiếc thư. Tò mò ông lôi ra thì là thư ai gửi cho con ông. Thấy dáng chữ lạ, ông rút thư ra xem:

Kinh Bắc Đốc đồng Hi Doãn nhân ông văn kỹ:

Công việc mười phần tôi chỉ rõ qua loa một hai. Mong rằng nhân huynh sớm về kinh, ta sẽ bàn định rõ.

Đệ: Nguyễn Huy Bá bái.

Đọc xong thư, ông toát mồ hôi.

“Thôi chết! Giao thiệp với thằng tiểu nhân này thì chết! Thằng này nó chỉ lấy nghề dò la tổ giác làm cách xuất thân. Năm xưa, nó tổ giác Thụy Quận công rồi đương là anh công sinh nhảy lên Tiến triều⁽²⁶⁾. Sau được bổ lên Đốc đồng Ninh Sóc, rồi vì tham tang⁽²⁷⁾ phải triệt về. Nay nó đương cần xuất chính, thế nào nó cũng cần làm hại người. Con ta đi với thằng này thì thật là điểm nhục tổ tông.”

Sáng hôm sau, ông bảo Ngô Thì Nhậm:

- Thầy nói thật: Nếu con phát giác chuyện này thì thầy uống thuốc độc chết chứ không sống làm gì nữa! Vương tử là quân phụ con, quan Trấn thủ đây là phụ chấp con. Nếu con giết thầy được thì cứ việc làm.

- Nào con đã làm gì? Nếu con thao thủ như thế thì can chi phải trình bày với thầy. Thầy nên im đi như không. Nếu thầy làm to chuyện ra thì có khi vì thế mà vỡ chuyện. Việc này đã chắc gì là có. Mà dù có nữa thì con cũng mặc.

- Hôm qua con nói hôm nay cũng về kinh. Con về để vào đảng Đặng thị chẳng?

- Không, con về để can Vương tử. Nếu thầy ngờ thì con không về nữa. Nhưng điều cần hơn hết là thầy cứ tự nhiên.

Hôm ấy Ngô Thì Sĩ sang kinh để về Tả Thanh Oai. Ông đi được nửa ngày thì Ngô Thì Nhậm cũng thẳng ngựa về kinh. Tang tảng sáng hôm sau Thì Nhậm lại sang Kinh Bắc vào hầu quan Trấn thủ Nguyễn Khắc Tuấn thật sớm:

- Tiểu sinh phải tiến gia nghiêm⁽²⁸⁾ về kinh nên hôm nay mới sang hầu được.

Khắc Tuân hỏi khẽ:

- Thế nào? Việc trong kinh ra làm sao?
- Thừa vẫn yên lặng như thường.

Hôm sau, ở Sứ phủ(29) trong Thủy Tinh cung, quân nội thị đương sắp sửa lễ vật để làm tết Trùng cửu. Tĩnh vương(30) đương nằm nghe khải do Tuyên phi(31) đọc. Đọc hết bản khải, Tuyên phi khóc. Tĩnh vương hỏi:

- Khanh có điều gì buồn?
- Thiếp không có điều gì buồn cả. Chỉ buồn cho Chúa thượng có người con không ra gì. Nói ra thì thiếp mang tiếng là xúi bẩy mà không nói ra...
- Nói tới đó, Tuyên phi lại khóc. Một lúc mới nói tiếp:
- Địa vị sau này của Thế tử cả. Nhưng cha còn sống, Thế tử nữ lòng nào làm cái việc Sở Mục vương, Tùy Dương Quảng(32).

Tĩnh vương ngồi nhòm dậy hỏi:

- Làm sao? Thằng con bất hiếu ấy định giết bố à?
- Thiếp không dám nói. Xin cho hai người hiện đứng dưới trướng lên hầu.

Tuyên phi khẽ liếc mắt cho nội thị. Nguyễn Huy Bá và Ngô Thì Nhậm tiến lên dập đầu làm lễ. Tĩnh vương hỏi Ngô Thì Nhậm trước:

- Việc đầu đuôi thế nào?
- Vương tử ở ngoài không được vào hầu, nghe chúng đồn nhảm, cho là Chúa thượng thù nguy(33). Vương tử sợ mất ngôi cao, định tư thông với quân lính trong phủ, chờ đến ngày Chúa thượng khuất núi, cho quân đóng cửa phủ lại, giết quan Trưởng phủ, bắt giam Tuyên phi rồi cướp ngôi cao. Lại mật thông Tây Bắc hai trấn đem quân về ủng hộ.

Tĩnh vương quăng chén nước đương cầm ở tay xuống đất:

- Ta chưa chết mà nó đã mong ta chết. Quân bất hiếu. Sao ngươi rõ?
- Bẩm tên Hà Như Sơn là học trò tiểu thần, hiện làm Điển thư cho Vương tử, nói.

Tĩnh vương lại hỏi Huy Bá:

- Còn ngươi? Ngươi biết những gì?
- Vương tử đưa cho nội thị Chu Xuân Hán nghìn lạng bạc để dụ quân sĩ trong phủ và mua chuộc quân Tam phủ. Thần biết rằng trong nước phân bè đảng đã lâu nên đã liệu trước mà cho người nhà sang Kinh Bắc, Sơn Tây dò trước. Nàng dâu trưởng thần, hiện hầu Lệnh bà, một hôm nghe thấy Chu Xuân Hán cùng Khê Trung hầu nói lóng với nhau.
- Ngươi có nhớ không?

- Thừa có. Một hôm Chu Xuân Hán gặp Khê Trung hầu ở cạnh Tiểu Bút điểm. Hắn nói: “Hồ Cừu mong nhưng, nhất quốc tam công. Ngô thù thích tông”(34).

Tĩnh vương nói:

- Chúng nó muốn làm loạn chứ có theo ai!

Huy Bá nói tiếp:

- Lại một hôm, tiểu thần thấy một đám đông ngồi tụ nhau ở cửa ô Trường Bản, họ túm lại nghe một đứa ngồi ở giữa hát:

Đục cùn thì giữ lấy tông,

Đục long cán gãy còn mong nổi gì.

Rồi một đứa đứng dậy hỏi mọi người rồi lại tự đáp: Các bác có hiểu thế là nghĩa thế nào không? Thế nghĩa là: Hiện giờ Chúa thượng già rồi (Đục cùn rồi), thì ta nên giữ ngôi cho Vương tử Tông. Nữa một mai Chúa thượng khuất núi, ông chúa con Cán quật quạ quật quẹo thì quốc gia còn trông mong nổi gì nữa! Rồi cả bọn đứng lên cười ha hả. Thằng kia lại nói: Xong đâu đấy cả rồi, trong tháng chín thì họ giết thằng Tốt Áo(35) cùng cô gái hái Chè(36)...

Tĩnh vương nói:

- Thôi, thế là đủ. Cho hai người lui.

Hai người lui xong. Tĩnh vương tức khắc cho gọi Huy Quận công Hoàng Đình Bảo. Đình Bảo đương ở nhà thấy lệnh chỉ đòi vào phủ lúc gần tối, biết là có câu chuyện quan trọng liền lên ngựa vào phủ ngay.

Tĩnh vương đem đầu đuôi câu chuyện nói cho Đình Bảo nghe.

Huy Quận công Hoàng Đình Bảo nghe Tĩnh vương nói dứt lời rồi tâu:

- Thần biết rõ việc này đã mấy hôm nay. Sở dĩ chưa nói là không muốn làm phiền lòng Chúa thượng. Thần định êm dềm ngán chuyện ấy đi. Đợi ngày Chúa thượng thật bình phục, nhiên hậu(37) sẽ khai.

- Ta muốn ngay sáng mai cho bắt cả lũ loạn thần tặc tử ấy chém hết.

- Không nên. Cứ thần nghĩ thì Vương tử dám mưu đồ chuyện ấy là do hai trấn Kinh Bắc, Sơn Tây chủ trương. Nay hai người ủng binh ở ngoài cả. Phỏng Chúa thượng làm vỡ chuyện ra thì thần e có biến to. Cứ thần thiết nghĩ thì trước hết hãy triệu hai người ấy về triều giữ lỏng lại, cho tiết hậu họa, nhiên hậu mới tra án phân minh mà trị tội.

Tuân Sinh hầu Nguyễn Khắc Tuân được lệnh chỉ triệu về kinh, cùng về với Đốc đồng Ngô Thì Nhậm. Đến kinh, thoát tiên ông vào thăm cha nuôi, Hân Quận công Nguyễn Phương Đình và nhân tiện yết kiến Vương tử Khải. Đến cửa phủ đệ Hân Quận công, thấy có lính phủ Trung Duệ gác, ông giật mình biết là việc lộ. Trên chòi cổng phủ đệ, một tên biện lại quân Trung Duệ bảo ông bằng cái giọng nửa cung kính nửa chế nhạo:

- Quan lớn muốn đến yết kiến Vương tử à? Người vừa nhập các hôm nọ xong. Quan lớn muốn thăm quan cố à? Người vừa nhập phủ hôm qua. Quan lớn nhập phủ thì thấy cả đôi.

“Xuất các” là chữ dùng để chỉ ông Thế tử mới được dựng. “Nhập phủ” là chữ chỉ ông quan mới được vào làm chính phủ đại thần. Nghe mấy tiếng lộng ngữ nhập các, nhập phủ, ông đã hiểu rõ tình thế rồi. Phen này thì nhập âm phủ nữa cũng có. Ông quay lại bảo Ngô Thì Nhậm:

- Dù sao thì ta cũng xin nhập thị để diện khai(38) cùng Chúa thượng đã. Ông chắc đã diện khai trước tôi.

Thì Nhậm cúi đầu không nói gì.

Hai người cùng đi vào Sứ phủ. Đến Tả Xuyên đường, đã thấy quan Trấn thủ Sơn Tây, Hồng Lĩnh hầu Nguyễn Ly(39) đương đợi tội tình ở đó. Nguyễn Ly nói:

- Ông đã rõ chưa? Vương tử, Chu Xuân Hán, Đàm Xuân Thu và đồ đảng người thì bị bắt giam trong ngục, người thì bị giam lỏng cả rồi. Tôi đành ở đây chờ chết thôi.

- Để tôi vào diện khai đã rồi có chết cũng cam tâm.

Khắc Tuân vào đến Quyển Bồng điểm, xin vào nhập thị. Vì ông là em Thái phi, câu ruột Tĩnh vương nên quân lính phải vào bẩm mệnh. Ông chờ ở Quyển Bồng điểm một lúc thì thấy nội thị

Quyển Trung hầu, ra:

- Thế nào? Chúa thượng có cho tôi vào không?

- Chúa thượng sai tôi ra nói với ông rằng. Chúa thượng bắt tôi cứ nói đúng như lời ngài nói, tôi xin cứ thuật ra: “Cậu cùng thằng giặc Tông mưu việc bạn nghịch, mặt mũi nào trông thấy tôi nữa!”

Tuân Sinh hầu cúi đầu đi ra. Ra đến Tiểu Bút điểm gặp Nguyễn Ly và Ngô Thì Nhậm. Nguyễn Ly cùng Tuân Sinh hầu nhờ Thì Nhậm làm khải hộ để kêu oan. Thì Nhậm chối từ Tuân Sinh hầu nói:

- Ông đã tố giác Thế tử thì ít ra ông cũng phải làm khải nói rõ ràng sự thật, không được vu khống gì cả.

- Tiểu Sinh có vu khống điều gì! Tiểu Sinh chỉ làm trọn đạo thần tử thôi.

Hai người buồn rầu giở ra.

Cuộc thẩm vấn tra cứu bắt đầu tiến hành dưới quyền quan thái giám Ngạn Triều hầu Phạm Huy Thức và quan Nghè Ngô Thì Nhậm. Bị bắt giam tất cả hơn trăm người rồi. Trong số đó có:

Vương trưởng tử Trịnh Tông.

Kinh Bắc Trấn thủ, Tuân Sinh hầu Nguyễn Khắc Tuân.

Sơn Tây Trấn thủ, Hồng Lĩnh hầu Nguyễn Ly.

Nội thị: Chu Xuân Hán, Khê Trung hầu.

Nho sinh: Đàm Xuân Thụ, Nguyễn Quốc Trấn, cùng bọn gia thần nhà Vương tử là lũ: Hà Như Sơn, Thế Thọ, Phiên Thọ, Vĩnh Võ.

Tuy rằng theo lệnh chỉ thì Phạm Huy Thức đứng đầu, song công việc nhất nhất ở Ngô Thì Nhậm cả.

Bị tra tấn nhiều nhất là nho sinh Đàm Xuân Thụ. Phần nhiều nhận cả, nhưng chỉ nhận là có vào đảng với Vương tử để phù lập Vương tử sau này, phòng những việc thoán đoạt của Huy quận, Tuyên phi và Vương tử Cán. Không những họ nhận, họ lại còn lấy làm phải nữa, vì họ cho như thế là giữ vững cơ nghiệp nhà Trịnh và tắt mối loạn xã tắc. Nhưng nhận như thế, chưa vừa ý Ngô Thì Nhậm. Dưới đây thuật lại một đoạn bản khẩu cung của nho sinh Nguyễn Quốc Trấn, Diên thư của Nguyễn Khắc Tuân, Trấn thủ Kinh Bắc. Phần “vấn” là lời Ngô Thì Nhậm, phần “đáp” là lời Nguyễn Quốc Trấn.

Vấn – Có phải hôm mười sáu tháng tám, quan Trấn thủ sai anh về kinh đến thăm Vương tử và nói với Vương tử cho biết ngày khởi sự không?

Đáp – Có. Tôi có phụng mệnh quan Trấn thủ về kinh, có đến hầu Vương tử, nhưng không có chuyện xin Vương tử cho biết ngày khởi sự.

Vấn – Thế quan Trấn thủ dặn anh nói gì với Vương tử?

Đáp – Rằng: Quan Trấn thủ xin hết lòng phò tá, ủng hộ, một mai đại sự đến. Xin đại nhân nhận kỹ: một mai đại sự đến nghĩa là một mai Vương thượng băng tồ⁽⁴⁰⁾ thì chủ tôi xin mang quân về ủng hộ để chống lại sự làm loạn của bọn Hoàng Đình Bảo. Còn như định ngày khởi sự thì không có.

Vấn – Chúng mày láo! Chúng mày định làm loạn để cướp ngôi, láo gì?

Đáp – Chúng tôi cho rằng: nước có vua lớn là phúc cho nước, mà bỏ trưởng lập thứ là mầm diệt vong. Vì muốn cho xã tắc không loạn, muốn giữ cơ nghiệp vương gia trường cửu, chúng tôi mới phải cử hợp⁽⁴¹⁾ cùng nhau. Như thế là mưu việc an nguy của xã tắc, sao gọi là làm loạn

được? Đại nhân định vu cho chúng tôi làm cái việc của Sở Thương Thần(42) để làm ô nhục chúng tôi với hậu thế, nhưng công luận còn đó, trong sử xanh sau này chưa biết ai là loạn thần tặc tử! Tôi chịu bầy hình tẩn rồi. Thân này đem băm nát ra được, nhưng lòng này không ai đoạt được đâu!

...

Ngày rằm tháng chín năm Canh Tử, niên hiệu Lê Cảnh Hưng thứ 41 ở Tiểu Bút điểm, các quan đứng chực giờ vào hầu Tể tướng. Quan Tham tụng Vũ Miên hỏi riêng quan Bồi tụng Bùi Huy Bích.

- Làm sao Ngô Thì Nhậm đương phụng lệnh tra cứu việc này lại hốt nhiên(43) thôi!
- Quan lớn không rõ à? Cha hấn phần uất vì hấn tố giác, uống thuốc độc chết. Hấn phải bỏ chức về quê đình gian(44). Quan lớn làm tướng(45) mà không biết?
- Bấy lâu tôi yếu nên có vào coi việc trong phủ được mấy đâu. Vả chẳng công việc của những đứa tiểu nhân, tôi có biết làm gì!
- Lê Quý Đôn thay hấn, phải không?
- Phải.
- Phải lắm, việc thay Nghè Nhậm để cũng chỉ Bạng Đôn đủ tâm địa...
- Việc này còn cái trò hay nữa.
- Trò gì?
- Nghè Nhậm hãm bố, bạn bố vào chỗ chết để cầu quan; Nghè Tế(46) cho bắt, tra cứu, hành hạ và hãm tội để hiển nịnh.

Tới đó, một tên nội thị ở trong phủ ra nói:

- Vương thượng truyền các quan vào nhập thị trong Thủy Tinh cung.

Lần lượt mọi người vào Thủy Tinh cung.

Tới nơi mọi người đã thấy quan Trưởng phủ sự, Huy Quận công Hoàng Đình Bảo đứng trước ngự sàng(47), Tể tướng nói:

- Quả nhân bất hạnh gặp thẳng con bất hiếu, lũ bầy tôi bất trung cùng nhau mưu việc phản nghịch. Chúng thật bụng dạ như chó lợn. May nhờ hồng phúc Tiên vương, mưu chúng bại lộ. Quả nhân đã giao cho Thái giám Ngạn Triều hầu Phạm Huy Thúc cùng Tình Phái hầu Lê Quý Đôn tra xét. Nay án đã thành, những đứa thủ mưu đã chịu tội nhưng dư đảng chắc còn nhiều, chư khanh nên để tâm dò dẫm mà trị cho tiết căn.

...

Kết quả án năm ấy:

Vương tử Tông bị giam trong Tam Nhàn đường, Nguyễn Khắc Tuân, Chu Xuân Hán uống thuốc độc chết ngay trong ngục. Ngoài ra bị chém hơn hai chục người, còn đày lên viễn châu hơn trăm người.

Ngô Thì Nhậm thăng Binh bộ Tả thị lang.

Dương Trọng Tế thăng Thiêm đô Ngự sử.

Nguyễn Huy Bá đặc cách bổ Lại bộ Đô cấp Sự trung, nhập nội Thiêm sai.

Lúc hành hình, Nguyễn Quốc Trấn chửi mắng Ngô Thì Nhậm và Lê Quý Đôn thậm tệ. Dao phủ thủ đã múa gươm rồi, Quốc Trấn còn đọc hai câu thơ:

Thiên vô nhật, triều vô quan,

Nhẫn xử Quốc Trấn hàm oan.

Nửa tháng sau, trong kinh thành truyền tụng câu đối mới:

Sát tứ phụ nhi Thị lang! Trung yên, vấn hiếu?

Cứu nhất tể nhi Ngự sử, công nhĩ, vương tư.

(Giết bốn bố làm Thị lang! Trung rồi, còn hiếu? Hại một rể làm Ngự sử! Công nhĩ, quên tư!)

Các ông đồ thóc mách hỏi nhau:

- Thế nào là giết bốn bố?

- Vương tử Khải là quân phụ thế là một bố, Ngô Thì Sĩ đẻ rút ruột ra là hai bố; Chu Xuân Hán, Nguyễn Khắc Tuân, tuổi bằng bố lại bạn với bố hấn, thế là bốn bố!

- Giá thẳng Ngô Thì Nhậm và thẳng Dương Trọng Tế ở chung nhà thì câu đối này dán ở cổng hay biết mấy!

II Loạn quân Tam Phủ

Vương tử Khải bị giam ở Tam Nhàn đường, bên cạnh Trạch Các đã hai đêm rồi, tin tức trong ngoài bị cắt đứt. Hôm đầu, ông bị bắt lúc gần chập tối, vào tới nơi giam thì trời tối hẳn. Là người khác thì đêm hôm ấy trần trọc không ngủ được, nhưng ông là người thông đạt phóng khoáng lắm, bất cứ việc to hay việc nhỏ, khi đã xảy qua rồi là ông coi như không, không thêm để ý đến nữa. Từ ngày phải đui ở nhà Hân Quân công, ông tự coi đời ông là đời bỏ đi. Bởi thế ông chỉ quên mình vào những trò chơi nhảm nhí: xem chơi gà, đi săn bắn.

- Phen này thì chết! Quân phụ bảo ta chết thì ta chết! Chết mà lại rảnh. Đắt họ Trịnh nhà ta, theo phong thủy(1) là thế đất: *phi vương phi bá, quyền khuynh thiên hạ, nhị bách dư niên, tiêu tường nãi họa*(2). Kể từ Thái vương đến bây giờ đã được hơn hai trăm năm. Cái vạ diệt vong chỉ đời sau là thấy. Được dựng làm chúa nữa thì bất quá cũng là giờ mình ra chịu làm con hy sinh mà thôi, quý báu gì. Ấu là chết!

Rồi ông bật cười, lên giường nằm, xuất khẩu ngâm câu thơ ông vừa buột miệng đọc:

Ngủ quách chuyện đời, thân kẻ thức,

Rồi mai tỉnh tảo tử xem sao?

Thế là trong trí ông thản nhiên ngay với việc vừa qua, kéo một giấc dài đến sáng.

Sáng hôm sau, qua khe cửa sổ ông nhìn thấy từng nhà lầu Trạch Các, chỗ ông phải được ở, nếu vua cha ông không có tính thiên mà ghét ông. Nhìn thấy Trạch các, bất giác ông cảm thấy cái sự nhạo báng của số phận: Bị giam ở bên cạnh chỗ địa vị chính thức của mình.

Cửa Tam Nhàn đường mở, tiến vào hai người. Ông nhận ra hai ông tiến sĩ Nguyễn Quỳnh, Nguyễn Đích, Vương tử hỏi trước:

- Không là vua, không là bá mà quyền nghiêng thiên hạ. Hơn hai trăm năm rồi thì vạ xảy ra ngay bên cạnh nách.

- Hai ông vào bắt tôi ra đình cức(3) chẳng?

- Thừa không. Theo lệnh chỉ, chúng tôi được cử làm Tả, Hữu tư giảng của Vương tử.

Ông cười:

- Tôi còn học mới hành gì nữa.

- Chúng tôi chỉ đến yết kiến Vương tử một lần này thôi. Vương thượng tuy có lệnh chỉ ấy, song chẳng qua là để che mắt người ngoài thôi. Chúng tôi xin mãi mới được vào đây yết kiến. Song đã có lệnh ấy thì âu là tiện thị chúng tôi cũng là gia thần của Vương tử rồi, có nghĩa sống chết cùng nhau. Chúng tôi nói để Vương tử rõ. Ở đây toàn quân Trung Duệ của Huy Quận coi, nhất thiết ra vào đều cấm. Chúng tôi lấy làm nguy cho Vương tử lắm đó. Xin Vương tử...

Nói đến đây hai người nghẹn ngào. Bốn dòng nước mắt nổi theo câu nói.

Ngoài đã có tiếng thét:

- Hai ông ra đi!

Hai người vội vàng ra. Cửa đóng sập lại. Bất giác ông cũng ứa hai hàng nước mắt.

Từ đó đến chiều tối, cửa vẫn đóng.

Cả ngày hôm ấy, ông chưa ăn uống gì.

Họ định hãm mình chết đói đây!

Một lúc, trống thu canh nổi. Hết hồi trống, phiên canh thay. Phiên vừa mới thay xong, đã nghe tiếng thét:

- Ngồi im! Bây giờ thì anh là thằng tù, đừng có bực bực(4)!

Hết canh một, cửa mở thật mạnh, nổi theo tiếng quát tháo:

- Có đi ngủ không? Vui lắm đó mà ngâm nga mãi! Làm cái gì thế?

Tiếp theo tiếng quát tháo, tên lính cầm tay thước vào. Ông nhìn nó thì, lạ thay! Nét mặt mà ông đoán là nanh ác đều giả, lại có vẻ hiền từ khả ái. Điều bộ nó lại tương phản với giọng quát tháo của nó nữa. Dưới ngọn đèn dầu lạc mờ, ông nhận thấy nó cúi rạp xuống chào ông và nói khẽ:

- Phải làm ra thế ở giữa chốn hùm beo.

Rồi nó đặt lên bàn một gói to và một cái hũ sành. Mở ra thì là gói xôi và hũ nước chè nóng.

Giam cầm như thế mất hai năm, nghĩa là cho tới ngày Tĩnh vương mất, ngôi Chúa về Thế tử Cán.

- Khải (5) nguyên năm xưa định hại tiên vương, ta tưởng những đứa đại nghịch bất đạo ấy chẳng nên để làm gì.

- Khải tuy có tội, nhưng tiên vương còn chẳng nở nữa là Lệnh bà. Không có kẻ bị phế thì làm sao có người lên được (6). Nay Lệnh bà đã toại nguyện, tiểu thần tưởng nên mở lòng nhân mà tha chết cho y, để lại giọt máu của tiên vương. Lệnh bà giết y, tôi e rằng quân sĩ và thần dân không phục thì ngôi cao của tân vương cũng khó lòng vững. Đó là tiểu thần nói thực tình.

- Y còn sống ngày nào thì chúng còn trông vào y mà làm loạn. Ta muốn tiệt mối loạn đi chứ chẳng phải tàn nhẫn gì riêng với y.

- Nếu thế thì xin Lệnh bà cứ giam y lại thế là nhất cử lưỡng toàn.

Vì mấy lời can của Tạ Danh Thùy ấy mà hôm sau Vương tử Khải tiếp được lệnh chỉ mới. Khi tên biện lại đội Nội Khuông vào Tam Nhàn đường tuyên chỉ, bắt Khải quỳ nghe chỉ, Khải quỳ ngay xuống. Không phải là sau hai năm giam cầm, ông đã non gan mà đổi thái độ. Nhưng vì hai hôm trước, Tạ Danh Thùy đã báo tin ông hay và khuyên ông nên nhũn nhận và ẩn nhẫn hết sức để lưu lại chút thân, hoặc giả sau này có dịp nào chẳng – dịp ấy, có người đã nói rõ cùng ông: “Tân vương ốm yếu, khó lòng toàn.”

Lệnh chỉ rằng:

+ *! ai Nguyên súy, Tổng Quốc chính, Điện Đô vương lệnh rằng:
Vương quý tử Khải xét tội thật là đáng chết, nhưng nghĩ tình cốt nhục ta không nở. Vậy đặc ân cho được giam ở Tả Xuyên đường, ba ngày phải đến phủ đường bồi bái một lần.*

Việc giám chế giao cho bốn đội quân Nội khuông, Nội dục, Nội nhưng, Nội kiêu.

Kính vậy thay, lệnh chỉ!

Cái đặc ân ấy kể ra lại nguy cho Khải. Cứ ở Tam Nhàn đường, tuy bị giam cũng chặt chẽ, nhưng những lối lén lút để mang thức ăn uống, đồ thay mặc đã sẵn sàng cả rồi. Chịu cái đặc ân mới, nhất là khi cái đặc ân ấy lại bọc trong sự giám chế của bốn đội Nội thì tức là phải chịu một hình phạt mới mà sự nguy hiểm chưa đo trước được.

Giam ở Tam Nhàn đường trong hai năm, với thời gian, sự khắc nghiệt của lính canh đã bớt dần, nên còn chút thú xướng. Nay có lệnh mới thì sự khắc nghiệt lại càng tăng. Có lệnh mới như tiếng chuông đánh tỉnh thức những thói khắc nghiệt đã ngủ trong hai năm rỗng.

Dương Thái phi ở ngoài lo lắng. Bà nói với chị là bà tân(7) chúa Minh Vương, mẹ đẻ ra Thụy

Quận công Trịnh Lê(8).

- Em lo cho Khải lắm. Canh giữ nghiêm ngặt quá, cơm nước không đưa vào được. Ăn uống thất thường lại buồn bực quá đỗi. Em sợ rằng tính mệnh cũng khó toàn. Chị quen thân với Quận chúa Huy(9) nhờ chị làm ơn xin hộ cho. Em chỉ mong được mẹ con chu toàn để sớm tối trông thấy nhau.

Bà Dương Minh tân nhận lời vào nói với Huy Quận.

- Quan Trưởng phủ có thù riêng gì với quý tử mà nỡ hãm vào chỗ chết như thế? Em tôi có nó là con, quan lớn định giết cả hai mẹ con người ta hay sao? Đây lắm thì vui, thịnh quá thì suy. Quan lớn bây giờ đắc chí nhưng tôi thiết tưởng cũng không nên ăn ở cạn tàu ráo máng quá.

Huy Quận khóc mà rằng:

- Đình Bảo thờ Tiên vương được ngài ân sủng nhiều quá, lại đã từng chịu lời ủy thác lúc lâm chung, bởi vậy nên phải hết sức giúp tân vương. Song quý tử cũng là giọt máu của Tiên vương, Đình Bảo mà có lòng làm hại thì trời tru đất diệt.

- Đã thế thì xin quan lớn khoan cho một chút trong việc giám chế và xin cho người nhà được ra vào mang cơm nước áo xống.

- Vâng, có thể được. Nhưng người ra vào phải nhất định, và phải hạn số! Đây, tôi đưa Lệnh bà hai cái thẻ xuất lệ để cầm mà ra vào.

Hôm ấy là ngày mùng chín tháng chín. Bên cung vua, bên phủ chúa đều ăn tết Trùng cửu. Quân lính vì thế được nghỉ ngơi thư thả hơn mọi hôm. Lính bốn đội Nội hôm ấy tụ nhau cả ở trại dưới phủ đường. Một anh nói:

- Anh em thư thả họp đông thế này, giá có chén rượu giải phiền thì thú quá.

- Hôm nay sao thẳng cha Dượng Võ chưa đến. Mọi ngày, vào giờ này là nó mang cơm rượu vào cho Thế tử.

- Hẳn đến thì tốt lắm cũng được một vò, ai uống ai đừng. – Kìa! Hẳn kia kìa! Nhưng sao lại vào chân tay không?

Rồi mọi người túm tít hỏi:

- Thế nào? Sao hôm nay lại không mang cơm vào cho Thế tử? Thế vò rượu hàng ngày của chúng tớ đâu?

Dượng Võ bảo mọi người yên lặng rồi nói:

- Hôm nay ngày Trùng cửu, Thế tử dặn tôi mang vào một con lợn và mười vò rượu để đãi các bác, nhưng đến cửa, lính canh không cho vào, tôi nói khó mãi cũng không được. Chúng nó còn chờ ngoài cổng kia cả. Các bác ra nói giúp.

Bọn lính ra nói với tên đội gác cổng:

- Hôm nay Tết, thôi thì cho “xuất lệ” cả.

Thế là mười vò rượu Hoàng Mai(10), một con lợn luộc khiêng vào. Lũ lính bốn đội ngả ra chén, bàn tán ồn ào, đả động đến cả chuyện thời thế. Đợi cho họ uống say, Dượng Võ hỏi:

- Các bác bây giờ thờ ai?

Chúng khẩu đồng từ:

- Thờ Chúa thượng, Điện Đô vương!

- Các bác làm to! Các bác thờ ông Quận Huy cùng bà Tuyên phi chứ! Thiên hạ họ đồn rằng “Trăm quan có mắt như mờ, để cho Huy Quận vào sờ chính cung”. Trăm quan ăn bổng lộc

hiều thì lấp mắt không biết chứ các bác được cái chi mà cũng mờ thế? Tôi hỏi các bác: Vương quý tử có tội gì không?

Chúng ồn ồn chữa lại:

- Vương Thế tử!

Dự Võ biết thừa rằng lòng quân sĩ đã ngả về chủ mình nhưng còn cố gọi cho cái lòng ấy phát hiện hẳn lên. Bởi thế y cố dùng chữ “Vương quý tử”, để chọc tức quân lính. Quân lính thấy dùng chữ ấy, hốt nhiên, tự nhiên phản động lại mà hét:

- Vương Thế tử!

Được thế, Dự Võ nói tiếp, giọng mạnh dạn hơn:

- Vương Thế tử có tội tình gì? Con mụ họ Đặng là đứa nghiệt phu làm mê hoặc bụng Tiên vương đoạt vị của Thế tử. Thằng Quận Huy vốn có chí làm phản từ ngày ở Nghệ An. Thế rồi nó thông với con mụ Huệ. Nay tân vương còn nhỏ dại mà lại ốm yếu. Quận Huy ngày đêm tính chuyện thoán đoạt. Các bác đều là dân Thang Mộc ấp 1, nên nghĩ đến hai trăm năm cơ đồ của nhà Trịnh chẳng hơn là phụ theo lũ loạn thần nghiệt phu để tiếng xấu về sau ư?

- Phải đó! Bác thiện phu nói phải đó.

Dự Võ nói tiếp:

- Hôm nay tiết Trùng cửu, người ta ăn uống linh đình, cửa nhà vui vẻ, Thế tử tội gì mà mẹ con xa cách một mình lủi thủi thân tù! Ngày mai, các bác đến đền Khán Sơn, chúng tôi sẽ có một điều gan ruột thưa chuyện các bác hay.

Hôm sau, từ đầu giờ Mão đền Khán Sơn đã chật những quân lính Tam phủ, tiếng mô tê rằng rúa đã ồn ào vang động cả đền. Đến cuối giờ Mão, người đến họp càng đông thêm. Suốt sườn núi Khán, chỗ nào cũng tùm nãm tùm ba. Từ tam quan đến đền ở chính giữa, đâu đâu cũng chật những người. Họ đến đây, ai cũng chung một bụng nghĩ: Bỏ Trịnh Cán dựng Trịnh Khải. Nhưng bụng nghĩ ấy chỉ tản ra một cách vô ích vào những câu bàn tán ồn ào hỗn loạn. Họ đến đây, ai cũng có một ý định: Trừ đảng loạn thần để tôn phù họ Trịnh. Nhưng ý định ấy rời rạc vào những câu chửi bới bâng quơ, những câu gắt gỏng hão huyền. Trên đầu họ, hãy còn treo một nỗi sợ: Sợ quyền thế của chính phủ. Trong bụng họ vẫn ẩn một nỗi sờn lòng: Ủy quyền của Huy Quận công.

Họ như một đồng tiền rời chưa có dây khâu lại. Trông thì nhiều nhưng hỗn độn không thành hình gì cả. Họ như một nắm cát khô, bốc lên thì bụi mắt người ta, nhưng một cơn gió thì tan đi cả.

Lúc bấy giờ, giá thử Huy Quận công – hoặc kém hơn một viên tỳ tướng nào dưới quyền Huy Quận công – cưỡi voi đến đó, bắc loa lên mà hét, thì có lẽ lũ lũ đến bỏ nơi tụ hội mà kéo ra về, hoặc tệ hơn, có khi đến chạy tán loạn, chen giẫm lên nhau mà chết.

Trời tháng chín, gió thu đã bắt đầu thổi.

Trời tháng chín, tiết đã qua ngày thu phân⁽¹¹⁾, đêm đã hơi dài hơn ngày. Một khắc đồng hồ nữa thì trời sáng rõ.

Những việc âm mưu hay ư đêm tối. Lát nữa trời sáng thì thế nào cũng tan.

Tan vì đem làm loãng mãi nhiệt huyết vào những câu chuyện vụn vặt nhảm nhí. Tan vì tìm mãi chưa thấy một ý nghĩa cho cuộc hội họp. Tan vì đã chán nản những câu nguyên rủa vô tích sự. Tan vì đợi mãi chưa thấy một sức nào mạnh thu hợp lại. Tan vì trời sáng, thấy rõ những cái xuẩn động⁽¹²⁾ vô ý thức của mình. Lác đác đã vài người lẻ ra sau núi Khán ngồi thừ mặt ra không biết nói gì, làm gì; đã vài bọn rủ nhau vào các làng Ngọc Hà, Hữu Tiệp... ve gái.

Giữa lúc ấy, một hồi trống đánh thật to. Chúng lắng tai nghe. Dứt hồi trống, một tiếng loa hét:

- Anh em đứng cả trước đền, trước cửa tam quan. Tôi có câu chuyện thưa cùng anh em.

Chúng túm lại đứng trước tam quan.

Trên chòi cửa tam quan bấy giờ có một người đứng thò ra ngoài giơ tay vẫy.

Chúng ồn ào:

- Bác đội Tiệp Bảo Nguyễn Bằng Võ!

Từ trên tam quan, Bằng Võ nói:

- Anh em đến đây ai nấy đều một lòng tôn phù vương gia?

Chúng nghìn miệng một lời: Phải!

- Thế thì định đi thôi chứ. Ngày mai, khi tan triều, đánh ba hồi trống, mỗi hồi chín tiếng làm hiệu, ba quân kéo vào giết chúng nó đi rồi tôn Thế tử lên, phỏng có khó gì?

Chúng đồng thanh:

- Ông đội nói phải đó.

- Thế thì anh em theo tôi mà thề. Ai ăn ở hai lòng, trời tru đất diệt.

Chúng thề xong, Bằng Võ lại nói:

- Bây giờ thì anh em về. Các bác đội ở lại ta cùng bàn việc.

Một người nói to:

- Chúng ta hãy cử ông đội Tiệp Bảo làm minh chủ rồi hãy về.

Chúng giơ tay lên đồng thanh nói:

- Thiên tuế! Thiên thiên tuế!

Một giờ sau, mọi người tan. Còn ở lại có mười người: Tiệp Bảo đội quân lại Nguyễn Bằng Võ cùng chín người biện lại chín đội quân: Nội khuông, Nội kiêu, Nội nhưng, Nội dục, Nhưng nhất, Nhưng nhị, Thị trung, Thị nội, Trấn nhất. Sau khi uống máu ăn thề, họ bàn với nhau:

- Có nên định ngày không?

- Không nên. Nhất định ngày, nhỡ lộ ra họ biết, họ phòng bị. Lúc nào ta cũng sẵn sàng cả, cứ nghe tiếng trống là khởi sự.

Mọi người thỏa thuận như thế.

Ở phố Cửa Nam, phường Gia Ngư⁽¹³⁾, vào khoảng góc đường Gambetta (Hàng Cỏ) và đường đi xuống Ô Đồng Lầm⁽¹⁴⁾, khu đất trường Mỹ thuật, khách sạn nhà Gare, hội sở hội Tam Điểm bây giờ, về lúc chuyện này xảy ra, là biệt thự Viêm Quận công Nguyễn Trọng Viêm. Viêm Quận là em ruột bà chính phi chúa Tĩnh Vương. Chính phi không có con giai nên coi Thế tử Khải như con đẻ vậy. Vì vậy nên những người về đảng Thế tử hay lui tới nhà Viêm Quận. Theo lễ tục thì Khải và Cán đều là cháu gọi Viêm Quận bằng cậu cả, nên trong nước, gọi ông là Quốc cữu. Quốc cữu có người con là Thiều Lĩnh bá, Nguyễn Trọng Thiều. Quốc cữu lại nuôi trong nhà một người danh sĩ Nghệ An tên là Bùi Bất Trục để làm bạn đọc⁽¹⁵⁾ với Nguyễn Trọng Thiều.

Một hôm, ở dưới nhà học trong phủ đệ Viêm Quận, ông đồ Bùi Bất Trục tiếp một người khách. Hai người giở năm cỗ thi⁽¹⁶⁾ ra bói. Nhặt thẻ, tính thẻ một lúc, người khách nói:

- Được quẻ Phong, hào cửu tứ. Hào từ rằng: *Phong kỳ bộ, nhật trung kiến đấu, Ngô kỳ di chủ.*

Cát. Nhật là tượng chủ, đây chỉ Cán; đấu là tượng bề tôi, đây chỉ Khải. *Nhật trung kiến đấu:* Trong mặt trời thấy sao đấu, thế là đấu thắng nhật, bề tôi thắng chủ. Khải tất xong việc... Nhưng chưa rõ “di” là chỉ cái gì, chỉ ai.

- Hay là chỉ Đình Bảo?

- Không chắc.

- Thế bác thử bói quẻ nữa cho Đình Bảo xem ra sao.

Nhật thẻ, tính thẻ một lúc, người khách lại nói:

- Được quẻ Cấn, hào sơ lục, hào từ rằng: *Hệ vu câm nê; trinh cát. Hữu du vãng kiến; hung.* *Doanh thí phu, trích độc.* Chỉ là lợn, trích độc là đi không tiến lên được. Đình Bảo tuổi Hợi, mình lợn: Đình Bảo tất chết.

- Các ông hỏi việc gì thế? Sao các ông giấu tôi? Các ông cho tôi là đảng với Đình Bảo hay sao? Tôi nghe hết cả rồi.

Bùi Bật Trục vội giới thiệu ông khách:

- Đây là ông Cống Bùi Dương Lịch, anh họ tôi. Không phải là giấu công tử nhưng việc chưa biết ra thế nào nên không dám nói, sợ Quốc cữu ngăn trở.

Rồi Bật Trục đem hết việc hội ở Khán Sơn ra nói cho Nguyễn Trọng Thiều nghe. Trọng Thiều nói:

- Tam quân như thế thật lòng trung dũng đáng khen. Thầy tôi mà không theo, tôi có cách tự khắc phải theo.

Tối hôm ấy, ở nhà Quốc cữu, có cuộc hội họp bốn người: Quốc cữu, Nguyễn Trọng Thiều, Bùi Dương Lịch và Bùi Bật Trục.

Quốc cữu: Tôi vẫn biết là việc nghĩa cử hay, nhưng ném con chuột còn e vỡ cái lọ cổ quý. Thế tử hiện nay bị giam trong phủ, nếu ba quân làm loạn họ giết mất Thế tử thì hối không kịp.

Bùi Dương Lịch: Nhưng dù sao thì tam quân họ đã quyết lăm rồi. Dòng nước trên ghềnh chảy xuống, ngăn sao cho được.

Nguyễn Trọng Thiều: - Đó thầy coi! Chúng nộ nan phạm⁽¹⁷⁾. Phạm chúng nộ có khi nguy đến tính mệnh.

Câu chuyện bàn nửa ngày trời dài lắm, nhưng bốn câu trên là tóm tắt cả lại. Khi Bùi Bật Trục và Bùi Dương Lịch ra khỏi, Quốc cữu bảo Trọng Thiều bằng một giọng gay gắt.

- Lũ võ phu vô mưu chỉ làm hỏng việc, ta cấm không cho mày dục vào.

Trọng Thiều cúi đầu không nói gì. Ngay lúc ấy, chàng bỏ nhà ra đi, mãi đến tối mới về. Đêm hôm ấy, vào khoảng đầu canh hai, có tiếng đập cổng dữ dội. Lính mở cổng ra, thấy tràn vào một toán độ ba chục quân Tam phủ. Kéo vào trước thềm, quân gọi rầm rĩ:

- Xin Quốc cữu ra cho quân sĩ thừa chuyện.

Trọng Viêm sai mở cửa và ra đứng ở trên thềm tiếp. Một người trong bọn nói:

- Ba quân đã quyết, xin Quốc cữu nghĩ đến cơ nghiệp Tiên vương mà nâng đỡ cho. Trọng Viêm trù trù chưa kịp đáp thì trong bọn có đứa nói to lên bằng một giọng hung tợn:

- Muốn theo gương bọn Nguyễn Quốc Trinh, Phạm Công Trứ, Nguyễn Quý Cảnh thì cũng dễ⁽¹⁸⁾!

Trọng Viêm nghe câu ấy sắc mặt biến hẳn. Ông vội vàng sai người nhà mở cửa:

- Thế hãy mời anh em vào nhà trong bàn định.

Bọn quân Tam phủ vào ngồi chật cả chiếc nhà cầu.

Trọng Viêm nói bằng một giọng run rẩy sợ sệt:

- Nghĩa khí của anh em thật đáng kính trọng vô cùng. Song muốn ném con chuột còn e vỡ cái lọ quý. Phỏng khiến anh em khởi sự mà Thế tử còn bị giam trong phủ, nếu bọn kia nó tính Thế tử trước đi thì sao? Cứ ý riêng lão phu thì hãy khoan...

Chúng ồn ào:

- Khoan đến bao giờ? Khoan đến lúc thằng Huy Quận cướp ngôi, đến lúc con mụ Huệ lấy Huy Quận chẳng?

- Lão phu tính như thế này: Lão phu có người cháu hiện làm Thiêm sai ở Binh Phiên. Y lại kiêm việc Tư Thiên Giám Lệnh Sử, ra vào cung cấm và Sứ Phủ dễ. Để lão phu bảo y vào phủ, khải cùng thánh mẫu để thánh mẫu tài định.

- Việc nước đâu đến đàn bà!

- Không... là thế này: Để lão phu bảo Thiêm sai Binh Phiên là Nguyễn Kiêm vào khải với thánh mẫu rằng ba quân đã quyết, Thánh mẫu lấy họa phúc bảo Huy Quận nó phải tôn Thế tử lên thay cho tân vương.

- Khi nào Huy Quận nó nghe.

- Anh em cứ làm như thật, lấy uy mà hiếp thì nó phải nghe. Nó cũng phải soi cái gương Nguyễn Quốc Trinh chứ!

- Thế ngộ nó không nghe.

- Thì cứ việc làm. Nhưng lão phu tưởng như nó phải nghe.

- Chúng tôi chiều ý Quốc cửu mà đợi vậy, nhưng Quốc cửu đừng lừa dối chúng tôi. Thôi, chúng tôi xin kiếu.

Nói đoạn chúng lại ầm ầm kéo ra.

Thật ra, cái kế của Quốc cửu chỉ là cái kế hoãn binh cho xong chuyện. Ông chẳng vì họ mưu mô chi cả.

Ba hôm sau, quân lính lại sấn đến nhà Nguyễn Kiêm, ép phải thật hành lời hứa của Quốc cửu. Nguyễn Kiêm bất đắc dĩ(19) phải vào cung nói với Trịnh Thái phi:

- Nếu Thánh mẫu không can thiệp, tiểu thần e nguy hiểm cho nhà Quốc cửu.

Thái phi sợ họa đến em trai mình, bèn bảo Nguyễn Kiêm đến hỏi ý kiến Quốc sư Nguyễn Hoãn(20). Nguyễn Hoãn bàn rằng:

- Ông về khải cùng Thánh mẫu rằng, hiện bây giờ chỉ còn có một cách để cứu vãn tình thế mà thôi. Một đường, Thánh mẫu lấy chỉ bảo Huy Quận lễ họa phúc để y nhượng bộ quân sĩ một chút. Một đường, Quốc cửu bảo quân sĩ hãy chờ mấy ngày.

- Nhượng bộ thế nào? Bỏ tân vương đi, dựng Thế tử lên thay à?

- Được như thế thì càng hay, bằng không thì ta làm như thế này...

Nguyễn Hoãn nghĩ một lúc lâu rồi nói tiếp:

- ... Ta làm như thế này: ta bắt chước như kiếu cũ, như kiếu Nghị tổ(21) nhiếp chính hồi Dụ tổ(22). Rồi tôi thảo sẵn hai tờ ý chỉ.

- Quốc sư thảo ngay đi để tôi đưa cho quân sĩ xem cho chúng yên bụng đã.

Nguyễn Hoãn lấy giấy bút thảo ngay hai tờ ý chỉ rằng:

hánh tổ Thịnh vương Ý Hòa Thái phi ý chỉ: Nước có Trương quân là phúc cho xã tắc. Nay ta xét: Tân vương tuổi còn thơ ấu lại bệnh tật luôn luôn; vương trưởng tử Khải tuổi đã hai mươi, xứng kế tự liệt Tiên vương. Vậy dựng vương trưởng tử lên thay Tiên vương, phế tân vương xuống là Cung Đức công cho yên lòng thần dân và yên xã tắc.

Kính vậy thay, ý chỉ.”

Thánh tổ Thịnh vương Ý Hòa Thái phi ý chỉ:

Ta xét rằng: Tân quân hiện còn ấu trùng, việc nước chưa đủ chủ trương. Vương quý tử Khải xét là người quả đoán minh mẫn; xưa kia Dụ tổ Thuận vương ốm yếu, Nghị tổ Ân vương là em quyền quốc chính thay anh. Vậy theo gương cũ liệt Tiên vương, cất Khải lên làm Tiết chế Thủy lục chư quân để coi việc nước đợi đến lúc tân vương đủ tuổi coi việc nước.

Kính vậy thay, ý chỉ!

Nhà văn – nhất là những nhà văn cổ, còn chịu ảnh hưởng Hán tự nhiều – mỗi khi nói đến thành phố Hà Nội là dùng đến mấy chữ Nùng Nhị, Nùng Khán, tức là dùng danh sơn danh thủy mà chỉ đất. Vì thế Nùng Sơn và Khán Sơn mới nổi tiếng. Thật ra, Nùng Sơn và Khán Sơn không đáng gọi là sơn là núi chi cả, trừ ra khi nào theo sự hiểu riêng của các nhà địa lý mà đồng đất cao không đầy nửa bước chân cũng gọi là sơn (cao nhất thốn giả vi sơn: Cao một tấc cũng gọi là núi). Bà con Hà thành ai còn lạ gì cái mô đất cao chưa đầy hai tầng nhà Tây cao, rộng độ bằng mẫu đất, nằm gọn thon lỏn đằng sau cái chuồng dài nuôi chim khỉ rấn rết trong trại Bách Thảo nữa. Đó Khán Sơn đó. Còn Nùng Sơn? Hiện bây giờ mất rồi, nhưng hai mươi năm trước đây – vào khoảng năm 1918, 1919 gì đó – hãy còn. Ngày ấy, nó chỉ còn là cái mô đất rộng chừng hai gian nhà, cao chừng vài ba thước Tây, ở bên cạnh con đường République (trước cửa học hiệu Albert Sarraut^[23], thẳng cửa phủ Toàn quyền ra). Chắc trước kia nó cũng cao rộng như Khán Sơn. Sau vì cần việc lấp những vũng để làm đường, người Pháp mới gọt dần nó đi. Đến khi trường Albert Sarraut khởi công thì “núi Nùng” quý báu của nhà văn mới bị bạt hẳn cho khỏi bắt mắt.

Núi Nùng, núi Khán, xét đến nguồn gốc chẳng qua cũng là hai ụ đất đắp lên khi nhà Lý đóng đô ở thành Thăng Long. Nhà bác học Trung Quốc đời nhà Tống là Mã Đoan Lâm (Ma Touan Lin) có để lại cho ta một đoạn văn ký sự về thành Thăng Long có đoạn rằng:

Cung điện dinh thự ở trong một cái thành chu vi chừng ba nghìn bộ. Trong thành, đắp lên nhiều mô đất để sửa lại phong thủy, hình thế...

Những mô đất ở giữa khu trường Đấu Mã và vườn Bách Thảo chắc cũng là những mô đất ấy.

Núi Nùng, núi Khán, xem vậy, là núi nhân tạo, nên cũng theo cách tính sênh xoàng tèn tẹt của dân ta mà bé nhỏ. Thật ra, hai “quả núi” ấy, giả gọi là đồi cũng là quá lạm rồi...

Đồi Khán Sơn lại có cuộc hội họp thứ hai của quân Tam phủ.

Quá tiết thu phân hơn mười ngày rồi, ngày đã hơi ngắn rồi. Thế mà từ giờ Dần, lác đác đã có người đến. Đến đầu Mão, người đã bắt đầu đông, số nhiều là quân Tam phủ. Ngoài giả một số đông người háo sự cũng đến họp mặt cho vui. Lần này quân sĩ đã có định kiến rồi nên họ không ồn ào như lần trước nữa. Trông những nét mặt đăm đăm không rằng không nói, biết là nỗi cảm tức của họ lên đến cực điểm mà lòng họ đã quyết lăm rồi. Có anh, sốt ruột hơn, hỏi anh em:

- Thế nào? Bao giờ?

Thì người bị hỏi dường như lấy làm khó chịu, xua tay một cái rồi gắt:

- Lát nữa, hỏi mãi!

Một đám đông người yên lặng thật đáng sợ hơn một đám đông người ồn ào. Họ yên lặng nghĩa là họ dồn hết nhiệt thành, nghị lực, dũng cảm vào trong. Họ ồn ào là họ chưa đủ nhiệt

thành, nghị lực dũng cảm để ngăn ngừa những cái cử chỉ hỗn độn vô nghĩa, những câu cãi vã vô ích. Nước thác nghe thì rúc tai, trông thì hoa mắt nhưng nhiều khi có nguy hiểm bằng đám nước phẳng lặng đâu? Sâu ngập tầm đó, nhưng nếu ai tưởng làn nước ruộng thấp gang tay mà bước xuống, thì chết không kịp ngáp. Nông choèn choèn, một gang nước đó, nhưng bờ cao, thành đứng, mặt trong, mượn bóng trời mây cây cối, có kẻ cho là vực thẳm chưa dễ đã dám bước chân xuống.

Đầu giờ Thìn, một tiếng loa thét từ đỉnh đồi Khán Sơn vang động ra:

- Xin anh em đứng tụ cả dưới sườn núi, chân núi!

Mọi người túm quanh nghe. Trên đồi lại có tiếng loa:

- Huy Quận nhất định không chịu nhượng bộ. Y nhất định cứ thói nào tật ấy. Vậy anh em nghĩ sao?

Ầm ầm như sấm vang, tiếng quanh đồi thét lên:

- Giết chết thằng Quận Huy! Đem con đĩ Phù Đồng cho voi giày!

Tiếng loa trên đồi:

- Vậy anh em nhớ kỹ. Ba hồi trống, mỗi hồi chín tiếng!

- Bao giờ? Bao giờ?

- Ngày mai, khi tan phiên châu sớm. Bây giờ, ai nấy đi về.

Mọi người kéo ra về.

Thế tử Khải đương nằm trong ngục đọc thơ. Ông ngâm lại câu thơ năm trước ông làm, một đêm trong ngục khi tiếp được phong thư bí mật quảng qua cửa sổ, báo tin những người chết, bị xử tử năm ấy.

Dạ bán kinh hoàng đắc báo thư,

Khai giam phách án, nhất kinh hô

Chư quân đao thủ ngô hà vọng?

Thiên đạo như tư, cổ sở vô.

Đêm hôm ấy, bức phong thư xem xong, Thế tử buột miệng đọc thành bốn câu thơ ấy, rồi cũng không bụng dạ nào mà nối thêm nữa. Hôm nay rồi, nghĩ lại, Thế tử muốn nối thêm bốn câu cho nó thành bài thơ mà nghĩ mãi chưa ra câu nào hay cả. Bốn câu thơ ấy năm xưa buột miệng đọc ra một hơi, nay đối tượng hoàn cảnh và tâm trạng không giống xưa nữa nên không sao nối cho thơ nhất khí được. Rồi Thế tử nghĩ vẩn vơ một mình:

- Hay là số phận mình cũng như bài thơ kia, có trước không sau, có đầu không đuôi(24)!

Còn đương vơ vẩn nghĩ thì ùng ùng đã thấy tiếng người rầm rập từ xa chạy đến.

- Cái gì thế này? Họ đã khởi sự rồi chăng?

Quân lính sập đến phá cửa:

- Bẩm, ba quân đã giết chết Hoàng Đình Bảo, xin rước Thế tử ra Phủ đường.

Thế tử chưa kịp đáp thì bọn lính đã cõng Thế tử lên vai chạy ra cổng Tả Xuyên đường.

III

Lầu Ngũ Long

Kốn năm sau.

Đoan Nam vương Trịnh Khải làm chúa đã được bốn năm. Trong bốn năm ở ngôi cao, bao nhiêu việc thương tâm bức lòng đã xảy ra. Trước hết là cái loạn Kiêu binh. Nguyên từ xưa Đoan Nam vương cũng biết thừa rằng quân Tam phủ – bọn quân mà nhà nước cùng dân gian đã gọi là Kiêu binh – là con dao hai lưỡi. Dùng thì được việc, nhưng đến lúc trái thói muốn làm loạn thì cũng khó trị. Chẳng qua là lúc vô kế khả thi, phải dùng liều vậy. Chơi dao thì có ngày đứt tay, Khải đã ngập ngừng đôi ba phen. Sau cùng bất đắc dĩ phải dùng vậy.

- Chơi dao thì đứt tay. Ta thử chơi dao không đứt tay một phen xem sao! Con ngựa hay phần nhiều là con ngựa có vết xấu, nhưng người kỳ mã giỏi thì sợ gì vết xấu mà bỏ con tuấn mã không dùng! Kiêu binh là quân đã giúp nhà nước dẹp bao nhiêu loạn, đã quen chiến trận, nước nhà một mai cũng phải dùng đến. Ta làm chủ trăm họ thì có thể sao không có quân tinh nhuệ được? Vả chẳng, không dùng thì bỏ chúng vào đất nào? Bỏ chúng đi đâu? Con ngựa bất kham bỏ rông có lẽ nguy hiểm còn hơn đem ra mà dùng. Tiên vương dùng được thì sao ta lại không.

Ông nghĩ thế, nhưng tình thế nó lại xoay ra khác. Điều nghĩ cuối cùng của ông: “Tiên vương dùng được, sao ta lại không” hơi sai. Kiêu binh xưa kia tuy kiêu hãnh nhưng sự kiêu hãnh ấy do chiến công mà ra. Họ chỉ kiêu hãnh với các quan văn mà họ cho là vô ích đối với nhà nước, họ chỉ kiêu hãnh với dân gian mà họ cho là nhờ họ mới được yên ổn làm ăn. Nhưng đối với... chúa – nhất là đối với chúa – họ chưa từng dám nghĩ ngợi gì tới, họ vẫn cho là một người thần thánh..., có mất quyền chẳng nữa cũng chỉ do trời cất mệnh đi mà thôi. Đối với quan võ, họ vẫn coi là người thầy họ. Từ khi họ nổi loạn lên, giết Hoàng Đình Bảo là người họ đã từng trăm trận trông thấy phất cờ thét loa chỉ huy trên mình voi, từ khi ấy, họ coi thường cả quan võ. Ông tưởng coi vạn quân, ông tưởng đánh dư trăm trận kia họ còn mọc trên mình voi xuống mà giết được thì các quan võ khác, họ còn coi ra chi? Từ khi họ nổi loạn lên, từ khi họ công một người tù là Thế tử Khải đặt lên ngôi báu một vị chúa, từ khi ấy họ coi thường nốt cả người mà xưa kia họ không dám nghĩ ngợi tới, người mà xưa kia họ vẫn coi là thần thánh bất khả xâm phạm.

Thế là từ ngày ấy trong tâm lý họ có một điều thay đổi lớn: Họ coi thường cả chúa cùng các tướng. Sự coi thường ấy trước còn tiềm ẩn, sau dần dần lộ ra.

Điều ấy, chúa Đoan Nam vương không nghĩ trước tới. Không nghĩ tới điều ấy, ông chỉ nghĩ cách thu phục họ thôi. Thu phục làm sao? Muốn làm ông chúa tể một nước, thì điều cần nhất là làm cho người ta kính sợ, chứ đừng để cho người ta thương. Thương là trông xuống, kính sợ là trông lên. Quân sĩ thần dân đã trông xuống mà thương thì cũng khó lòng mà thu phục nổi người ta.

Cách đầu tiên mà chúa Đoan Nam thi thố để mua chuộc Kiêu binh là cho tiền, cho phẩm tước. Làm như thế chỉ tăng thêm lòng kiêu hãnh lên mà thôi. Ông Quân lại Nguyễn Bằng Võ với ông Suy trung Dực vận Công thần, Thị nội hầu Nguyễn Bằng Võ thì cũng vẫn là một, vẫn là người đã “dựng ngôi chúa” lại thêm cái vẻ khổng khảng quan lớn nữa thôi.

Hơn nữa, chúa Đoan Nam lại ban cho họ những “không đầu sặc”⁽¹⁾ để họ được tự do điền tên người họ thân yêu vào. Làm như thế tức là đem xẻ một phần quyền bính chí tôn của mình cho người khác.

...

Vì chúa Đoan Nam vụng suy ở chỗ đó nên năm Quý Mão (Cảnh Hưng 44 mấy tháng sau khi chúa Đoan Nam được dựng) mới có việc quân Tam phủ đòi dựng hoàng tôn Duy Kỳ lên làm Hoàng thái tôn. Thế là ngôi chúa ở tay họ ra, ngôi Thái tôn - ngôi hoàng đế trừ bị - cũng ở tay họ ra.

Được đăng chân lân đăng đầu, Đoan Nam vương bấy giờ mới rõ rằng không thể thu phục được nữa mà phải trị, không thể nhu được nữa mà phải cương. Vì thế ngày rằm tháng hai năm Giáp Thìn, Đoan Nam vương theo cái thuyết “triết trợ” của Quốc cữu Dương Khuông chém bảy tên kiêu binh.

Dương Khuông bày kế rằng: “Một nắm đũa khó bẻ, xé lẻ ra từng cái thì dễ bẻ. Nay ta cứ bắt tội từng tốp năm ba đũa rồi dần dần phải hết.”

Thuyết “triết trợ” (bẻ đũa) của Dương Khuông chậm quá mất rồi. Nhà chúa mới bẻ tạm có bảy cái đũa mà quân Tam phủ kéo nhau ngay đến cửa Sứ phủ làm loạn, đòi giết Dương Khuông và người giúp tán thành mưu ấy là Chiêm Võ. Chúa Đoan Nam phải nuốt nước mắt mà cho Chiêm Võ ra khỏi cung để quân Tam phủ bắt chém.

Rồi, năm sau, Điền Nhạc hầu Nguyễn Điều đem quân tứ trấn về dẹp loạn Kiêu binh. Lại một hồi tàn sát, Kiêu binh trừ hết.

Nhưng trừ vừa hết Kiêu binh thì ngoài cõi lại có việc dụng binh. Rồi kế tiếp toàn những tin không hay cho nhà Trịnh. Từ đầu năm nay(2) mỗi khi phi kỵ trong Nam ra là một lần chúa Đoan Nam được một tin buồn.

Hai mươi bốn tháng tư: Đồn Hải Vân quan vào tay quân Tây Sơn, tướng giữ ải là Hoàng Nghĩa Quyền chết trận. Mồng một tháng sáu: Thành Thuận Hóa mất, Thủ tướng là Tào Quân công Phạm Ngô Cầu hàng giặc; phó tướng là Thể Quận công Hoàng Đình Thể cùng hai con là Kiêu Kim hầu Võ Tá Kiên chết trận.

Mười hai tháng sáu: Nghệ An thất thủ, trấn thủ Bùi Thế Đạt bỏ thành chạy.

Rằm tháng sáu: Thanh Hóa thất thủ, trấn thủ Tạ Danh Thùy chạy.

Hai mươi tháng sáu: Quân Tây Sơn phạm trấn Sơn Nam Hạ.

Cho tới hôm nay, một mình ngồi trong phủ chờ tin đạo quân của Thái Đình hầu Trịnh Tự Quyền. Từ hôm nghe tin Nghệ An thất thủ, Trịnh vương đã phái Thái Đình hầu thống 27 cơ quân đi cự địch. Thế mà y chùng chình mãi đến hôm hai mươi hai mới đi. Y đi được nửa ngày thì có phi kỵ về báo rằng thành Sơn Nam đã thất thủ, trấn thủ là Trương Trung hầu Đỗ Thế Dận cùng Đốc đồng Nguyễn Huy Bình đã bỏ trốn, tướng tiên phong là Liễn Trung hầu Đinh Tích Nhưỡng đem thủy quân lùi về đóng ở cửa Luộc cũng bị vỡ.

Nửa ngày sau, tức là sáng hai mươi ba lại có phi kỵ báo về: Thái Đình hầu đóng thủy quân ở khúc sông Cầm Động thấy quân Liễn Trung hầu thua ở cửa Luộc, quân tự tan rôi.

Đó là tình thế ở ngoài cõi.

Còn tình thế ở trong.

Dân chúng, kẻ giàu chôn của rồi bỗng bế nhau đi tránh loạn: Kẻ nghèo không có của chôn, nhưng cũng lủ năm lủ bảy kéo nhau đi. Khi ấy kinh thành mới phoi hết những cái bắn thủ cả tinh thần lẫn vật chất. Cái giọng sùt sùi oán vọng của bọn nhà giàu đến khi vận hết cửa tan, đi cặp đôi với mớ khố rách áo ôm của nhà nghèo ngoài các cửa ô. Những bọn người háo sự, những bọn du côn thì kéo nhau ra đường dò la tin tức và chờ xem một cảnh tượng mới mẻ lạ lùng.

Đoan Nam vương đứng ngồi không yên, nóng lòng sốt ruột. Giặc gần đến kinh thành rồi mà các quan chưa một ai vào nhập thị. Cho hỏi thì lác đác trốn đi gần hết.

Chiều tối hôm hai mươi bốn mới thấy bọn Phạm Quý Thích, Lý Trần Quán, Phạm Đức Ninh, Phạm Trọng Huyền, Trần Công Sán vào. Đoan Nam vương hỏi:

- Thế giặc ra sao?

Trần Công Sán nói:

- Thế giặc như chẻ tre, nội nhật ngày kia là cùng thì chúng phạm tới kinh thành.

- Ý ta định bỏ kinh thành chạy lên Sơn Tây rồi lấy quân của Thạc Quận công Hoàng Phùng Cơ về đánh giặc, tiên sinh⁽³⁾ nghĩ sao?

Trần Công Sán nói:

- Nhân tâm không trông cậy được nữa. Chúa thượng ra khỏi thành thì là ông chúa chạy loạn, thần chắc không một ai theo đâu. Kinh sư là gốc nước, Chúa thượng phải ở lại giữ gìn. Bỏ đi tức là bỏ gốc nước, bỏ gốc nước thì nhân tâm đã tán loạn càng thêm tán loạn. Chúa thượng chỉ nên rước Thái phi, Nguyên phi, Nguyên tử cùng tam cung lục viện ra ngoài thành. Chúa thượng cùng lũ chúng tôi ở lại giữ thành. Thành còn là nhờ uy linh tiên vương mà thành mất thì vua tôi cùng chết theo xã tắc!

Trịnh vương cúi đầu ngẫm nghĩ...

Phạm Quý Thích nói:

- Nay Chúa thượng truyền cho các quan hai trấn Kinh Bắc và Sơn Tây hiệu triệu dũng sĩ trước để phòng sự bất trắc.

- Ta đã cho triệu Sơn Tây Trấn thủ về kinh đánh giặc, giữ kinh sư, nhưng chưa thấy tin tức gì. Bây giờ thì làm sao kịp nữa.

Trần Công Sán nói:

- Hoàng tướng quân thế nào cũng mang quân về. Nhưng vẫn phải hiệu triệu sẵn dũng sĩ hai trấn Tây, Bắc để phòng khi kinh sư thất thủ.

Chúa Trịnh gật và hỏi những ai đem truyền từ⁽⁴⁾ đi đâu. Lý Trần Quân xin đi hạt Từ Liêm, Phạm Đức Ninh hạt Gia Lâm, Chu Hi Thích hạt Đông Ngàn. Trần Công Sán, Phạm Quý Thích, Nguyễn Đường xin ở lại cùng xã tắc tồn vong, Phạm Quý Thích thảo xong truyền từ, xin lấy phong từ⁽⁵⁾ đóng dưới. Truyền từ thảo xong, người nào việc người ấy. Trong phủ chỉ còn Trần Công Sán, Phạm Quý Thích và Nguyễn Đường.

Đêm ấy, mấy vua tôi cùng ngồi ở Tiểu Bồng điểm nghe dò tin tức.

Nửa đêm có tiếng đập cổng mạnh. Ai cũng tưởng là phi kỵ về báo tin nguy cấp gì. Lính nói to:

- Có Sơn Tây Trấn thủ Thạc Quận công Hoàng Phùng Cơ cùng tám vị công tử xin vào hầu.

Chúa Trịnh mừng rỡ, lập tức cho vời Hoàng Phùng Cơ vào. Phùng Cơ sụp xuống toan lạy thì Trịnh vương đỡ dậy hỏi:

- Quốc thế nguy vong, công có kế gì giúp ta?

Phùng Cơ đáp:

- Thần chịu ơn sâu của nhà nước, nghĩa vụ làm võ tướng là phải đánh giặc. Thần xin đem quân bản bộ cùng tám con thần ra chống giặc. Nhược đánh được, đó là nhờ uy linh Chúa thượng; bằng thế cùng lực kiệt, cha con thần xin chết theo xã tắc để yết Tiên vương dưới Cửu toàn.

Trịnh Vương cầm tay Phùng Cơ, rưng rưng nước mắt:

- Vạn nhất làm sao thì ta cũng chết theo xã tắc. Bây giờ thế đã gấp, khanh nghĩ nên bày bố thế trận ra làm sao?

- Hiện nay tình thế đã gấp, Đinh Tích Nhưỡng thua ở cửa Luộc, Trịnh Tự Quyền quân võ ở Cẩm Động. Thủy quân của giặc chỉ còn cách kinh sư hai trăm dặm. Đường thủy trở nên xung yếu. Thần xin Chúa thượng sai Ngô Cảnh Hoàn đem thủy quân đóng ở bến Thút Ái làm tiền quân án ngữ đường tiến của giặc. Thần xin đem quân bản bộ hợp với tàn quân của Đinh Tích Nhưỡng và Trịnh Tự Quyền đóng khắp từ bến Thút Ái đến Tây Long Chủ. Còn ở kinh sư thì

Chúa thượng khiến Bùi Huy Bích làm Thị sư. Chúa thượng thân ngự ra lầu Ngũ Long đốc chiến. Hiện quân nam doanh còn đủ để bày thành thế trận. Tả quân đóng ở Tây Long Chử, làm hậu thuẫn cho hạ thần; hữu quân đóng ở Tây Hồ Chử, phòng lúc tiền quân đổ thì tiếp ứng; tiền quân đóng từ cửa Địa Hưng đến cửa ô Trường Bản, là quân thụ địch đầu tiên; trung quân đóng ở trước Ngũ Long lâu, hộ vệ cho thánh giá. Vạn nhất có sao nữa thì ta cũng còn giữ vững được kinh thành, chờ quân cứu viện các nơi đến.

Trịnh vương gật đầu khen phải và cởi thanh kiếm “Phượng Huy” đeo bên mình trao cho Hoàng Phùng Cơ. Lại sai quan giữ kho lấy ra năm vạn lạng bạc để khao quân sĩ.

Hoàng Phùng Cơ lĩnh kiếm, đoạn lạy tạ chúa Trịnh xin lui ra để còn sắp đặt quân ngũ.

Trịnh vương đưa Quận Thạc ra tận thềm, cầm tay ân cần dặn:

- Quốc gia tồn vong ư thử nhất cử, công kỳ miễn chi(6).

Khi xưa câu nói nào trịnh trọng kính cẩn thường dùng toàn bằng chữ Hán. Chữ Nho thường chỉ dùng nói với văn thần, nay chúa Trịnh đem nói với võ thần là có ý coi Hoàng Phùng Cơ trọng hơn người khác. Phùng Cơ nghe mười hai chữ nho ấy, cảm động đến khóc:

- Thần làm sao mà báo được ơn tri ngộ này.

Vua tôi cùng khóc chia tay.

Trịnh vương nhìn theo hồi lâu mới trở vào, thấy yên dạ đôi chút. Khi vào, cúi xuống ngẫm nghĩ một lúc rồi hỏi tên Tiểu hoàng môn(7).

- Nhìn đồng hồ xem đến canh mấy rồi?

Tiểu hoàng môn vào xem rồi ra:

- Trình: Giọt rờng tắc, không chảy, dễ chừng đến hai ba khắc rồi. Cái dạ thiên hồ đã gần đầy, phỏng chừng cũng đến quá canh ba, sang canh tư rồi.

Trịnh vương quay lại bảo Nguyễn Đường:

- Khanh người vùng Kinh Bắc giáp Sơn Tây, lại làm quan ở Sơn Tây hẳn biết rõ nhân dân cùng địa thế hai vùng ấy?

- Thần biết rõ lắm. Vương thượng hỏi làm gì?

- Ta hỏi phòng khi kinh sự thất thủ thì ta cùng khanh đi lên vùng ấy, khanh dẫn lối cho ta. Lúc nước loạn, nhân tâm bất trắc lắm. Đi vào chỗ lạ, ta e có cái vạ như Lý Tự Thành chết trong tay mấy đứa nông phu.

Thần xin hết sức. Vạn nhất kinh thành thất thủ, thần xin lúc nào cũng không rời xa Chúa thượng nửa bước. Nhà thần, từ đời đức Thánh tổ(8) bảy đời khanh tướng, chịu ơn của nhà nước đã nhiều, lẽ nào lại không hết dạ trung trinh(9).

Cha khanh(10) vì ta mà bị biếm truất(11). Tiếc rằng khi ta thừa thống(12) cha người lại mất rồi, không thì thế nào ta cũng cất lên chính phủ đại thần. Cha người khi xưa ở ngoài biên trấn, tiên vương đã khen là *mưu sự chi mẫn, lự sự chi chu, chân thị lão thành tri trọng*(13). Vì thế mới được cất lên Đài quan. Sau chỉ vì khuyên Tiên vương dựng ta làm Thế tử mà bị truất biếm ra ngoài biên giới.

- Thần cũng có nghe nói như thế.

- Khi ta nhập phủ thừa thống, ta có giở những tập phiến tấu(14) năm xưa ra. Trong mấy trăm tập khảo, duy cha người có bản khảo nói vì ta. Lúc đó cả triều như cầm điếu cày. Ta tiếc cha người lắm. Giá còn đến bây giờ.

Vua tôi nói chuyện xong thì trời gần sáng.

Ngoài thêm, hai con voi “Quận Đông”, “Quận Tê” đã phủ phục sẵn. Thị sư Bùi Huy Bích vào tâu:

- Xin Vương thượng lên voi ra Ngũ Long lâu. Thần đã dàn xong trận.

Trịnh vương lên con “Quận Đông”, Bùi Huy Bích cùng Nguyễn Đường lên con “Quận Tê”.

Trên mình voi, chúa Trịnh nói:

- Phạm Quý Thích cùng Trần Công Sán về Nghị Sự đường thu lấy ấn tín lục phiên rồi rước Thánh mẫu cùng Nguyên phi ra ngoài thành.

Lầu Ngũ Long hôm nay bày ra một cảnh tượng khác ngày thường.

Trên lầu, ngoài lan can, hai bên bày hai khẩu súng thần công bằng đồng, hai khẩu súng, người Hòa Lan đúc hộ ở lò Phổ Hiến từ ngày chúa Tây vương. Quanh hai khẩu súng, lính áo nẹp ngỏ ngòn cầm mã tấu sáng quắc, đội quân Nội kiêu. Ở giữa, dưới bóng chiếc tàn vàng, chúa Đoan Nam vương mình mặc áo bào vàng chên tay, ngoài thắt dây lưng đỏ, đầu đội mũ đầu mâu(15). Trước mặt Trịnh vương, kê một cái trống quân thật to. Xưa kia, trên lầu ấy người ta chỉ quen xem các quan đứng cùng chúa Trịnh, mỗi khi có khoa thi Đình, truyền lô(16) gọi các ông Tiến sĩ mới vào diện Quang Minh lĩnh mũ áo cân đai. Bây giờ, chỗ xưa kia dùng để phô cảnh tượng thái bình thịnh trị, đem dùng làm hồ trống cho vị Đại Nguyên súy Trịnh vương chỉ huy sĩ tốt.

Trước lầu, trên một bãi cỏ rộng, quân đóng thành hàng sát đến Thủy Quân hồ. Chỗ các ông nghè mới nghe truyền lô, bây giờ là chỗ cắm ngọn cờ đỏ to bằng sáu bảy chiếc chiếu, trên thêu mấy chữ “Bùi Thị Sư”(17). Lá cờ mở ra cuộn vào phấp phới trước gió, khi mở ra, người nào để ý còn nhận thấy nét sổ chữ “Sư” mới thêu được một nửa, thành ra chữ “Sư” trông thấp thấp bèn bẹt. Một đêm hôm qua, vừa sắp đặt quân, vừa thêu cờ, mà chỉ thiếu có nửa nét chữ “Sư” tưởng cũng là mau mắn chu đáo mà miễn tiện(18) lắm rồi. Có người chỉ ngọn cờ, cười mà bảo nhau:

- Quan Hành Bùi(19) coi một đạo quân què chân.

Dưới chân lầu, về phía trong thành, mấy con voi đứng vẩy đuôi giậm chân, hình như chúng được thấy cảnh tượng chiến trận thì nhớ lại những công việc xưa kia, sốt ruột muốn xông vào trận địa.

Dưới thành, phía ngoài, quan Thị sư Bùi Huy Bích cưỡi ngựa trắng chạy đi chạy lại hàng quân.

Trời tháng sáu, gió nồm thổi mạnh.

Trời tháng sáu, ánh nắng hè như nung đúc. Một lúc, mây kéo kín cả một vùng trời. Thành Thăng Long như bị một cái bát lớn úp lên trên hãm sức nóng lại, oi ả bức sốt lạ lùng. Gió nổi càng to, cuộn lên trời từng đám mây bụi cát. Ngọn cờ bị gió thổi mạnh như muốn nhổ cả cột mà bay.

Một lát, trời đổ một trận mưa như dội cong nước xuống. Quân lính ướt hết, nhưng vẫn giữ bền chỗ, vì trên lầu Ngũ Long, Đoan Nam vương vẫn một tay vuốt mặt, một tay cầm dùi trống đánh liên thanh; dưới bãi cỏ, quan Thị sư Bùi Huy Bích vẫn ra roi cho con ngựa chạy lên chạy xuống, sang tả, sang hữu.

Mưa ngớt dần, rồi tạnh hẳn. Trời lại quang quẻ như trước. Ánh nắng xiên khoai chiếu ngang hàng quân cờ đào nón đỏ, như tỏ thêm vẻ hùng tráng uy nghi.

Gió vẫn thổi mạnh.

Một lát, áo quần cờ quạt lại khô, lại phấp phới lập lòe trước ngọn gió nam, dưới bóng nắng về chiều.

Gió vẫn thổi mạnh.

Bây giờ mỗi ngọn gió lại thoảng đưa lại tiếng người hò hét. Chắc là quân Hoàng Phùng Cơ đang cùng giặc giao chiến.

Tiếng đưa lại, nghe kỹ, trong lại có tiếng kêu khóc: chắc là chiến sĩ bỏ mình trọng thương trong trận kêu gào.

Tiếng nghe mỗi lúc một to thêm. Chắc là trận đánh gần lắm rồi. Trên lầu, Đoan Nam vương vẫn vững tay cầm trống. Dưới lầu, xì xào tiếng kháo trong quân:

- Tiếng gần lắm, dễ thường đánh nhau ở Tây Long Chử rồi.

Từ đằng xa, một con ngựa phi hết nước, chạy lại. Ngựa dừng ở trước lầu Ngũ Long. Mọi người nghe ngóng. Người cưỡi ngựa xuống ngựa, tiếng nói còn hỗn hển.

Trình Chúa thượng. Giặc đã phá tan quân Ngô Cảnh Hoàn ở bến Thúy Ái. Ngô Cảnh Hoàn đã gieo mình xuống sông tuần quốc(20)...

Đoan Nam vương dừng tay trống bảo lính bắc loa truyền quân:

- Giặc đã phá quân ta ở Thúy Ái. Vương thượng truyền ba quân tề chỉnh để đánh giặc.

Rầm rập quân lính cầm súng, gươm, mã tấu lên tay.

Đồm độp lại một phi kỵ thứ hai đến báo tin:

- Thạc Quận cùng giặc đánh nhau ở Vạn Xuân hồ. Quân ta đổ, sáu công tử Thạc Quận tử trận. Giặc đã phạm đến cửa ô Trường Bản. Tiền quân đương giao chiến. Thế nguy.

Đoan Nam vương dừng tay trống. Loa lại cất lên:

- Giặc đã phạm đến địa phận kinh sư. Vương thượng truyền ba quân cùng hết sức rồi tuần quốc cùng Vương thượng.

Quân lính hăng hái reo lên:

- Vương gia thiên tuế!

Gió nam vẫn thổi mạnh. Theo ngọn gió, tiếng kêu càng to gần. Trời đã xế bóng, mặt trời đã khuất sau đám mây trên đỉnh núi phía tây.

Tiếng kêu càng to càng gấp. Trước còn chưa rõ lắm, sau nghe rõ cả tiếng người chạy.

Trên lầu Ngũ Long, chúa Trịnh vẫn cầm dùi đánh trống thúc quân. Nguyễn Đường nói:

- Tình thế nguy ngập quá. Xin Vương thượng bỏ lầu lên voi ra trận. Thần xin liều chết báo ơn Vương thượng.

Đoan Nam vương xuống lầu lên voi. Giặc đã đánh đến trung quân. Quân Trịnh trước còn hăng hái, sau thấy thế không sao địch nổi cầm đầu chạy, giẫm lên nhau mà chết.

Trên mình voi, Đoan Nam vương vẫn cố cầm quân. Đội quân Nội kiều hăng hái lẫn xả vào quân địch mà chém giết.

- Xin Chúa thượng thay quần áo xuống voi, có cố nữa cũng vô ích.

Sấn quần áo trên bành voi, Đoan Nam vương thay quần áo rồi bảo tượng nô đánh voi chạy ra phía hồ Minh Đường.

Tới hồ Minh Đường, Trịnh vương bỏ voi lên ngựa cùng vài chục quân và Nguyễn Đường chạy lên phía cửa ô An Hoa. Con voi “Quận Đông” chạy theo. Trịnh vương dừng ngựa quay lại. “Quận Đông” quỳ xuống chực để Trịnh vương lên. Trịnh vương nói:

- Thôi “Quận Đông”! Ngươi ở lại, theo ta làm gì.

Khi con voi thấy chủ quất ngựa đi, nó lại đứng dậy chạy theo. Trịnh vương quay ngựa lại thì nó lại quỳ xuống. Cảm động, Trịnh vương nói:

- Thôi “Quận Đông”, ta biết lòng trung dũng của ngươi rồi. Ngươi ở lại để ta chạy. Ta cũng chưa biết sống chết thế nào đây! Thôi, ngươi ở lại, may ra ngày kia vua tôi lại gặp nhau.

Lần này, nó không chạy theo nữa, nhưng cứ quỳ mãi cho tới khi không thấy bóng người đâu. Đàng xa ngoái cổ nhìn lại, Trịnh vương sa hàng lệ.

Đến cửa ô An Hoa, trời vừa xẩm tối.

Khỏi cửa ô An Hoa, con đường đi vào giữa một bên bãi cát sông Nhị Hà, một bên những lạch ao cạnh hồ Tây. Đến địa hạt làng Quảng Bồ(21), lắng tai nghe thấy có tiếng xì xào. Rồi trong đám xì xào, có tiếng quát:

- Những thằng nào kia? Đi đâu?

Nguyễn Đường lên tiếng:

- Quan quân đi có việc cần.

Đám người xì xào bỗng ủa lên, đưa đốt đuốc đưa cầm gậy:

- ... Anh em, đánh chết... đánh chết không còn một đứa nào.

Trịnh vương quát ngựa chạy.

Quan quân đi theo, người bị dân đánh chết, người chạy được. Thế là, còn một bày tôi tay chân và vài chục hộ vệ cuối cùng, Trịnh vương cũng mất nốt.

Trên đường Quảng Bồ đi Nhật Chiêu, Đoan Nam vương một mình một ngựa lủi thủi trên con đường lạ, chưa biết có yên lành qua đêm nay không! Tới đây, Trịnh vương mới thấu hết cái di họa của lũ quân Tam phủ cùng ô quan tham lại(22). Chúng kết oán với dân đến nỗi bị dân coi như cừ thù. Đàng xa le lói có bóng lửa. Trịnh vương ngựa mặt lên trời:

- Trời ơi! Kia lại là một làng xóm. Không biết dân gian nó có để ta yên không?

Người khác, lúc khác đi đường đêm, thấy có đèn lửa thì mừng; Trịnh vương, lúc này, đi đường đêm, thấy có đèn lửa thì sợ. Nhưng thôi, cũng liều nhắm mắt mà thả cương cho ngựa đi từ từ. Vội vàng, lúc phải chết cũng vẫn chết. Bất giác buột mồm, Trịnh vương lại đọc câu thơ năm nọ:

Thiên đạo như tư, cổ sở vô

...

Nhưng lúc này, mong làm thằng thất phu không được!

Bóng lửa tiến đến gần. Dưới ánh sáng mập mờ khi tắt khi cháy, Trịnh vương nhận thấy một người cầm đuốc. Trịnh vương dừng ngựa lại xem người ta đến làm trò gì. Khi tới gần, người kia tay nắm cương ngựa, tay soi đuốc lên tận mặt nhìn đi nhìn lại thật kỹ, rồi hỏi:

- Trưởng giả phải chăng là... Vương thượng.

- Vương thượng gì! Tôi là anh lái buôn lánh nạn đây thôi.

Bỗng người kia phục xuống đất:

- Anh thần đâu? Quân sĩ đâu mà để Vương thượng một mình một ngựa thế này?

- Ngươi là ai mà ăn nói như điên rồ thế? Tránh ra cho tôi chạy kéo quân Tây Sơn sắp đến sau kia.

- Tàu Vương thượng, tiểu dân là Nguyễn Noãn con tiến sĩ Nguyễn Thượng ở Vân Diêm, em ruột Sơn Tây sứ Hữu tham nghị Nguyễn Đường. Anh tiểu dân mấy hôm trước ở Sơn Tây được lệnh của Vương thượng triệu về triều. Trước khi về triều có dặn tiểu dân phải mộ tráng sĩ phòng khi nước có biến. Hiện tiểu dân đã mộ được hơn ngàn dũng sĩ để ở bên kia sông. Cúi xin Vương thượng kíp sang dò.

Nghe thấy nói là con Nguyễn Thường, là em Nguyễn Đường, Trịnh vương vững dạ, không giấu giếm gì nữa.

- Ta cùng anh ngươi với mấy chục quân từ cửa An Hoa chạy. Đến làng kia bị dân làng ra hành hung thành ra vua tôi tán loạn, ta một mình một ngựa đi liều đến đây. Đây là đâu?

- Trình đây là địa phận làng Nhật Chiêu. Sang qua sông thì là làng Lục Canh. Xin Vương thượng kíp sang sông, về làng tiểu dân rồi sẽ liệu việc sau.

IV

Quán làng Hạ Lôi

Trình vương phân vân không biết nên tin hay nên ngờ. Thật là em Nguyễn Đường chăng mà bụng dạ cũng như Nguyễn Đường chăng? Hay là một đứa phản thần nào biết rõ tung tích gia thế nhà Nguyễn Đường mạo nhận để lừa chăng?

Sau cùng, đành liều mà bảo Nguyễn Noãn gọi dò. Gọi mãi mới được một chiếc dò nhớ đủ hai người một ngựa xuống thuyền.

Ngồi mạn thuyền, Trình vương băn khoăn lo lắng. Muốn nhìn xem mặt tên Noãn có giống Nguyễn Đường không thì một ngọn đèn dầu nhỏ không đủ ánh sáng. Nếu thật là em Nguyễn Đường thì không ngại gì, vì nhà hắn là một vọng tộc vùng Giang Bắc, bảy đời nay đã sản ra bao nhiêu trung thần nghĩa sĩ. Nhưng nếu không phải... Thôi những lúc ấy cũng không phải lúc phân vân được nữa; đành đến đâu hay đó mà thôi. Ngửa mặt trông trời, trời sao nhấp nháy, Trình vương nhớ lại năm xưa Tả tư giảng Ngô Thì Nhậm giảng ông nghe bộ sách “Quản Khuy”, rồi vương cố tìm xem các sao Đế Tọa ở nơi nào. Gió nồm nam vẫn thổi mạnh, đưa những tiếng ồn ào nơi kinh sư đến. Bây giờ, giặc Tây Sơn đương làm cỏ thành Thăng Long đây.

Mới cách đây vài giờ, ta còn là một vị vương gia hách dịch mà nay một mình ngồi giữa dòng sông, tấm thân gửi thác trong tay một người lạ mặt chưa rõ ruột gan. Sống động mạn thuyền, nước kêu ì oạp như gọi tấm lòng buồn bã, chán chường.

Còn mẹ ta? Vợ ta? Con ta? Bây giờ ở đâu, còn hay mất? Mẹ ta bị Tiên vương ghét bỏ sinh được có mình ta. Trong hai mươi năm trời, xiết bao cực nhục khổ sở, mới được thả trong dạ chừng vài bốn năm nay. Bây giờ mẹ một nơi, con một nơi, an nguy mất còn đôi nơi bóng chim tăm cá. Chỉ thương cho vợ ta, tưởng... sướng nhất trần gian, ngờ đâu có ngày này? Con ta mới hơn tuổi, nào đã tội tình gì? Làm đứa nông phu khi loạn ly còn giữ được cha mẹ vợ con, làm thân người vương giả khi đã lỡ bước thì không bằng một đứa nông phu.

Chúa cúi đầu thở dài, rồi lại ngẩng lên trông trời, bắt giắc buột miệng đọc ứng khẩu thành hai câu thơ:

Yểu chu ngưỡng diện quan kiền tượng,

Ẩm ảm hàn tinh số điểm cô[\(1\)](#)

Rồi sực nhớ đến bài thơ năm nọ:

- Ô hay! Ta ngẫu nhiên đọc thành hai câu thơ cùng vần với bài thơ năm nọ:

Dạ bán kinh hoàng đặc báo thư,

Khai giam phách án nhất kinh hô.

Chư quân đạo thử ngô hà vọng,

Thiên đạo như tư, cổ sở vô.

...

Yểu chu ngưỡng diện quan kiền tượng,

Ẩm ảm hành tinh số điểm cô!

- Ô hay! Giá ta nghĩ được hai câu ngũ lục nữa thì thành bài thơ. Thân thể ta có lẽ cũng đầu Ngô mình Sở[\(2\)](#) như bài thơ này.

Còn đương nghĩ vẩn vơ thì thuyền tới bến. Nguyễn Noãn dắt ngựa lên trước và mời Chúa thượng lên bờ. Trình vương bước chân lên bờ mà có cảm giác như bước chân vào cõi đời khác.

- Nhà người nói có quân để bên sông. Bây giờ đưa ta đến chỗ quân đóng.

- Tâu Chúa thượng tiểu dân nói thế cho Chúa thượng quyết tâm sang sông đó thôi. Dừng sĩ hiện ở làng tiểu dân, cách đây không xa mấy.

Trịnh vương im lặng biết rằng mình bị lừa. Từ đấy đến làng Nguyễn Noãn đường sá không rõ ra sao mà thủ túc không một ai theo cả. Ngài bảo Nguyễn Noãn:

- Người có quen ai ở làng đây hãy đưa ta vào nghỉ tạm rồi mai sớm hãy đi.

- Từ đây về làng tiểu dân độ đến canh ba thì tới, xin Chúa thượng cố đi. Không nên nghỉ đỗ lại đâu, sợ lộ tung tích.

- Ta đêm qua không ngủ. Ngày hôm nay lại cầm quân từ sáng đến chiều. Bây giờ nhọc lắm. Nếu trời còn để ta sống thì không sợ gì chuyện vào ngủ một nhà lạ. Bằng số mệnh ta đã hết thì đi đâu tránh cũng không khỏi.

- Vâng, thế để xin đi qua một cánh đồng rồi tìm cái quán nào đó mà ngủ có lẽ tiện hơn. Chúa thượng dẫn lòng vậy.

Chẳng dẫn lòng cũng chẳng được, Chúa đành lên ngựa. Noãn đi trước dắt ngựa. Qua cánh đồng làng Xuân Canh, Noãn đưa chúa vào một cái quán ngói trống không giữa đồng. Cái quán ấy dân làng làm ra để nông gia nghỉ chân mùa gặt. Một quá, chúa nằm ngủ thiếp đi. Chừng đầu giờ Dần, chúa tỉnh dậy, nhìn lên trời thấy có trăng.

- Hôm nay 26. Trăng lên thì gần sáng.

Chúa đánh thức Noãn dậy rồi hai người lại cùng đi. Trời tảng sáng, chúa nhìn kỹ mặt tên Noãn thấy giống Nguyễn Đường nhưng thần thái thì khác. Cùng một khuôn mặt ấy, sáo ở Nguyễn Đường thì khí sắc sáng sủa mà ở Nguyễn Noãn thì khí sắc thấy tối tăm hung ác. Chúa nghĩ bụng: Anh em chưa chắc bụng dạ đã như nhau. Mà nếu anh em đã trái tính nhau thì trái hẳn, như trắng với đen. Bụng hơi chồn chợn, Chúa hỏi Nguyễn Noãn:

- Đây là đâu?

- Tâu, làng trước mặt đây là làng Hạ Lôi, dãy tre xanh xanh đằng kia là làng tiểu dân.

- Đây là vùng văn học. Vậy gần đây có ông Tiến sĩ nào không?

- Vùng này, trừ làng tiểu dân ra thì cũng ít có bậc đại khoa. Tiểu dân chỉ nghe nói rằng quan Thiêm sai tri lại phiên Lý Trần Quán trước cũng vâng mệnh đi chiêu binh. Lý Trần Công trước kia dạy học ở Hạ Lôi, không biết nay có đấy không?

- Người đi tìm hộ ta xem. Nếu Quán ở đấy, người bảo ông ta ra đây giúp ta.

Noãn xin vâng, dẫn chúa Trịnh vào trong một cái quán nhỏ gần đấy, sai nhà hàng phục dịch đoạn ra đi.

Một lát sau, Lý Trần Quán, Nguyễn Noãn cùng hai đứa nữa đến chỗ chúa nghỉ chân.

Quán mới trông thấy chúa, vái thật dài rồi đứng nép một bên chỉ một người trong hai người lạ mặt:

- Đây là đứa học trò của tôi tên là Nguyễn Trang, hiện làm Tuần huyện.

Ông lại nói to cho nhà hàng cũng những người đứng gần đấy nghe rõ:

- Đây là quan Hành tham tụng Bùi Huy Bích đi lánh nạn.

Tuy rằng giấu giếm nhưng cử chỉ ngôn ngữ vẫn lộ. Một cái ông cung kính khúm núm quá, người tinh ý đoán cũng ra. Một ông Hàn lâm học sĩ, Thiêm sai Tri lại phiên đối với ông Hành Tham tụng, chi mà khúm núm quá thế? Cái khúm núm ấy lại dễ lộ nữa là ông Lý Trần Quán vẫn có tiếng là người khảng khái, không bao giờ quy lụy một ai. Chúa thấy ông cung kính lộ quá, cũng phải làm ra bộ khúm núm lễ nhượng cho đỡ lộ. Sau cùng chúa gọi riêng ông ra bảo thầm:

- Khanh lộ liễu quá. Cái lễ vua tôi phải bỏ đi trong những lúc này.

Quán nghe đoạn gật đầu trở tên Trang:

- Tên này là học trò thân tín của tôi, quan lớn cứ tùy tiện mà khu xử.

Ông lại bảo tên Trang:

- Tuần Trang, anh đưa quan lớn qua địa đầu rồi ta đến sau.

Trang vâng lời, lấy dăm chục tên dân binh đưa Chúa đi. Y đưa Chúa đến một cái quán hoang giữa đồng rồi hỏi rằng:

- Ông là Đuan Nam vương, phải không? Ông nên nói thật đi, không có thì biến to bây giờ, khi đó đừng trách.

Chúa nói:

- Anh đừng làm thế. Ta là Hành Tham tụng Bùi Huy Bích.

- Thôi đi! Ông đừng lừa dối tôi nữa! Lúc nãy ông cùng Lý Trần Quán vua tôi khóc lóc gì với nhau? Ông năm nay mới ngoài hai mươi tuổi thôi, làm chi mà đã đỗ được Tiến sĩ, làm quan đến Hành Tham tụng. Ông đẻ ra biết chữ à? Năm lên năm đỗ Tiến sĩ à? Sao làm tới Hành Tham mà còn trẻ măng thế kia? Thôi! Từ cổ đến giờ, đế vương phế hưng cũng là chuyện thường. Thôi, ông đi đâu bây giờ. Về quách nhà tôi cho xong.

Nói đoạn y khoanh tay nhìn Trịnh vương mà cười một cách ngạo mạn.

Trịnh vương biết rằng không thể sao giấu được nữa liền nói:

- Vương giả số mệnh ở trời. Chính ta là Đại Nguyên súy Đuan Nam vương! Túng xử ta có chết ở tay người trong nước, cũng là mệnh trời định vậy. Chúng bây muốn làm gì thì làm!

Trang lại cười, cái cười của thằng kẻ cướp chệt được chủ nhà, cái cười của đứa tiểu nhân được lúc đề đầu người quân tử, cái cười của đứa đầy tớ hại được chủ nhà, cái cười đó làm đau ruột Trịnh vương hơn mũi dao đâm cổ.

- Thế thì được. Xin rước Chúa thượng về trụ tất ở nhà hạ thần.

Y nói câu ấy lại bắt giọng phường tuồng nghe nó đều giả chó má vô cùng. Có điều lạ: ở trên sân khấu rạp tuồng thì câu nói giọng tuồng là câu tử tế, mà câu nói giọng thường là giọng đều giả. Ở ngoài thì trái lại.

...

Đem nhân luân ra làm trò rồi, y bắt ép chúa về nhà y ở làng Hạ Lô.

Chúa Trịnh từ đó, im lặng không nói năng gì nữa. Về tới nhà, y đem giam chúa vào trong buồng. Khi hấn ép vào, chúa nói:

- Một mình ta ở trong tay chúng bây, ta còn chạy đi đâu được nữa. Ta cho bây bán ta cho giặc mà lấy ấn phong hầu. Nhưng bây phải để ta ngồi sập giữa nhà, đường hoàng tử tế. Bây không coi ta là vua bây nữa thì ta cũng còn là món hàng quý của bây.

Trang nói, vẫn giọng tuồng:

- Dạ, dạ, dám bẩm Vương thượng, thần phụng mạng, phụng mạng.

Ngoài cổng nhà tên Trang có tiếng ồn ồn, một đứa người nhà vào nói với tên Trang:

- Có quan Học sĩ Lý Trần Quán đòi vào.

Trang nói:

- Ông ta vào can thiệp đây. Mở cửa cho lão ấy.

Lý Trần Quán vào đến trước cửa thềm, sụp xuống đất lạy, khóc mà nói:

- Làm lầm lỡ Vương thượng đến nhường này thật là tội của thần.

Chúa đứng đỡ Lý Trần Quán dậy:

- Người ta, ai có bụng dạ người ấy, khanh có dự gì đến việc này!

Trần Quán khóc lạy tên Trang:

- Vương thượng là chủ chung của cả nước, mà tôi thì là thầy học anh. Quân, sư là nghĩa lớn, anh nỡ lòng nào thế?

Trang nói:

- Nếu quan lớn nói trước rằng là Vương thượng thì bố tôi cũng không dám chứa. Vì quan lớn nói dối tôi nên trót gặp chúa mất rồi. Tôi bây giờ như người chứa đồ quốc cấm, thế tất phải khai báo trình. Nếu cứ để chúa ở nhà tôi một mai quan Tây Sơn biết hỏi đến thì khi đó quan lớn có thể đến đó giải oan gỡ tội cho tôi không? Thôi thôi, tôi cũng cam bất trung bất nghĩa. Sợ thầy chưa bằng sợ giặc; yêu vua chưa bằng yêu thân. Thôi, thôi, quan lớn đừng làm lầm lỡ tôi nữa!

Nói đoạn, y quát người nhà lôi chúa đi. Lý Trần Quán lăn xả vào bị chúng gạt ra. Ông phục xuống đất khóc gào:

- Trời đất ơi! Thằng Lý Trần Quán nó giết vua nó đây! Trời biết chẳng trời?

Chúa quay lại nói:

- Lòng trung của khanh, cô đã lượng biết cho rồi. Khanh đừng tự oán mình nữa!

Chúa chạy ra nắm tay ông:

- Thôi, cô đến cơ sự đường này chẳng qua là mệnh trời bắt thế. Cô còn may mà ở giữa lúc bị nạn, giữa khi lọt tay hùm beo, còn được trông thấy một người trung thần.

Lý Trần Quán lúc bấy giờ mới trông thấy tên Noãn, liền bảo:

- Anh là con nhà danh gia vọng tộc thi thư lễ nhạc mà cũng theo bọn càn này à? Tội anh to bằng mấy tội tên Trang.

- Quan lớn lầm to! Tôi đi mời Vương thượng từ Thăng Long sang đây có làm sao đâu? Quan lớn đưa chúa vào tay giặc đó chứ!

Quán nghe câu ấy phát uất người lên, nức nở khóc gào:

- Vâng, tôi giết vua, rồi tôi khắc biết trị tội tôi.

Quay lại tên Trang:

- Hay là anh hãy lưu tạm Vương thượng ở đây vài ngày nữa...

- Để làm gì? - Trang gắt: - Để làm gì? Để ông hô hào bọn nghĩa sĩ nhà ông đến cứu chúa, phải không? Để quân Tây Sơn họ biết, họ lột da tôi ra, phải không?

Thế rồi, Trang bắt chúa giải đi ngay.

Đến một cái quán hàng nước, chúa đòi nghỉ uống nước. Trang để cho được tự do. Chúa liếc nhìn thấy nhà hàng có con dao để trên chõng, vội vợ lấy, thẳng tay đâm vào bụng một nhát. Toan đâm nhát nữa thì Trang đến cướp lấy dao rồi cho vục Chúa lên vông. Đi đường, Trịnh vương lấy ngón tay chọc vào chỗ vết dao, thò tay móc ruột. Trang thấy lực đục trong vông và vết máu chảy xuống đường, mở màn vông ra nhìn rồi quát thủ hạ:

- Chúng bây trói tay ông ấy lại! Ta phải đem nộp sống quan Tây Sơn. Đừng để ông ấy tự tử.

Từ đó Trịnh vương mệt quá, nằm lả đi.

Một lúc Trịnh vương thấy trong lòng rạo rực, vừa nóng vừa khát.

- Chúng mày cho ta ít nước lã nguội.

Trang lấy nước rồi một tay đỡ chúa ngồi dậy, một tay cầm bát nước để chúa uống. Chúa uống luôn hai bát liền rồi lại đòi uống nữa. Uống xong bát thứ ba, chúa từ từ nhắm mắt rồi nằm vật xuống.

Lúc ấy vào khoảng giờ Ngọ ngày hai mươi bảy tháng sáu năm Bính Ngọ, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 47, lịch Tây vào năm 1786. Năm ấy Đoan Nam Vương hai mươi bốn tuổi.

Trang dìu thi thể Trịnh vương về Thăng Long. Long Nhượng tướng quân nhà Tây Sơn là Nguyễn Huệ vô vào thi thể Trịnh vương:

- Đáng tiếc! Người đẹp trai như thế này! Thật đáng tiếc. Nếu sớm biết hàng ta thì cũng được giàu sang! Sao mà thân làm tội đời như thế này!

Đoạn cho khâm liệm dùng lễ đối với một bậc vương giả, sai lấy cỗ xe Tiểu long Bình đính đưa đến an táng ở trại Phương Liệt, gần mộ Cung Quốc công Trịnh Cán. Lại phong cho Tuần Trang làm Tráng Nghĩa hầu hện sẽ cho quyền bính chức Sơn Tây trấn thủ.

Làng Hạ Lôi có một nhà giàu họ Trần, tính khí hào phóng không thích danh lợi. Ông đi thi hai khoa không đỗ, ông bỏ ngay nghề thi cử về nhà làm ruộng đọc sách. Ông rất ưa những ông quan cao khiết thanh liêm và những học trò nghèo. Ông nuôi ông Lý Trần Quán ở nhà ông từ ngày hàn vi chưa đỗ. Cả tòa nhà bấy gian, ông để riêng cho Lý Trần Quán dạy học. Sau Lý Trần Quán đỗ Tiến sĩ, làm quan, nhưng vì mến chủ cũ, ông vẫn coi đó là nhà.

Sau việc tên Trang bắt chúa Trịnh, về nhà, Lý Trần Quán thuật cho Trần chủ nhân nghe đầu đuôi câu chuyện rồi nói rằng:

- Làm bầy tôi mà làm lầm lỡ vua, tội ấy đáng chết. Tôi không chết, không sao bộc bạch được tâm địa này cùng trời đất. Ông sắm hộ tôi một cái áo quan, mười súc vải trắng để tôi tự xử lấy tội của tôi.

- Quan lớn tự trách khí nghiệt quá. Đó là tên Trang bạn nghịch, có dự gì đến quan lớn. Chúa thượng cũng biết cho rồi, dân gian vùng này ai cũng biết quan lớn là người trung nghĩa rồi, việc gì phải khổ tiết như thế?

Ông buồn rầu đáp:

- Tôi nhất định chết, ông can cũng không được. Ông không giúp tôi, tôi cũng có cách. Nếu ông yêu quý tôi thì nên nghe tôi.

Trần chủ nhân biết là có can nữa cũng không được, bèn chiều lòng mua cho đủ thứ. Lý Trần Quán sai đào ở vườn sau nhà một cái huyệt, đặt áo quan vào đó. Đoạn, đội mũ mặc áo Tiến sĩ, quay mặt về hướng Nam lạy tám lạy.

- Tôi bất trung bất nghĩa là Lý Trần Quán xin theo Vương thượng.

Lạy xong, ông cởi mũ áo, chít khăn trắng, mặc áo trắng, xuống huyệt rồi bảo Trần chủ nhân:

- Ông dậy nắp ván thiên cho tôi.

Chủ nhân dậy áo quan. Dậy vừa xong, tiếng trong áo quan lại nói ra:

- Còn thiếu một lời, xin nói nốt.

Nắp quan lại mở ra:

Tam niên chi hiếu dĩ hoàn

Thập phần chi trung vị tận[\[3\]](#).

Ông nhớ lấy câu ấy. Câu ấy bây giờ tôi làm để tự khóc tôi. Sau này ông bảo con tôi dán lên nhà thờ thờ tôi. Đa tạ chủ nhân. Tôi cùng chủ nhân từ nay vĩnh biệt.

Trần chủ nhân cùng năm sáu người học trò phục xuống đất, vừa khóc vừa lạy. Đoạn quan đây nấp, đất phủ lên trên.

Hôm ấy là ngày 29 tháng sáu, hai ngày sau ngày chúa Đoan Nam vương tự sát.

Ở làng Cổ Linh, Phạm Quý Thích nghe tiếp hai tin liền, có câu thơ rằng:

Đồng khốc thiên nan vấn,

Thê lương sự dĩ phi.

Sinh tâm Lý Học sĩ,

Nhất tử độc như quy[\(4\)](#).

Mấy năm sau, dưới một mái nhà tranh ở thôn Nội, làng Du Lâm, phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc, một vị quan cũ nhà Lê đương nằm trên giường bệnh, gần đến lúc tắt nghỉ[\(5\)](#). Quanh giường ông nằm, có người chủ nhân đón ông dạy học và hai người con nhỏ của ông. Chủ nhân biết ông gần nguy, hỏi rằng:

- Quan lớn bệnh nặng, các công tử còn nhỏ cả.

- Vậy quan lớn có dặn bảo gì không?

Ông thở dài:

- Đáng lý thì ông cũng phải sắm cho tôi một cỗ áo quan từ năm xưa kia rồi. Đáng lý thì tôi cũng phải chết như quan Thiêm sai Lý Trần Quán rồi. Tôi lại đáng chết hơn. Tôi làm quan ở Sơn Tây mà người hạt hạ[\(6\)](#) tôi bắt chúa. Tôi đưa đường chúa đi, mà tôi đánh lạc chúa vào tay em ruột tôi. Từ ngày ấy tôi không mặt mũi nào trông thấy người đời nữa, không mặt mũi nào trông thấy họ hàng làng nước nữa. Tôi sợ dĩ chịu “sinh tâm Lý Học sĩ” là vì tội chưa có con. Cụ thượng để ra tôi chỉ còn tôi và thằng ba Noãn, em hai tôi mất từ sớm rồi. Thằng ba Noãn thì không trông mong gì. Bởi vậy tôi chịu đủ đường khổ nhục sống đến ngày nay. Sau đây con tôi lớn thì ông dặn chúng nó đừng thi cử gì nữa. Nhà tôi, bảy đời chịu ơn vua lộc chúa, con cháu đừng vác mặt đi thờ họ khác.

Năm tháng sau khi chúa Đoan Nam vương tuấn quốc, sau khi Lý Trần Quán tử tiết.

Tuần Trang đi đến đâu cũng không ai dung. Cái chết của Đoan Nam vương và Lý Trần Quán đuổi y đến bước đường cùng.

Y cùng Nguyễn Noãn và hơn chục thủ hạ chạy trốn. Đến làng Đông Ngạc, huyện Từ Liêm gặp Trương Trung hầu Đỗ Thế Dận. Trương Trung hầu từ khi thất thủ Sơn Nam xong về nhà, được lệnh mộ quân lên cứu kinh sư. Sau quân cứu viện chưa kịp đến kinh thì kinh thành thất thủ. Trịnh vương bị hại. Ông nằm ở quê. Hôm ấy, ngẫu nhiên ông bắt gặp Tuần Trang ở quán nước đầu làng. Ông liền sai tuần làng cùng người nhà đánh bắt. Ông đem Tuần Trang, Ba Noãn đến mộ Đoan Nam vương chém đầu tế chúa. Ông lăn lộn gào khóc. Thiên hạ ai cũng lấy việc ông làm khoái trí.

Hôm ấy là ngày 30 tháng chạp năm Bính Ngọ, niên hiệu Chiêu Thống năm thứ nhất (1786).

Viết ở Vinh, Avril - Mai 1938.

TỦ SÁCH ALPHA DI SẢN

GÓC NHÌN SỬ VIỆT

■ à một trong những quốc gia có truyền thống văn hóa lâu đời, nhưng một vấn đề Việt Nam đang phải đối mặt chính là sự đứt gãy về mặt lịch sử - văn hóa. Tức thế hệ trẻ ngày nay không còn được đọc hay hiểu được những gì ông cha ta đã viết. Ngoại trừ giới nghiên cứu, đại bộ phận học sinh, sinh viên ít hoặc không có thói quen tìm đọc những thư tịch cổ của ông cha. Góp phần dẫn đến tình trạng đó là việc rất nhiều tài liệu thư tịch cổ quý giá của ông cha ta hoặc nằm sâu trong các kho tàng của các viện nghiên cứu như Viện Sử học Việt Nam, Viện Triết, Viện Hán-Nôm, Thư viện Quốc gia..., hoặc thuộc về các tổ chức cá nhân sưu tầm sách cổ.

Trước thực tế trên, Công ty cổ phần sách Alpha (Alpha Books) xây dựng đề án Alpha Di sản, mục đích dịch thuật, tái bản các tài liệu, thư tịch cổ có giá trị... Hơn hết, Alpha Books mong muốn xây dựng lại nguồn tài liệu phong phú, đa dạng, chất lượng cho các cơ quan, trường học, thư viện, các trung tâm nghiên cứu và cá nhân, nhằm gìn giữ vốn quý văn hóa của dân tộc.

Xuất bản tháng 11/2014

1. *Quang Trung (1788-1792)* - Hoa Bằng
2. *Trần Hưng Đạo* - Hoàng Thúc Trâm
3. *Nữ tướng thời Trung Vương* - Nguyễn Khắc Xương
4. *Phan Đình Phùng* - Đào Trinh Nhất
5. *Lương Ngọc Quyến* - Đào Trinh Nhất
6. *Nguyễn Thái Học* - Nhưộng Tống
7. *Vua Hàm Nghi* - Phan Trần Chúc
8. *Việt - Pháp bang giao sử lược* - Phan Khoang
9. *Việt - Hoa bang giao sử* - Huyền Quang, Xuân Khôi, Thi Đạt Chí
10. *Việt - Hoa thông sứ sử lược* - Bế Lãng Ngoạn, Lê Văn Hòe
11. *Việt Nam ngoại giao sử* - Ưng Trình
12. *Sử ký Đại Nam Việt* - Khuyết Danh

Sách gốc ghi Phạm Đình Hồ mất năm 1840, nhưng chúng tôi theo Trần Văn Giáp, trong Lược truyện các tác gia Việt Nam (tập 1) thì Phạm Đình Hồ mất năm 1839. (BT) Huyện này do phủ Bình Giang kiêm lý. Vua Tần Thủy Hoàng đốt sách chôn học trò. Ban Cổ và Tư Mã Thiên là hai nhà làm sử đời Hán. Bính Thân (1896). Tiểu xuân là tháng Mười, thượng cán là thượng tuần. Tiếng xưng cha mình đối với người khác. (BT) Toàn bộ những chú thích có đề (BT) là của người biên tập Ông Nguyễn Hoàn. Chưa rõ tên. Ông trạng Vũ Duệ. Đời nhà Chu bên Tàu, trong triều đặt ra hai chức Tả sử và Hữu sử; Tả sử chép việc vua làm, Hữu sử chép việc vua nói. Câu này ở thiên Lễ vận trong Kinh Lễ. Phần nhiều chuyện ghi rõ tên của một trong hai tác giả, nhưng thỉnh thoảng cũng có những chuyện bỏ trống, vậy xin cứ để khuyết nghi. Chợ này ở phía Tây Nam hồ Gươm bấy giờ. Nơi vua tạm trú (BT). Núi Thầy. Quân tử chỉ nhà Nho chân chính. Phủ Phụng Thiên bấy giờ lĩnh hai huyện Thọ Xương, Quảng Đức, là đất kinh kỳ, chứ không thuộc vào trấn nào. Cũng như phủ Thừa Thiên ở Trung kỳ sau này thống hạt sáu huyện, là đất kinh kỳ, chứ không thuộc tỉnh nào. Quảng Đức đến năm Gia Long thứ tư đổi là Vĩnh Thuận. Nguyễn Công Hãng (1679-1732) người làng Phù Chẩn, huyện Đông Ngạn, trấn Kinh Bắc, làm tể tướng về triều các vua Dụ Tông và Vĩnh Khánh, rồi bị chúa Trịnh Giang biếm chức và bắt phải tự tử từ năm Long Đức nguyên niên (1732). Ở đây phải là Nguyễn Hoàn (1731-1791), người làng Lan Khê, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đậu tiến sĩ năm 1743, đời Trịnh Sâm, làm đến chức Thái phó quốc lão phong tước Hoãn quận công chứ không phải Nguyễn Công Hãng. Niên hiệu của vua Hy Tông (1680-1705). Mỗi kỷ là 12 năm. Bấy giờ vua Hiến Tông trị vì năm thứ 46. Cái vạc để thờ ở trước miếu nhà vua. Vạc đổi là nói sự thay triều đổi họ, nhà Lê mất. Tây Sơn lên, tức năm 1788. Tức Trịnh Sâm (1767-1782) Quảng hàn là cung trắng. Quân thiên là khúc nhạc trên trời. Khải nghĩa như tau. (BT) Thuộc tỉnh Vĩnh Phúc. Phủ tức là nhà ở của những ông quan to. (BT) Nghi việc quốc chính. Năm này Bắc Bình Vương đem quân ra Bắc diệt Trịnh (1786). Nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Nguyễn Văn Giai người làng Phù Lưu trong huyện này. Con rể chúa. Chúa ở đây là Trịnh Tùng (1570-1623). Phó mẫu là người giữ việc trông nom dạy bảo quận chúa lúc nhỏ. Vì ông nghĩ cá không có đuôi, tức là không có hậu. Chỗ này có hai dòng hình như mất chữ nên thiếu nghĩa, tạm lược. Nay là làng Côi Tri. (BT) Tục gọi khăn mào gà. Lúc trước, bác nông phu còn đội cái khăn ma, nên không ai trông thấy; mất cái khăn, bác mới hiện chân hình. Mũ phốc đầu tức là mũ cánh chuồn. Hai cánh nguyên xưa là hai cánh đai buộc ở đằng sau, sau mới làm bằng sắt để giương ra như vậy. 1709-1729. (BT) Thuộc Lạng Sơn. Hắc cũng như bắt bẻ. (BT) Chỉ nhà Thanh. (BT) Tương truyền, nước giếng ở thành Cổ Loa mà đem rửa ngọc thì viên ngọc sáng ngời. (BT) Áo có miếng thêu dính vào đằng trước và đằng sau, gọi là bổ phục. Dùng các hình thêu chim muông để chia định văn võ và cao thấp. Đời Lê, giấy tờ của các quan đệ lên chúa Trịnh gọi là tờ khải; nói với chúa cũng gọi là khải. Ông tổ năm đời Trung Liệt công là người nước ta, theo quân Minh sang Trung Hoa, nối đời ở lại thành Ứng Sơn (Hồ Bắc). Trung Liệt công tên là Liễn, đỗ tiến sĩ nhà Minh, làm quan đến Tả đô ngự sử, vì hặc Ngụy Trung Hiền mà bị hại. Sau được truy phong và lập đền thờ. Nhà cũ hầy còn. Khi ông Công Hãng đi sứ, con cháu có đem những đạo số cũ ra cho xem. Xem chữ viết, đếm nét mà bói. (BT) Cấp lưu là dòng nước chảy xiết; dừng thoái là mạnh dần rút lui. Ý nói làm quan đương lúc đắc ý nên cáo về. Chữ cảnh trên có chữ nhật là mặt trời, dưới có chữ kinh là kinh đô. Chú sinh là việc sinh tử. (BT) Một kỷ là mười hai năm. Nhà riêng. (BT) Tức Trịnh Sâm (1767-1782). (BT) Tình hình gần đây. (BT) Là đất của chúa Nguyễn thời kỳ đó, nay là Quảng Nam và Thừa Thiên. Tức sông Gianh. (BT) Chàng Năm ở trong chuyện này là ông Đào Duy Từ. Tiềm để: Ngôi nhà của vị vua lúc chưa lên làm vua. (BT) Chuyện Ngự phủ vào Đào nguyên. Tục gọi làng Gia, thuộc huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội bây giờ. Thông là làng Đoàn Tùng. Thượng Thông trở ông Đỗ Ưông, Thượng Nhữ trở ông Nhữ Công Tòng. Đông Luân là làng ông Bùi Thế Vinh. Thuộc Sơn Tây, Hà Nội. Bích Cơ là tên một người đàn bà. Chưa rõ việc này là việc gì. Hồi lang: hành lang uốn khúc. (BT) Nơi được người ta thờ cúng đời đời. (BT) Phù lục: Bùa phép, bùa chú. (BT) Tinh biểu: ban khen, khen ngợi. (BT) Tỉnh nguyên là đỗ đầu tỉnh. (BT) Nghĩa là: Soi gương vẽ mây, một nét hóa thành hai nét. Song chữ điểm ở đây là tên bà Điểm, thành ra nghĩa là một bà Điểm hóa hai bà Điểm. Nghĩa là: Kề ao ngắm nguyệt, một vầng hóa thành hai vầng. Song chữ luân ở đây lại là tên ông Luân, thành ra nghĩa là một ông Luân thành hai ông Luân. Tức ngày giỗ. (BT) Tức Hà Nội ngày nay. (BT) Bà này không phải sinh mẫu vua Thái Tông, nhưng có

công nuôi dạy, nên vua cũng coi như mẹ. Hán Cao Tổ khi còn hàn vi, hay vào ẩn nấu ở núi Mang Đường; sách nói là khi ấy, thường có đám mây ngũ sắc che ở trên. Hán Cao Tổ bị quân Sở vây ở Tuy Thủy, nhờ có một trận gió bão tung cát mù mịt, mới được giải vây mà thoát nạn. Khi vua Quang Vũ hết lương ở sông Hô Đà, có Phùng Di dâng cơm chiêm để vua xơi, lại khi vua bị đói ở Vu Lân đình, Phùng Di dâng cháo đậu. Tôn kính sau khi đã chết. (BT) Chỉ cỡi âm phủ. (BT) Tức Lê Trãi Công lao to lớn. (BT) Đồi xưa, cúng tế thường tết chó cỏ, nặn rồng đất để cúng, cúng xong thì vất đi. Vì thế, người ta thường lấy chó cỏ rồng đất để nói ví người hay vật, khi không được người ta cần dùng đến nữa. Người ta cũng thường dùng ví những công thần khi đã đánh dẹp cho nhà vua xong rồi, bị nhà vua rẻ bỏ. Nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. (BT) Nghệ An. (BT) Tề chỉnh, ngay ngắn, nghiêm túc. (BT) Giường nghĩa là mối (tức quân, sự, phụ). (BT) Đào Khản là một vị danh tướng đời Tấn (265-420) ở Trung Quốc. Chuyện này nhiều chi tiết giống chuyện Mạnh Khương nữ. Nàng Mạnh Khương đời Tần Thủy Hoàng khóc đổ Trường Thành, chuyện có từ đời Đường. Tức tháng Sáu. (BT) Tháng chạp. (BT) Chữ sẵn trong Kinh dịch. (BT) Một danh mục về khoa cử, suýt soát với tú tài. Lấy tên làng gọi thay tên người tức ông Nguyễn Công Phong. (BT) Công dư tiếp ký là sách của Vũ Phương Đề, người làng Mộ Trạch, huyện Đường An (Hải Dương) đỗ tiến sĩ, làm quan đến Đông các học sĩ. (BT) Dài dòng, nhiều lời. (BT) Trạm đặt quan tài khi nghỉ ở dọc đường và bày lễ cúng tế. (BT) Gắn Rú Thành (Nghệ An). Huyết thực là được người ta cúng tế. Vì cúng tế có giết trâu bò, nên gọi là huyết thực. Phan Huy Chú nói Tả Ao tiên sinh tên là Hoàng Chiêm. Có bản viết Quỷ miếu nham yêu sơn bất cải, nghĩa là miếu ma ở trên núi không thay đổi. Trong sách này, có hai chuyện về Nguyễn Văn Giai, chắc do hai tác giả viết về một người. Khấu Chuẩn là người đời Tống, đỗ tiến sĩ, làm đến Tể tướng đời Tống Chân Tông. Giặc Khiết Đan vào cướp, Tham tri chính sự là Vương Khâm Nhược khuyên vua chạy xuống Kim Lăng, nhưng Khấu Chuẩn khuyên vua lên bắc thân chinh cho vững lòng quân sĩ. Sau đó, vua Tống đánh lui được quân Khiết Đan, cùng nghị hòa ở Thiên Uyên, đất nước được yên ổn. Nhưng vua Tống lấy việc nghị hòa ấy làm xấu hổ, lại nhân Vương Khâm Nhược vốn thù ghét Khấu Chuẩn, hết sức đặt lời gièm pha, vì thế Khấu Chuẩn bị bãi chức Tể tướng lên trấn thủ miền Bắc. Khi sai ông đi, vua có nói: “Then khóa cửa bắc (bắc môn tỏa thước) phi Khấu Chuẩn không xong”. Đóng cửa bó tay chỉ việc Khâm Nhược giữ Thiên Uyên gặp quân giặc đến. Đàn tế trên đỉnh Thái Sơn là việc phong thiện do Khâm Nhược bày ra cho vua Chân Tông. 104. Giặc Ninh Xá chỉ cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ ở làng Ninh Xá (Hải Dương), năm Kỷ Mùi (1739) và thất bại năm Tân Sửu (1741). Giặc Ninh Xá chỉ cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ ở làng Ninh Xá (Hải Dương), năm Kỷ Mùi (1739) và thất bại năm Tân Sửu (1741). Nguyễn Hữu Cầu tục gọi là Quận He, người Hải Dương, tham gia cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Cừ, hoạt động ở vùng Đồ Sơn, Vân Đồn, từng đem quân đánh thành Kinh Bắc. Mất năm Tân Mùi (1751). Phạm Đình Trọng có mộ người tỉnh Hải Dương làm một đạo quân riêng. Đỗ Thế Giai lấy chuyện ấy nói gièm với Trịnh Doanh, vì thế mà hai người hiềm khích. Bảy khiếu là mắt, tai, mũi và miệng. (BT) Lễ đối với một vị thái tử sắp được nối ngôi vua. Nghĩa là niên hiệu Chính Lịch thứ hai tạo ra. Nhưng ở nước ta không có niên hiệu ấy. Chỉ có ở bên Tàu, về đời nhà Đường, Tung Lân là vua nước Bột Hải ở miền đông bắc nước Tàu, và ở bên Nhật đời Cao Thương Viên Thiên hoàng xưng niên hiệu này. Không hiểu cái khánh ấy từ đâu mà lại có niên hiệu như thế? Hay là hai chữ Chính Lịch, sách chép lầm chăng? Hiện giờ ở chùa Thiên Mục có cái khánh, nhưng không đúng như cái khánh chép ở đây. Uy Vương tức Trịnh Giang (1729-1740). (BT) Nghĩa là tám cảnh ở miền sông Tiêu Tương nước Tàu, do Tống Dịch đời Tống vẽ. Sông Tiêu Tương thuộc về đất Sở đời xưa. Khách Sở chỉ Khuất Nguyên. Ông là người tôi trung bị gièm rồi bị đuổi, phần uất tự trầm ở sông Mich La. Trong khúc Ly tao của ông có câu: “Hộ phục ngải dĩ doanh yêu hề, vị u lan kỳ bất bội”. Có ý than thở kẻ dỏ thì được tiến dụng mà người hay thì bị ghét bỏ. Nga Hoàng, Nữ Anh là hai vợ vua Ngụ Thuần. Tục truyền vua Thuần băng ở đất Thương Ngô, hai bà này theo xuống đến sông Tương, khóc lóc thảm thiết, nước mắt vấy vào những khóm trúc thành ra vằn ngấn. Từ đấy vùng này riêng sinh ra một giống trúc có vằn. Trong bài Ngự phủ từ của Khuất Nguyên, có nói khi ông bị đuổi, chơi ở bến sông, gặp lão phùng chài, cùng nhau nói chuyện. Sau đó lão phùng chài vừa chèo thuyền đi vừa hát: “Nước sông Thương Lương trong chừ, để rửa dải mũ ta. Nước sông Thương Lương đục chừ, để rửa bàn chân ta”. Vua Tống Thái Tổ đêm tuyết đến

nhà Tể tướng Triệu Phổ, gõ cửa vào chơi, hỏi ý kiến về việc nên đánh Bắc Hán hay không. Có thể tạm hiểu 2 câu này như sau: “Cửa ngoài gõ mấy tiếng, ngón tay truyền báo tờ chiếu chỉ không lời; Quy mơ rộng một trời, cổ họng thông tới nơi quan hà chưa đến”. Ý nói vua vào nhà tể tướng để bàn việc Bắc Hán (theo Trương Chính). Đêm hôm ấy Tống Tổ cùng Triệu Phổ uống rượu, bàn tính việc nước; non sông ngủ ngày bên cạnh trở nước Bắc Hán. Trong Kinh Thư gọi ông Nghiêu là Phóng Huân, gọi ông Thuấn là Trùng Hoa. Hai câu này nói đức của thánh Khổng, như hai vua Nghiêu Thuấn, chỉ khác Nghiêu Thuấn có ngôi làm vua mà ngài thì không ngôi; như giờ đất, nhưng giờ đất, mà giờ im lặng không nói gì mà ngài thì lại nói ra mọi nhời để dạy bảo thiên hạ. Vua A Dục là vua nước Ấn Độ đời xưa, mới đây người ta dịch là Du Du Già, nghĩa là không lo lắng gì cả. Sau khi Phật Thích Già tịch diệt được một trăm năm (266 trước Tây lịch), vua lên trị vì xứ Trung Ấn Độ. Khi trước theo đạo Bà La Môn, làm nhiều sự tàn bạo, giết hại cả anh em. Sau khi lên ngôi vua, đổi thờ đạo Phật thi hành nhân chính, hết sức ủng hộ cho đạo Phật. Đạo Phật truyền rộng ra nước ngoài, phần nhiều nhờ sức nhà vua. Mất trước Tây lịch 3 năm. Phong nguyệt vô biên là chữ sẵn trong sách nghĩa là gió lặng rất nhiều không có bờ bến nào. Đây ông Cảo viết hai chữ 虫二, tức là chỉ viết phần ruột của hai chữ 風月, ý bảo phong nguyệt không có những nét ngoài biên, tức thành ra ý nghĩa bốn chữ phong nguyệt vô biên. Bốn công trình lớn là tượng Quỳnh Lâm, vạc Phổ Minh, chuông Quy Điền và tháp Báo Thiên. Kỷ thực: Ghi chép sự thực. (BT) Họ Nguyễn cũ tức là chúa Nguyễn ở phương Nam, tiên tổ của bản triều, gọi thế để phân biệt với họ Nguyễn mới là nhà Tây Sơn. Bá Di, Thúc Tề là người đời nhà Ân, nối đời chịu tước phong của nhà Ân. Nhà Ân mất, nhà Chu lên, hai ông lên ẩn ở trên đỉnh núi Thử Dương, ăn rau trừ bữa rồi chết đói chứ không chịu xuống ăn thóc nhà Chu. Triệu Phổ, Vương Chất là hai vị đại thần nhà Hậu Chu. Tống Thái Tổ chiếm ngôi nhà Hậu Chu, hai người trước còn trù trù, sau cũng sụp lạy ở dưới thềm rồi nhận quan chức. Ông Cơ Tử là bầy tôi nhà Ân, sau khi mất nước về thăm cố đô, trông thấy những dinh tòa cũ thành ra cánh đồng lúa, buồn rầu cảm động, có làm bài ca Mịch tú. Ông Văn Thiên Tường đời Tống, sau khi nước mất bị bắt giải lên miền bắc, lúc đi qua bể Linh Đình, ông làm bài thơ trong có câu: 零丁洋裡嘆零丁 Linh đình dương lý thán linh đình, nghĩa là trong bể Linh Đình than nỗi mình linh đình. Nghĩa là vua tôi chân chính gặp gỡ nhau, nói Lưu Bị và Gia Cát Lượng. Hai vế đối nhau gọi là một liên. Bất trối. Ôn Kiện đời Tấn qua hòn Ngưu Chử đốt cái sừng tê soi xuống vực, thấy các hình yêu quái hiện ra. Về nhà, đêm mộng thấy người đến trách và ra vẻ thù oán. Nghĩa là cời. Chỗ này nói thành lệ thế nào, dịch giả chưa hiểu. Theo sử và sách ngoài thì khoa này (Vĩnh Tộ, Quý Hợi - 1623) vì việc giả mạo ấy tiết lộ ra, triều đình bãi kỳ thi đình. Sau lâu mới cho các người trúng cách cứ theo bảng hội về vinh quy, không được yết tên lên bảng vàng. Đền Voi Phục ở Thủ Lệ, Hà Nội bây giờ. Tức năm 1896. The expansion, approved by the National Assembly in late May, 2008, makes Hanoi the 17th largest capital in the world with a total area of more than 3,300 sq.km. The new capital also sees in its fold Vinh Phuc province's Me Linh district and four communes of Hoa Binh province's Luong Son district. Abraham Maslow's hierarchy of needs is a theory in psychology: Physiological (breathing, food, water, sleep, sex...); Safety (security of body, of employment, of health, of property...); Love/Belonging (friendship, family...); Esteem (achievement, respect of others or by others...); Self-actualization (morality, creativity, spontaneity...) Hunchbacked Liu was a famous character in Chinese history, under Qianlong Dynasty. He was hunchbacked and ugly but talented. A princess fell in love with him because of his intelligence. He was also appointed Prime Minister by King Qianlong. Hai Thuong Lan Ong was a talented physician working under King Le and Lord Trinh. Giao Chi: Former place name of a part of Vietnam, known since about 250 BC. According to legend, Lac Long Quan and Au Co were the first ancestors of Vietnamese people. In Xuan Dieu's novel "Toa Nhi Kieu", the author named the two insipid female characters "Grain of Rice" Ghosts in the legends retold by the locals in Vietnam Ghosts in the legends retold by the locals in Vietnam Ghosts in the legends retold by the locals in Vietnam Names of the famous pedagoguists Jan Amot Comenski: Pedagogics theorist that was called "The father of pedagogism of modern times" November 20th: National Teacher's Day Tức Ngô Thời Sĩ Kéo. (BT) Bắp đùi. (BT) Khoảng giữa thế kỷ. (BT) Trịnh Bồng là con cả Uy Nam vương, thuộc về ngành trưởng. Tướng của Nguyễn Hữu Chinh.

Trình Bồng. Chỗ mọi người đều nghe, thấy. (BT) Khóm. (BT) Dòng chữ viết nhỏ đề tên họ và ngày tháng ở trên các bức họa hay các bức đối xứng. (BT) Bàu rượu khi về nên gương uống. Tờ mây lúc rảnh chó năng coi Bông hoa trong động còn tươi mãi, Dòng nước vòng trần luồng chảy xuôi! Bài này nguyên có tên là Tiên tử tổng Lưu Nguyễn xuất động. (BT) Trong động cát xanh trời đất lạ, Bên cây lá thắm, tháng ngày dài. Dưới hoa ước có ai ra đó, Để chó nhà tiên khỏi sửa người. Tiên tử tổng Lưu Nguyễn xuất động. (BT) Ở đây ý nhắc đến bài Lưu Nguyễn động trung ngộ tiên tử. (BT) Lấy vợ khác, sau khi vợ trước chết. Nhất. Nhị. Tháng thứ hai của mùa xuân. (BT) Tức “cửa thành bị cháy, tai họa lây cả cả”, ý nói tới những tai họa do bên ngoài đưa đến một cách oan uổng. (BT) Lòi ra, trời ra. (BT) Dịch: Tựa thuyền ngựa mặt trông trời rộng. Lạnh lẽo sao mờ ba bốn ngôi. Không ăn khớp, không hòa nhập. Ba năm đạo hiểu đã đầy đủ. Một nghĩa vua tôi chưa hết nào. 1. dịch văn: Gào khóc trời khôn hỏi. Buồn thảm có còn chi? Sống thẹn cùng Học sĩ, Một chết chỉ như về. Ý nói bệnh nặng, sắp mất. Thuộc quân hạt. Tức Biển Đông. Theo truyền thuyết cổ phương Đông có cây dâu rồng lòng gọi là Phù Tang hay Khổng Tang, là nơi thần Mặt trời nghỉ ngơi trước khi cưỡi xe lửa du hành ngang qua bầu trời từ Đông sang Tây, do đó Phù Tang hàm nghĩa văn chương chỉ nơi Mặt trời mọc. Chính vì vậy Nhật Bản còn được gọi là Phù Tang. Ai Lao: Đất nước Lào ngày nay. Bồn Man: Còn gọi là Mường Bồn hay Muang Phuan, và sau là Trấn Ninh, là một quốc gia cổ, nay không còn, từng tồn tại trên bán đảo Đông Dương, tại vị trí ngày nay thuộc tỉnh Xiêng Khoảng, một phần các tỉnh Hủa Phăn đến Khăm Muộn, ở phía Đông nước Lào, và một phần các tỉnh miền Bắc Trung bộ Việt Nam (khoảng Nghệ An đến Quảng Bình). Có tài liệu chép là Lê Thị Hiến. Con gái Triệt Khanh công Nguyễn Đình Tư Nay thuộc Hà Nội. Tục gọi Bà Chúa Vang. Mẫu vị tử quý. Trích Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Quyển 43 tr.29A. Trình Căn. Còn gọi là Quốc sư Quận công. Những địa danh thuộc huyện Chương Mỹ (Hà Nội) ngày nay. Năm 1516, vua Lê Chiêu Tông đã cho dựng hành cung rồi sai đào sông, khai suối quanh núi để du ngoạn mỗi khi nhàn rỗi. Còn gọi là Lê Hiến Tông. Trừ Trình Doanh. Nguyễn Thị Ngọc Diễm. Tục gọi là Bà Chúa Đổ. Còn gọi là lễ Cầu đảo. Có tài liệu chép là Lê Duy Cận. Thái tử Lê Duy Vỹ. Trình Cương (1709 - 1729). Con Trình Bính. Chức võ quan cao cấp chỉ huy một đạo quân thời xưa. Tài liệu khác chép là Hoàng Công Chất, thủ lĩnh một cuộc khởi nghĩa nông dân Đảng ngoài lớn vào giữa thế kỷ XVIII, chống lại triều đình vua Lê chúa Trịnh trong 30 năm. Đứng đầu Quốc Tử Giám là các chức quan Tế tửu (tương đương Hiệu trưởng đại học), Tư nghiệp (tương đương với Hiệu phó đại học) Tháng giữa mùa. Trích Khâm Định Việt sử thông giám cương mục, Quyển 43 tr.12. Giám đốc Quốc Tử Giám. Chức quan to nhất trong triều đình phong kiến thời Lê - Trịnh. Chức quan đại thần đứng hàng thứ 2 trong phủ chúa. 1. Trích Vũ trung tùy bút. Trâm hốt: Trâm cài và hốt cầm (một dụng cụ cài tóc của người xưa); Hoa bào (áo có thêu hoặc vẽ hoa văn trang trí). Con, cháu quan lại được cấp danh vị ấm sinh để thừa hưởng danh vọng của cha, ông. Con trai Lê Quý Đôn. Vợ Trình Doanh. Hoàng Ngũ Phúc (1713-1776) là danh tướng thời Lê Trung Hưng. Ông quê ở Yên Dũng (Bắc Giang). Hoàng Ngũ Phúc có công lớn trong việc đánh dẹp các cuộc khởi nghĩa nông dân Đảng Ngoài và là tổng chỉ huy cuộc “Nam tiến” đánh Đảng Trong, mở mang đất đai Bắc Hà tới Quảng Nam. Có sách chép là Ái Vân quan. Còn có tên là núi Đá Bia, ngọn núi cao nhất trong khối núi Đại Lãnh thuộc dãy núi Đèo Cả, hiện ở xã Hòa Xuân Nam, huyện Đông Hòa, phía Nam tỉnh Phú Yên. Tương ứng với hai chữ “Đảng Trong” và khu vực của chúa Nguyễn. Về đời Lê, tỉnh Hà Tĩnh thuộc về đất Nghệ An. Thượng kinh ký sự của Hải Thượng Lãn Ông. Kẻ Chợ. Còn gọi là sông Hồng. Ngày mừng một và ngày rằm. Suy giảm. Ở vào địa phận hai làng Kim Liên và Trung Tự (Hà Nội) bây giờ. Trình Tùng. 500 người. Trích Vũ trung tùy bút. Nghĩa là phụng mệnh canh giữ. Ý ở đây là lấy để dâng lên chúa. Đêm các nội giám phải ở luôn trong phủ như học sinh lưu trú ngày nay vậy. (từ cũ) những người cùng một lớp, ngang hàng. Giấu giếm một cách phi pháp. Trích Tang thương ngẫu lục. Thái phi Vũ Thị Ngọc Nguyên, còn gọi là bà Chúa Me, người Bình Giang (Hải Dương). Những cuộc họp mặt quan trọng giữa vua và bá quan văn võ, mỗi tháng hai lần vào mừng một và ngày rằm. Descriptive du ruyanme de Tonquin. Phiên ở phủ cũng như các bộ bên triều đường vua Lê. Bùi Sĩ Lâm người Quảng Xương (Thanh Hóa) là nhà chính trị quân sự đầu thế kỷ XVII. Ông đóng vai trò to lớn trong công cuộc phục hưng nhà Lê (Lê Trung Hưng). Ông cũng là người có công lớn đối với họ Trịnh, đặc biệt là chúa Trịnh Tùng Khâm định Việt sử thông giám cương mục chép là Nguyễn Quốc Trinh. Trích Đại Việt

sử ký toàn thư. Vương quốc Anh. Nghìn lẻ một đêm. Loại súng mỗi bằng lửa. Võ học Võ kinh. Tôn Võ đời Chiến Quốc. Văn là Hương thí. Lục Thao (Khương Thái công), Tam lược (Hoàng Thạch Công), Tư Mã pháp (Tư Mã Nhương Thư), Tôn Tử binh pháp (Tôn Vũ), Ngộ Tử (Ngô Khởi), Ủy Liêu Tử (Ủy Liêu), Đường Thái Tông Lý Vệ công văn đối (Vệ Cảnh Vũ công Lý Tĩnh). Quận He: Tức Nguyễn Hữu Cầu, người huyện Thanh Hà (Hải Dương), trước vì nghèo nên đi làm cướp, sau theo Nguyễn Cừ khởi nghĩa. Khi Nguyễn Cừ bị bắt, Nguyễn Hữu Cầu đem thủ hạ về giữ núi Đờ Sơn và đất Vân Đồn. Năm 1743, Quận He giết được Thủy Đạo đốc binh là Trịnh Bảng, tự xưng làm Đông Đạo Thống Quốc Bảo Dân Đại Tướng Quân, thanh thế lừng lẫy. Quận Hẻo: Tức Nguyễn Danh Phương, người xã Tiên Sơn, huyện Yên Lạc nay là xã Tiên Sơn, phường Hội Hạp, thị xã Vĩnh Yên, trước làm thủ hạ của các thủ lĩnh Tể và Bồng khởi nghĩa ở Sơn Tây. .sup Chỉ Lê Duy Mật động. Là những đại công thần của chúa Nguyễn tại Đàng. Trong thời Trịnh Nguyễn phân tranh. có công phò tá nhiều đời chúa. Nguyễn, đánh lui nhiều cuộc “Nam tiến” của chúa Trịnh, giữ vững lãnh thổ Đàng Trong, Tài năng ở mức trung bình. Hoàng Ngũ Phúc: Sđd Phạm Đình Trọng: Tướng thời Lê Mạt, có công dẹp khởi nghĩa nông dân Đàng Ngoài. Vì nhà Lê với nhà Hán bên Trung Hoa. Nguyễn Kiêm. Trỏ tổ tiên họ Nguyễn. Trích Đại Nam thực lục tiền biên. Hoàng Ngũ Phúc tuổi già, đã về hưu, vì việc này lại được ra làm quan. Trỏ Ngũ Phúc. Sau khi mưa tạnh nên đi chơi thuyền. Cây cỏ sợ không phải cây cỏ nhà Chu. Nghĩa bóng chỉ chúa Trịnh cướp quyền vua Lê. Trịnh Sâm. Trọng Tế đỗ tiến sĩ, trước đã làm quan, vì có tội bị bãi. Triều vi Việt khê nữ, mộ tác Ngô cung phi. Thường quan tương sự (chỉ Nguyễn Hoàn vì ông được phong là Quốc sư) mà nàng tiên nga (Đặng Thị Huệ) khéo cắt. 公每得蓮茶即走馬上進盛王即命烹召宣妃同賞宣妃最好蓮蕊 Cửa nhỏ thông sang buồng hoặc nhà bên cạnh. Lao, phong, cổ, lại gọi là tứ chứng nan y. Hàng chấn song bao quanh bao lơn (phần nhô ra ngoài hiên có lan can). Nền trắng. Phần nhiều tài liệu khác chép là Điện Đô vương Trịnh Cán chỉ sống đến năm 6 tuổi. Còn gọi là “giắc Hoàng Lương” hoặc “giắc Hòe An”, ý nói công danh phú quý là hư ảo, đời người chẳng qua chỉ ngắn ngủi như một giấc mộng. Một thứ lễ nghi khi nhà vừa có tang, ở đây ý chỉ một buổi lễ sau khi Tĩnh Đô vương qua đời. Khi Tĩnh Đô vương mới mất, Dương Thái phi ngờ là sinh thời vương đã bị Tuyên phi bùa thuốc nên cho mở quan tài ra mà đối cả các đồ khâm liệm. Tức giỗ 2 năm 3 tháng sau ngày mất. Canh Tý. Phố Phan Bội Châu. Phố Hai Bà Trưng. Phố Lê Duẩn. Tác giả. Năm Cảnh Hưng 41, Canh Tý (1780). Chồng của vú em, tiếng Bắc gọi là bố Tuyên Phi Đặng Thị Huệ. Trẻ con đại tiểu tiện gọi là bĩnh. Để cho người khác gặp mặt hoặc tiếp xúc trực tiếp. Thiện phụ: Người đầu bếp. Chọc tức, chọc giận. Nén chịu, nín nhịn trong lòng. Ý nói sau khi mọi người đã ăn xong. Cướp ngôi. Âm thầm câu kết. Chức giữ việc viết lách sách vở. Hà Như Sơn là điển thư riêng cho Vương tử Khải. Lúc ấy Khải còn là Tông. Nghĩa như bất pháp Tức Huy Quân công. Thầy dạy học cho Vương tử Bạt của cha. Sau vì kiêng hai tên vua Tự Đức (Phúc Thì, Hồng Nhậm) nên gọi tránh là Ngô Thời Nhiệm Ý chỉ con người sống hai mặt. Thao thủ: Đức hạnh hằng ngày, cách xử thế lập thân ở đời. Những chức quan trong bộ máy nhà chúa. Tang vật làm chứng cho sự tham nhũng. Ý chỉ người cha. Tức là phủ chúa Trịnh. Tức là chúa Trịnh Sâm Tức là Đặng Thị Huệ, Bà chúa Chè. Sở Mục Vương và Tùy Dương Quảng đều giết bố để cướp ngôi. Sắp nguy đến nơi. Chữ trong Tả truyện. Dịch tạm là: Áo cừu lung tung, một nhà ba ông, theo ai cho xong? Chỉ Hoàng Đình Bảo vì ý là phò mã. Tục ngữ có câu: Tốt áo như ông phò mã. Chỉ Đặng Thị Huệ: Tuyên phi của Tĩnh Vương, mẹ đẻ ra Vương tử Cán. Về sau. Ra mắt Chúa thượng. Sau đổi là Nguyễn Khản Ý chỉ Chúa thượng chết, giống như “băng hà”. Tự hợp làm điều bất chính. Thế tử Thương Thần nước Sở giết cha mà cướp ngôi. Tự nhiên, bỗng nhiên Đương làm quan mà cha mẹ chết, thôi làm quan về chịu tang, gọi là đình gian Tham tụng bấy giờ quyền như Tể tướng. Chỉ Dương Trọng Tế. Giường của vua, chúa. Thuật để mả, đặt hướng nhà. Thường gọi làm là địa lý. Không là vua, không là bá mà quyền nghiêng thiên hạ. Hơn hai trăm năm rồi thì vạ xảy ra ngay bên cạnh vách. Đem ra tra tấn ở giữa triều đình. Lên mặt ta đây hơn người (BT). Khi đó Vương tử Tông đã bị truất xuống làm Quý tử và đổi tên là Khải. Tả Danh Thùy dùng chữ trong Tả truyện: “Vô hữu phế giả, quân hà dĩ hưng?” Chữ sách vẫn có ảnh hưởng to làm cho lời nói có uy thanh hơn. Thứ tự vợ chúa trong cung: Chính phi hoặc nguyên phi, tần, tiệp dư, tu dung. Trịnh Lệ là con Trịnh Doanh, em Trịnh Sâm, chú Trịnh Khải. Con gái Trịnh Doanh, vợ Hoàng Đình Bảo. Làng Hoàng Mai nằm trên đất Kẻ Mơ. Kẻ Mơ xưa bao gồm cả ba làng Hoàng Mai, Tương Mai, Mai Động ngày nay.

Người ta vẫn quen gọi làng Hoàng Mai là Mơ rượu – vì ở đây nấu được rượu ngon nổi tiếng, Mai Động là Mơ táo còn Tương Mai là Mơ xôi. Rượu Mơ đã đi vào phương ngôn, ca dao: “Rượu Kẻ Mơ, cờ Mộ Trạch”. Nghề nấu rượu ở Kẻ Mơ đến nay không còn nữa Equinoxe d’automne: Hôm ngày đêm đều nhau. Rục rịch tiến hành hoạt động. Khu vực trước cửa ga Hà Nội ngày nay. Ô Đồng Lầm nằm trên làng cổ Đồng Lầm nay là ngã tư Kim Liên - Đại Cồ Việt. Bạn cùng đọc sách. Bói bằng cỏ thi là một hình thức bói Dịch, lập quẻ bằng cách sắp các cọng cỏ thi theo một quy tắc riêng. Lòng giận của chúng nhân không thể xúc phạm được. Năm 1674 lính Tam phủ giết Tham tụng Nguyễn Quốc Trinh và phá nhà Phạm Công Trứ; năm 1741 họ lại phá nhà và chức giết Tham tụng Nguyễn Quý Cảnh. Lính Tam phủ nói câu ấy để dọa Nguyễn Trọng Viêm. Không thể dừng, cực chẳng đã. Nguyễn Hoãn, Tiến sĩ (1743), tước Hoàn Quận công Trinh Doanh Trinh Giang, anh ruột Doanh. Trường Albert Sarraut (tiếng Pháp: Lycée Albert Sarraut) là một trong những trường trung học nổi tiếng nhất ở Đông Dương, được thành lập từ năm 1919 tại Hà Nội, giải thể năm 1965. Bài thơ ấy, xin tạm dịch ra quốc âm: Khuya khoắt nghe tin đã sồn lòng, Mở thư đáp án xiết kinh hoàng! Các ông đến thế, mong gì nữa! Thiên đạo ngày nay có nữa không? Sắc viết để trống tên để người được hưởng tha hồ muốn điền tên ai thì điền. Năm Bính Ngọ, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 47, lịch Tây 1786. Chúa Trịnh đối với những vị lão thần nhiều khi gọi là tiên sinh (đối với quan văn) hoặc công (đối với quan võ). Một dạng văn bản của chúa truyền tới các quan đầu trấn, phủ. Ấn riêng của chúa Trịnh, việc quan trọng lắm mới dùng đến. Nước nhà còn mất ở một trận này, ông gắng sức nhé. Hoạn quan hầu gần nhà chúa. Tức Trịnh Tùng. Trung thành, ngay thẳng, trong sạch. Tức là Tiến sĩ Nguyễn Thượng, người làng Vân Diêm, huyện Đông Ngàn, trấn Kinh Bắc. Mất ngôi, mất chức. Lên ngôi trị vì. Mưu việc lành lặn, lo việc chủ đạo, thật là khí tượng một vị lão thành. Tập khảo tấu (báo cáo). Một loại mũ có gắn móng rồng. Xướng tên các ông Tiến sĩ. Thị là coi, sự là quân. Chăm chỉ, lành lặn. Bùi Huy Bích làm Hành tham tụng. Hy sinh vì tổ quốc. Khu Quảng Bá ngày nay. Tham quan ô lại. Người Mông Cổ đến năm Tân Mùi (năm 1271) niên hiệu Thiệu Long thứ 14 đời vua Trần Thánh Tông (1258-1278) thì đổi quốc hiệu làm Đại Nguyên. Còn Thát Đát vốn là tên gọi biệt bộ giống Mạt Hạt; sau bèn là tên gọi Mông Cổ (đời Trần ta, quân sĩ thích hai chữ “sát Thát” nghĩa là giết rợ Thát Đát). Đến khi nhà Nguyên mất (1367), tông giống Mông Cổ chạy về Mạc Bắc, bỏ quốc hiệu Nguyên, xưng là Thát Đát. Vì vậy, sách này tùy tiện, hoặc gọi Mông Cổ hoặc gọi Nguyên, đều là một cả. * Trần Thánh Tông (1258-1278): Đây là thời gian tại vị. (BT) * Tất cả chú thích đề BT trong sách này là của người biên tập. Thời gian tại vị. (BT) Tuy có mấy sách chép ngày sinh của ngài, nhưng thiết tưởng không đủ căn cứ. Cuốn Trần triều thế phả hành trạng (sách viết trường Bắc Cổ, số A 663, tờ 22a) chép ngài sinh ngày mồng mười, tháng chạp, năm Nhâm Tý, niên hiệu Nguyên Phong thứ hai. Thế tức là năm 1252. Nếu ngài sinh vào năm ấy, mà đến năm Đinh Tỵ (1257), Nguyên Phong thứ bảy, theo sử Toàn thư (quyển 5 tờ 22a) thì ngài đã làm Tiết chế, coi quản hết các tướng trong các quân thủy, bộ chống giữ biên giới, chẳng hóa ra bấy giờ ngài mới lên 5 tuổi mà đã làm Tiết chế như một vị Tổng Tư lệnh thủy lục quân ngày nay ư? Trong cuốn Hưng Đạo đại vương của Lam Sơn (xuất bản năm 1946) dựa tài liệu trong Đào khê dã sử cũng chép ngài “sinh ngày 10 tháng chạp (không chép năm ta mà chỉ chua 1228) thọ 72 tuổi”. Nay xét ngày ngài sinh ấy nếu không có xuất xứ từ chính sử thì đều là do người sau ước đoán cả. Thời gian tại vị. (BT) Sau bà được truy tôn là Khâm Từ Bảo Thánh hoàng thái hậu. Sau bà được sắc phong là Trang chính từ thực nghi phạm trình thuận u nhân trình nhất. Một nhánh thuộc sông Thái Bình ở giáp giới hai tỉnh Kiến An và Thái Bình. Thời gian tại vị. (BT) Nay thuộc huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương. * Một số địa danh phân định ranh giới hành chính (huyện, tỉnh...) được tác giả chú trong sách này nay đã đổi khác. Việc khảo cứu cho rõ ràng xin được hoàn thiện trong lần xuất bản sau. (BT) Xưa ta nói “thiên hạ” là theo nghĩa hẹp, tức cũng như nay nói “nước” hoặc “quốc gia”. Tướng của Hưng Đạo vương, ngoài mấy người có tên trong sử như Dã Tượng, Yết Kiêu và Nguyễn Địa Lô, còn có những tướng này mà chính sử không thấy chép: Cao Mang, Đại Hành, Hùng Thắng, Nghĩa Xuyên, Tào Bân, Huyền Du... (theo Trần triều thế phả hành trạng và Trần gia điển tích thống biên). Ngoại xâm. (BT) Thượng tướng cũng như Thủ tướng ngày nay. Nay là Kiếp Bạc ở Lục Đầu giang thuộc huyện Chí Linh, Hải Dương. Chỉ đức Trần Quốc Tuấn. Nguyên sử, An Nam chí lược và Toàn thư... đều in “mộc bằng chữ xuân” (椿). Có nhiều sách, báo quốc ngữ chép là Sài Thung,

vì “Xuân” (椿) và “Thung” (椿) mặt chữ gần giống nhau. Nay là huyện Phú Dục, tỉnh Thái Bình. Toàn thư, quyển 6, tờ 10b-11a chép là “hoàn khí” (環器), có lẽ sử thần muốn nói là cái chĩnh hay cái vại chẳng? Sách Trần gia tư điển thống biên, tờ 84b chép là táng vào một thứ đồ bằng đồng. Ở phần rừng, ấp An Sinh, thuộc huyện Đông Triều, Hải Dương. Trong sử Toàn thư quyển 6, tờ 10b-11a chép là “thả yêu tốc hủ” (旦要速朽). Sử cũ giải thích về việc ngài di chúc ấy: “Chùng vì từ khi thống lĩnh quân đội phòng ngự ở Lạng Giang, giặc Nguyên hai lần sang xâm, đều bị đánh bại, nên ngài lo rằng sau này hoặc gia có nạn bị giặc khai quật mồ mả lên chằng”. Toàn thư quyển 6, tờ 10b-11a. Năm 1245 nhằm năm Ất Tỵ. Trong sách này, đôi chỗ tác giả có sự nhầm lẫn về niên can, niên chi, chúng tôi xin cước chú thêm. (BT) Năm 1247 nhằm năm Đinh Mùi. (BT) Các quân này đều là Túc vệ binh, gồm quân Thiên thuộc, quân Thánh dục và quân Thần sách. Số bốn (Tứ thiên, Tứ Thánh, Tứ thần), chắc là mỗi quân chia làm bốn vệ, nên mới gọi là “tứ” nhưng sử cũ không chép rõ. Thiên Trường (nay là phủ Xuân Trường, Nam Định) là quê nhà Trần, nên lấy binh Thiên Trường và các lộ xung quanh làm quân Túc vệ. Nguyên văn chữ Hán chép là: “Kỳ dư sung Cấm vệ, Cấm binh tam đẳng sung trao nhi đoàn đội” (其餘充禁衛禁兵三等充掉兒團隊). Nguyên văn trong An Nam chí lược chép là: “Hựu quyền tiếp tuần giả nhị, chương tập vũ nghệ” (又權捷俊者二掌習武藝). Nghĩa là bốn đô và một lang ấy đều có tả và hữu. Ví dụ: Tả Thánh dục đô, Hữu Thánh dục đô... 會稽舊事,君須記; 驩,演猶存十萬兵. Hoan, Diễn tức Hoan châu và Diễn châu nay là Nghệ An. Đinh Mùi. (BT) Chế độ này còn thi hành đến mãi năm Mậu Ngọ (1378) đời Trần Phế Đế (1377-1388). Đơn binh ở các lộ đời đời phải đi lính, không được làm quan (Toàn thư, quyển 8, tờ 2a-b; Cương mục, quyển 10, tờ 44b). * Trần Phế Đế (1377-1388): Đây là thời gian tại vị. (BT) Tức là đảo “De la table”, một hòn đảo hình dài, hướng đông bắc – tây nam, lớn và ở ngoài hơn hết đám quần đảo (gần Hòn Gai) trong vịnh Bắc Bộ. (Xem bản đồ ở cuối sách). Thứ nón đan bằng nan dương (thanh bì trúc), do làng Ma Lôi ở Hồng Lộ (nay là Hải Dương) chế tạo, nên mới gọi theo tên làng ấy. Nhưng vì lâu ngày, tên riêng của nón đã chuyển thành tên chung, nên chữ “nón ma lôi” không phải viết hoa. Hồi Minh thuộc đổi làm huyện Chí Linh. Nay thuộc tỉnh Hải Dương. Nay thuộc Lạng Sơn. Đời Lê đổi làm huyện Phượng Nhãn (hoặc Phượng Nhỡn), nay thuộc tỉnh Bắc Giang. Kho bạc nhà nước. (BT) Đời Trần đặt làng Túc Mặc (quê các vua Trần, nay thuộc phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định) làm làng Thiên Thuộc; phàm binh lính tuyển ở làng ấy thì gọi là “Thiên thuộc quân”. Nguyên văn trong Toàn thư, quyển 5, tờ 41a chép: “Khủng khí lực nổi dã” (恐氣力餒也) Nguyên văn trong Cương mục, quyển 7, tờ 23b chép: “Vũ dũng lực dã” (務勇力也) Biết sơ qua, không sâu. (BT) Nhà thiện xạ ở Trung Hoa xưa. Nhà thiện xạ ở Trung Hoa xưa. Xin coi toàn văn bài Hịch qua bản dịch ở chương chín. Căn cứ vào lời Đỗ Khắc Chung nói: “Do lòng trung phần, họ tự thích chữ đấy thôi”. (Toàn thư, quyển 5, tờ 46b). Giết rợ Thát Đát, tức là Mông Cổ. Bến Đông sông Cái nay là Hồng Hà ở địa phận huyện Thương Phúc (Hà Đông). Toàn thư, quyển 5, tờ 45b-46b; Cương mục, quyển 7, tờ 33a-34b. Tức là Thiên Trường, Long Hưng, Quốc Oai, Bắc Giang, Hải Đông, Trường Yên, Kiến Xương, Hồng, Khoái, Thanh Hoa, Hoàng Giang và Diễn Châu. Lộ ở đời Trần cũng như thừa tuyên ở đời Lê và tỉnh ở đời Nguyễn. Như Tân Bình, Nghệ An, Thái Nguyên và Lạng Giang. Như trại Quy Hóa, trại An Bang... Cương mục giải nghĩa “sách” là “thôn”, e chưa được đúng. Tưởng phải nên nói: “sách là làng mọi tức là những làng trình độ hãy còn chưa tiến hóa”. “Hoành” là hạng người phải tội đồ, bị liệt làm nô lệ. Ba xã này thuộc huyện Đông Triều, Hải Dương. Tên một trại, thuộc huyện Yên Hưng, Quảng Yên. Nay là Bàn Than thuộc huyện Quế Dương (giáp Lục Đầu) tỉnh Bắc Ninh. Nguyên văn: Giai viết: “Chiến!” Vạn nhân đồng từ, như xuất nhất khẩu (皆曰: “戰”萬人同許, 如出一口). Toàn thư chép là: “Mễ tam thăng trị tiền nhất cường”. Cương mục chép là: “Mễ nhất thăng trị tiền nhất cường”. Đây theo Toàn thư – Mỗi thăng là 316 tấc khối, ăn 10,354688 công thăng. Người trưởng họ trong tông thất. An Nam chí lược chỉ chép như thế, chứ không cắt nghĩa. Vậy nay tưởng nên giải thích cho rõ: Đó là một việc ngụ ý khuyến nông. Nhân tiết lập xuân, bắt đầu ươm áp, có thể khởi sự canh nông, cho nên quốc quân cử một người trong họ đứng thay má, dùng roi hổi trâu cày ruộng. Làm lễ xong thì dự tiệc ăn mừng. Năm 1244 nhằm năm Giáp Thìn. (BT) Nguyên văn chép là “tiến tân” (dâng của mới). Nguyên văn là “bộ liệt”. Người bị hình phạt giam cầm nhiều năm. (BT) Hạng nô lệ (hoành) phải làm ruộng “cảo điền”. Đơn vị đo lường ngày xưa. Nguyên văn là “thăng” (升). “Thăng” của Trung Hoa xưa: 10 hạp là 1 thăng. Mỗi thăng bằng 316 tấc khối, tức là

10,354688 công thăng. Theo An Nam chí lược thì lối đóng lường của ta xưa cũng như của Trung Hoa, vậy có thể nói: “thưng” ta với “thăng” tàu là một. Câu này rất khó hiểu. Tra Từ nguyên thì “lượng” có nghĩa là “thuế ruộng, thuế đất”; “thuế” theo Hán thư có nghĩa là thuê một phần mười về ruộng công và thuế do những hạng công (thợ), thương (buôn bán), ngu (quan coi nút và chằm), hành (quan coi rừng núi) góp vào. Vậy ý chừng câu trong An Nam chí lược ấy muốn nói: nông không phải đóng thuế ruộng, thương không phải góp thuế buôn bán. Có lẽ tức là thứ tiền “thân dịch” như An Nam chí lược đã chép. Năm 1248 nhằm năm Mậu Thân. (BT) Trần Phế Đế. (BT) Đời Trần, mỗi quan 10 tiền, mỗi tiền 70 hoặc 69 đồng kẽm. Quyên góp để làm việc thiện. (BT) Có điều nên nhớ: đời Trần tuy có công nghiệp sinh hoạt rồi, nhưng người thợ bấy giờ chỉ là hạng người làm việc thủ công theo lối công nghệ gia đình, chứ không giống như công nhân là hạng thợ thuyền bán sức lao động ngày nay. Bấy giờ gọi “mẫu” là “diện”; mỗi “diện” tức một “mẫu”. Phạm tội trộm, cướp. Nguyên văn: “nhất thường cứu phần” (一償九分). Nguyên văn “Cùng dân bất cấp giả hứa điển thực ư nhân” (窮民不給者許典贖於人). Phiêu bát. (BT) Đời Trần Thuận Tông mới đặt phép hạn chế ruộng, chỉ trừ đại vương và trưởng công chúa thì ruộng không phải hạn chế, còn thứ dân thì ruộng không được quá 10 mẫu. Thời gian tại vị. (BT) Đời Lê gọi là đài “khán xuân”. Theo lịch thì Hàn thực vào hai ngày trước tiết Thanh minh. Tục ta thường ăn tết Hàn thực vào ngày mồng ba tháng ba. Thụy Bà là chị vua Trần Thái và là cô đức Hưng Đạo. Trong An Nam chí lược, có chỗ cũng nói đến một công chúa hồi đầu Trần tên là Thụy Tư. Có lẽ cùng là một người mà mỗi sách in một khác, vì chữ “bà” (婆) và chữ “tư” (姿) gần giống nhau. Coi bài Hịch tướng sĩ của Trần Hưng Đạo. Coi phần “Phong tục” trong An Nam chí lược. Toàn thư, quyển 5, tờ 7a; Cương mục, quyển 6, tờ 11b. Nay thuộc phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định. An Nam chí lược, quyển 1, tờ 12a. An Nam chí lược, quyển 1, tờ 11a. An Nam chí lược, quyển 1, tờ 11a. Căn cứ vào lời của sử thần Ngô Sĩ Liên (người thế kỷ mười lăm) bàn ở sử Toàn thư, quyển 5, tờ 18a: “... Không với người khác họ mà với người cùng họ, kết hôn nhân: chỉ có nhà Trần làm thế...” (Dịch theo nguyên văn chữ Hán). Người huyện Thanh Lâm, tỉnh Hải Dương. Toàn thư, quyển 5, tờ 41 chép về việc này rằng: bấy giờ có cá sấu đến sông Lô. Vua (Trần Nhân Tông) sai Hình bộ Thượng thư Nguyễn Thuyên làm văn ném vào trong sông: cá sấu tự rời đi. Vua cho việc đó giống chuyện Hàn Dũ (đời Đường) bèn cho đổi họ làm họ Hàn. Thuyên lại giỏi phú thi quốc ngữ (nôm). Nước ta phú thi hay dùng quốc ngữ thực bắt đầu từ đây. Đến đời Trần Anh Tông (1293-1314) có Thiên chương Học sĩ Nguyễn Sĩ Cố cũng giỏi thơ phú nôm. * Trần Anh Tông (1293-1314): Đây là thời gian tại vị. (BT) Nguyên văn câu này: “... Hoặc dụng thổ ngữ vi thi phú, nhạc phả, tiện ư ca ngâm”. Đó vì tác giả An Nam chí lược, tuy là người Việt nhưng khi viết sách ấy, lại tự đứng vào địa vị như một người Mông Cổ mà viết, nên mới gọi tiếng ta là “thổ ngữ” (土語). Trong An Nam chí lược chép Trần Tấn “thường tác Việt chí” và “Lê Hưu” (không có chữ “văn” đệm giữa) “tu Việt chí”. Như vậy rất có thể là cùng một bộ Đại Việt sử ký mà Trần Tấn là người làm trước (tác), còn Lê Văn Hưu là người sửa lại (tu). Về vấn đề này, xin coi thêm bài Nước ta có sử từ đời nào của Hoa Bằng, đăng Tri Tân số 6, trang 2. Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo. (BT) Giáp thứ nhất, giáp thứ ba. Việc giảng này đến đời Trần Anh Tông vẫn cứ tiến hành. Sử chép: năm Hưng Long thứ 14 (1306), Nguyễn Sĩ Cố do chức Thiên chương Học sĩ làm việc giảng Ngũ kinh. Xưa dùng tiếng “tú tài” có nghĩa như là kẻ sĩ, tức là chỉ về hạng người nho sĩ và thầy thuốc,... Nguyên văn có chép trong Nguyên sử, quyển 209. Sê dẫn và dịch ở chương năm. Xin đơn cử một việc như: tháng giêng, năm Mậu Thìn (1268), vua Trần Thánh Tông bảo các vương hầu trong họ tông thất, tan châu, vào trong điện nội và nhà Lan đình, cùng nhau ăn uống, có khi tối đến, không về được thì đặt gối dài, chăn rộng, liên giường ngủ chung để tỏ tình hữu ái. Đó là thực hành lời ngài thường nói cùng các anh em bà con trong họ: “... Chỗ đồng bào máu mủ, lo thì cùng lo, vui thì cùng vui” (Toàn thư, quyển 5, tờ 31b). Tuy cũng có một vài tên phản quốc như Trần Ích Tắc và Trần Kiện, nhưng đó là con số rất nhỏ. Điều nhận thức được sau một quá trình. (BT) Giác ngộ người khác, tế độ người khác. Phần lớn sử liệu ghi 618-907. (BT) Có sách chép là A Loa Đài và chưa là Agôtai. Có sách chép là: “Koubilai”. Triều Tiên. (BT) Nga. (BT) Tiếng Mông Cổ, có ý nghĩa là những kẻ “được nhờ ân sủng của Thiên tử”. Quân các vệ như năm vệ: Tả, Hữu, Trung, Tiền, Hậu và Đường Ngột vệ, Quý Xích vệ, Vũ vệ Tả hữu đô úy vệ... 2. Trần Bạch Đằng năm Mậu Tý (1288), ta bắt được nhiều tướng Mông Cổ trong có Vạn hộ, Thiên hộ, tức là hạng võ quan cao cấp cầm đầu quân

đội trong Vạn hộ phủ ở lộ hoặc trong Thiên hộ sở ở huyện bên Nguyên đấy. “Quân Mông Cổ” (danh từ quân sự) là quân trong bản tộc Mông Cổ, quân thám mã xích là quân trong các bộ tộc. Thám mã xích nghĩa là quân trấn thủ. Sau khi diệt được Kim, Mông Cổ tuyển người bắc bộ Trung Quốc làm lính, gọi là Hán quân; sau khi diệt được Tống, lại tuyển những người nam bộ Trung Quốc làm lính, gọi là tân phụ quân. Tức là Ngột Lương Hợp Thai (Wouleangotai). Toàn thư, chép là “năm mươi vạn quân”. Theo Tân biên cao trung bản quốc sử, quyển giữa, trang 139. Coi Les Mongots et la Papauté của Paul Pelliot, chương nhất, trang 4. Sẽ trình bày ở chương “Cuộc chiến thắng Mông Cổ lần thứ nhất”. Tức năm Đinh Tỵ (1257). Hai sứ giả này đều bị ta giam giữ ở trong ngục, đến khi thả ra thì một người chết. Xưa dùng tiếng “tú tài” có nghĩa như là kẻ sĩ, tức chỉ những hạng nho sĩ, thầy thuốc,... nói trên. Tức là “Đặt lỗ Hoa xích”. Tiếng Mông Cổ, mà đời Thanh dịch lại, nghĩa là Quan trưởng Mông Cổ. Theo chế độ nhà Nguyên thì các cấp hành chính và quân sự, trên từ lộ, dưới đến huyện, ở các hành sảnh, đều dùng người Mông Cổ làm “Đặt lỗ Hoa xích” hoặc gọi “Đặt lỗ Cát tề”. Tháng một ở đây chỉ tháng 11 âm lịch. (BT) Chỉ triều đình Mông Cổ. Chỉ triều đình Mông Cổ. Tháng chạp, năm Canh Thân (1260), Mông Cổ đưa chiếu thư sang bảo ta: Đối với quan liêu, sĩ, thứ trong nước, phạm mũ áo, điển lễ, phong tục, nhất nhất cứ để y theo pháp chế có sẵn của Bản quốc. Tức năm Quý Hợi (1263) đời Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt. Chỉ viên đứng đầu Trung thư sảnh bên Mông Cổ. Chỉ nước Mông Cổ. Chỉ vua Mông Cổ. Có sách phiên âm lầm là Sài Thung. Tức là những khoản đòi Quốc vương phải sang châu và con em nhà vua phải sang làm con tin,... như trên đã nói. Chỉ vua Trần Thái Tông. Bon Trinh Quốc Toàn và một người họ Phạm tước Minh tự sang sứ Mông Cổ từ năm Kỷ Mão (1279). Có lẽ là sảnh Bình Chương như dinh thủ tướng ngày nay. Chỉ cuộc Mông Cổ sang xâm lần thứ nhất (Đinh Tỵ, 1257). Chỉ vua Trần Thái Tông. Sẽ trình bày ở chương “Cuộc chiến thắng Mông Cổ lần thứ hai”. Do Sứ bộ Trung lương Đại phu Trần Đức Quân và Tán lang Trần Tự Tông đem quốc thư sang. Xem bản đồ số 1 ở cuối sách. Nay là huyện Ung Ninh, tỉnh Quảng Tây. Nay là huyện Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây. Nay là tỉnh Hồ Bắc. Khúc sông Cái (nay gọi Hồng Hà) từ mạn Lào Cai xuống Ngã Ba Hạc gọi là sông Thao. Không rõ ở đâu bây giờ. Trong An Nam chí lược chép là Lê Tần. Có lẽ Tần là tên cũ, sau được vua Trần khen thưởng vì có công lớn trong cuộc kháng chiến Mông Cổ lần thứ nhất này, nên Tần được đổi tên là Phụ Trần, lấy nghĩa rằng họ Lê giúp nhà Trần chăng? Sử cũ chép là sông Phú Lương. Thế là nhận nhầm sông Hồng Hà làm sông Phú Lương, tức sông Cầu, ở địa phận huyện Phúc Lương, tỉnh Thái Nguyên. Trong An Nam chí lược chỗ thì in là “Kỳ Trích”, chỗ thì in là “Cụ Trích”, vì chữ “kỳ” và chữ “cụ” gần giống nhau. Bến Đông (Đông Tân) sông Cái ở địa phận huyện Thượng Phúc (Hà Đông). Cũng gọi Thiên Mạc, tức là khúc sông Cái bên bãi Màn Trù thuộc tỉnh Hưng Yên. Tức như chức Kinh doãn đời sau. Theo Nguyên sử, quyển 209, tờ 5b. Có lẽ trói bằng thứ thừng bện bằng lát tre? Cũng theo Nguyên sử. Nay thuộc Hưng Hóa, Phú Thọ. Xem bản đồ số 2 ở cuối sách. Nay thuộc làng Bàn Than, huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh. Nay là Vân Hải thuộc tỉnh Quảng Yên, tức là hòn đảo “De La Table” (xem bản đồ). Một nhánh sông Thái Bình (xem bản đồ). Bến Đông (Đông Tân) sông Cái nay gọi là Hồng Hà thuộc địa phận huyện Thượng Phúc (Hà Đông). Chẳng hạn các cửa ải ở miền Lạng Sơn và mạn Thanh, Nghệ... Bấy giờ được vua Mông Cổ phong làm Trấn Nam vương. Đây dựa tài liệu trong An Nam chí lược, nhưng chưa rõ là tên một người hay hai người. Đợi khảo sau. Thuộc Lạng Sơn (xem bản đồ). Trong An Nam chí lược chép là Cấp Lĩnh. Thế tức là Khưu Cấp Lĩnh mà sử Cương mục chưa là phổ Kỳ Lừa thuộc Ôn Châu, tỉnh Lạng Sơn ngày nay. Cũng đọc là Khả Li, có sách chép là Khả Ly, thuộc Lạng Sơn. Cũng thuộc Lạng Sơn, trong An Nam chí lược chép là “Anh Nhi”; còn Toàn thư, và Cương mục đều chép là “Nữ Nhi”. Thuộc Lạng Sơn. Việc cử Trần Quang Khải này vào ngày 28 tháng giêng năm Ất Dậu (1285). Nguyên văn: “Phàm quốc nội quận huyện, giả hữu ngoại khẩu chí, đương tử chiến, hoặc lực bất địch, hứa ư sơn trạch đào thoán, bắt đặc nghinh hàng”. (Nguyên sử, quyển 209, tờ 5b). Đây theo An Nam chí lược quyển 4, tờ 1b. Còn Toàn thư, quyển 5, tờ 44b chép: ngày 26 tháng chạp năm Giáp Thân (1284), giặc Nguyên xâm phạm các cửa ải Vĩnh Châu, Nội Bàng, Thiết Lược, Chi Lăng. Theo Nguyên sử, quyển 209, tờ 5. Thuộc miền Quảng Yên ngày nay. Tục gọi là bầu Chi Lăng. Nay thuộc tổng Chi Lăng gần ga Tuần Muội ở châu Ôn, tỉnh Lạng Sơn. An Nam chí lược chép Chi Lăng tức là “Lão thử quan” (nghĩa là cửa chuột già). Đền hồi Minh thuộc đổi làm huyện Chí Linh. Nay thuộc tỉnh Hải Dương. Đến đời Lê đổi làm huyện Phượng Nhãn (hoặc Nhỡn). Nay

thuộc tỉnh Bắc Giang. Đây theo An Nam chí lược. Nay không rõ Bài Than ở vào đâu. Nhưng có lẽ là Bình Than. Vì “Bài” và “Bình” âm gần nhau. Sử Toàn thư, chép là “dục thủy trận”. Nay đều thuộc tỉnh Bắc Ninh. Khoảng 5-7 giờ sáng. Tức là Thiên Mạc ở bên sông Cái thuộc Hưng Yên. Trong An Nam chí lược chép là “ải Thiên Hán” và chỉ chép tước của Trần Bình Trọng là Bảo Nghĩa hầu chứ không chép tên. Nay là ba huyện Bình Chính, Minh Chính và Bồ Trách thuộc tỉnh Quảng Bình. Việc cử Trần Quang Khải này vào ngày 28 tháng giêng năm Ất Dậu (1285), tức là sau khi Trần Bình Trọng đã tử quốc được bảy hôm, vậy mà cuốn Việt Nam sử lược, quyển thượng (in lần thứ hai, năm 1928, trang 121), tác giả Trần Trọng Kim chép: “... Sai Thượng tướng Trần Quang Khải đưa binh vào đóng mặt Nghệ An... và Trần Bình Trọng ở lại giữ Thiên Trường...”. Con của Tinh quốc Đại vương Trần Quốc Khang. Thuộc địa phận Thanh Hóa. Khúc sông Cái thuộc huyện Nam Xang tỉnh Hà Nam. Trong An Nam chí lược in là Trần Tú Tuấn. An Nam chí lược chép ngày ấy (mồng sáu tháng hai) Thanh Hóa và Nghệ An đều hàng. Đây theo An Nam chí lược. Còn trong Toàn thư, quyển 5, tờ 47a chép: “sai người (không nói rõ sai ai), đưa công chúa An Tư (em út của Trần Thánh Tông) cho Thoát Hoan để thư nghị nước”. Không rõ ngày nay ở đâu. Thuộc địa phận xã Đại Bàng, huyện Nghi Dương, tỉnh Hải Dương. Thuộc xã Tam Trĩ châu Tiên Yên, tỉnh Quảng Yên. An Nam chí lược, quyển 4, tờ 2b in lầm là “Tam Thì”. Thuộc miền biển Thanh Hóa. Con thứ vua Trần Thái Tông, vẫn ngầm có ý muốn cướp ngôi nên đã từng viết thư bí mật gửi khách buôn ở Vân Đồn “rước” Mông Cổ đem quân sang xâm lược. Sau khi hàng giặc, Tắc được giặc phong An Nam quốc vương. Kịp khi Mông Cổ thua trận, Tắc xấu hổ, chết già ở bên Nguyên. Thuộc xã Chương Dương, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông. Việc khắc phục kinh đô này, An Nam chí lược chép vào tháng tư, còn sử Toàn thư, và sử Cương mục đều đặt vào việc ở tháng năm, là vì mãi đến mồng mười tháng năm ấy hai vua Trần mới biết tin. Nay là Thuận Hóa, tức Huế. Xem bản đồ số 2. Đây là lời vua Trần Nhân Tông, vậy mà trong Việt Nam sử lược, quyển thượng (in lần thứ hai, 1928), tác giả Trần Trọng Kim lại chép là lời tâu của Hưng Đạo vương, và đoạn dưới dịch khác đi rằng: “... Vậy nay nên sai một tướng đem quân ra đón đường mà đánh thì chắc phá được” (trang 123). Khúc sông Cái thuộc huyện Đông An, tỉnh Hưng Yên. An Nam chí lược, quyển 4, tờ 3a chép “Tướng Toa Đô là Lễ Cước Trương làm phản”. Có lẽ Lễ Cước Trương tức là Trương Hiến, mà “làm phản” là chỉ về việc đầu hàng bên ta. Trong trận này ta bắt được cả bọn Tế thần (như Thủ tướng ngày nay) Chiêm Thành là Ba Lậu Kê, Na Liên 30 người vì theo Toa Đô. Đến tháng sáu năm Ất Dậu (1285), ta sai người đưa chúng về nước. Tức là Ôn Châu, thuộc Lạng Sơn. (Xem bản đồ số 2). Theo Toàn thư, quyển 5, tờ 46b-47a; An Nam chí lược, quyển 19, tờ 3a-b. Xưa ở miền thượng du tỉnh Sơn Tây, nay thuộc Phú Thọ. Như chức Thổ tri châu. Không rõ bây giờ ở vào đâu. Theo Toàn thư, quyển 5 và An Nam chí lược quyển 4. Đây theo đúng nguyên văn in trong sử Toàn thư là bản ra trước hơn cả. Trong Hoàng Việt văn tuyển, quyển 2, tờ 2b, đặt bài thơ này của Trần Quang Khải vào dưới đầu đề là Tông giá hoàn kinh sư (theo ngữ giá về kinh đô), có in khác một chữ “đương” trong câu ba: “Thái bình đương trí lực”. Nếu cần phải dịch cả bài thơ này ra văn vần thì dịch thể này: Cướp giáo bến Chương Dương, Bắt Hồ cửa Hàm Tử. Thái bình, gắng sức lên! Non nước này muôn thuở.. Xem bản đồ số 3 ở cuối sách. Theo binh chế Mông Cổ, thì Mông Cổ quân là quân lính tuyển ở những người trong Mông Cổ tộc; Hán quân là quân lính tuyển ở những người tại Bắc bộ Trung Quốc, sau khi Mông Cổ đã diệt được Kim; Vân Nam binh là những quân lính tuyển ở tỉnh Vân Nam. Quân lính tuyển ở các đông mán như Lê Man động ở Quảng Đông gọi là Lê binh. Binh chế Mông Cổ có đặt 12 cánh (dục) Lê binh. Đều thuộc Quảng Đông. An Nam chí lược quyển 4, tờ 3a chép có mười vạn; sử Toàn thư, chép năm mươi vạn; sử Cương mục theo Nguyên sử chép ba mươi vạn. Là Khâm huyện thuộc tỉnh Quảng Đông. Vạn Ninh nay là Hải Ninh Móng Cái. Trần Da chắc là một tướng trong tông thất nhà Trần, đóng giữ mặt biển. Sử Toàn thư, và sử Khâm định không chép việc Trần Da này. Đây theo An Nam chí lược. Có lẽ là một núi ở gần miền Móng Cái ngày nay. Đây là chuyến vận lương thứ nhất bị ta đánh đắm. Còn chuyến thứ hai vào ngày 11 tháng giêng, năm Mậu Tý (1288) lương thuyền Trương Văn Hồ bị phó tướng Trần Khánh Dư đánh: đắm ở cửa Lục. An Nam chí lược chép là Trình Bằng; Cương mục chép là Trình Bằng Phi. Thuộc huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Sau đổi là Kinh Bắc, nay gồm Bắc Giang và Bắc Ninh. Thuộc tỉnh Quảng Tây. Thuộc tỉnh Lạng Sơn ngày nay. Thuộc địa phận tỉnh Cao Bằng ngày nay. Trong An Nam chí lược, quyển 19, tờ 3b chép là Bình Giang.

Nay thuộc huyện Hưng Nhân tỉnh Thái Bình. Quan tài nhà vua làm bằng gỗ tử, gọi là “tử cung” (梓宮). Các tỉnh duyên hải bên Trung Quốc bấy giờ đều có tiểu thuyền để thao luyện thủy binh ra biển, đi tuần, bắt giặc cướp. Trong An Nam chí lược chép: “Trương Văn Hổ thoát tiên đụng phải quân ta ở cửa An Bang” (thuộc Quảng Yên). Ở phần biển gần Hòn Gai ngày nay. Hán văn trong Toàn thư, và Cương mục chép là “Lục thủy dương”. An Nam chí lược chép: “Thuyền lương bị hãm, Văn Hổ cuời một chiếc thuyền côi, chạy về Khâm Châu”. (Là Khâm huyện, thuộc tỉnh Quảng Đông). Đây theo Cương mục, quyển 8, tờ 4a-5b. Còn Toàn thư, quyển 5, tờ 54a-b chép Trương Văn Hổ bị bại vào trận Bạch Đằng, chứ không phải vào trận Vân Đồn: “... Kịp Văn Hổ đến, phụ binh ở hai bên bờ (sông Bạch Đằng) hăng hái đánh: Văn Hổ lại bị thua. Nước thủy triều rút xuống rất gấp. Thuyền lương Trương Văn Hổ mắc vào cọc, đắm chìm gần hết. Người Nguyên chết đuối rất nhiều...” (Quyển 5, tờ 54a-b). Theo An Nam chí lược quyển 4, tờ 4b, thì nhờ có tả hữu can ngăn, Thoát Hoan mới thôi việc đốt thành; nhưng sử Toàn thư, chép Thượng hoàng Thánh Tôn phải ngự ở Thị vệ lang, là vì cung điện giặc đốt cả. Theo Trung Hoa thông sử, trang 125. Thuộc tỉnh Lạng Sơn. Thuộc Lạng Sơn. Đây thuộc Lạng Sơn. Đây theo sử Cương mục, quyển 8, tờ 8a-b. Còn An Nam chí lược chép: Hữu thừa Trình Bằng bèn hỏi dò những bộ lão bị chúng bắt được và đang đêm bắt ép phải dẫn chúng dò đường khác chạy trốn. Khi đại quân Mông Cổ ra khỏi ải Nội Bàng quân ta lại đánh chặn, cắt đứt toán sau của giặc. Vạn hộ Đáp Thích Xích và Lưu Thế Anh đánh lại: quân ta phải chạy... Thuộc Lạng Sơn. Trong An Nam chí lược chép là “Anh Nhi”. Xưa thuộc châu Tư Minh bên Trung Quốc. Đến năm 1426 mới thuộc về ta. Đời Lê, gộp cả Lộc Châu với châu Tây Bình, đặt làm châu Lộc Bình. Nay thuộc Lạng Sơn. (Xem bản đồ số 3). Đây theo An Nam chí lược quyển 4, tờ 4b-5a; Cương mục, quyển 8, tờ 9a. Còn Toàn thư, quyển 5, tờ 54b chép Thoát Hoan và A Thai đem quân về Tư Minh, bị thổ quan Hoàng Nghệ bắt được, đem dâng vua Trần. Toàn thư, quyển 5, tờ 54a-b chép Nguyễn Khoái trong trận này, có bắt được Bình chương Mông Cổ Áo Lỗ Xích. Một tước phong đời Trần. Tên một tướng Mông Cổ. Nhiều sách báo quốc ngữ lầm lẫn hai người. Toàn thư, quyển 5, tờ 54b. Mộ vua Trần Thái Tông, ở phủ Long Hưng (nay ở làng Thái Dương thuộc huyện Hưng Nhân, Thái Bình, còn mộ vua Trần và đền thờ những bậc vĩ nhân đời Trần). Toàn thư, quyển 5, tờ 54b. Hán Cao Tổ (206-195 TCN) bị Hạng Vũ vây, gấp quá, Tán bèn giả là Hán Cao, thay ra hàng Sở: vì thế, Hán Cao trốn thoát còn Tán bị Hạng Vũ thiêu chết. Sách Tả truyện chép Sở Chiêu vương bị giặc lấy giáo đâm, Do Vu chìa lưng mình ra che đỡ cho Sở Chiêu. Dư Nhượng người nước Tấn, đời Chiến Quốc (481-221 TCN); thờ Trí Bá. Khi Triệu Tương Tử và Hàn Ngụy diệt Trí Bá, Nhượng bèn sơn mình như quỷ, nuốt than làm căm, mưu giết Tương Tử để báo thù cho Trí Bá; nhưng hai lần cùng bị Tương Tử bắt được. Lần trước, được Tương Tử thả ra; lần sau, Nhượng đòi xin cái áo của Tương Tử mà đánh để tỏ ý trả thù cho Trí Bá rồi tự sát. Đường Thái Tông (627-649) tên là Lý Thế Dân, khi còn làm Tàn vương, có đánh nhau với Vương Thế Sung, bị Thế Sung vây khốn, nhờ có Kính Đức cứu giúp mới thoát được vòng vây. * Đường Thái Tông (627-649): Đây là thời gian tại vị. (BT) Đời Đường Huyền Tôn (713-755), An Lộc Sơn nổi loạn, Kiêu Khanh giữ lòng trung nghĩa, không chịu theo giặc. * Đường Huyền Tôn (713-755): Đây là thời gian tại vị. (BT) Người đời Tống. Hoặc Nguyễn Sơn Lập. Tức là thành Hợp Châu, vì thành này ở núi Điều Ngự, nên mới đặt tên như thế. Nay thuộc phủ Trùng Khánh, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Hoa. Khi Mông Kha bên Nguyên xâm nhà Tống, vây thành này, viên Tri châu thành Điều Ngự bên Tống là Vương Kiên (Nguyên sử chép là Vương Kiên, không có chữ đệm là “Công”), cố sức chống giữ được hàng năm tháng, khiến quân địch không hạ nổi thành. Quân Nguyên phải giải vây, rút về. Tức Mông Ké, vua Mông Cổ, miếu hiệu là Hiến Tông, anh Hốt Tất Liệt. Tức Wouleangotai mà Nguyên sử chép là Ngột Lương Hợp Thai (hoặc Ngột Lương Cáp Thai). Thông giám tập lãm chép là Ô Đặc Lý Cáp Đạt. Toàn thư, và Cương mục đều chép là Càn Tu Tư, còn Hoàng Việt văn tuyển in là Xích Tu Tư vì “Cân”(斤) và “Xích”(斥) mặt chữ gần giống nhau. Sau là Đại Lễ, hoặc Đại Lý, nay là Vân Nam. Tức Mông Cổ. Tức Nguyên Thế Tổ. Sau khi lấy được Đại Lý (nay là Vân Nam) Nguyên Thế Tổ bèn phong cho con là Hốt Kha Xích làm Vân Nam vương để cai trị. Theo Cương mục có hai chữ “bất năng”, Toàn thư, không có. Theo Toàn thư, chép là “thường” (嘗). Còn Cương mục và Hoàng Việt văn tuyển đều in là “đương” (當). Đây theo Toàn thư, quyển 6, tờ 11b-14a chép là “trung quốc”, nên dịch là “nước trung ương”. Chừng đức Trần Hưng Đạo, tác giả bài hịch, bấy giờ, muốn nâng cao địa vị quốc gia lên để

khích lệ tướng sĩ, nên mới nói nước mình là “trung quốc”, mà mặt sát Mông Cổ là di địch (gọi trùm Mông Cổ là “di tù”). Bùi Tồn Am, khi soạn bộ Hoàng Việt văn tuyển có lẽ không thấu rõ cái thâm ý ấy của đức Trần Hưng Đạo, nên tưởng sử cũ in lầm bèn dám tự tiện đổi hai chữ “trung quốc” làm “bang quốc”. (Xem Hoàng Việt văn tuyển, quyển 7, tờ 1b-4b). Theo Từ nguyên, thì “thái thường” chỉ có hai nghĩa: cờ thái thường và chức quan đời Hán giữ lễ nghi nơi tôn miếu. Đây nói “nhạc thái thường” có lẽ là một thứ nhạc thờ đời Trần dùng để tế tự nơi tông miếu chăng? Đời phong kiến, phàm đất mà khanh, đại phu được phong để thu lấy thuế má làm bổng lộc, gọi là “thái ấp” hoặc “thực ấp”. Lối xưa, khi ai đã chết, sắp đem chôn, thì người ta xét theo đức tính bình sinh của nấy mà đặt cho tên hiệu để thay cho tên húy. Sau theo chế độ phong kiến, xã hội chia nhiều giai cấp: vua quan mới được gọi là “tên thụy” người thường gọi là “tên hiệu”. Tên thụy xấu như “U vương” (vua Tối tăm) và “Lệ vương” (vua Hung dữ) đời Chu. Nguyên văn là “thổ hỏa tích tân”, chữ trong Hán thư, đem lửa để ở dưới chỗ chứa củi mà nằm lên trên; thấy lửa chưa kịp bốc cháy, đã vội gọi là yên ổn. Ý nói phải lo cái vạ ngấm ngấm. Nguyên văn là “trùng canh suy tề”, chữ trong Sở từ. Ý nói phải kiêng răn quá lắm. Đều là những thiện xạ bên Trung Quốc xưa. Đều là những thiện xạ bên Trung Quốc xưa. Đời Tống, chỗ nhà để cho mán mọi ở. Khi họ vào triều cần gọi là “cảo nhai”. Do điển trong Thế thuyết (Vương Tử Kính đêm nằm trong nhà, có bọn trộm vào nhà, vợ vét hết cả đồ đạc. Vương thủng thủng bảo: “Chiếc chiếu xanh là đồ lâu đời của nhà ta, các anh phải bớt lại đây”). Xưa dùng huyết con sinh để cúng tế, nên gọi sự được hưởng cúng tế là “huyết thực”. Theo lời chua trong Dư địa chí của Nguyễn Trãi, thì triều Lý có đào sông Bình Lỗ để tiện đi lại ở miền Thái Nguyên. Vậy thành Bình Lỗ chắc ở địa phận Thái Nguyên Chỉ đức Trần Hưng Đạo. Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Cửu cung qui thân là: Thái nhất, Nhiếp đề, Quyền chủ, Chiêu đạo, Thiên phù, Thanh long, Hàm trì, Thái âm và Thiên nhất. Nếu tính theo phép lịch, thì Cửu cung gồm chín vì sao này: Thiên bình, Thiên nhữ, Thiên hành, Thiên phụ, Thiên cầm, Thiên tâm, Thiên trụ, Thiên nhâm và Thiên anh. Giết chết. Phương hướng thuận lợi. Sao lành. Thần dữ. Ông tướng hung ác. Ba điều lành. Năm điều dữ. Nguyên văn: “Cử quốc nghênh địch” (舉國迎敵). Nguyên văn: “Cử quốc cự địch” (舉國拒敵). Dọn sạch đồng nội, không để thóc lúa cho quân địch được lợi. Ở Hòn Gai bây giờ. An Nam chí lược, quyển 13, tờ 4a chép: “Quan quân (chỉ quân Mông Cổ) dục chiến bất đắc”. Chẳng hạn: trận Tây Kết có nhiều đạo quân như quân Trần Nhật Duật, quân Trần Quang Khải, quân Trần Quốc Toản, quân Nguyễn Khoái và quân hai vua Trần cùng đến dự chiến. Làm trước để chế trị người. Theo tài liệu trong An Nam chí lược như trong chương tám đã thuật. Nắng nóng. (BT) Xem thêm “Bảng kê những tên phản quốc, hàng giặc Nguyên” ở cuối sách. Về điểm địa lý này, tác giả Trần Trọng Kim có viết ở Việt Nam văn học sử, quyển thượng (in lần thứ hai, năm 1928) trang 140 rằng: “... Triệu Võ Vương đóng đô ở Phiên Ngung, tức là gần thành Quảng Châu bây giờ, mà châu Khâm, châu Liêm thì ở giáp giới nước ta. Lẽ nào đi đánh Trường Sa ở tỉnh Hồ Nam mà lại quay trở lại châu Khâm, châu Liêm... Có lẽ rằng Hưng Đạo vương lúc nói chuyện đó tưởng rằng kinh đô của Triệu Võ Vương ở đâu bên nước ta bây giờ, cho nên mới nói như thế chẳng”. Cũng như ngày nay gọi là “quốc tế”. (德威遠暢) nghĩa là “công đức và oai danh truyền rộng ra tận nơi xa”. Hưng Đạo đại vương. Theo báo Kiến quốc, số 1, ngày 11, tháng 10, năm 1949. Câu đối ấy thế này: “Vạn Kiếp hữu sơn giai kiếm khí – Lục Đầu vô thủy bất thu thanh”. Với tất cả mọi sự dè dặt, kẻ viết chỉ xin thuật bài thơ của nhà báo Nhật này theo như ông Lam Sơn đã kể lại trong cuốn Hưng Đạo đại vương, trang 11. Lại theo ông Lam Sơn, thì dưới bài thơ này, nhà báo Nhật ấy có viết thêm mấy câu, đại ý: “Cũng hồi thế kỷ mười hai (có lẽ in lầm hoặc nhớ lầm; thực ra bấy giờ là thế kỷ mười ba, chứ không phải mười hai), hơn hai mươi vạn quân Mông Cổ cũng dầm dộ (rầm rộ) chực kéo sang đánh chiếm nước Nhật, nhưng chưa tới nơi đã bị trận sóng gió góm ghê, dao (bao) nhiêu chiến thuyền đều bị chìm đắm, quân địch chết đuối gần hết, sống sót trở về không còn được vạn người...” (Về việc nước Nhật gặp cái may này mà thoát vạ Mông Cổ xâm lược, nhiều bộ sử ta và sử Trung Hoa cũng đã nói đến). 1. Ruộng ở nơi đầm lầy, dưới là bùn loãng, nước ở mặt trên cùng cỏ dại mọc thành tầng, thành lớp. Ruộng rộc thường rất sâu, đến thắt lưng thậm chí còn đến ngực người. Do đó, canh tác trên đất ruộng loại này thường khó khăn vì không thể cày bừa dễ dàng như ruộng bậc thang hay ruộng nước ở đồng bằng. (BT) * Tất cả chú thích đề BT trong sách này là của người biên tập. 2. Thánh Thiên không những là một đại công thần khai quốc mà còn là một tướng

lĩnh cao cấp đã được Hai Bà Trưng giao phó những trọng trách trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mã Viện. Truyền thuyết dân gian cho biết chính Thánh Thiên đã đánh tan quân Mã Viện ở Hợp Phố và sau đó đã dự trận Lãng Bạc với Hai Bà Trưng. Cũng có truyền thuyết nói Thánh Thiên đã chặn đánh quân Mã Viện ngay ở Quỷ Môn Quan (Lạng Sơn) khiến Mã Viện phải lui lại và tìm đường khác vào Âu Lạc. Nhân dân thời xưa đã dựng đền Nghè ở An Biên (Hải Phòng) để mãi mãi tưởng nhớ Lê Chân, người nữ anh hùng. Truyền trên soạn theo thần tích miếu thờ Thục nương ở xã Phương Lâu, huyện Phù Ninh, Vĩnh Phú. Thục nương được thờ ở Tiên La (Thái Bình), ở Phương Lâu và ở Đức Bác (tức Liệp Trang, huyện Lập Thạch). Ngày sinh thần là ngày mười lăm tháng tám năm Tân Sửu, ngày khánh hạ vào mồng mười tháng ba và ngày hóa thần là ngày mười tám tháng ba. Theo thần tích thời hậu Lê do Hàn Lâm Đông các Đại học sĩ Nguyễn Bính phụng soạn, và bản sao của dân Phương Lâu, có phụ lục các triều vua bao phong cho Thục nương thì Thục nương được phong thần lần lượt như sau: Thời Trưng vương, sắc phong: Bát Nạn đại tướng quân Trinh Thục công chúa. Thời vua Lê Thánh Tôn, sắc phong: Ý đức đoan trang Trinh Thục công chúa. Thời Minh Mạng nhà Nguyễn, sắc phong: Dục bảo trung hưng linh phù chi thần. Thời Khải Định nhà Nguyễn, sắc phong: Dục bảo trung hưng linh phù Thượng đẳng thần. Vào thời trước, trong các ngày lễ tưởng nhớ Thục nương tức Bát Nạn công chúa, ở Vĩnh Phú có bơi chải, hát Xoan, tức hát đúm, cổ đều bày trên mâm đan lót lá. Biện âm của Sưu. Việc nặng nhọc mà người dân phải làm trong thời phong kiến, thực dân. (BT) Nàng Nội và cha mẹ đều được thờ ở xã Minh Nông và xã Minh Phương, huyện Hạc Trì nay là thành phố Việt Trì. Ở đây còn có một cánh đồng có tên là Đồng Cô, nhân dân nói rằng đó là ruộng của Nàng Nội giao cho dân làng để thu hoa lợi thờ cúng cha mẹ nàng. Lê Thị Hoa người đạo Sơn Nam, huyện Thiên Bản (thuộc tỉnh Nam Hà), cha là Lê Thái và mẹ là Dương Thị Tạo. Nàng nổi lên chống giặc trả thù chồng ở quê mình. Sau khi thất bại, nàng không hề nản chí, lánh vào quận Cửu Chân, huyện Nga Sơn (Thanh Hóa) kiên trì xây dựng căn cứ, tập hợp lực lượng trong bảy năm để tiến theo Hai Bà Trưng đánh đổ ách thống trị ngoại tộc ngót hai trăm năm đè nặng lên dân Việt. Theo tài liệu Ty Văn hóa Thanh Hóa thì nơi mà Lê Thị Hoa tìm đến để khai khẩn đất hoang, chuẩn bị lực lượng khởi nghĩa ở Thanh Hóa là làng An Hội. Sau khi nhân dân ta giành lại được độc lập dân tộc và bà Trưng Trắc lên ngôi vua, bà Lê Thị Hoa cùng bốn con trở lại Nga Sơn để xây dựng vùng này thành một nơi dân cư đông đúc, trù phú và bà mất vào mùa xuân năm sau, ngày 25 tháng hai âm lịch. “Thiên Sứ” nói trong truyện trên thuộc tỉnh Thái Nguyên. Hồ Đề và Hồ Hác đều được thờ ở đền Nhà Bà và đình thôn Đông Cao, xã Tráng Việt, huyện Yên Lãng, tỉnh Vĩnh Phú Nơi Xuân nương gieo mình, theo truyền thuyết, hôm sau mỗi đùn lên thành gò, nhân dân gọi đấy là mộ Xuân nương. Năm ngày sau khi Xuân nương tử tiết, ngày hai mươi tháng hai, đồn trại Hương Nha bị giặc phá, các thần quan đều tử tiết. Châu Đại Man gồm các miền rừng núi đồng bãi thuộc các huyện Tam Nông, Thanh Thủy, Thanh Sơn, Cẩm Khê. Dọc đường quốc lộ từ bến đò Ngọc Tháp (Phú Thọ) tới bến Trung Hà, các xã Hương Nha, Vực Trường, Thanh Uyên, Tam Cường, Cổ Tiết, Hương Nộn đều có thờ Xuân nương. Theo các cu ở địa phương thì các đền miếu này xây dựng trên dấu máu những nơi nàng Xuân đánh với Mã Viện trong trận cuối cùng của đời nàng. Chùa ở Hương Nộn nói trong truyền thuyết trên là chùa Khánh Long tự dựng ở mỏm cao bên sông Thao gọi là Phác Sơn, thuộc xã Hương Nộn trước gọi là hương Tuế Phong, cũng gọi là Kẻ Xoan. Các xã Thanh Uyên (gồm Tiền Áo, Giá Áo, Nam Cường), Tam Cường và Hương Nha là khu vực chiến trường Xuân nương và Thi Bằng đánh với quân Hán. Miếu thờ Xuân nương ở Hương Nha có hai đôi câu đối như sau: 1 - “Yếu điệu phù Trưng trung quán nhật Quật cường cự Hán tiết lăng sương” (Đại ý: Người yếu điệu phù vua Trưng, lòng trung tranh sáng với mặt trời. Quật cường cự với giặc Hán, khí tiết thắng cả thời gian). 2 - “Anh kiệt vô song, vạn cổ thanh danh lưu nữ sử Quân thần câu hóa, nhất không trung nghĩa tối thanh thiên” (Đại ý: Anh kiệt không hai, danh tiếng ngàn đời lưu vào sử sách những người con gái. Vua tôi cùng mất, lòng trung nghĩa làm trời xanh vàng vặc cũng không bằng). Nói riêng về tục lệ cầu tế ở xã Hương Nha: mọi lễ dâng Xuân nương đều làm cỗ chay, có bánh dày, mật mía và củ mài. Các lễ tế mười vị thần quan và quân sĩ đều mổ trâu, nồi da nấu thịt, cỗ bày trên mâm tre đan lót lá chuối, lá ngổa, lá ngô đồng. Ngày tiệc, mở hội ở bến Lão Châu tức bến Đông, có trò trình nghề (rước các nghề nghiệp), cày bừa, té nước vào nhau (diễn xướng lễ nghi nông nghiệp) hái dâu, bán kén, chọi gà, đánh vật, kéo quân, trai gái hát đối đáp. Xã

Quang Húc ở đầu con sông Bứa (còn có tên là sông Mỹ Giang) có miếu Cây Quân thờ nàng Quỳnh và miếu Cây Sấu thờ nàng Quế. Núi Bứa trong truyền thuyết trên, nay có tên là núi Nàng hời Nàng hời, có thuyết cho rằng vì hai nàng mất trên núi nên núi có tên như vậy, với ý nghĩa là nhân dân than khóc hai nàng. Nguyệt Điện Đàm Ngọc Nga là người con gái bất khuất của sông Đà đã cùng với nhân dân khởi nghĩa ở hữu ngạn sông vùng huyện Thanh Thủy và một phần Thanh Sơn (thuộc tỉnh Vĩnh Phú) mà nơi căn cứ là các xã Tu Vũ, Yên Mao (Thanh Thủy) và Yên Sơn, Yên Lương (Thanh Sơn). Các hang động nói trong chuyện kể trên nay là Hang Pheo ở Yên Sơn chứa được hàng trăm người và các hang Tôm, hang Cá, hang Lợn, hang Gà, hang Trâu... ở xã Yên Lương. Nơi Nguyệt Điện xây dựng đồn trại ở đầu sông Cháy theo lệnh Hai Bà Trưng thuộc xã Tây Cốc và xã Ngọc Quan, huyện Đoan Hùng (Vĩnh Phú) và xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa (Vĩnh Phú), ở những nơi này còn dấu vết đồn trại bằng đá tương truyền của Nguyệt Điện xây dựng. Ở Tây Cốc có mồ Nguyệt Điện thuộc xóm Ca Đình đắp bằng đá. Ở nơi đồn trại này hiện còn dấu tích của những giếng đá mà theo truyền thuyết là của quân bà Nguyệt Điện đào để lấy nước ăn. Trên sườn núi Đầu thuộc Ca Đình (Tây Cốc) giáp Ngọc Quan bây giờ còn một nền đất và các tảng đá kê, tục truyền là vọng gác của khu đồn trại. Đình làng Cả Đình được xây dựng ngay trên mảnh đất mà các cụ truyền rằng đó là nơi Nguyệt Điện đặt trung dinh. Thần tích cho biết vua Trưng phong Đàm Ngọc Nga là: “Nguyệt Điện Tế thể công chúa”, vậy Nguyệt Điện là tước hiệu của Đàm Ngọc Nga. Thời Trần Nhân Tông, Nguyệt Điện được phong “Nguyệt Điện Tiên Nga công chúa, Huệ hòa gia hạnh uyển mị phu nhân”. Vua Lê Thái Tổ phong: “Nguyệt Điện Nga hoàng công chúa, Anh linh sắc chỉ trinh nhất từ đường phu nhân”. Ngày sinh: tháng hai ngày mười lăm. Ngày hóa: tháng năm ngày mồng năm. Trang Song Quan trong truyện Thiều Hoa này là xã Hiền Quan, huyện Tam Nông, Vĩnh Phú, có đền và miếu thờ Thiều Hoa và chùa Phúc Khánh là chùa làng cũng có thờ. Miếu Thiều Hoa dựng ngay bên bờ sông, theo truyền thuyết là nơi thuở chăn trâu, Thiều Hoa thường ngồi vá quần áo. Trong miếu, trên bàn thờ có bày một cái mũng sơn son thếp vàng trong có vài mụn giẻ rách tượng trưng cho thời niên thiếu khổ cực của Thiều Hoa. Hàng năm, trong các ngày hội làng kỉ niệm Thiều Hoa, dân đều tổ chức đánh phết, diễu quân để tưởng nhớ vị nữ anh hùng. Nhật Chiêu nơi Khâu Ni tu hành và khởi nghĩa nay là thôn Cự Ấp, xã Liên Châu, huyện Yên Lạc, thời Hậu Lê tên là Nhật Chiêu trang, thời Nguyễn đổi là Nhật Chiêu. Ở đây có đền thờ Khâu Ni công chúa, còn đạo sắc phong từ thời Đinh Tiên Hoàng. Tục truyền rằng khi Đinh Tiên Hoàng đi đánh sứ quân Kiều Công Hãn ở Phong Châu - Bạch Hạc, có nghỉ ở Huyền cổ tự, mộng thấy Khâu Ni hiện đến, xin âm phù và tự xưng là “Chuyển phàm tử Khâu Ni”. Sau khi dẹp xong các sứ quân, thống nhất đất nước, Đinh Tiên Hoàng phong cho Khâu Ni làm Thượng đẳng phúc thần, giao cho trang Nhật Chiêu làm hộ nhĩ giữ việc cúng tế. Lê Đại Hành năm Thiên Phúc phong “Công chúa huệ gia trinh phục phu nhân”. Lê Thái Tổ cũng có sắc phong, cho kiêng bốn chữ “A nương Khâu Ni”. Khi vua Trần Thái Tông đánh giặc Nguyên ở sông Lô, nói là được Khâu Ni báo mộng âm phù nên sau cũng phong cho Khâu Ni. Cầu sinh ngày mười lăm tháng hai, bàn trên cỗ chay. Cầu hóa ngày mười tháng chạp, bàn trên cỗ chay. Kiêng mặc quần áo màu vàng đỏ khi hành lễ vì khi ra quân Khâu Ni mặc y phục vàng đỏ. Các ngày cầu tế nói trên có tiệc trâu thui cả con, dân làng và người qua đường không phân già trẻ, lớn bé, mỗi người một dao xẻo thịt ăn ngay tại chỗ. Ngày mồng sáu tháng giêng có tục cướp cầu, cướp cò, bơi trải. Vĩnh Hoa công chúa được thờ ở đình Nghênh Tiên, xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc. Tiên Nha trang nói trong truyền thuyết trên chính là Nghênh Tiên, có thể gồm thêm một số thôn lân cận. Vua Lê Đại Hành phong là “Vĩnh Hoa nương linh hiển nữ quốc công chúa”, lại phong là “Hằng Nga uyển mị trinh thực phu nhân tôn thần”. Lê Thái Tổ (Lê Lợi) phong là “Đức hạnh đoan trang trinh tiết phu nhân”. Trang Lũng Ngòi, Gò May và Đàm Luân thuộc xã Lũng Hòa, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phú, có thể thời Lê Ngọc Trinh căn cứ Đàm Luân còn gồm cả xã Bồ Sao. Khu căn cứ này nằm ở gần cầu Việt Trì, ngã ba Bạch Hạc, mé Hà Nội về và đường quốc lộ 2 chạy qua xã ngày nay. Nhân dân địa phương thờ Lê Ngọc Trinh với lòng tưởng nhớ anh hùng ở miếu Lũng Ngòi, đình Lũng Ngòi và đình Hòa Loan. Trong các ngày cầu tế có tục hú đáo, kéo co mang tính chất kỷ niệm dựa theo truyền thuyết. Hú đáo thôn Lũng Ngòi (hay Lũng Ngoại): trai gái lấy đá ném vào một cái cọc chôn cách mười bước chân, cứ trúng cọc là được. Kéo co, trai gái chia làm hai phe thi nhau kéo co bằng một chiếc dây song. Các cụ nói rằng hú đáo và kéo co ở đây không phải là trò chơi hội làng mà là để nhắc lại

kỳ tích anh hùng của Ngọc Trinh nương, khi nương bị vây hãm lấy dải yếm bọc đá để đánh giặc. Sau hòn đá rơi về địa phận Lũng Ngòi nên Lũng Ngòi hú đáo còn dải yếm bay về địa phận Hòa Loan nên Hòa Loan kéo co. Thiết lĩnh (鐵領) là một binh khí cổ truyền, thuộc loại binh khí cán dài, phơi thai từ dụng cụ nông nghiệp để đập lúa. Đó là loại côn nhị khúc đặc thù của người Việt, có một khúc dài và một khúc ngắn nối liền nhau bằng dây thừng hoặc xích sắt. (BT) Thần tích xã Văn Lang, huyện Hạ Hòa, Vĩnh Phú chép rằng sau trận hạ thành Luy Lâu, hai chị em Lê Thị Lan, Lê Anh Tuấn được phong ấp ở Đường Lâm và có trở lại trang Văn Lang rồi cả hai đều mất ở đó vào ngày hai mươi lăm tháng tám âm lịch. Núi non địa thế miêu tả trong trận trên, được kể lại theo truyền thuyết địa phương. Dãy núi này là nơi ba huyện Hạ Hòa, Cẩm Khê, Yên Lập tiếp giáp nhau, và ngọn núi cao nhất có Ao Giời sau này được đặt tên là núi An. Theo lời các cụ, nàng Lê Thị Lan đã mất ở đó. Các địa hình và địa danh Ao Giời, Tiên mẹ Tiên con, khe Nước chồi, Đồng thóc, Đồng phì nhiều đều là có thật. Ở đây chúng tôi ngờ rằng, chữ “Phật” (佛) trong tên “Phật Nguyệt” được ghép từ bộ “Nhân đứng” (亻) trong chữ “Đình” (亻) họ của ông và chữ “Phất” (弗) trong chữ “Phí” (費) (?) họ của bà. (BT) Phật Nguyệt công chúa là một người con gái anh hùng của sông Thao, vì bất bình trước cảnh lầm than của nhân dân mà tuốt gươm đứng dậy, kiên trì mưu trí, thu phục được hào kiệt, tuổi trẻ gánh việc lớn, làm nên được công nghiệp hiển hách, nêu cao chủ nghĩa anh hùng của dân tộc ta hồi đầu Công nguyên. Phật Nguyệt được thờ ở các xã Thanh Vân, Phương Lĩnh thuộc huyện Thanh Ba, Vĩnh Phú. Đền thờ Phật Nguyệt ở Phương Lĩnh có đôi câu đối: “Tích trù Động Đình uy trấn Hán Phương lưu thanh sử lực phù Trung”. Nghĩa: “Sự tích hiển hách còn lưu ở Động Đình, uy trấn nhà Hán. Danh thơm lưu truyền sử xanh, sức mạnh phù vua Trung”. Viết theo tài liệu của Vũ Tuấn Sán. Vũ Tuấn Sán có dịch thơ cổ và câu đối để vịnh Phương Dung, Đào Kỳ, xin được giới thiệu như sau: “Sinh vi tướng, tử vi thần Vạn cổ cương thường hệ thử thân Loa địa song đôi thu nguyệt ảnh Anh hùng liệt nữ tướng quân phần”. Dịch: “Sống làm tướng giỏi, chết làm thần Muôn thuở cương thường nặng tấm thân Đôi nắm thành Loa trăng chiếu sáng Hào kiệt anh thư mộ tướng quân”. Câu đối: “Vĩ lý Phục Ba thi, loan giá lâm lưu không ảm hận. Bất li Tiên Trấn giáp, Loa thành quy mã thương trì thanh”. Dịch: “Chưa bọc xác Phục Ba, sống cảnh xa loan còn vang uất hận. Chẳng rời giáp Tiên Trấn, ngựa về thành Ốc vẫn vọng âm thanh”. Đôi vợ chồng anh hùng Hùng Bảo – Trần Nang được các triều đại trước kia phong là “thượng đẳng thần”, được thờ ở Toàn Liệt (xã Tự Lập, huyện Yên Lãng, Vĩnh Phú), và ở Thái Lai (xã Tiến Thịnh, Yên Lãng). Thái Lai còn thờ cả ông Trần Hậu là cha nàng Trần Nang vì đây là nơi Trần Hậu được chôn cất tại Vườn Quàn. Theo thần tích nàng Quốc ở đình Hoàng Xá, xã Kiều Ky, huyện Gia Lâm (ngoại thành Hà Nội) thì mẹ nàng Quốc họ Đào, quê ở Kiệt Đặc, Chí Linh, Hải Hưng, tu ở núi Thiên Thai, trang Đông Cửu, huyện Gia Bình (huyện Gia Hưng, Hà Bắc). Cũng thần tích này nói rằng nàng Quốc sinh ra dưới một gốc đào khu Hoàng Xá, trang Hạ Tổn (thuộc xã Kiều Ky). Vật trang sức hình cái nắp có đính những tua màu đẹp hoặc chòm lông dài. (BT) Tam nương, Tuấn công và An Bình Lý đều được thờ ở đình Quất Lưu, huyện Bình Xuyên, Vĩnh Phú, các vị đầu mục cũng được thờ ở hạ ban. Đình Quất Lưu có câu đối ghi lại công đức các anh hùng như sau: “Hộ quốc tiêm cừ, tam noãn linh thần tam tác tướng. Xả sinh thủ nghĩa, lục trùng dũng sĩ lục thành nhân” (Giúp nước rửa thù, ba vị linh thần cùng sinh làm tướng. Quên mình giữ nghĩa, sáu trang tráng sĩ nay đã nên danh). Trên thượng ban có đôi câu đối: “Trương Vương tả quân tướng – Lê gia thứ phúc thần”. Hội đình Quất Lưu được tổ chức vào ngày mười tháng giêng, lễ có đánh vật và thi mười bốn thứ bánh nếp; ngày mười hai tháng mười một tiệc kỵ nhật, tục hèm có bún và cá kho. Theo các cụ, huyện Tam Dương trong truyện Tam nương gồm huyện Bình Xuyên và một phần đất đai các huyện Vĩnh Tường và Yên Lạc (Vĩnh Phú). Quý Lan được thờ phụng hương khói với lòng tưởng nhớ anh hùng ở xã Liên Sơn, huyện Lập Thạch, Vĩnh Phú. Đó chính là trang Tinh Luyện, nơi nàng đã sinh ra và đã hy sinh oanh liệt. Quý Lan được thờ ở các miếu Khuôn, Đáp, Cầu, đỉnh Thần Sơn. Nơi Quý Lan tắm trước khi lên núi, theo các cụ, là con suối Mả Mèo. Ngọn núi mà Quý Lan tử tiết sau được đặt tên là núi Nái, cũng gọi là núi Mồ. Quý Lan cũng còn được nhân dân địa phương gọi là Nái Sơn công chúa. Theo thần tích, Quý Lan sinh ngày mồng mười tháng hai âm lịch và mất ngày mười bốn tháng bảy âm lịch. Ở xã Hương Nộn, ngày cầu Xuân nương, các phường xoan Kim Đức và An Thái (Phù Ninh) sang hát chầu theo tục lệ, hát từ chập tối tới gà gáy sáng và liền trong ba ngày. Trong các buổi hát thờ ấy, trước bàn thờ

Xuân nương có sáu người con gái xinh đẹp chưa chồng, mặc quần áo xanh đỏ, chít khăn chéo hai bên sườn, cầm kiếm và hộp trầu, đứng nghiêm suốt buổi lễ. Miếu Hương Nộn cho tới kháng chiến chống Pháp còn một bức tranh thờ vẽ Xuân nương ngồi giữa, sau lưng có sáu nữ tốt cầm kiếm đứng hầu, xung quanh là cây cảnh và các nam binh nữ tốt. Tranh ấy nay đã mất. Dân địa phương kiêng tiếng Xuân, tiếng ả, tiếng nương, và các tiếng Hiền, Hoa là tên mẹ Xuân nương, tiếng Sát là tên cha Xuân nương. Theo thần tích ở Hương Nha, khi quan thái thú Lê Thiện là tướng của vua Lê Thái Tổ (Lê Lợi) đem quân đánh giặc Minh có qua đây, đêm mộng thấy Xuân nương hiện lên cho biết sẽ âm phù cho nghĩa quân thắng giặc. Sau khi lên ngôi, vua Lê Thái Tổ có sắc phong cho Xuân nương là “Đệ bát vị Đông cung công chúa Xuân nương”, phong các thập bộ thần quan là đại vương, giao cho dân sở tại tu sửa đền miếu hương khói đời đời. Phong Xuân nương là “Đệ bát vị” vì nàng là con thứ tám. Niên hiệu Thiệu Bảo. Các năm trong ngoặc đơn của sách này chỉ thời gian tại vị của các vị vua. Cuốn sách biên chép nhiều tư liệu lịch sử, tham khảo ở các nguồn khác nhau, nên có một số điểm chưa đồng nhất. Người biên tập sử dụng Khâm định việt sử thông giám cương mục (Quốc Sử Quán), Lịch triều hiến chương loại chí (Phan Huy Chú), Việt Nam sử lược (Trần Trọng Kim)... làm tư liệu đối chiếu. Về bản chữ Hán, do chất lượng bản gốc không thực sự tốt, chúng tôi đã hết sức cố gắng đảm bảo độ chính xác nhất có thể và có tham khảo đối chiếu với nhiều tài liệu khác. Tài sơ học lậu, khó tránh khỏi sai sót, rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc gần xa. Chú thích trong sách này là của người biên tập, ngoại trừ một vài chú thích có dấu (*) là của sách gốc. Thô kệch. Sách gốc chép là “Nam di”, đối chiếu với bản chữ Hán thì là “Man di”. Nghe phong phanh, nghe đồn. Sách gốc chép là “Vũ thị”, nhưng ở đây đang nói về Cù thị. Đối chiếu với bản chữ Hán thì chữ ở đây đúng là “Cù thị”. Sách gốc chép là “Triệu Khuông Dân”. Giao phó trọng trách quân sự. Vốn, vẫn. Nhậm chức. Bảo vệ. Đầu đuôi của sự việc. Hay Phạm Cự Lượng Sách gốc chép là “Lý Nhược Khuết”, đối chiếu lại bản chữ Hán thì là “Lý Nhược”. Trao trả. Sách gốc chép là 1018-1225 Sách gốc chép là 1034-1078. Sách gốc chép là 1068-1078. Sách gốc chép là Lưu Gi. Người xem xét việc công tại địa phương, thời xưa. Sách gốc chép là 1048. Sách gốc chép 1133-1175. Sách gốc chép là “Tổng Hiến Tông”. Trong sử sách Tàu, đời nhà Tống không có miếu hiệu Tống Hiến Tông, trước đó có nói đến năm Giáp Thân (1164) thì phù hợp với đời Tống Hiếu Tông (1162-1189). Sách gốc chép là 1040-1225. Sách gốc chép là Ngột Lường Hợp Thai (Vouleangotai). Hốt Tất Liệt Sách gốc chép là “Bách lạc thiên”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Bạch lạc thiên”. Sách gốc chép là “Giáng châu long”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Giang châu long”. Ấch tắc. Sách gốc chép là “Nguyễn Hạnh Thông”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Nguyễn Mạnh Thông”. Sách gốc chép là “Nguyễn Đại Pháp”. Sách gốc chép là 1364. Sách gốc chép là Hồ Hán Thương. Sách gốc chép là “Lê Cảnh Tuấn”, đối chiếu bản chữ Hán và một số tài liệu khác thì là “Lê Cảnh Tuân”. Sách gốc chép là Thân Báo Tư. Sách gốc chép là Trần Khoang, đối chiếu lại bản chữ Hán thì là Trần Khang. Sách gốc chép là “Yến Kinh”. Ở đây chính xác gọi là “Yên Kinh” là một tên phổ biến khác không chính thức của Bắc Kinh, Trung Quốc. Về tên thật của Trần Thiêm Bình, sử sách đề cập khác nhau. Theo Đại Việt sử ký toàn thư, Thiêm Bình có tên là Nguyễn Khang, Khâm định Việt sử thông giám cương mục thì ghi Thiêm Bình vốn có tên là Trần Khang. Sách gốc chép là “Lê Trân”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Lê Vận”. Sách gốc chép là Lương Như Hốt. Dung. Năm Ất Ty (1425) vua Minh Nhân Tông mất. (*) Quý thị là quan đại phu nước Lỗ đời Xuân thu. Chuyên Du là một nước phụ thuộc của nước Lỗ. Câu này là mượn lời của đức Khổng Tử, ý nói triều đình nhà Minh cứ để ý vào việc viễn chinh không lo nội trị, khéo mà họa biến lại xảy ra ngay bên kề vách như là việc Cao Hư làm phản cũng chưa biết chừng. (*) Sử ký: Vương Thông lấy chuông Quy Điền, vạc Phổ Minh, hủy đi để đúc súng đạn, lại đắp cao thêm lũy thành Đông Quan, đào hào, đóng cọc. (*) Đinh Mùi. Ai Nam quan, nay là Hữu Nghi Quan. Thất phu. Minh Thái Tổ lúc mới khởi binh, dựng nước là nước Ngô. (*) Bấy giờ hậu chúa nhà Nguyên còn giữ ở phía Bắc, đặt niên hiệu là Thiên Nguyên. (*) Lưu Bị Chiêu Liệt đế nhà Thục Hán. Khi ấy vua Lê Lợi tạm lập Trần Cảo lên ngôi, tự xưng là con cháu nhà Trần. (*) Sách Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú nói có một người vàng. (*) Sách gốc chép là Chinh lược. Nước Lào. Bàng nhãn. Kỷ Mùi. Cầu mưa. Bản chữ Hán chép là 9 lạng. Bản chữ Hán chép là một đôi hạc bằng bạc. Sách gốc chép là 1570-1620. Sách gốc chép là Nguyễn Nhân Thiêm. Sách gốc chép là “Triều Khánh thuộc Quảng Tây”. Ở đây có sự nhầm lẫn về địa danh. Theo sử sách Tàu, năm

1644, quân Thanh tiến vào quan nội, triều thần nhà Minh dời xuống phía Nam. Minh Quế Vương Chu Do Lang cháu Minh Thần Tông xưng đế tại đất Triệu Khánh, Quảng Đông, lấy niên hiệu là Vĩnh Lịch, tại vị 16 năm (1646-1662). Sau này, nhà Thanh truy đuổi gắt gao, ông chạy sang Miến Điện, nhưng rồi vẫn bị Ngô Tam Quế bắt được và xử tử tại Côn Minh. Sách gốc chép là “Trịnh Trang”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Trịnh Tráng”. Sách gốc chép là 1781-1788. Sách gốc chép là 1662-1622. Loại vải trắng mịn, khổ rộng. Hiện có nhiều tài liệu ghi chép khác nhau về thời gian vua Quang Trung lên ngôi. Theo Đại Nam chính biên liệt truyện là ngày 25 tháng 11 năm Mậu Thân (1788); Hoàng Lê nhất thống chí (Ngô Gia Văn Phái) là ngày ngày 25 tháng chạp năm Mậu Thân (1788). Sách gốc chép là “Kiền Long”. Trong cuốn sách này sử dụng song song cả hai tên gọi Kiền Long và Càn Long, để thuận tiện cho tra cứu chúng tôi mạn phép được đổi thống nhất là “Càn Long”. Có thể là Trịnh Bồng. Vua Lê Hiến Tông (1740-1786) mất ngày 17 tháng 7 năm Bính Ngọ (1786). (*) Chuốc. Hay Ngô Văn Sở, một danh tướng nhà Tây Sơn. Sách gốc chép là “Hắc Thiệu Tông”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Hách Thiệu Tông”. Nguyên văn chép là sông Phú Lương. (*) Ra lệnh, răn đe. Quá quắt. Vùng biên giới. Bản gốc chép là “Đặng Văn Chấn”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Đặng Văn Chân”. Voi đực. Nguyên nhân, lý do. (Hay khúc nôi, khúc nhôi) nổi niềm khó nói, đầu đuôi sự việc. Gắn gũi. Sách gốc chép là “Vũ Văn Dung”. Có tài liệu chép là Chương Chấn võ quân. Sách gốc chép là “Hổ xá”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Hộ xá”, nghĩa là nơi tiếp rước, hộ tống. Sách gốc chép là “Lê Thân”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Lê Tuấn”. Sách gốc chép là “Nguyễn Tử Giản”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Nguyễn Tư Giản”. Có tài liệu chép là “Bùi Ân Niên”, tức Bùi Văn Di (1833-1895), còn gọi là Bùi Di, tự Ân Niên. Jules Patenôtre - Sứ thần Cộng hòa Pháp. Tài liệu khác chép là Trình Tuyên. (1) Nam Đế: lẽ ra phải dịch là “hoàng đế nước Nam” nhưng đây vì dịch thơ cốt giữ vần điệu nên tạm dịch là Vua Nam. Lý Thường Kiệt viết Nam đế là để khẳng định Nam đế đường đường sánh với Bắc đế (hoàng đế Trung Quốc). Người Việt dùng chữ vua để hỉ cả đế lẫn vương, nhưng theo cách viết của người Trung Quốc (mà xưa ta tiếp nhận) thì đế và vương khác nhau. Đế là ngôi cao nhất (thiên tử) và vương là bậc sau đế (chư hầu của thiên tử). (2) Nam Đế: lẽ ra phải dịch là “hoàng đế nước Nam” nhưng đây vì dịch thơ cốt giữ vần điệu nên tạm dịch là Vua Nam. Lý Thường Kiệt viết Nam đế là để khẳng định Nam đế đường đường sánh với Bắc đế (hoàng đế Trung Quốc). Người Việt dùng chữ vua để hỉ cả đế lẫn vương, nhưng theo cách viết của người Trung Quốc (mà xưa ta tiếp nhận) thì đế và vương khác nhau. Đế là ngôi cao nhất (thiên tử) và vương là bậc sau đế (chư hầu của thiên tử). 1. Là ăn cây trái, giống như cây xoài ở phía Nam nhưng trái nhỏ, khi chín thì chua hơn. 1. Thuyết nhà Phật gọi xá li là tinh túy do tinh khí tụ lại khi đốt xác, lửa không đốt cháy được nên gọi là bảo. Tương truyền người nào học Phật thành thì thân hóa như thế. (1) Lời sấm truyền bao giờ cũng chứa đầy sự bí hiểm, vì thế mà rất khó dịch, thậm chí, rất khó mà hiểu nổi. Trên đây chỉ là lời dịch đại để về ý mà thôi. (1) : Hòa – đao – mộc ghép lại, có âm Hán Việt là lê, đây chỉ họ Lê, chỉ ngôi vua của Lê Long Đĩnh. Rụng là rụng xuống, ý nói sẽ mất đi. (2) : Thập – bát – tử ghép lại có âm Hán Việt là lý, chỉ họ Lý. Chữ thành ngụ ý được dựng lên. Cả câu nói triều Lý sẽ được dựng lên. (3) : Đông – a ghép lại có âm Hán Việt là trần, chỉ họ Trần. Họ vốn có nguồn gốc từ Trung Quốc nên mới có hai chữ nhập địa. (4) : Cây lạ sẽ tái sinh ngụ ý rằng, sau cũng có triều Lê, song đó lại là một họ Lê hoàn toàn khác. (5) : Ý chỉ rằng sẽ có Thiên Tử. Xưa, người ta vẫn coi Thanh Hóa là Tây còn Thăng Long là Đông. (6) Xin vui lòng đọc thêm tập 51 giai thoại thời Lý (tập thứ hai của bộ Việt sử giai thoại) để rõ thêm những tích này. Bất cộng đới thiên: không đội trời chung. Ý nói đấm cho vài cú đấm. Ý nói muốn chém đầu. Người hải tần: (Những) người sống ven biển. Tương Dực Đế làm vua từ 1510 đến 1516, ngang đời Võ Tôn nhà Minh. Niên hiệu Hồng Thuận thứ 5, tây lịch 1514. Chữ Pháp. Binh khí xưa, mũi dài, cán nhọn, dùng để đâm. Một loại vũ khí trong thập bát ban võ nghệ. Giản theo như gốc tích ban đầu là một cây roi bằng tre hoặc cành gỗ, có chiều dài khoảng 60-70 cm. Về sau thì người ta còn dùng giản làm bằng kim loại. Bản gốc dùng ngôn ngữ biểu đạt phần nhiều khác với văn phạm hiện nay, người biên tập mạn phép thống nhất từ ngữ cho gần gũi với bạn đọc hiện nay. Rất mong nhận được ý kiến tích cực của bạn đọc gần xa. Búa, rìu to dùng để phá núi hoặc sử dụng như một loại binh khí cổ. Dứt lời. Cú vọ. Xào xạc. Lá cọ. Người đứng đầu vùng dân tộc Mường thời trước. Quay, xoay Suy yếu trước tác động bên ngoài. (từ cũ) người làm ruộng thuê. Dao quắm hình lưỡi liềm, lắp vào cán dài, dùng để cắt những vật

trên cao hoặc chữa cháy. Đồ dùng kim loại, nhọn đầu, xiên vào lòng vật gì để thăm dò. Vật có đầu nhọn hình cung phía trên bằng sắt hoặc tre, cắm vào một tấm gỗ để đánh bầy. Rên rầm. Nhà thờ, bãi đường. Dồn vào thế bắt buộc, ép buộc. Cách nhau. Chồm dậy trên hai chân với một sức hăng đột ngột do quá hoảng sợ. Gặp, đối diện. Vũ khí cổ, cán dài, đầu nhọn và cong như con rắn. Lạnh lẽ. Mỗi một Độc giả, bạn đọc. Có tài liệu chép bà sinh tại miền núi Quan Yên (hay Quan Yên), quận Cửu Chân (nay thuộc làng Quan Yên hay còn gọi là Yên Thôn, xã Đình Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa). Lịch sử vua Trung ở truyện Hai bà đánh giặc. (chú thích gốc) Bản gốc chép là “Sơn Tây”, ở đây có một sự nhầm lẫn, vùng nước Lỗ khi xưa nay thuộc tỉnh Sơn Đông Trung Quốc. Nay là huyện Thương Ngô tỉnh Quảng Tây Trung Quốc. Có tài liệu chép là Vu Dương. (từ cũ) Tài giỏi hơn người. Trần trọc. Phòng bên cạnh. Nến, sáp nến. Cất lên tiếng nhạc. Lớn. Lễ hai vợ chồng uống chung một chén rượu trong đêm tân hôn, theo phong tục thời trước. Loài cá mực, trong có thứ nước đen, dùng thứ ấy viết thành chữ, chỉ để lâu thời phai hết – cổ nhân gọi là “Ô tặc mực”. Chạm đến, cảm động đến. Câu này vốn ở trong Kinh Thi, nghĩa là: Lòng tôi chẳng phải chiều, cuốn lại được nào? Lòng tôi chẳng phải đá, chuyển đi được nào? Cái danh, cái đỉnh. Giọt nước của đồng hồ thời xưa. Đời Xuân Thu, Sở Tương vương đến núi Vu sơn du ngoạn. Một hôm nằm mơ gặp một thiếu nữ tuyệt sắc, rồi cùng chung chăn gối. Sau khi cùng giai nhân thỏa tình ân ái, nhà vua hỏi thì nàng ấy thưa rằng: - Thiếp là thần nữ núi Vu Sơn, qua chơi đất Cao Đường, vốn cùng nhà vua có tiền duyên, nay được gặp gỡ thật thỏa lòng mong ước. Thiếp có nhiệm vụ buổi mai làm mây, chiều làm mưa ở Dương Đài. Nói xong đoạn biến mất. Ngoảnh lại. Rốt cuộc. Tên đầy đủ là Sở Văn Vương, vua thứ 21 nước Sở, chữ hầu của nhà Chu trong lịch sử Trung Quốc. Ngây ngất. Âm khác của an ủi. Quan làm việc dưới quyền một quan lớn thời phong kiến. Tên khác của chim hồng hoàng. Biểu thị sự quý trọng. Hầu hạ và ngủ cùng. Kiệt kiệt, tài giỏi hơn người. Công lao. Giám sát, chỉ huy. Đánh đuổi, xua đuổi. Tên tự của Tào Tháo. Đề phòng, ngăn chặn sự tranh giành. Hay Tào A Man, tên hồi nhỏ của Tào Tháo. Bản đồ một vùng, một nước. Âm khác của soái, tướng chỉ huy quân đội thời phong kiến. (hay xảy) chợt, bỗng. Bằng lòng như thế. Có quan hệ mật thiết. Giả sử như. Đối lại. Một trong những kế trong Tam thập lục kế, được hiểu nôm na là ra tay trước để chiếm ưu thế, để đoạt lợi, để giành lấy chiến thắng trước khi đối phương kịp hành động. Đặt điều nói xấu. Rửa sạch mọi giận lớn. Phần mặt phẳng nhô ra ngoài hiên, xung quanh có lan can. Âm khác là bao lơn. Áo giáp có một miếng cứng đệm ngực. Tự hợp lại làm điều bất chính, nhưng ở đây là từ mang nghĩa tốt. Nhân chỗ trống, thừa lúc sơ hở. Duy trì cái cũ. Chẳng biết phải làm sao. Trần trọc. Nhánh quân. Quân do thám. Năm 201 sau Kỷ nguyên, tra lịch pháp thì nhằm năm Tân Tỵ, năm 210 mới là năm Canh Dần. Lòng chim trả. Ngà voi. Lệ chi là quả vải. Người cha đã khuất. Lời tuyên thệ. Viên chức sơ cấp thời phong kiến. Đơn vị hành chính thời trước. Tính kế lâu dài. Cũng nói giở giời, bày vẽ thêm. Công thần khai quốc nhà Hán trong lịch sử Trung Quốc. Chiều theo sự thương lượng, bàn bạc. Âm Hán Việt, ý nói kết thúc. Lời khuyên bảo. Nằm sóng suốt. Xuất xứ: kẻ sĩ ra làm quan hoặc lui về ở ẩn. Thăng tiến nhanh. Đề bạt, cất nhắc. Chứng cứ thực. Nơi giam hãm, ý ở đây là dùng kế để giam lỏng, giám sát. Hay đầm đờ (một dạng kết cấu trong xây dựng). Dụng cụ làm bằng ống tre nhỏ, đeo nhọn hai đầu để xóc lúa, rơm. (từ cũ) Cha mẹ. Chim cùng họ sáo, lông đen mượt, hai tai có vệt trắng, sau mắt có hai mẩu thịt vàng, bắt chước được tiếng người. Đồ đựng bằng sành, hình trụ, thân hơi phình, đáy lõm. Dụng cụ thời cũ dùng để đo lường chất hạt rời, phần mười của đấu, khoảng bằng một lít. Cách nói tắt, ý nói con cá sấu. (hay giầy) giẫm đi giẫm lại. Đắm. Ký thác, gửi gắm. (từ cũ) biểu thị ý nghi ngờ. Dòm ngó, nghe trộm. Thời kỳ xa xưa nhất trong lịch sử loài người. Từng đồng. Cẩn nhắc, dẫn đo. Thông báo. Khuyên. Ý nói đảng thuộc địa phương đứng ra khởi binh. Vậy nên. Lợi dụng việc công để mưu lợi. Người đầy tớ già. Nắm thật chặt, không buông. Cởi. Hai thích khách nổi tiếng bậc nhất thời Xuân Thu Chiến Quốc. Chặt bằng vật có lưỡi sắc. Hiệp. Vươn dài để với. Lấy nhàn để đối phó với mỗi một. Ngay thẳng, đứng đắn. Vật trước áo. Lầm bầm. Hướng ứng. Hay ro ró, ru rú. Cờ xí. Nói rõ quyết định, ý nghĩa của việc cần làm. Mưu sâu lo xa. Tự tập đông đảo. Quay lại. Có thù với nhau. Để lại, lưu lại lâu. Gậy lớn, hai đầu bằng nhau dùng làm khí giới. Nhô ra, thò ra. Dao quắm. Nơi canh gác đầu làng. Cây cùng họ dâu tằm, lá có răng cưa, cứng và sắc, thường trồng làm hàng rào. Phương ngữ, ý nói kém. Thiêu cháy đen thui. Người ở. Một loại vũ khí, dùng để bắn tên, gần giống nỏ. Nhẫn nhụi. Ôi! Hiền thê! ...Hiền thê hay ác phụ?! Ý nói quyền góp, ủng

hộ. Trận pháp trong binh pháp cổ đại Trung Quốc, còn có tên gọi là Ngũ hành trận. Nó dựa theo thể trận biến hóa của Ngũ hành (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ). Trận pháp dùng để tu luyện Bộ Liên Hoa. Chia làm hai loại lớn nhỏ. Tiểu Liên Hoa trận do 16 mộc nhân tạo thành, đại Liên Hoa Trận có 64 cái, sắp xếp theo bố cục bát quái. Cởi. Âm khác của trình. Dân binh miền núi. Thu nhận, nạp dụng. Chuyển giao lương thực. (từ cũ) người phụ nữ có tài. Đường dẫn nước hẹp và nông hoặc chỗ sâu nhất của dòng sông. Rúc vào. Cầu treo. Bình đựng rượu bằng sành, thân phình to, cổ dài. Đi chơi không có mục đích. Tức mộc khiên. Cầu phao. Tin báo thắng trận. Quân tuần tra để giữ gìn an ninh. Âm khác của bao vây. Đi một cách nhanh chóng. Dùng, sử dụng. Vua Bà Lê Hải. Tức Mê Linh. Đem gông cổ rồi áp giải đi. Ý là nên dùng mưu, không thể dùng sức. Khởi hành ngay trong ngày. Sấm nhanh không kịp bịt tai, xuất kỳ bất ý, hành động bất ngờ khiến đối phương không kịp trở tay. Quản Trọng, Nhạc Phi hai nhà quân sự nổi tiếng Trung Quốc. Lượm lúa nhỏ được buộc gọn lại. Con đỏ. Chết do giặc giết. Lấy yếu thắng mạnh, lấy nhu khắc cương, thật thật giả giả. Đi theo, theo về. Đường lui. Rầy rà, phiền phức. Lo lắng. Chặn đánh. Chạy trốn tìm đường thoát chết. Do dự, chưa quyết định dứt khoát. Đánh chặn ngang. Nay là làng Phú Điền, xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc tỉnh Thanh Hóa

Table of Contents

[Lời giới thiệu](#)
[Phần I Tỉnh đô vương](#)
[Phần II Đoan Nam Vương](#)
[I Ân năm Canh Tử\(1\)](#)
[II Loạn quân Tam Phủ](#)
[III Lầu Ngũ Long](#)
[IV Quán làng Hạ Lôi](#)
[TỦ SÁCH ALPHA DI SẢN](#)
[GÓC NHÌN SỬ VIỆT](#)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>